

**CỘI NGUỒN TRUYỀN THỪA
THIỀN THẤT KHAI THỊ LỤC**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

---oOo---

Tác giả: **NGUYỆT KHÊ - LAI QUẢ** Thiền Sư

CÔI NGUỒN TRUYỀN THÙA



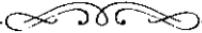
THIỀN THẤT KHAI THỊ LỰC

Dịch giả: **HT. THÍCH DUY LỰC**

(Tái bản thứ hai - có chỉnh sửa)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HÀ NỘI - PL.2558 - DL.2014



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ÁN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

thực hiện

Trụ sở: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Văn phòng giao dịch: Chùa PHỐ QUANG

64/3 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM

ĐT: (08) 3846 9721 - 3997 7100 - 0123 828 8338



LỜI DỊCH GIẢ

Quyển sách này rất có giá trị đối với người tham thiền, nhưng rất tiếc vì có ý kiến của người biên soạn (*Người biên soạn đây chỉ người sưu tập để xuất bản*) xen vào nên làm giảm giá trị quyển sách. Người biên soạn hình như không có tham thiền, đối với Phật Pháp cũng chưa được thông thạo, chỉ đem những tác phẩm như *Tham Thiền Tu Pháp*, *Nguyệt Khê Ngữ Lục*, *Phật Pháp Văn Đáp Lục*, *Đại Thừa Bát Tông Tu Pháp* của ngài Nguyệt Khê gom lại thành quyển sách này, trong đó lại thêm vào những lời của người giáo môn và ý kiến của tự mình, nghịch với ý chỉ của ngài Nguyệt Khê mà chẳng tự biết, mà người biên soạn chỉ biết giữ bản quyền – không cho người khác in lại, đối với văn tự trong sách, do người sắp chữ sấp lộn, có rất nhiều chỗ lời sai chữ trật cũng vẫn để y nguyên mà không dò lại và sửa cho kỹ.

Chúng tôi vì muốn giữ đúng ý chỉ của ngài Nguyệt Khê mà chẳng di hại cho người đọc nên lược bỏ phần nghịch với ý chỉ của tác giả và giảm bớt những lời trùng nhau.

Nguyệt Khê Thiền Sư đã tịch năm 1965, sách này được in năm 1971.

Cuối quyển sách này có một bài đề mục là *Nguyệt Khê Pháp Sư Cao Ngoa Xứ Bi Văn* (*Tiểu sử*), soạn năm 1971, soạn giả tự xưng là đệ tử Trí Viên, trong đó không đề cập đến sự viên tịch của ngài Nguyệt Khê, nên chúng tôi dịch thêm tiểu sử của ngài do Mục sư Vương Cảnh Khánh soạn. Dù chúng tôi giữ thái độ thận trọng trong việc phiên dịch quyển sách này, nhưng vẫn có thể còn nhiều chỗ sơ sót, xin độc giả hoan hỷ chỉ giáo cho.

THÍCH DUY LỰC

LỜI LUẬN TỔNG QUÁT

THẾ NÀO GỌI LÀ THIỀN?

I. ĐỊNH NGHĨA CỦA THIỀN

THIỀN NA là tiếng Ấn Độ, xưa dịch TƯ DUY TU, sau dịch TỊNH LỰ, gọi tắt là THIỀN.

Trước đời Phật Thích Ca, có ông Phất Đang La (*Nigranto Jnati Putra*) đã sáng lập giáo pháp Thiền Na, dùng khổ hạnh để tu luyện. Sau này Phật Thích Ca lập ra sáu thứ Ba La Mật, cái thứ năm cũng gọi là Thiền Na. Kỳ thực hai chữ THIỀN NA chỉ là một tên gọi thông thường về phương pháp tu luyện.

Ngôn giáo của Phật Thích Ca bắt cứ Đại Thừa, Tiểu Thừa đều lấy tu thiền làm chủ yếu. Các phái ngoại đạo mỗi mỗi đều tự lập pháp thiền của họ. Tên gọi dù đồng nhau nhưng tính chất nội dung mỗi mỗi chẳng đồng, như Mười Hai Tịnh Pháp Thiền của Phất Đang La, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiền của Bà La Môn đều khác; Nói về thiền của Phật Giáo như Lục Độ Thiền của Đại Thừa, Tứ Đế và Thập Nhị Nhân Duyên của Tiểu Thừa đều có khác

nhau. Còn Bất Lập Văn Tự Thiền của Tối Thượng Thừa gọi là “Giáo Ngoại Biệt Truyền” là do Phật Thích Ca đích thân truyền cho Ma Ha Ca Diếp, sau đó Bồ Đề Đạt Ma truyền vào Trung Quốc. Phái thiền này chỉ chú trọng phương pháp thực hành, chẳng lập văn tự lý luận, nên gọi là Thiền Tông, khác hẳn với các phái thiền kia.

Thiền Tông ở Trung Quốc từ đời Đường đến đời Tống rất thịnh vượng, truyền đến ngày nay vẫn còn phổ biến khắp nơi. Cho nên người ta nói đến hai chữ “Tham Thiền” đều chỉ pháp thiền của Thiền Tông này. Kỳ thật ở trong Phật giáo, từ Tiểu Thừa đến Đại Thừa, các tông các phái mỗi mỗi đều có pháp thiền riêng biệt, lý lẽ và phương pháp, trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hay tiêu cực mỗi phái mỗi khác. Xét theo lịch sử kể trên, chúng ta muốn lập ra một định nghĩa chính xác của chữ Thiền thật rất khó, nhưng quyển sách này chỉ sáng tỏ về pháp thiền của Tổ Đạt Ma truyền vào Trung Quốc, do đó chúng ta chỉ có thể dựa theo tông chỉ của Thiền Tông, giả thiết một định nghĩa cho chữ Thiền.

Theo pháp tu thông thường, đối với khái niệm của chữ Thiền là từ nhân đến quả, tức là từ nhân vị theo thứ lớp tu tập cho đến chứng quả thành Phật, đều là những phương pháp tiệm tu. Nhưng theo khái niệm của Thiền Tông thì chẳng phải vậy, vì đường

lối thực hành của Thiền Tông là pháp trực tiếp, ngay đó hiển thị quả Phật. Chư Tổ nói: “Thấy phải thấy ngay, suy nghĩ là sai”. Kỳ thật quả đã được rồi thì nhân cũng đồng thời giải quyết xong, nên gọi là Thiền Dốn Ngộ. Định nghĩa của Thiền Dốn Ngộ là “Chẳng lập văn tự, chỉ thảng tâm người, thấy tánh thành Phật”.

Tại sao phải chỉ thảng tâm người, chẳng lập văn tự? Vì văn tự là một tên gọi giả danh, phải qua suy nghĩ rồi mới có thể biểu hiện ra, nên chỉ là một việc gián tiếp; Còn bản thể của chơn tâm (*Cũng gọi là Tự Tánh*) là một sự thực tế rốt ráo, cảnh giới ấy chẳng thể dùng kinh nghiệm suy nghĩ mà đến được, vậy cách gián tiếp của ngôn ngữ văn tự, tự nhiên chẳng có cách để diễn tả. Cho nên Phật Thích Ca nói: “Ta thuyết pháp 49 năm, chưa từng thuyết một chữ”. Lại nói: “Kinh giáo liêu nghĩa như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy được mặt trăng thì biết ngón tay chẳng phải mặt trăng”. Thế thì ngôn ngữ văn tự là ngón tay để chỉ mặt trăng, nhưng ngón tay chẳng phải mặt trăng, chỉ là một việc gián tiếp, sự chỉ thị gián tiếp dù cũng là một phương pháp để đạt đến bản thể chơn tâm, nhưng chẳng bằng sự rốt ráo giản dị của chỉ thị trực tiếp. Lại, sự chỉ thị của ngôn tay (*Ngôn ngữ văn tự*) truyền đến đời sau, có người lại nhận lầm cho ngón tay là mặt trăng. Do

đó pháp thiền trực tiếp đốn ngộ của Thiền Tông bèn tùy nhu cầu thực tế mà ra đời, đồng thời phát triển rộng khắp mọi nơi. Dù nói chẳng lập văn tự, nhưng chẳng phải phế bỏ văn tự, giá trị của văn tự vẫn được chư Tổ của Thiền Tông chú trọng, cũng như Tổ Đạt Ma dùng *Kinh Lăng Già* để ấn chứng hậu học.

Thế Tôn ở nơi pháp hội Linh Sơn đưa lên cành hoa, cả chúng đều ngơ ngác, chỉ có ngài Ca Diếp mỉm cười. Thế Tôn nói: “Ta có Chánh Pháp Nhãm Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, Thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, chẳng lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, nay phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp”. Từ đó pháp thiền trực tiếp của Thiền Tông căn cứ theo việc này lấy tâm truyền tâm.

Phương pháp trực tiếp biểu thị Phật Tánh này, Phật Thích Ca đã dùng qua nhiều lần, cũng như Thế Tôn đem hạt châu Ma Ni Tùy Sắc hỏi Ngũ Phương Thiên Vương rằng:

- Hạt châu này màu gì?

Khi ấy Ngũ Phương Thiên Vương tùy sự thấy của mình đều trả lời màu sắc khác nhau. Thế Tôn giấu hạt châu rồi lại đưa tay hỏi tiếp:

- Hạt châu này màu gì?

Các Thiên Vương nói: “Trong tay Phật chẳng có hạt châu thì đâu còn màu gì!”.

Thế Tôn nói: Các ngươi sao mê muội điên đảo quá! Ta đem hạt châu thế gian cho xem thì nói có xanh, vàng, đỏ, trắng; Ta thị hiện hạt châu chơn thật thì chẳng biết gì cả!

Khi ấy Ngũ Phương Thiên Vương đều tự ngộ đạo.

Lại một hôm khác, ngoại đạo hỏi Thế Tôn:

- Không hỏi có lời, không hỏi chẳng lời.

Thế tôn im lặng giây lâu, ngoại đạo tán thán rằng:

- Thế Tôn đại từ đại bi, khai phá đát mây mê muội cho con, khiến con được ngộ nhập.

Nói xong đánh lẽ rồi ra đi. Ngài A Nan hỏi Phật:

- Ngoại đạo được lý lẽ gì mà tán thán?

Thế Tôn nói: Như con ngựa hay của thế gian, thấy bóng roi liền chạy nhanh.

Việc giấu hạt châu rồi đưa tay và sự im lặng giây lâu đều là phương pháp trực tiếp chỉ thị bản thể của chơn tâm, chẳng phải chỉ có một việc “Niêm Hoa Thị Chứng” mà thôi.

“Chẳng lập văn tự” chẳng phải tuyệt đối phế bỏ văn tự, nếu Phật Thích Ca phế bỏ văn tự thì Tam Tạng Giáo Điển từ đâu mà ra? Nếu Tổ Đạt Ma tuyệt đối phế bỏ văn tự thì chẳng nên dùng *Kinh Lăng Già* để ấn chứng hậu học. Thiền Tông nói chẳng lập văn tự, bất quá dùng để sáng tỏ phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp vốn là khác nhau mà thôi.

II. PHÁP THIỀN RA ĐỜI LÀ DO NHU CẦU TỰ NHIÊN CỦA LOÀI NGƯỜI

Loài người thời thượng cổ ngu mê ngoan cố, trí tuệ bị vô minh che khuất, linh tánh bị ngũ uẩn tam độc chi phổi, sống trong cuộc sống dã man, nhưng Phật tánh vốn viên mãn, giống như quặng thắt bửu ẩn giấu dưới đất, chỉ đợi người khai phá ra. Sau này trí thức mở mang, trước tiên đối với hiện tượng thế gian cảm thấy đủ thứ kỳ lạ và nghi hoặc, rồi sanh tâm tìm cầu bí mật của vũ trụ, hy vọng được giải thích cho rõ ràng. Kế đó trở lại tìm hiểu tự tâm, muốn truy cứu nguồn gốc của sự biến hóa chẳng ngừng, sau cùng mới được nhờ sức trí tuệ Bát Nhã, mong chứng nhập cùng tột rốt ráo của bản thể tự tánh để vượt ra ngoài sanh tử luân hồi, ấy gọi là việc minh tâm kiến tánh thành Phật vậy.

Ý nghĩa của hai chữ NHƯ LAI là bốn lai như thế, vì Phật Tánh và pháp Thiền vốn sẵn đầy đủ, khắp không gian và thời gian, diệu dụng vô biên, nên Phật Thích Ca thường dùng hai chữ NHƯ LAI để đại diện cho bản thể Phật Tánh và diệu dụng, nhưng chỉ có người đích thân chứng nhập mới được triệt để thấu rõ ý nghĩa của hai chữ Như Lai và giá trị chơn chánh của pháp thiền.

III. SỰ KHÁC BIỆT CỦA THIỀN HỌC VỚI HÌNH NHI THƯỢNG HỌC

Người ta thường hay nhận lầm Thiền Học tức là Hình Nhi Thượng Học của Triết Học Phương Tây, thật ra thì chẳng đúng. Bởi Hình nhi thượng học là một môn học để giải thích bản thể của vạn hữu, mà pháp thiền là phương pháp dùng để chứng nhập bản thể của vạn hữu. Hình nhi thượng học dù muốn giải thích bản thể của vạn hữu, nhưng vì bản thân của người nghiên cứu chưa chứng nhập bản thể, nên chẳng có cách nào chọn chính để nhận biết bản thể và giải đáp một cách đầy đủ triệt để. Thật tế bản thể này chẳng phải kinh nghiệm suy tư có thể đạt đến, như *Kinh Viên Giác* nói: “Dùng tâm suy tư để đo lường cảnh giới của Như Lai, như lấy lửa đom đóm đốt núi Tu Di thì làm sao cháy được!”.

Học giả phương Tây đối với vấn đề chơn thật siêu việt kinh nghiệm xưa nay chẳng có cách nào giải quyết, như các nhà triết học Emmanuel Kant (1724 – 1804) bèn cho trí thức năng lực của con người chỉ có thể nhận biết thế giới tương đối trong phạm vi cảm giác suy tư, đối với cái bản thể thế giới tuyệt đối siêu việt kinh nghiệm suy tư thì chẳng có cách nào nhận biết được, lại có người cho rằng việc này chẳng cần nghiên cứu nữa, rồi chuyển hướng hết lòng nghiên cứu khoa học. Nhưng đa số học giả vẫn cho là trong thế hệ Triết

Học chẳng thể thiếu sự nghiên cứu Hình Nhị Thượng Học, bất quá chẳng lấy bản thể tuyệt đối làm đối tượng nghiên cứu, chỉ lấy lý luận căn bản của sự vật để làm vấn đề nghiên cứu mà thôi. Cho nên trong Triết Học phương Tây chỉ có bản thể luận tương đối, chẳng có bản thể luận tuyệt đối.

Từ xưa nay trải qua mấy ngàn năm, học giả phương Tây đều hướng vào kinh nghiệm suy tư để làm công phu, chẳng những không được chứng nhập bản thể siêu việt kinh nghiệm suy tư, lại nghiên cứu sâu chừng nào thì xa lìa bản thể nhiều chừng nấy, nguyên do là thiếu một phương pháp chứng nhập bản thể.

Sự tham thiền chẳng phải trực giác, trực giác là do tác dụng của thần kinh bộ não, thần kinh bộ não chẳng thể biết được Phật Tánh. Các học giả phương Tây chỉ tùy theo kinh nghiệm trong vật chất, chọn cái nào căn bản nhất để làm nguồn gốc của vạn vật mà thôi.

Trong lúc nhà triết học Hy Lạp đang dùng kinh nghiệm suy tư để truy cứu nguồn gốc của vạn vật, thì Phật Thích Ca phát minh được phương pháp trực tiếp chứng nhập bản thể, siêu việt kinh nghiệm suy tư đã mấy ngàn năm. Cho nên pháp Thiền của Phật Thích Ca thật là một phát minh lớn nhất của loài người, giá trị ấy thật chẳng thể đong lường.

Từ khi Phật Thích Ca phát minh pháp thiền trực tiếp chứng nhập, người tu theo pháp này được kiến tánh thành Phật (*Chứng nhập bản thể*) đã vô số kể, chỉ nói về Trung Quốc, người được kiến tánh, được ghi trong các *Truyền Đăng Lục* đã hơn bảy ngàn người, còn những người đã kiến tánh mà chưa được ghi vào thì chẳng biết là bao.

IV. MUỐN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ BẢN THỂ CHỈ CÓ CÁCH THAM THIỀN

Bản thể tức là việc rất thực tế rốt ráo, nhà Phật gọi là Thật Tướng, cũng gọi Chơn Như Phật Tánh, tên gọi rất nhiều, đều tùy dụng lập danh, cái ý nghĩa của bản thể này với bản thể của nhà triết học phương Tây khác nhau, muốn chứng nhập bản thể, ngoài tham thiền chẳng có cách khác.

Nhà Triết Học phương Tây đối với vấn đề bản thể chỉ có một thái độ nghiên cứu để nhận biết, nhà Phật đối với chơn như Phật Tánh thì tỏ ra một thái độ thọ dụng thực tế. Vì người tham thiền một khi được chứng nhập bản thể tức kiến tánh thành Phật, ra khỏi sanh tử luân hồi, được sự thọ dụng lớn (*Tự do tự tại vĩnh viễn*), mục đích của người học Phật là vậy. Nên bất cứ tông phái nào trong Phật Giáo đều lấy pháp thiền làm căn bản, đồng thời căn cứ theo pháp thiền đó có thể khiến người kiến tánh hay không mà phân biệt cao thấp. Như Tiểu Thừa dứt

lục căn, phá ngã chấp mà lọt vào pháp chấp, Trung Thừa phá pháp chấp mà lọt vào không chấp, ấy đều chưa thể chứng nhập bản thể, chẳng thể kiến tánh thành Phật. Đại Thừa Bồ Tát phá không chấp (*Vô thi vô minh*) rồi đạt đến cảnh giới tuyệt đối của thật tướng. Phương pháp của Thiền Tông là chẳng nhờ tất cả kinh nghiệm lý luận để đạt đến, mà chỉ là một phương pháp trực tiếp chứng nhập, gọi là đốn ngộ thành Phật.



CỘI NGUỒN TRUYỀN THỬA

Tác giả: NGUYỆT KHÊ *Thiền Sư*

Dịch giả: THÍCH DUY LỰC

CHƯƠNG I

CỘI NGUỒN TRUYỀN THỬA

1. NGUỒN GỐC CỦA PHÁP THIỀN

Loài người từ nguyên thủy ngu dại ngoan cố, Phật Tánh Bát Nhã bị vô thi vô minh che khuất nên thân tâm hoạt động đều bị ngũ uẩn, tam độc chi phối, sống trong cuộc sống dã man, nhưng Phật Tánh vốn sẵn viên mãn chẳng thiếu sót, như ngọc quý ẩn trong phiến đá chỉ đợi người khai thác ra mà thôi. Sau này trí thức mở mang mới cảm thấy hiện tượng vũ trụ kỳ lạ, lại tôn sùng cho là thần linh; kế đó phát tâm truy cứu bí mật của vũ trụ. Ban đầu thì muốn nhờ bộ não lý giải để xác định qui tắc, sau này trở về tìm nội tâm muốn truy cứu chỗ nguồn gốc biến hóa. Những người trí huệ cao siêu thì muốn nhờ sức Bát Nhã để cầu chứng nhập chỗ cùng tột của bản thể, vượt ra ngoài sanh tử luân hồi, do đó pháp Thiền liền đáp ứng sự nhu cầu mà ra đời.

Cứu xét lịch sử tiến hóa của loài người, các dân tộc phương Đông và phương Tây, tổ tiên của họ đều

có sự nhu cầu như thế, đồng thời mỗi mỗi đều có sự phát hiện quý báu, chỉ vì hoàn cảnh trí huệ khác biệt, đường lối thực hành chẳng đồng. Nên được kết quả sai biệt cách xa như trời với đất. Các nhà tôn giáo phương Tây thì chú trọng linh cảm, nhà Triết Học thì tôn sùng khái niệm và trực giác, các phái Đạo Gia của Trung Quốc thì tọa vong, nhà Nho thì duy tinh duy nhất, thảy đều có mùi vị thiền.

Thiền Pháp của Bà La Môn Án Độ sáng lập trước hơn các nước khác, nhưng tất cả đều chưa lìa được tác dụng KIẾN, VĂN, GIÁC, TRI, nên chẳng có cách nào chứng nhập chỗ cùng tột của bản thể, từ xưa nay vẫn chịu sự luân hồi trong tam giới. Chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni phát minh được Thiền Pháp Bát Nhã và dùng nó để phá tan hầm sâu vô minh, triệt để chứng ngộ vào Vô dư Niết bàn, nên gọi là Kiến Tánh Thành Phật. Phật Thích Ca đặt tên pháp thiền này gọi là Pháp Bản Trụ, ý là tự nhiên bản trụ, chẳng do tạo tác mà có, và phủ nhận chẳng do tự mình phát minh.

Kinh Lăng Già nói: “Ví như người đang đi ngoài đồng, thấy có đường đi bằng phẳng liền theo đó vào thành, thọ dụng sự an lạc như ý. Xưa kia tất cả Phật đều đi đường này thì nay ta cũng đi theo mà thôi”.

Do đó mà xét thì biết pháp Thiền ra đời là do nhu cầu tự nhiên của loài người, trước khi chưa có

loài người, Phật Tánh đã sẵn sàng và pháp thiền cũng đã là bản trụ. Bao nhiêu Cổ Phật trước đời Phật Thích Ca đều nương theo đường này mà đạt đến chỗ chơn như rốt ráo, vô lượng chư Phật sau đời Phật Thích Ca cũng sẽ nương theo đường này đạt đến chỗ giác ngộ cuối cùng. Ngoài pháp này ra chẳng có pháp nào khác, nên đường lối này dù là sẵn có, nếu chẳng có Phật Thích Ca chỉ thị thì chúng sanh ắt phải quanh quẩn trong ngã rẽ mà quên việc trở về nhà.

2. PHÁP THIỀN CỦA PHẬT THÍCH CA

Trước đời Phật Thích Ca, các tông phái Bà La Môn Ấn Độ đều có pháp thiền tu hành của họ, phái danh tiếng nhất như: Mười hai tịnh pháp Thiền, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiền, đều là ngoại đạo dùng đó để tu được sanh cõi Trời.

Khi Phật Thích Ca mới xuất gia, từng tham học các thiện tri thức của Bà La Môn, đối với các pháp Thiền của họ đều chưa hài lòng, nên vào Tuyết Sơn tự tu. Ban sơ vẫn dùng Phi tưởng phi phi tưởng Thiền đoạn niệm dứt dục trải qua sáu năm chẳng kết quả gì, biết pháp thiền của Bà La Môn là sai, nên tắm gội, ăn uống lại rồi đến ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, dùng pháp Thiền Bát Nhã Tam Muội phản quán chiếu soi, trải qua 49 ngày liền chứng quả Phật, than rằng: “Lạ thay! Lạ thay! Tất cả chúng

sanh đều săn đú đức tướng trí huệ của Như Lai, nhưng chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà chẳng thể chứng đắc". Thích Ca sau khi thành Phật, muốn dùng sở chứng của Ngài khai thị cho chúng sanh khiến ngộ nhập tri kiến Phật, vì căn cơ chúng sanh muôn ngàn sai biệt, nên pháp của Như Lai thuyết cũng muôn ngàn sai khác, nói đại khái có thể chia làm bốn thừa: Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa và Tối Thượng Thừa. Tiểu Thừa tu thiền Tứ Đế, gọi là Thanh Văn thừa, Trung Thừa tu thiền Thập Nhị Nhân Duyên, gọi là Duyên Giác Thừa, Đại Thừa tu thiền Lục Độ, gọi là Bồ Tát Thừa. Tối Thượng Thừa là trực tiếp chỉ thị chơn như Phật Tánh, chỉ có người chứng nói với người chứng mới biết được, gọi là Nhất Phật Thừa, tức là pháp thiền "Niêm Hoa Thị Chứng"; cũng gọi là Giáo Ngoại Biệt Truyền vậy.

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Nếu có chúng sanh căn cơ thấp kém thì thuyết hạnh Thanh Văn cho họ, nếu căn cơ lanh lợi, ham Độc Giác thì thuyết đạo Duyên Giác cho họ; Nếu có người từ bi, ham lợi ích chúng sanh thì thuyết hạnh Bồ Tát cho họ, nếu có người tâm trí thù thắng thì chỉ ngay pháp Vô Thượng của Như Lai".

Phật Thích Ca dù giả thiết đủ thứ phương tiện để dẫn dắt chúng sanh, nhưng tông chỉ duy nhất chẳng ngoài một việc Kiến Tánh Thành Phật mà

thôi, nói vì một nhân duyên đại sự ra đời là vậy. Nên duy có pháp Thiền khiến chúng sanh đạt đến kiến tánh thành Phật, mới là sự phó chúc huệ mạng của chư Phật, chư Tổ.

Kinh Pháp Hoa nói: “Trong mươi phương quốc độ, duy có pháp Nhất Thừa, chẳng hai cũng chẳng ba, ngoài Phật thuyết phương tiện, chỉ dùng giả danh tự, dẫn dắt cho chúng sanh, nên nói trí huệ Phật. Chỉ một sự thật này, ngoài ra đều chẳng chơn”.

Khi Phật Thích Ca còn tại thế, các đệ tử đều lấy tu thiền làm cơ bản, sau khi Phật nhập diệt, do pháp thiền cao thấp thành có bốn thừa, nhưng đồng thời được các tông chú trọng. Thiền Tông độc lập thành một tông phái là bắt đầu từ Trung Quốc.

3. THIỀN TÔNG TRUYỀN TỪ SƠ TỔ CA DIẾP

Các pháp môn truyền dạy từ Phật Thích Ca đã có bốn thừa sai biệt, thì pháp thiền của họ tu bèn có trực tiếp và gián tiếp khác nhau như: Thế gian thiền, xuất thế gian thiền, xuất thế gian thượng thượng thiền, cho đến Ngũ chủng thiền, Lục chủng đại thiền v.v... Danh hiệu rất nhiều, có cách tu được kiến tánh, cũng có cách tu chỉ được sanh cõi Trời mà chẳng thể kiến tánh, nhưng đều chẳng xuất phát từ Thiền Tông Trung Quốc.

Dù nói Thiền Tông Trung Quốc, nhưng bắt đầu từ Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp, truyền đến Tổ thứ

28 là Bồ Đề Đạt Ma, truyền vào Trung Quốc làm Sơ Tổ, ấy là sự y cứ để kiến lập Thiền Tông. Sự tích của chư Tổ từng đời từng đời truyền xuống đều có ghi rõ trong Truyền Đăng Lục, độc giả muốn biết rõ thì hãy tự xem lấy, ở đây chẳng thể kể xiết.

4. PHÁP THIỀN TẠI TRUNG QUỐC TRƯỚC KHI TỔ ĐẠT MA CHƯA ĐẾN

Trước khi Tổ Đạt Ma chưa đến, các kinh Thiền đã truyền vào Trung Quốc rất nhiều. Hằng Đế đời Hậu Hán có Sa môn An Thế Cao thông suốt kinh luận, lại giỏi về pháp Thiền, đến thành phố Lạc Dương, dịch kinh hơn trăm bộ, trong đó có các kinh nói về pháp Thiền gồm: *Đại An Ban Thủ Ý Kinh hai quyển*, *Thiền Hạnh Pháp Tưởng Kinh một quyển*, *Đại Thập Nhị Môn Kinh một quyển*, *Tiểu Thập Nhị Môn Kinh một quyển*, *Thiền Hạnh Ba Mươi Bảy Phẩm Kinh một quyển*, *Thiền Định Phương Tiện Thứ Đệ Pháp Kinh một quyển*, *Thiền Pháp Kinh một quyển*.

Cuối đời nhà Hán, có cư sĩ Chi Khiêm người nước Nhục Chi đến Lạc Dương, dịch *Tu Hành Phương Tiện Kinh* hai quyển, *Thiền Bí Yếu Kinh* bốn quyển. Đời Tam Quốc có Khương Tăng Hội đến Dương Đô, dịch *Tọa Thiền Kinh* một quyển. Đời Tây Tấn có Sa môn Trúc Pháp Hộ dịch *Hữu Pháp Quán Kinh* một quyển, *Tu Hành Đạo Địa Kinh* bảy quyển. Đời Đông

Tán có Trúc Đàm Vô Lan dịch *Hữu Trị Thiền Pháp Kinh* một quyển; Lại có Phật Đà Bạt Đà đến Trường An chuyên hoằng pháp Thiền, sau ứng lời mời của Pháp sư Huệ Viễn ở Lư Sơn, dịch *Đạt Ma Da La Thiền Kinh* hai quyển, ngài Cưu Ma La Thập có dịch *Thiền Bí Yếu Pháp Kinh* ba quyển, *Tọa Thiền Tam Muội Kinh* hai quyển, *Thiền Pháp Yếu Giải* hai quyển, *Tư Duy Lược Yếu Pháp* một quyển v.v... Ngoài ra còn nhiều lăm chẵng thể kể xiết.

Các Kinh kể trên phần nhiều thuộc pháp thiền Tiểu Thừa, Trung Thừa, các Sư như An Thế Cao và Giác Hiền chuyên hoằng về pháp thiền Tiểu Thừa, Cưu Ma La Thập là người Đại Thừa mà dịch những thiền kinh chẵng giống Đại thừa, cho đến Đạt Ma Da La Thiền Kinh và Tọa Thiền Tam Muội Kinh xưa kia được xem là Đại Thừa Thiền, nhưng ở trong đó cũng xen vào thiền Trung Thừa và Tiểu Thừa. Đầu thứ pháp thiền kể trên gọi là Thiền Số Chi Học, khác hẳn với pháp thiền “Chẵng Lập Văn Tự” của Thiền Tông.

Thiền Số Chi Học là thiền tu tập theo thứ lớp, từ nhân đến quả, mà pháp thiền của Tổ Đạt Ma là chỉ thẵng bản tâm, đốn ngộ thành Phật, chẵng có giai cấp và thứ lớp. Người ta thấy đệ tử của ngài La Thập là Đạo Sanh có cái thuyết “Đốn Ngộ thành Phật”, bèn cho Thiền Tông xuất phát từ Cưu Ma La Thập, ấy là sai lầm.

Cùng thời với Tổ Đạt Ma có Bửu Chí Hòa Thượng, Bố Đại Sĩ, Hàn Sơn, Thập Đắc, Bố Đại Hòa Thượng, đều là người minh tâm kiến tánh, nhưng thừa kế thầy nào thì chẳng rõ, cơ duyên ngộ đạo cũng chẳng thể khảo cứu.

5. THIỀN TÔNG TRUYỀN TỪ TỔ ĐẠT MA

Trước khi Tổ Đạt Ma chưa đến, thiền pháp Trung Quốc phần nhiều thuộc Trung, Tiểu nhị Thừa, kẻ nghiên cứu giáo tướng về lối tu ngày càng phức tạp và chi ly, học giả ít được chứng ngộ. Khi Tổ Đạt Ma đến, chuyên truyền pháp môn tâm địa của Như Lai, pháp ấy giản dị trực tiếp, thấu thoát ra ngoài cương yếu của giáo môn, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Từ đó pháp thiền riêng mở một trạng thái mới lạ. Lúc ban sơ vì phương pháp cao siêu, ít người được khế ngộ, nên ngồi im lặng chín năm để đợi người đặng truyền thừa, về sau người tin ngày càng đông thêm, sự ảnh hưởng làm cho pháp thiền và giáo lý đã truyền từ xưa kia bị lay động, nên đã sáu lần bị đầu độc, nhưng pháp môn trực chỉ của Thiền Tông đã thay thế cho địa vị của pháp thiền cũ mà thịnh hành khắp Trung Quốc.

Xem qua lời vấn đáp của Tổ Đạt Ma đều là pháp trực tiếp chỉ thị Phật Tánh, thẳng vào cội nguồn bản thể. Trong *Truyền Đăng Lục* có ghi *Nhập Đạo Từ Hạnh* của Tổ dạy, cứu xét kỹ mới biết do người

khác giả mạo, so với ý nghĩa lời nói của ngài hoàn toàn khác hẳn. Như trong bài nói “Bỏ vọng về chơn”, “Im lặng ngó thảng vách tường”, “Dứt tưởng chẳng cầu, có cầu đều khổ, chẳng cầu mới vui”, “Chẳng có bốn xén đổi với thân mạng tiền tài, theo hạnh xả bỏ bố thí, tâm chẳng hối tiếc” v.v... Những lời này là lời dạy của Trung, Tiểu nhị thừa, so với lời “Quách nhiên vô thánh”, “Vô hữu công đức” của Tổ Đạt Ma thì ý chỉ tuyệt nhiên xa cách, trí thông với nghẽn đã phân biệt rõ ràng.

Thiền Tông sau khi ngộ đạo chẳng nhờ tu tập, nếu còn có tu thì chẳng phải triệt ngộ. Tổ Đạt Ma là bậc Thánh đã ngộ, đâu cần hướng vách tu thiền! Lại từ xưa nay chư Tổ của Thiền Tông đều phản đối sự lắng tâm tĩnh tọa, Lục Tổ nói: “Kẻ mê lắng tâm tĩnh tọa, trăm điều chẳng nghĩ, tự xưng là đại, bọn này chẳng thể dạy bảo, vì tà kiến đã sắn”. Lại nói: “Trụ tâm quán tịnh là bệnh chẳng phải thiền, ngồi lâu trói thân, có ích lợi gì!”.

Pháp Thiền của Tổ Đạt Ma phế bỏ văn tự, chỉ ngay thực tế, khiến người đốn ngộ cội nguồn, thảng chứng quả Phật, nên được quét sạch những tệ đoan phức tạp và chi ly, khiến Thiền học từ suy sụp trở thành thịnh vượng, thành một tông phái lớn. Ngài truyền Kinh Lăng Già để ấn tâm, và chư Tổ đời sau dùng hé, dùng gậy, dùng phẫn nộ chửi mắng, cho

đến dùng nhương mày chớp mắt để tiếp dẫn hậu học, với tông chỉ Lăng Già, niêm hoa thị chúng đều chẳng khác biệt.

Tổ Đạt Ma được tôn làm Sơ Tổ của Thiền Tông, truyền cho Nhị Tổ Huệ Khả, Tam Tổ Tăng Xán, Tư Tổ Đạo Tín, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, đến Lục Tổ Huệ Năng, môn đồ của Lục Tổ ngộ đạo rất nhiều, thiền phong đại thịnh. Tư Tổ có chi nhánh là Pháp Dung Thiền Sư ở núi Ngưu Đầu cũng rất thịnh vượng, người đời xưng là Ngưu Đầu Thiền, hành trạng và lời khai thị của chư Tổ đều có ghi trong Truyền Đăng Lục.

6. LỤC TỔ HUỆ NĂNG VỚI KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Tổ Đạt Ma truyền pháp thiền trực chỉ của Phật Thích Ca, đến Lục Tổ Huệ Năng được phát huy cùng tột, từ đó Thiền Tông được đại thành tựu. Lục Tổ vốn là một Sa Môn không biết chữ, nhưng trí huệ tuyệt đỉnh, phàm sở phát huy đều xuất phát từ biển giác của Như Lai, trực tiếp rốt ráo, cắt đứt tất cả dây dưa, trừ bỏ tất cả sai lầm, rất là thân thiết, rất là thấu triệt.

Trước kia trong Phật Giáo đối với lý đốn tiệm của Pháp Thân Tự Tánh, phần nhiều kẹt nơi văn tự. Lục Tổ trực tiếp chỉ ra, như thổi tan mây mù mà bỗng hiện trong sáng, chẳng còn một hạt bụi để ngăn cách, do đó Thiền Tông truyền bá rất rộng,

người được lợi ích rất nhiều, cho đến kẻ cu ly hạ tiện, bà già tay bưng vai gánh rêu rao mua bán ngoài đường đều biết tham thiền, đều được ngộ đạo. Từ lúc ấy, người minh tâm kiến tánh chẳng thể kể xiết, thật là việc hưng thịnh xưa nay chưa từng có.

Bản sắc “Chẳng lập văn tự” của Thiền Tông từ Sơ Tổ đến Ngũ Tổ Hoằng Nhãm, những lời dạy bảo truyền thừa rất ít, đến Lục Tổ Huệ Năng mới có *Kinh Pháp Bảo Đàm* ra đời, pháp Thiền của Tổ Đạt Ma tới đây mới được hiển bày. Lý đạo phát huy trong *Kinh Pháp Bảo Đàm* hoàn toàn xuất phát từ tự tánh, mỗi lời mỗi chữ đều chẳng lìa tự tánh, bởi vì sau khi chứng ngộ thì trong tâm thất thông bát đát, tùy tiện đem ra đều là tự tánh.

Pháp của Lục Tổ nói là “Trì tự tánh giới, phát tự tánh nguyên, nhờ tự tánh lực, độ tự tánh chúng sanh, quy y tự tánh Phật”. Lục Tổ nói: “Thiện tri thức, nơi niệm niệm tự thấy bản tánh trong sạch, tự tu, tự hành, tự thành Phật đạo”. Lại nói: “Pháp sở thuyết của ta chẳng lìa tự tánh, nếu lìa bản thể thuyết pháp gọi là tướng thuyết, làm cho tự tánh thường mê. Phải biết tất cả vạn pháp đều từ tự tánh khởi dụng, ấy là Giới, Định, Huệ chơn thật”.

Thiền Tông lấy Niết Bàn Diệu Tâm làm Bản Thể. Niết Bàn Diệu Tâm tức là Lục Tổ nói “Bản nguyên tự tánh”, vậy *Kinh Pháp Bảo Đàm* nói: “Nếu

khởi quán chiếu chơn chánh Bát Nhã, trong một sát na vọng niệm đều diệt. Nếu biết Tự Tánh, hễ ngộ liền đến địa vị Phật. Thiện tri thức, trí huệ quán chiếu, trong ngoài sáng tỏ, nhận tự bản tâm. Nếu nhận được bản tâm, tức vốn giải thoát; Nếu được giải thoát, tức là Bát Nhã Tam Muội”.

Thế nào là Bát Nhã Tam Muội? Người tham thiền cần phải biết rõ, nay đặc biệt giảng rõ như sau:

Bát nhã có ba thứ:

- 1) Thật Tướng Bát Nhã (*Thể*)
- 2) Quán Chiếu Bát Nhã (*Trí*)
- 3) Phương Tiện Bát Nhã (*Dụng*)

Nói một cách khác; Thật tướng Bát Nhã tức Phật Tánh; Quán Chiếu Bát Nhã tức Kiến; Văn; Giác; Tri; Phương Tiện Bát nhã tức Lục Căn. Lúc đang tu hành, dùng Quán chiếu Bát nhã làm chủ, sai khiến Phương tiện Bát Nhã để đập tan vô thiêng minh thì chứng Thật tướng Bát Nhã. Sau khi chứng ngộ, thật tướng tức là Bản Thể Phật Tánh, quán chiếu phương tiện là diệu dụng Phật Tánh. Thật Tướng là Định, Quán Chiếu Phương Tiện là Huệ; Thật Tướng (*Phật Tánh*) là Pháp Thân, Quán Chiếu (*Kiến, văn, giác, tri*) là Báo Thân; Phương Tiện (*Lục căn*) là Ứng thân; Ba tức Một; Một tức

Ba gọi là Nhất Thể Tam Thân, thể dụng như một, định huệ bình đẳng, diệu dụng hằng sa.

Kinh Pháp Bảo Đàn nói: “Tâm lượng rộng lớn, cùng khắp pháp giới, dụng tức liễu liễu rõ ràng, ứng dụng liền biết tất cả. Tất cả là một, một là tất cả, khứ lai tự do, tâm thể vô ngại, tức là Bát Nhã”. Lại nói: “Tất cả trí Bát Nhã đều từ tự tánh mà ra, chẳng từ ngoài vào, chớ nhận làm tự tâm, gọi là Chơn Tánh Tự Dụng”.

Về việc phá tan vô thi vô minh, *Kinh Pháp Bảo Đàn* nói: “Nên dùng đại trí huệ (*Quán Chiếu Bát Nhã*) phá tan ngũ uẩn phiền não trần lao (*Vô thi vô minh*), tu hành như thế nhất định thành Phật”. Lúc dụng công phu tham thiền, dùng trí huệ Bát Nhã hướng ngay chỗ hầm sâu vô minh chiếu soi, chiếu đến khi sơn cùng thủy tận, cơ duyên thuần thực, “Ồ” lên một tiếng thì hầm sâu vô minh bị phá tan, trong một sát na Phật Tánh được hiện tiền. *Kinh Duy Ma Cật* nói: “Ngay đó hoát nhiên, liền đắc bản tâm” là vậy. Lúc ấy Tam thân, Tứ trí, Ngũ nhãn, Lục thông, viên mãn cụ túc, chẳng thiếu chẳng dư, gọi là Bát Nhã Tam muội, cũng gọi là Minh Tâm Kiến Tánh.

7. HÀ TRẠCH THẦN HỘI ĐỊNH TÔNG CHỈ NAM TÔNG

Lục Tổ Huệ Năng và Thần Tú Đại sư đều là đệ tử của Ngũ Tổ, Thần Tú chủ trương tiệm tu, chưa minh tâm kiến tánh, nên bài kệ “Thân như cây Bồ

Đề” là phát huy nơi nhân địa. Lục Tổ đã minh tâm kiến tánh, nên bài kệ “Bồ Đề vốn chẳng cây” là phát huy nơi quả địa, ngay đó đem Niết Bàn Diệu Tâm trọn vẹn trình ra, được Ngũ Tổ ấn khả, truyền cho y pháp.

Lúc Lục Tổ đang hoằng tông chỉ Đạt Ma ở Tào Khê, Thần Tú Đại sư thì đề xướng pháp thiền tiệm tu ở Nam Kinh, gọi là Bắc Tông. Sau khi Lục Tổ viên tịch, pháp tiệm tu của Bắc Tông ngày càng hưng thịnh, môn đồ của Thần Tú có ba vị Quốc sư, trong đó Phổ Tích Thiền sư danh giá cao nhất, từng làm Quốc sư trải qua ba đời vua Tắc Thiên, Trung Tông và Duệ Tông.

Phổ Tích tôn Thần Tú làm Lục Tổ, tự xưng là Thất Tổ, tông chỉ của Tào Khê ngày càng chìm lặng, do đó đệ tử của Lục Tổ là Thần Hội Thiền Sư, phấn chấn đứng ra chỉ trích môn tiệm tu của Bắc Tông chẳng phải chánh thống của Tổ Đạt Ma, chỉ có tông chỉ Tào Khê mới là đích truyền. Ngày 15 tháng Giêng năm thứ 20 niên hiệu Khai Nguyên, ngài ở Hoạt Đài (*Hiện là Hoạt Huyện tỉnh Hà Nam*) Đại Vân Tự thiết lập vô giá đại hội, xác định pháp thống Thiền Tông do Tổ Đạt Ma truyền. Năm thứ 8 niên hiệu Thiên Bảo, một lần nữa xác định tông chỉ Nam Tông tại Lạc Dương, từ đó chánh thống Thiền Tông là Lục Tổ Tào Khê mới được xác định.

Ngài Thần Hội xác định tông chỉ, là công thần

của Thiên Tông mà lịch sử ít ghi chuyện này, nơi thạch động Đôn Hoàng có ghi bài *Bồ Đề Đạt Ma Nam Tông Thị Phi Luận* do Độc Cô Phái soạn, hiện nay lưu tại viện bảo tàng Ba Lê, trong bài này là ghi việc định tông chỉ của ngài Thần Hội ở Đại Vân Tự Hoạt Đài.

Thần Hội còn có bài *Hiển Tông Ký* để hiển bài tông chỉ của Tào Khê, ngoài ra tác phẩm *Chứng Đạo Ca* cũng làm cùng lúc xác định tông chỉ. Nay *Chứng Đạo Ca* đổi tên là *Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca*, nhưng tôi đã thấy một bản đời nhà Tống ghi rõ tác giả là Thần Hội, nay trích ra mấy đoạn trong *Chứng Đạo Ca* để chứng tỏ:

Dụng pháp tràng, lập tông chỉ.

Rõ ràng Tào Khê là kế thừa.

Bắt đầu truyền dǎng từ Ca Diếp,

Hai mươi tám đời truyền từ Ăn.

Pháp lưu Đông, vào đất này,

Bồ Đề Đạt Ma làm Sơ Tổ,

Sáu đời truyền y thiên hạ hay,

Đời sau đắc đạo vô số kể.

Khi xác định tông chỉ giành chánh thống ở Hoạt Đài, bằng chứng hiệu lực nhất là việc truyền y pháp, trong *Hiển Tông Ký* có nói: "Sau khi Thế Tôn nhập diệt, hai mươi tám vị Tổ ở Ăn Độ cùng nhau truyền tâm vô trụ, đồng thuyết tri kiến của Như Lai, cho

tới Tổ Đạt Ma đến Trung Quốc làm Sơ Tổ, truyền y để làm tin cho pháp, pháp là chỗ nương tựa của y, Thiên Tông lấy y, pháp tương truyền, ngoài ra chẳng có pháp khác. Trong truyền tâm ấn để ấn chứng bản tâm, ngoài truyền Cà Sa để đại biểu tông chỉ”.

Trong *Nam Tông Xác Định Thị Phi Luận* có nói: “Nay Thần Hội thiết lập vô giá đại hội và trang nghiêm đạo tràng, chẳng vì công đức, chỉ muốn xác định tông chỉ cho người học đạo khắp thiên hạ, vì tất cả người học đạo phân rõ thị phi.

**Than mạt pháp, thời ác thế
Chúng sanh phước kém khó dạy dỗ.
Cách xa bậc Thánh tà kiến sâu,
Ma mạnh pháp yếu nhiều oán ghét.
Vừa nghe đốn giáo của Như Lai,
Liên muôn diệt cho tan rã hết.**

**Pháp viên đốn, chẳng nhơn tình,
Nghi chẳng giải quyết cần phải giành.
Chẳng phải sơn tăng chấp nhơn ngã,
Tu hành sợ đọa hầm đoạn thường.**

Theo việc tranh luận của ngài Thần Hội là muốn phá cửa tiệm tu của Thanh Tịnh Thiền mà kiến lập cửa Đốn Ngộ của Tổ Sư Thiền vậy.

Mặc người phỉ, mặc người báng,
 Lấy lửa đốt trời tự lao nhọc.
 Ta nghe đồng như uống cam lồ
 Tiêu tan bỗng vào bất tư ngù.
 Quán ác ngôn, là công đức,
 Phỉ báng ta là Thiện tri thức.
 Chẳng vì phỉ báng nỗi yêu ghét,
 Sao tớ vô sanh từ nhẫn lực.

Khi ngài Thần Hội định tông chỉ, bị người Bắc Tông vu khống mà bị vua đày, nên mới có lời nói trên. Trong *Nam Tông Định Thị Phi Luận* nói: “Nay ta hoằng dương Đại Thừa, kiến lập chánh pháp, khiến tất cả chúng sanh đều hay biết, đau tiếc thân mạng!”.

Mặt trời lạnh, mặt trăng nóng,
 Bọn ma chẳng thể hoại chánh thống.
 Xe voi trên đường đang tiến tới,
 Bọ ngựa đâu thể chặn lại được!
 Voi lớn chẳng dạo đường con thỏ,
 Đại ngộ chẳng kẹt nơi việc nhỏ.
 Chớ nhìn ống hẹp báng hư không
 Nay ta vì ông giải quyết xong.

Ngoài ra như:

“Gọi người gỗ máy lên để hỏi,
 Dụng công cầu Phật lúc nào thành”

Và:

“Yêu quái trăm năm uổng mở miệng” v.v...

Đều là lời chỉ trích môn tiệm tu Thanh Tịnh Thiền. Xét kỹ toàn bộ *Chứng Đạo Ca* đều là ngài Thần Hội vì xác định tông chỉ mà nói ra, so với ý chỉ trong *Vĩnh Gia Tập* hiển nhiên chẳng đồng. Ngài Vĩnh Gia trước học Thiên Thai, lời nói trong tập còn nhiều giọng nói giống tông Thiên Thai, nên biết Chứng Đạo Ca là tác phẩm của ngài Thần Hội, có thể vì người đời sau muốn tránh sự ác cảm của Bắc Tông, nên gán tên cho ngài Vĩnh Gia mà thôi. Thiên Tông ở ngày nay gai gốc khắp đường, lý đốn, tiệm chẳng thể phân biệt, có ai kế tiếp theo ngài Thần Hội, phán chấn khởi lên tái định tông chỉ của Tào Khê chẳng?

8. GIA PHONG CỦA NĂM PHÁI THIỀN

Dưới cửa Lục Tổ có bốn mươi ba người đắc pháp, mỗi mỗi hóa độ một phương, đều là chánh thống, trong đó Nam Nhạc Hoài Nhượng, Thanh Nguyên Hành Tư, và Hà Trạch Thần Hội nổi bật nhất. Phái Nam Nhạc sau này sanh ra Lâm Tế và Qui Nguưỡng hai tông, phái Thanh Nguyên sau này sanh ra Vân Môn, Pháp Nhãn, Tào Động ba tông, mỗi tông đều có phương pháp riêng để tiếp dẫn hậu học, gọi chung là Ngũ Gia Gia Phong.

Phái Hà Trạch truyền đến Khuê Phong Tông Mật, vốn là người Tông Hoa Nghiêm, thuộc về giáo môn, chưa thể gánh vác tông chỉ Tào Khê mà mong

điều hòa Thiên Tông với các tông giáo môn, lọt vào ngôn thuyết kiến giải, làm cho phái Hà Trạch Thần Hội tuyệt truyền, chỉ còn phái Nam Nhạc, Thanh Nguyên được người đời sau công nhận là phái đích truyền của Tào Khê.

Nam Nhạc có Mã Tổ cũng như Thanh Nguyên có Thạch Đầu, Mã Tổ được sự thọ ký “Dưới chân chà đạp người thiên hạ”, còn Thạch Đầu thì có tiếng tăm “Thạch Đầu đường trơn”.

Mã Tổ chủ hóa Giang Tây; Thạch Đầu chủ hóa Hồ Nam, người tham học từ bốn phương đều tìm đến cửa hai phái, rất là thịnh vượng. Dưới cửa Mã Tổ có đệ tử một trăm ba mươi chín người ngộ đạo, trong đó Bá Trượng Hoài Hải nổi bật nhất. Ngài Bá Trượng là người bắt đầu sáng lập Thiền viện, soạn thanh qui của Tòng lâm, đệ tử bậc thượng thủ là Huỳnh Bá Hy Vận, Qui Sơn Linh Hựu. Dưới Huỳnh Bá có Lâm Tế Nghĩa Huyền, là Tổ của Lâm Tế Tông.

Qui Sơn là Tổ của Qui Nguưỡng Tông dưới Quy Sơn có Nguưỡng Sơn Huệ Tịch, do thầy trò Quy Sơn, Nguưỡng Sơn xướng họa với nhau cùng phát dương mà thành gia phong của bản tông.

Dưới Thạch Đầu người đắc đạo cũng nhiều, trong đó Thiên Hoàng Đạo Ngộ, Dược Sơn Duy Nghiêm hai nhánh là chủ lưu. Dưới Đạo Ngộ truyền qua

Long Đàm Sùng Tín, Đức Sơn Tuyên Giám, đến Tuyết Phong Nghĩa Tôn, thiền phong chấn hưng, từ chúng nhiễu quanh thường hơn một ngàn năm trăm người, đệ tử nối pháp có Văn Môn Văn yểm, Huyền Sa Sư Bị, tất cả năm mươi sáu người, Văn Yểm là Tổ của Vân Môn Tông.

Dưới Huyền Sa truyền qua La Hán Quế Sâm, đến Pháp Nhãnh Văn Ích, là Tổ của Pháp Nhãnh Tông.

Dưới Dược Sơn Duy Nghiêm truyền qua Vân Nham Đàm Thạch, đến Động Sơn Lương Giới, với đệ tử Tào Sơn Bổn Tịch cùng nhau sáng lập Tào Động Tông. Ấy là cội nguồn thành lập của năm phái thiền.

Nói “Gia Phong” là tác phong riêng biệt của mỗi Tổ dùng để phát dương tông chỉ biệt truyền của Thiền Tông. Chư Tổ minh tâm kiến tánh dù đồng nhau, nhưng cá tánh mỗi mỗi chẳng đồng, nên phương pháp tiếp dẫn hậu học mới có sự khoan hồng, oai mãnh, ôn hòa, gấp bách mỗi mỗi khác nhau. Nói tóm lại, gia phong của các phái trong Thiền Tông đều lấy “Niêm hoa thị chúng” của Phật Thích Ca làm mô phạm.

Phương pháp phổ biến nhất của chư Tổ Trung Quốc là dùng gậy, dùng hét để tiếp dẫn hậu học. “Gậy” bắt đầu từ Lục Tổ đánh Thần Hội, “Hét” bắt đầu từ Mã Tổ tiếp Bá Trượng, tác dụng với niêm

hoa thị chúng chẳng khác. Cho đến Ca Diếp giơ tay, A Nan hiệp chưởng, Nhị Tổ Huệ Khả lê bái xong về đứng chỗ cũ, Mã Tổ dựng phất trần, quăng phất trần, Bí Ma giơ chĩa, Hòa Sơn đánh trống, Thạch Củng giương cung, Tuyết Phong đá cầu, Quốc Sư để chén nước, Qui Tông kéo đá, La Hán vẽ chữ, Đại Tùy hầm khoai, Đức Sơn vào cửa liền đậm, Lâm Tế vào cửa liền hét, “Là cái gì?” của Bá Trượng, “Chớ vọng tưởng” của Vô Nghiệp, Triệu Châu uống trà, Vân Môn ăn bánh, tất cả đều chẳng khác với sự niêm hoa thị chúng của Phật Thích Ca. Ấy đều là chư Tổ tùy cơ phát huy dùng để tiếp dẫn hậu học, vốn chẳng qui tắc nhất định. Như Lâm Tế Nghĩa Huyền thiết lập các quan ải Tam Huyền Tam Yếu và Tứ Liệu Giản để khám xét đồ chúng, tiếp dẫn hậu học, con cháu truyền thừa nhau tỏ ra thành gia phong.

* GIA PHONG LÂM TẾ TÔNG

Truyện Lâm Tế trong Truyền Đăng Lục rằng:

Tăng hỏi: Thế nào là câu thứ nhất?

Sư nói: Ấn khai tam yếu điểm son hẹp, chưa cho suy nghĩ chủ khách phân.

Hỏi: Thế nào là câu thứ nhì?

Sư nói: Diệu giải chẳng cho vấn vô trước (*Chấp trước*), phương tiện đâu phụ (*Cô phu*) triệt lưu cơ.

Hỏi: Thế nào là câu thứ ba?

Sư nói: Hãy xem trên đài hát múa rối, kéo dây đều do người bên trong.

Lại nói: Một cú ngữ phải đủ tam huyền môn, một huyền môn phải đủ tam yếu, có quyền có thực, các người làm sao lãnh hội!

Thủ Sơn Tĩnh Niệm Thiền Sư (*Đời thứ năm phái Lâm Tế*) trong *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục* rằng:

- Ngộ được câu thứ nhất làm thầy của Tổ và Phật, ngộ được câu thứ nhì làm thầy của người và trời, ngộ được câu thứ ba tự cứu chẳng xong!

Còn Từ Minh Sở Viên Thiền Sư (*Đời thứ bảy phái Lâm Tế*) vì tăng hỏi Tam Huyền Tam Yếu mà thuyết tung rằng:

Đệ nhất huyền:

Tam thế chư Phật tính nói chi?

Dạy bảo trong mộng sanh khinh rẻ.

Ngồi không lại thành đọa đoạn kiến.

Đệ nhị huyền:

Lanh lợi nạp tăng mắt chưa sáng,

Lửa đá điện chớp là chậm trễ,

Nhường mày nháy mắt càng cách xa.

Đệ tam huyền:

Vạn tượng sum la vũ trụ rộng,

Mây tan hang trống núi non lặng,

Nước chảy đất bằng dây sông ngòi.

Đệ nhất yếu:

**Thánh phàm nói chi diệu,
Suy nghĩ đường càng xa,
Mở mắt điên đảo nhiều.**

Đệ nhì yếu:

**Đánh kiểng gọi đỉnh núi,
Thần thông đến tự tại,
Đa văn kêu ngoài cửa.**

Đệ tam yếu:

**Ngồi nằm khiến người chê,
Bàn tay nắm thiên địa,
Chiếu soi đủ ngàn sai.**

Về *Tứ Liệu Giản*, trong *Lâm Tế Lục* ghi rằng:

- Như kiến giải Thiên Tông, tử hoạt dĩ nhiên, người tham học cần nên chú ý, cũng như chủ khách gặp nhau thì có ngôn luận qua lại, hoặc tùy vật hiện hình, hoặc toàn thể tác dụng, hoặc nắm cơ tùy phương tiện mà vui giận, hoặc hiện bán thân, hoặc cõi sư tử, hoặc cõi tượng vương. Như tiếng hét của người học chơn chánh là đưa ra cái thau bằng keo, Thiên tri thức chẳng biết là cảnh, bèn dính mắc cảnh họ mà làm dáng làm diệu, liền bị người học hét thêm tiếng nữa, thiện tri thức chẳng chịu buông xuống, ấy là bệnh tuyệt vọng chẳng thể trị, gọi là “Khách nhìn chủ”.

- Hoặc là Thiên tri thức chẳng đưa ra vật gì,

tùy chỗ hỏi của người học liền đoạt, người học bị đoạt thà chết chẳng chịu buông, ấy gọi là “Chủ nhìn khách”.

- Hoặc có người học tóm cái trong sạch ra trước mắt Thiện tri thức, Thiện tri thức biết là cảnh liền quăng vào hầm sâu, người học nói: “Tốt lắm Thiện tri thức”. Thiện tri thức liền nói: “Ngốc thay chẳng biết tốt xấu”. Người học liền lẽ bái, đây là “Chủ nhìn chủ”.

- Hoặc có người còng tay còng cổ ra trước mắt Thiện tri thức, Thiện tri thức lại cho còng thêm một lớp, người học hoan hỉ, hai bên đều chẳng biết, ấy gọi là “Khách nhìn khách”.

Các Đại đức! Sơn tảng kể chuyện như thế đều là phân biệt ma quái để biết rõ chánh tà vậy.

Lại nói:

Có khi đoạt nhơn chẳng đoạt cảnh,
 Có khi đoạt cảnh chẳng đoạt nhơn.
 Có khi nhơn cảnh đều đoạt,
 Có khi nhơn cảnh đều chẳng đoạt.

Tặng hỏi: Thế nào là đoạt nhơn chẳng đoạt cảnh?

Sư đáp: Mặt trời phát sinh lụa trải khắp, hài nhi tóc dài trắng như tơ.

Hỏi: Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhơn?

Sư đáp: Lệnh vua đã ban khắp thiên hạ, tướng quân biên thùy chẳng thấy nghe.

Hỏi: Thế nào là nhơn cảnh đều đoạt?

Sư đáp: Biên giới cách tuyệt tin tức, tự cô độc ở một nơi.

Hỏi: Thế nào là nhơn cảnh đều chẳng đoạt?

Sư đáp: Vua lên ngôi bửu điện, lão ẩn dật ca ngợi.

Lại nói: Người học từ bốn phương đến, Sơn Tăng ở đây phân làm ba thứ căn cơ: Như người trung hạ căn đến thì ta đoạt cảnh họ mà chẳng trừ pháp họ; Như người trung thượng căn đến thì ta cảnh pháp đều đoạt, người thượng thượng căn đến thì ta cảnh, pháp, nhơn đều chẳng đoạt; Như có kẻ kiến giải xuất cách (*Siêu việt ba thứ căn cơ*) đến thì Sơn Tăng ở đây bèn toàn thể tác dụng, chẳng tùy căn cơ.

Ngài Lâm Tế ứng cơ thường hay dùng hét, người ta gọi là “Vào cửa liền hét”. Bởi trong một tiếng hét sẵn đủ tam huyền tam yếu và tác dụng chủ khách. Sư từng nói:

- “Có khi một tiếng hét như Bửu Kiếm Kim Cang Vương, có khi một tiếng hét như Kim Mao Sư Tử cự địa (*Thế sắp chụp người*), có khi một tiếng hét như cây trúc dọ thám hình bóng trong đám cỏ, có khi một tiếng hét chẳng cho là tác dụng một tiếng hét, các người làm sao lãnh hội!”.

Lúc bấy giờ, môn đồ tham học trong hội cũng bắt chước Sư hét, Sư nói:

- “Các ngươi cứ bắt chước ta hét, nay ta hỏi các ngươi: Có một người từ bên đông ra, một người từ bên tây ra, hai người cùng hét một lượt, ở đây phân được chủ khách chẳng? Mà các ngươi làm sao phân? Nếu phân chẳng được, về sau chẳng nên bắt chước Lão Tăng hét”.

Đối với gia phong Lâm Tế, Thủ Sơn Tịnh Niệm Thiền sư từng nói:

- “Các Thượng Tọa! Chẳng nên hét mù hét bậy, ở đây bình thường nói với các ông, khách thì rốt cuộc là khách, chủ thì rốt cuộc là chủ; Khách chẳng hai khách, chủ chẳng hai chủ, nếu có hai khách hai chủ tức là hai thằng mù. Cho nên hễ ta đứng thì ngươi phải ngồi, hễ ta ngồi thì ngươi phải đứng. Ngồi thì cùng ngươi ngồi, đứng thì cùng ngươi đứng, mặc dù như thế, đến đây con mắt phải nhìn nhanh cho rõ mới được, nếu con mắt do dự thì cách xa muôn ngàn dặm. Tại sao như thế? Giống như cách cửa sổ xem cõi ngựa, suy nghĩ tức chẳng dính dáng. Các Thượng Tọa đã lưu tâm việc này, cần phải chú ý, tốt nhất đừng bám vào chỗ giả dối, hôm nọ ngày sau ngươi sẽ bị gạt”.

Đây là gia phong đại khái của Lâm Tế Tông.

* GIA PHONG CỦA QUI NGUỒNG TÔNG

Qui Nguồng Tông có chín mươi sáu tướng tròn, gia phong tương đối ôn hòa, chẳng giống sự mãnh

liệt của Lâm Tế Tông. Trong *Nhơn Thiên Nhã Mục* nói về gia phong Qui Nguưỡng Tông là “Cha từ con hiếu, trên lệnh thì dưới tùng; Người muốn ăn cơm ta liền bưng canh, người muốn qua sông ta liền chèo thuyền, cách núi thấy khói liền biết là lửa; Cách tường thấy sừng liền biết là trâu”.

Còn *Pháp Nhã Thiên Sư Thập Qui Luận* nói: “Qui Nguưỡng thì vuông tròn mặc khế, như tiếng dội trong hang, như phù hợp luật lệ thông qua cửa ải”.

Truyền Đăng Lục Qui Sơn Truyền rằng:

Phổ thỉnh hái trà, Sư (*Qui Sơn*) nói với Nguưỡng Sơn rằng: - Suốt ngày hái trà, chỉ nghe tiếng người, chẳng thấy hình người, xin hiện bốn hình ra xem!

Nguưỡng Sơn lắc cây trà, Sư nói: Người chỉ được cái dụng, chẳng được cái thể.

Nguưỡng Sơn nói: Chưa rõ Hòa Thượng thế nào?

Sư giây lâu; Nguưỡng Sơn nói: Hòa Thượng chỉ được cái thể, chẳng được cái dụng.

Sư nói: Cho người hai mươi gậy.

Nguưỡng Sơn nói: Gậy Hòa Thượng con ăn, gậy con bảo ai ăn?

Sư nói: Cho người ba mươi gậy.

Ngữ Lục của Chơn Tịnh Thiền Sư sau khi trụ trì Động Sơn có ghi:

- Thượng đường kể: Thuở xưa Diêm Quan thường

dạy Tăng về pháp môn kiến tánh, nghe nói Qui Sơn cũng vậy, liền sai hai vị tăng đi dẹp thám, đến nơi tọa hạ, nghe trăm điều đê xướng đều chẳng hiểu, lại sanh tâm khinh mạn. Một hôm gặp Tiểu Thích Ca (*Nguõng Sơn*) nói: “Ngươi chớ tâm thô”. Tiểu Thích Ca bèn làm một tướng tròn, hai tay đưa ra, hai tăng cũng chẳng hiểu. Tiểu Thích Ca nói: “Ngươi chớ tâm thô”, liền bỏ đi.

Sư Chơn Tịnh nói: Tiểu Thích Ca tam muội, hai vị Tăng chẳng biết, dưới cửa Động Sơn có kẻ nào biết chẳng? Là Tam muội gì?

Giây lâu ngài nói tiếp: “Làm mì cần xứ trồng lúa mạch, ca nhạc nên tôn người Đế Hương” (*Nhạc thần của Đế Thích*).

* GIA PHONG VÂN MÔN TÔNG

Người sáng lập Vân Môn Tông là Tổ Văn Yểm, ban sơ tham vấn ngài Mục Châu phát minh tâm địa, sau tham vấn ngài Tuyết Phong thấu được áo chỉ, bèn nối pháp Tuyết Phong. Gia phong của Mục Châu mãnh liệt bén nhọn, mà gia phong của Tuyết Phong thì ôn hòa, huyền ảo, Văn Yểm kế thừa sở trường của hai nhà, phát huy tông chỉ vi diệu đặc biệt, trụ núi Vân Môn Thiều Châu, đồ chúng thường hơn ngàn người, kẻ nối pháp sáu mươi mốt người.

Gia phong của Vân Môn thắng túc, thường dùng

ba chữ CỐ (*Nhìn*), GIÁM (*Xem*), ỦY (*Chê*) để khám xét người học; Còn có *Vân Môn Bát Yếu*: Một Huyền, hai Tùng, ba Chơn Yếu, bốn Đoạt, năm Hoặc, sáu Quá, bảy Tán, tám Xuất. *Pháp Nhã Thiền Sư Thập Qui Luận* xưng ngài Vân Môn là “Hàm cái triệt lưu”, nói gia phong nhà họ giống như nước sông đang chảy gấp mà đột nhiên dừng lại.

Văn Yểm có tự làm bài kệ rằng:

**Vân Môn chót vót trên đám mây,
Cá chẳng dám trụ nước chảy bay.
Vào cửa đã biết ôm kiến giải,
Đâu phiền kẽ lại sinh bánh xe.**

Đệ tử của ngài Vân Môn là Viên Minh Thiền sư có bài kệ tụng ba câu của Vân Môn rằng:

1) Hàm cái càn khôn:

**Càn khôn và vạn tượng,
Địa ngục với thiên đường.
Vật vật đều trực hiện,
Mỗi mỗi chẳng đúng sai.**

2) Triệt đoạn chúng lưu:

**Dãy núi dãy biển lại,
Mỗi mỗi đều trần ai.
Lại muôn lập huyền diệu,
Ngói bể băng tiêu ngay.**

3) Tùy ba trực lăng:

Cách hỏi dù biện tài,
 Cao thấp đáp chẳng sai.
 Cũng như thuốc đúng bệnh,
 Chẩn trị lúc lâm thời.

Riêng hỏi ngoài ba câu:

Đương nhơn nếu dề xương,
 Ba câu đâu thể gồm.
 Có hỏi việc thế nào,
 Nam Nhạc và Thiên Thai.

Ngài Trí Môn làm bài tụng “Rút chữ Cố” rằng :

Vân Môn rút cổ cười hi hi,
 Suy nghĩ bị nó cố giám ý.
 Dẫu cho Trương Lương nhiều kế sách,
 Cuối cùng ở đây cũng khó thi (hành).

* **GIA PHONG PHÁP NHÃN TÔNG**

Người sáng lập là Thanh Lương Văn Ích Thiền Sư, Trụ trì Kim Lăng Thanh Lương Tự, học giả bốn phương tấp nập tìm đến tham học, hình thành một tông phái trong Thiền Tông.

Gia phong của Pháp Nhãm Tông có Lục Tướng và Tứ Liệu Giản để tiếp dẫn hậu học. Tứ Liệu Giản tức là Văn văn (*Phóng*), Văn bất văn (*Thu*), Bất văn văn (*Minh*), Bất văn bất văn (*Ám*).

* GIA PHONG TÀO ĐỘNG TÔNG

Tào Động Tông đúng ra phải xưng là Động Tào Tông, do Động Sơn Lương Giới Thiền Sư với đệ tử là Tào Sơn Bổn Tịch Thiền sư sáng lập. Ngài Lương Giới thọ tâm yếu nơi Vân Nham Thiền Sư, sau Trụ trì Động Sơn Phổ Lợi Viện ở Dự Chương, đề xướng Ngũ Vị để tiếp dẫn hậu học. Ngũ vị là: Chánh trung thiêng, thiêng trung chánh, chánh trung lai, thiêng trung chí, kiêm trung đáo. Ngoài ra còn có bài Bửu Cảnh Tam Muội Ca.

Động Sơn gia phong miên mật, trong số đệ tử thượng thủ, ngoài Tào Sơn Bổn Tịch đắc tâm truyền, Trụ trì Tào Sơn Sùng Thọ Viện ở Võ Châu, xướng dương yếu khuyết Ngũ vị, người học đến tấp nập, người đời xưng là Tào Động Tông.

Pháp Nhã Thiền Sư *Thập Qui Tụng* rằng: “Tào Động là xướng họa làm dụng”. Bởi gia phong một vấn một đáp, qua lại miên mật, so với cơ phong thẳng tắt của Lâm Tế ý thú khác xa. Nên người xưa có lời nói “Lâm Tế tướng quân, Tào Động nông dân”. Vì gia phong Lâm Tế như tướng chỉ huy binh lính trăm vạn, mà gia phong Tào Động thì như kẻ nông phu canh tác ruộng đất rất chu đáo vậy.

Có Tăng hỏi Phần Dương Thiện Chiêu Thiền Sư:

- Thế nào là Chánh Trung Lai?

Đáp: Bông sen nở đầy trên đất khô.

Hỏi: Sau khi nở thế nào?

Đáp: Nhụy bông kim liên hứng sương ngọc, cao Tăng chảng tọa dài phượng hoàng.

Hỏi: Thế nào là Chánh Trung Thiên?

Đáp: Mặt trăng chiếu sáng đầu đêm rồi, gà gáy phải báo trước canh năm.

Hỏi: Thế nào là Thiên Trung Chánh?

Đáp: Mầm nhỏ thành cây to, giọt nước làm sông ngòi.

Hỏi: Thế nào là Thiên Trung Chí?

Đáp: Ý chí chảng đắc từ thiên địa, anh hùng đâu nương thời thế thành.

Hỏi: Thế nào là Kiêm Trung Đáo?

Đáp: Ngọc nữ dệt vải thuyền ọt ẹt, người đá đánh trống tiếng dùng dùng.

Sư vì Tăng xin hỏi Ngũ Vị, bèn tụng ra từng vị rằng:

Chánh Trung Lai:

Bửu kiếm kim cang vạch trời ra,
Một tia thần quang khắp thế giới,
Phẩm tánh sáng tỏ tuyệt trần ai.

Chánh Trung Thiên:

Cơ phong sấm sét nháy mắt nhìn,
Lửa đá điện chớp chậm thay.
Suy nghĩ đo lường xa ngàn dặm.

Thiên Trung Chánh:

Hãy xem Luân Vương ban chánh lệnh,
Bảy ngàn thái tử đều theo hầu,
Giữa đường một mình tìm gương vàng

Thiên Trung Chí:

Sư tử ba tuổi oai thế sǎn,
Thiên tà bá quái ló đầu ra,
Rống lên một tiếng đều hàng phục.

Kiêm Trung Đáo:

Hiển bày vô công chớ tạo tác,
Trâu gỗ bước đi trong lửa hồng,
Thật là Pháp Vương diệu trung diệu.

Còn Ngũ Vị Tụng của Từ Minh Sở Viên Thiên
Sư rắng:

Chánh Trung Thiên:

Gà đen nửa đêm gáy trong phòng,
Đáy biển đốt đèn thế giới sáng,
Tảng đá trông bông mọc cây linh.

Thiên Trung Chánh:

Mặt trời lặng xuống hiện bóng lạ,
Ảnh tượng rõ ràng hiển tông thừa.
Lông mày chớ nhìn trăng trong giếng.

Chánh Trung Lai:

Ngựa gỗ sanh con khắp thiên hạ,
Mặc tình dẫn dắt đi đường chim.
Há chẳng người nương ổ chim ở.

Kiêm Trung Chí:

**Mỗi mỗi trượng phu có ý khí,
Mâu thuẫn chống nhau chẳng vết thương,
Tung hoành khai triển chẳng lìa nhau.**

Kiêm Trung Đáo:

**Trắng đen chưa rõ chớ tạo tác,
Phải biết trụ cột chưa sanh con,
Chớ nhận lời cuồng ngưng nửa đường.**

Trên đây là gia phong đại khái của Tào Động Tông.

Người xưa có bình luận Ngũ gia gia phong rằng:

Tào Động đinh ninh, Lâm Tế thế thắng, Vân
Môn thắng tắt, Pháp Nhãn linh xảo, Qui Nguưỡng
trao nhau.

Còn Bạch Vân Pháp Diễn Thiền Sư trong *Ngũ Lục* có luận về Ngũ gia gia phong rằng:

Tăng hỏi: Thế nào là việc Lâm Tế?

Đáp: Ngũ nghịch nghe sấm sét.

Hỏi: Thế nào là việc Vân Môn?

Đáp: Cờ đỏ lấp lánh

Hỏi: Thế nào là việc Tào Động?

Đáp: Gởi thư chẳng đến nhà.

Hỏi: Thế nào là việc Qui Nguưỡng?

Đáp: Bia gãy nằm đường xưa.

Tăng lễ bái.

Sư nói: Sao chẳng hỏi việc Pháp Nhã?

Tăng nói: Để giành cho Hòa Thượng.

Sư nói: Người tuân phạm luật giới nghiêm.

Sư nói tiếp: Ngộ thì việc đồng một nhà, chẳng ngộ thì muôn ngàn sai biệt, một nửa ăn bùn ăn đất, một nửa ăn mạch ăn mè, hoặc là hàng long phục hổ, hoặc là lượm sò vớt tôm. Hòa Sơn chỉ biết đánh trống, Bí Ma luôn luôn giơ chĩa. Nói chung một tuồng hát cười, đều do mỉm cười niêm hoa, đồ bỏ trong đám Bạch Vân, gió xuôi xả đất xả cát. Nếu chẳng tâm can thế này, sao được áo gấm vinh qui! Vậy một tiếng “Vinh Qui” nên nói thế nào? Vinh hoa hôm nay người chẳng biết, mười năm trước là một thư sinh.

Còn thượng đường nói: Đạt Ma từ bên Tây đến, việc lâu nhiều biến đổi, con cháu đời sau gia phong vô hạn, nhiễu loạn thân tâm, một đồng chỉ mành. Bạch Vân hôm nay thấy đều cắt đứt.

- Đại chúng! Một trăm lẻ năm ngày thanh minh, Thượng nguyên nhất định là ngày rằm tháng Giêng.

Nên biết, nói gia phong chỉ là phương tiện tùy nghi của chư Tổ dùng để tiếp dẫn hậu học, gia phong dù theo người mà khác, nhưng Phật Tánh thì ngàn xưa chẳng đổi. Kẻ ngộ thì thấu qua như một, chẳng ngộ thì lại thêm lầm rối.

Pháp Nhãm Tông truyền sang Cao Ly, Vân Môn
Tông thất truyền đã lâu, nay chỉ còn ba tông Qui
Ngưỡng, Tào Động, Lâm Tế. Nhưng con cháu các
tông chỉ lấy cội nguồn gia phả truyền thừa với nhau,
ghi tên trên pháp quyển là Thiền Sư đời thứ mấy
mà thôi, nếu hỏi về gia phong tông chỉ thì ngơ ngác
chẳng thể trả lời. Nên khuyên người học đời nay, hãy
được minh tâm kiến tánh liền được liễu thoát sanh
tử, nối tiếp huệ mạng của chư Phật chư Tổ, với chư
Phật chư Tổ nắm tay cùng đi, đâu cần phân chia
tông phái chi nữa!



CHƯƠNG II

YẾU CHỈ THIỀN TÔNG

1. Ý NGHĨA “GIÁO NGOẠI BIỆT TRUYỀN, BẤT LẬP VĂN TỰ”

Bích Nham Tập có bài bình xướng rằng: “Đạt Ma từ xa quán đất này có căn khí Đại Thừa, bèn vượt biển đến Trung Quốc, chuyên truyền tâm ấn, khai thị cho kẻ mê, chẳng lập văn tự, trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật”.

Nói “Chẳng lập văn tự” vì văn tự phải nương bộ não suy nghĩ, suy nghĩ thì nương nơi nhất niệm vô minh; Nhất niệm vô minh hư huyền chẳng thật, nên suy nghĩ văn tự cũng hư huyền chẳng thật. Do hư huyền chẳng thật, gọi là tương đối; Tương đối thì có sanh diệt, chẳng thể hiển bày tuyệt đối chẳng sanh diệt của bản thể. Vì văn tự chẳng thể hiển thị Phật Tánh, nên nói chẳng lập văn tự.

Phật Thích Ca dùng lời nói văn tự để hoằng pháp là do sự bất đắc dĩ, nên thí dụ như ngón tay chỉ mặt trăng, vừa thuyết liền phá. *Kinh Niết Bàn* nói: “Bắt đầu từ Lộc Uyển, cuối đến sông Bạt Đề,

khoảng giữa năm mươi năm, chưa từng thuyết một chữ” là vậy.

Kinh Kim Cang nói: “Nếu nói Như Lai có thuyết pháp tức là báng Phật, người ấy chẳng hiểu nghĩa sở thuyết của ta”. Ý cho rằng phàm thuộc về lời nói văn tự đều chẳng có nghĩa thật, tương đối chẳng thể diễn tả tuyệt đối. Phật Thích Ca vì từ bi độ chúng sanh, dù tạm mượn lời nói văn tự để thuyết pháp, chỉ gọi là phương tiện. Nên khi đang thuyết pháp, thường cảnh cáo đại chúng chớ chấp lời nói là thật, để khỏi tự kẹt chẳng thông, đọa vào hầm sâu tương đối mà chẳng thể tự cứu.

Đức Phật đối với lời nói và nghĩa thật phân ra rõ ràng, chẳng cho lẩn lộn, thật rất khổ tâm.

Kinh Lăng Già nói: “Đại Huệ! Những kẻ si mê nói rằng “Nghĩa như ngôn thuyết, nghĩa với thuyết chẳng khác”. Tại sao? Vì nghĩa tự chẳng thân (*Không bản thể*), ngoài ngôn thuyết chẳng còn nghĩa nào, nên nói nghĩa đúng như ngôn thuyết. Đại Huệ! Họ nói vậy là trí huệ bị cháy khét, chẳng biết tự tánh ngôn thuyết, chẳng biết ngôn thuyết sanh diệt (*Pháp tương đối*), nghĩa thì chẳng sanh diệt (*Pháp tuyệt đối*).

- Đại Huệ! Tất cả ngôn thuyết đều đọa nơi văn tự, nghĩa thì chẳng đọa, lìa tánh và phi tánh, cũng chẳng thân chẳng thọ. Đại Huệ! Như Lai chẳng

thuyết những pháp đọa văn tự, vì văn tự có với không đều bất khả đắc, nên nói chẳng đọa văn tự.

- Đại Huệ! Nếu nói Như Lai thuyết những pháp đọa văn tự, ấy là hư vọng, vì pháp lìa văn tự, nên chư Phật chúng ta và chư Bồ Tát chẳng thuyết một chữ, chẳng đáp một chữ. Tại sao? Vì pháp lìa văn tự (*Bản thể tuyệt đối chẳng dính dáng với văn tự*). Dù ngôn thuyết là vọng tưởng của chúng sanh, nhưng cũng chẳng thể phế bỏ ngôn thuyết, nếu chẳng thuyết tất cả pháp thì giáo pháp sẽ bị hoại, nếu giáo pháp hoại thì chẳng còn chư Phật, Bồ Tát, Duyên giác, Thanh Văn, vậy ai thuyết cho ai?

- Đại Huệ!, Đại Bồ Tát chớ nên chấp trước ngôn thuyết, chỉ dùng phương tiện tùy nghi rộng thuyết kinh pháp, vì phiền não và hy vọng của chúng sanh chẳng đồng, nên chư Phật vì sự hiểu biết mỗi khác nhau của chúng sanh mà thuyết pháp, khiến lìa tâm (*Thức thứ tám*), ý (*Thức thứ bảy*), và ý thức (*Thức thứ sáu*). Vì tâm, ý, ý thức chẳng thể đạt đến chỗ tự giác Thánh Trí vậy.

Lời nói văn tự đối với bản thể của Phật Tánh dù chẳng có giá trị để nói, nhưng đối với sự thuyết pháp độ sanh thì vẫn phải nhờ ngôn thuyết làm công cụ chủ yếu, đến khi Hội Linh Sơn Đức Phật niêm hoa thị chúng, Ca Diếp tỏ ngộ, mới tuyên bố có pháp môn “Giáo Ngoại Biệt Truyền, Chẳng Lập Văn Tự” để truyền cho Ca Diếp, pháp môn này trực

tiếp hiển bày thể dụng của Phật Tánh, khiến chúng sanh chẳng nhờ văn tự mà trực tiếp ngộ nhập bản thể của Chơn Như. Các đại đệ tử được Thế Tôn dạy dỗ và huân tập đã lâu, Thế Tôn biết căn cơ họ đã thuần thực, nên đặc biệt truyền thị pháp môn vi diệu này, khiến đốn ngộ pháp vô sanh, thẳng siêu Phật Địa.

Suy nghĩ, lời nói, văn tự cùng xuất phát từ nhất niệm vô minh. Khi một niệm chưa động, tịch nhiên trống rỗng, chẳng có tư tưởng cảm giác, dĩ nhiên cũng chẳng lời nói văn tự, đây gọi là vô thí vô minh. Khi vô thí vô minh bị kích thích, một niệm đã động, suy nghĩ liền sanh. Do suy nghĩ có lời nói, do lời nói mà lập văn tự; Suy nghĩ là lời nói chẳng có tiếng, lời nói là văn tự vô hình, văn tự là lời nói có hình, cả ba đều gom trong chữ “Tên gọi”.

Nhiếp Đại Thừa Luận nói: “Tên gọi có hai thứ: Một là tên gọi ngôn thuyết, hai là tên gọi suy tư”. Nhà triết học Rousseau cũng nói: “Tư tưởng là lời nói bên trong”. Lâm Tế Thiền Sư nói: “Tên gọi chẳng tự là tên gọi, chỉ do trước mắt ngươi cho là cái linh thiêng của kiến văn giác tri chiếu soi ấy, gắn cho tất cả tên gọi”. Nhưng cả ba đều khởi từ nhất niệm vô minh, nhất niệm vô minh có sanh có diệt, biến đổi vô thường. Vô thường thuộc tương đối, Phật Tánh thuộc tuyệt đối; Tương đối chẳng thể hiển bày tuyệt đối, nên tuyệt đối của Phật Tánh chỉ có tự tu tự chứng

mới có thể nhận biết được, chẳng thể dùng văn tự diễn tả, cũng chẳng thể dùng bộ não suy lường.

Kinh Lăng Già nói: “Đệ nhất nghĩa (*Phật Tánh tuyệt đối*) là sở đặc của Thánh Trí Tự Giác, chẳng phải cảnh giới cảm giác của vọng tưởng ngôn thuyết, cho nên vọng tưởng chẳng thể hiển bày Đệ nhất nghĩa. Ngôn thuyết sanh diệt lay động do nhân duyên tương sanh với nhau, vì do nhân duyên tương sanh với nhau nên chẳng thể hiển bày Đệ Nhất Nghĩa”.

Kinh Giải Thâm Mật nói: “Ta nói Thắng nghĩa (*Phật Tánh*) là sở chứng bên trong của bậc Thánh, việc làm suy tư (*Suy nghĩ do lường*) là sở chứng của chúng sanh”. Lại nói: “Sở hành của Thắng Nghĩa Vô Tướng, suy tư là hành theo cảnh giới có tướng. Thắng nghĩa chẳng thể ngôn thuyết, suy tư là hành theo cảnh giới ngôn thuyết; Thắng nghĩa vốn tuyệt biểu thị, suy tư là hành theo cảnh giới biểu thị; Thắng nghĩa tuyệt cả tranh luận, suy tư là hành theo cảnh giới tranh luận”.

Theo các kinh kể trên, nên biết suy nghĩ văn tự với Chơn Như Phật Tánh chẳng thể tiếp xúc nhau. Người ta thường nói: “Chỉ có thể ý hội, chẳng thể ngôn truyền”. Kỳ thật tuyệt đối của Phật Tánh muốn ý hội cũng chẳng thể được, huống là ngôn truyền ư!

Chẳng những Phật Tánh như thế, cho đến một kỹ thuật tinh xảo của thế gian, chõ huyền diệu của họ cũng chẳng thể ngôn truyền vậy. Như Trang Tử nói:

Hoàn Công đọc sách ở nhà trên, người thợ mộc dẽo bánh xe ở nhà dưới, thợ buông chàng đục đi lên hỏi Hoàn Công rằng:

- Xin hỏi sách ngài đang đọc đó là lời nói gì?

Hoàn Công trả lời: Lời nói của bậc Thánh.

- Bậc Thánh đâu?

- Chết rồi.

Người thợ dẽo bánh xe liền nói: Thế thì sách ngài đọc đó chỉ là cặn bả của bậc Thánh mà thôi.

Hoàn công nói: Quả nhân đọc sách, người thợ dẽo bánh xe đâu được bàn luận! Nếu nói có lý thì tha tội, nếu nói không được thì chém đầu.

Người dẽo bánh xe thưa: Hạ thần đem việc của hạ thần ra xem; Nếu hạ thần dẽo bánh xe hơi lỏng một chút thì xe chạy được nhưng không an toàn, vì dễ sút ra; Nếu dẽo hơi chặt thì bánh xe khít mà quay không được. Do sự tự ngộ của hạ thần, tâm khiến tay, tay cầm búa dẽo vào bánh xe, chẳng lỏng chẳng chặt, dùng miệng chẳng thể nói, nhưng có sự tự động ở trong đó. Dù con của hạ thần cũng là một thợ mộc danh tiếng, nhưng hạ thần chẳng thể đem

sự ngộ ấy truyền dạy cho con. Nay hạ thần còn sống, có bánh xe, có búa, có tay mà còn truyền thọ chẳng được, huống là bậc Thánh đã chết, chỉ để lại lời nói không còn gì cả!".

Do đó chứng tỏ lời nói văn tự là việc gián tiếp trong gián tiếp, sức diễn tả thật rất hạn chế, huống là muốn truyền đạt bản thể của tuyệt đối ư! Nên Phật nói “Bất khả thuyết, bất khả thuyết”. Còn Văn Thù Bồ Tát tán thán Duy Ma Cật rằng: “Cho đến chặng có ngôn thuyết, ấy là chưa nhập pháp môn bất nhị”. Lão Tử nói: “Cho nên bậc Thánh ở nơi việc vô vi hành giáo pháp vô ngôn”. Khổng Tử nói: “Ta muốn vô ngôn”. Tử Tư nói: “Văn chương của Khổng Phu Tử có thể nghe mà tánh với thiên đạo thì chặng thể nghe”. Liệt Tử nói: “Vì ngộ bản tánh nên chặng thể bảo cho biết”. Các nhà Nho và Đạo giáo đều cùng một ý kiến này.

Thế Tôn vì cứu sự hạn chế hẹp hòi của lời nói văn tự, nên ở ngoài ngôn giáo biệt truyền phương pháp trực tiếp, tức việc niêm hoa thị chúng vậy. Chẳng những niêm hoa mà thôi, phàm nhuướng mày nháy mắt, tầng hắng, ngó nhìn đều là phương pháp tiếp dẫn hậu học, khiến cho ngộ nhập bản thể tuyệt đối.

Kinh Lăng Già nói: “Đại Huệ! Chẳng phải tất cả thế giới đều có ngôn thuyết, ngôn thuyết chỉ dùng để giả lập mà thôi. Hoặc có thể giới dùng ngó

nhìn để thuyết pháp, hoặc dùng hình tướng, hoặc dùng nhường mày, nháy mắt, hoặc cười hoặc ngáp, hoặc tăng hắng hoặc lay động, hoặc ghi nhớ cõi Phật. Đại Huệ! Những tác dụng kể trên đều khiến chư Bồ Tát dắc vô sanh pháp nhẫn và Tam Muội thù thắng, cho nên chẳng phải ngôn thuyết gồm có tất cả tánh. Đại Huệ! Giống như những ruồi, muỗi, con kiến, côn trùng trong thế giới này, đều chẳng có ngôn thuyết mà mỗi mỗi làm xong việc hằng ngày”.

Hết, gậy, chổi, măng, dựng phất trần, giơ ngón tay... của Tổ Sư Trung Quốc đều từ đây mà ra, chẳng phải khi không bày đặt. Hoặc có người nói Thiền Tông là sáng lập từ Trung Quốc, ấy là do người chưa hiểu thấu vậy.

Mặc dù sự diễn tả của ngôn thuyết văn tự có nhiều hạn chế, nhưng chẳng thể phế bỏ. Kinh Viên Giác nói: “Kinh giáo liễu nghĩa như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy được mặt trăng thì biết ngón tay chẳng phải mặt trăng. Tất cả ngôn thuyết của Như Lai khai thị cho Bồ Tát cũng như thế”. Nên biết giáo pháp văn tự của Như Lai đều từ biển tánh chảy ra, muốn khiến chúng sanh theo đó tu hành đạt đến bản thể tuyệt đối, lìa nhị biên Có và Không, chẳng phải lời nói văn tự của thế gian có thể so sánh.

Kinh Giải Thâm Mật nói: “Dù pháp tánh lìa ngôn, vì muốn khiến chúng sanh tự hiện Đẳng Giác,

nên giả lập danh tướng”. Còn nói: “Dù tự tánh chẳng tánh, pháp sở chứng lìa những văn tự, nhưng chẳng thể bỏ ngôn thuyết văn tự mà được diễn thuyết”.

Kinh nói: “Biết pháp chẳng do ngôn, người khéo diễn tả ở nơi vô ngôn mà hiển bày ngôn thuyết, như tiếng vang khắp nơi”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả chư Phật ra diệu âm thanh, vì chúng sanh làm Phật sự; Tất cả Phật tịch lặng vô ngôn, cũng vì chúng sanh làm Phật sự”. Nên biết, một nói một nín, một động một tĩnh của Phật đều là dẫn dắt chúng sanh đạt đến chỗ giải thoát, như thầy thuốc tùy bệnh cho thuốc, chỉ cần hết bệnh tức là toa thuốc hay, đâu cần phân biệt lộc nhung hay cút bò!

Xưa nay các Tổ Sư Thiền Tông như ngài Đạo Tín, Huệ Năng, Đạo Nhất, Bá Trượng, Đại Châu, Lâm Tế, Tuyết Phong, Tuyết Đậu v.v... dù gắn cái bản hiệu “Chẳng lập văn tự”, nhưng đều có pháp ngữ và tác phẩm lưu hành trên đời, chẳng phải hoàn toàn phế bỏ văn tự. Nên biết, nói: “Chẳng lập văn tự” là muốn chỉ rõ tìm Phật tánh trong văn tự bất khả đắc, người tu hành chớ nên đọa vào vọng tưởng văn tự mà bị văn tự trói buộc, nếu cứ chấp thật sự chẳng lập văn tự thì nghịch với bản ý của Phật với Tổ vậy.

Kinh Pháp Bảo Đàm nói: “Kẻ chấp Không lại

báng kinh rằng “Trực ngôn chẳng dùng văn tự”. Đã nói chẳng dùng văn tự thì con người cũng chẳng nên ngôn ngữ, vì ngôn ngữ tức là tướng của văn tự”. Lại nói: “Trực đạo chẳng lập văn tự, đâu dè hai chữ CHẮNG LẬP cũng là văn tự, thấy người có lời nói, liền báng họ là dính mắc văn tự. Các ngươi nên biết, tự mê còn đỡ, lại báng kinh Phật, chớ nên báng kinh, tội chướng vô số kể”.

Tổ Định Sư Uyển có nói: “Chư Tổ truyền pháp, ban sơ tu hành gồm Tam Tạng giáo thừa, sau Tổ Đạt Ma chuyên truyền tâm ấn, phá chấp Giáo để hiển Tông (*Thiên*), gọi là Giáo Ngoại Biệt Truyền - Chẳng Lập Văn Tự - Chỉ Thắng Tâm Người - Thấy Tánh Thành Phật. Nhưng đối với sự chẳng lập văn tự, người hiểu lầm rất nhiều, thường cho là bỏ cả văn tự, lấy im lặng tĩnh tọa làm thiền, ấy thật là con dê câm của Thiên Tông. Vả lại, muôn pháp lặng xăng, đâu chỉ là văn tự chẳng lập thôi! Họ chẳng biết đạo túc phải thông, sao lại cố chấp nơi một gốc!”.

Nên người thông thạo ngay nơi văn tự mà văn tự bất khả đắc, đối với văn tự như thế, đối với các pháp khác cũng vậy, hễ kiến tánh thành Phật là xong, đâu đợi bỏ văn tự rồi mới xong!

Cho nên, văn tự dù thuộc về tương đối, nếu được nương ngón tay mà thấy mặt trăng thì văn tự chưa

từng chẳng có công dụng, nếu được minh tâm kiến tánh, chứng nhập Nhất Hạnh, Nhất Tướng Tam Muội thì ngay nơi văn tự tức là Thật Tướng, tương đối biến thành tuyệt đối; Nếu chấp ngón tay là mặt trăng thì văn tự chưa từng là chẳng hại.

Tam Tạng mười hai bộ kinh là do Phật Thích Ca giả lập, cũng do Phật phủ định; Giả lập là vì độ chúng sanh, phủ định vì khỏi làm hại cho chúng sanh. Nếu giả lập mà chẳng thể phủ định thì chẳng phải là Phật; Nếu phủ định mà chẳng thể giả lập cũng chẳng phải là Phật. Vì hay giả lập cũng hay phủ định, nên Phật Pháp mới được viên dung vô ngại, thuần túy trọn vẹn mà chẳng có chỗ khuyết điểm.

Phật từng thuyết “Vô thường, khổ, không, vô ngã” rồi ngay đó phủ định liền; Phật từng thuyết “Tứ Đế; Thập Nhị Nhân Duyên” rồi cũng ngay đó phủ định liền; Phật từng thuyết “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác” rồi cũng ngay đó phủ định liền, nói giả, chẳng thật, bất khả đắc. Phật thuyết pháp như thế mới chẳng bị kẹt nơi danh tướng, dẫn dắt vào nơi tuyệt đối mà chẳng có gì cả. Hoặc có người muốn dựa theo kinh điển pháp môn để vấn nạn Phật, mà chẳng biết những kinh điển, những pháp môn đó Phật đã mỗi mỗi tự phủ định rồi! Phật vừa nói liền phá, cho đến chẳng lưu lại một chữ, chẳng còn dấu tích để tìm thì đâu còn gì để cho họ chỉ

trích ư! Nên người vẫn nạn Phật muốn báng Phật, cũng như dùng nắm tay đánh hư không, như ngược mặt phun nước miếng lên trời, mong chẳng tự làm nhơ cho mình cũng chẳng được. Được hiểu như thế rồi mới có thể học Phật tham thiền.

2. SỰ KHÁC BIỆT CỦA TÔNG MÔN VÀ GIÁO MÔN

Tông Môn; Giáo Môn phân ra riêng biệt bắt đầu từ Trung Quốc mà căn cứ nơi Kinh Lăng Già. Phật bảo:

- Đại Huệ! Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, có hai thứ tướng thông: Gọi là Tông Thông với Thuyết Thông. Nói Tông Thông là do tự mình chứng đắc tướng thắng tiến, xa lìa ngôn thuyết văn tự vọng tưởng, rồi ngộ nhập Tự Tướng tự giác địa nơi giới vô lậu, xa lìa tất cả giác tưởng hư vọng, hàng phục tất cả bọn ma ngoại đạo, do tự giác phát huy ánh sáng, ấy là tướng Tông Thông. Thế nào là tướng Thuyết Thông? Nói thuyết đủ thứ giáo pháp nơi chín bộ kinh, lìa các tướng đồng, dị, và có, không, dùng phương tiện tinh xảo để tùy thuận chúng sanh, ứng cơ thuyết pháp khiến được độ thoát, ấy gọi là tướng Thuyết Thông. Đại Huệ! Người và các Bồ Tát nên tu học.

Phật nói “Tông Thông” là pháp thiền thực tiến do mình tự tham tự chứng; Nói “Thuyết Thông” là pháp sư giảng giáo lý, thuyết pháp tự tại, chẳng lìa

tự tánh, chẳng đọa nhị biên. Một là trực tiếp, một là gián tiếp; Một do tâm hành, một do khẩu thuyết. Đức Phật hoằng pháp lợi sanh, đại khái chẳng ngoài hai lối này. Hai thứ phương pháp dù chẳng đồng, nhưng mục đích cuối cùng chỉ là một, nếu xét kỹ lại thì Tông chẳng lìa Giáo; Giáo chẳng lìa Tông. Xưa nay Tông Môn dù nói chẳng lập văn tự, chẳng trọng kinh điển, nhưng Thế Tôn sau khi niêm hoa thị chúng rồi liền nói: “Ta có Chánh Pháp Nhãm Tạng; Niết Bàn Diệu Tâm - Thật Tướng Vô Tướng - Vi Diệu Pháp Môn - Chẳng Lập Văn Tự - Giáo Ngoại Biệt Truyền - Chỉ Thắng Tâm Người - Thấy Tánh Thành Phật”. Tám câu này tức là ngôn ngữ, tức là giáo lý, cho đến Tổ Đạt Ma lấy Kinh *Lăng Già* truyền cho ngài Huệ Khả, Ngũ Tổ Hoằng Nhãm lấy Kinh *Kim Cang* truyền thọ ngài Huệ Năng; Từ Tổ có *Pháp Ngữ*; Lục Tổ có *Pháp Bảo Đàm*, ấy đều chứng tỏ Tông chẳng lìa Giáo vậy.

Lại như trong giáo điển *Hoa Nghiêm*; *Niết Bàn*; *Viên Giác*; *Lăng Nghiêm*; *Kim Cang*; *Lăng Già* đều trực thị tông chỉ chẳng lìa pháp thân, ấy đều chứng tỏ Giáo chẳng lìa Tông. Nên Chứng Đạo Ca nói: “Tông cũng thông, thuyết cũng thông, định huệ sáng tròn chẳng kẹt không”. Chúng sanh thời mạt pháp chẳng rõ ý chỉ này, vì tiên nhập làm chủ, nên ít người thông suốt, lại mỗi mỗi tự lập cửa ải, bài xích

lẫn nhau; Kẻ học Thiền thì chấp Tông mà đè Giáo, kẻ học Giáo Môn thì chấp Giáo mà khinh Tông. Thật ra Tông lìa Giáo thì đọa nơi rỗng không, Giáo lìa Tông thì thành ra tạp loạn, Tông với Giáo như hai bánh của xe, chẳng thể phế bỏ bánh xe nào.

Hành giả Tông Môn dụng công tham thiền, ngoài việc thân cận Thiện Tri Thức, hiểu rõ phương tiện dụng công đúng đắn, vẫn cần biết rõ cảnh giới chẳng đồng của bốn thừa và sự khác nhau của phương pháp dụng công, mới chẳng lầm nhận cho Tiểu Thừa là Đại Thừa, lạc vào lối té, chẳng thể đạt đến minh tâm kiến tánh.

Muốn rõ bốn thừa cũng nên xem kinh điển giáo lý; Người học giáo lý đã rõ bốn thừa rồi, cần phải chọn tham thực chứng mới được minh tâm kiến tánh. Nếu chẳng minh tâm kiến tánh, dù kinh điển văn tự chứa đầy bụng, biện tài như suối chảy, ngồi bút viết ra muôn ngàn văn chương, với bản thể của Phật Tánh đều chẳng dính dáng, thậm chí hiểu lầm ý Phật, tự ý phát huy để di hại cho kẻ hậu học.

3. ĐẠI Ý CỦA BỐN THỪA

Chữ Phật còn thuộc giả danh, huống là bốn thừa ư! Nhưng Đức Phật đại bi cứu thế, phương tiện độ sanh, vì tùy căn cơ sâu cạn của chúng sanh nên giả thiết đủ thứ ngôn giáo dùng để tu tập, theo thời ứng cơ, tùy nghi lập giáo, như lương y trị bệnh, tùy bệnh

cho thuốc, nên có những thí dụ như xe dê, xe nai, xe trâu (*Tam Thừa*) và Hóa Thành (*Nửa đường*), Bửu Sở (*Quả Phật*) v.v... Khổ tâm áy thật là chiếu sáng muôn đời.

Tất cả pháp có thể nói ra đều thuộc tương đối, pháp tương đối phải tùy theo không gian và thời gian biến đổi, vốn chẳng thật thể. Nên Đức Phật thuyết pháp vừa thuyết liền phá: Ban sơ Phật đã từng vì chúng sanh thuyết diệu lý của chơn như Pháp Thân, ý chỉ huyền ảo vi diệu, chúng đều bỏ đi. Rồi trở lại thuyết pháp môn Tiểu Thừa, người nghe mới tin được. Đến khi đồ chúng tu Tiểu Thừa đã quen thuộc, ham thích Thiền vị, chỉ tự độ thân mình, Phật lại quở rằng “Đây chẳng phải cứu cánh, chưa lìa hẳn sanh tử, nên tu Trung Thừa”.

Đồ chúng mới chuyển tu Trung Thừa, đạt nơi ngã, pháp đều không, Phật lại quở rằng: “Đây vẫn chưa cứu cánh, tập khí từ vô thi chưa sạch, cũng còn biến dịch sanh tử, nên tu Đại Thừa”. Từ đó chúng mới chuyên tu pháp Đại Thừa, đến khi căn cơ thuần thục, Phật mới trực thị pháp Tối Thượng Thừa, kẻ tu hoát nhiên đại ngộ, thấu triệt bản tâm chẳng sanh chẳng diệt, chẳng biến chẳng khác, sẵn sàng viên mãn, chẳng do tạo tác, mới biết Phi Tâm; Phi Phật; Phi Vật, cuối cùng chẳng có pháp nào để đắc, nói “Pháp Môn” chỉ là nói suông, nói

“Bốn Thừa” đều là hí luận, khi ấy mới tin Phật nói “Chẳng thuyết một chữ, chẳng đáp một chữ” chẳng phải cố ý bày đặt sự huyền bí.

Nay lược thuật cảnh giới bốn thừa như sau:

TIỂU THỪA: Cũng gọi là Thanh Văn Thừa, do nghe thanh giáo của Phật mà ngộ lý Tứ Đế, đoạn dứt kiến hoặc, chứng nhập Niết Bàn Tiểu Thừa, ấy là lối tu hạ căn trong đạo Phật. Kinh Thắng Man Hữu Quật nói: “Hai chữ Thanh Văn là kẻ hạ căn theo giáo lập tên, THANH tức là giáo vậy.”

Pháp môn Tứ Đế của thừa Thanh Văn sở tu túc Khổ, Tập, Diệt, Đạo. KHỔ là cái quả thọ báo, TẬP là cái nhân chiêu quả, DIỆT là đắc quả tịch diệt, ĐẠO là lối tu để đoạn trừ cái nhân chiêu quả. Nói một cách khác, tu theo Tứ Đế tức biết Khổ đoạn Tập, mộ Diệt tu Đạo, đế là ý nghĩa xác thật. Cách tu của họ là đoạn dứt công dụng của lục căn, lảng tâm tịnh lự, cho đến chỉ còn một chút niệm trong sạch, ấy là cảnh giới của Tiểu Thừa đạt đến, quả cùng tột gọi là A La Hán.

Động cơ của người tu Tiểu Thừa vì nhảm chán phiền não sanh tử mà cầu thanh tịnh tịch diệt, cho rằng trong linh tánh vốn chẳng phiền não, tất cả khổ đều do lục căn chiêu tập mới có, nên muốn được sự vui của thanh tịnh tịch diệt chỉ có tu đạo, làm cho công dụng của lục căn dừng lại, chẳng sanh tác dụng

chiêu tập; Mắt chẳng thấy, tai chẳng nghe, mũi chẳng ngửi, lưỡi chẳng nếm, thân chẳng xúc, ý chẳng tưởng. Công dụng của lục căn đã dứt sạch, sáu cửa đã đóng kín, trong linh tánh chỉ còn một niệm thanh tịnh, tịch tịnh an lạc, ấy là đạo quả sở chứng của Tiểu Thừa. Nhưng lục căn dù tạm dứt, mà một niệm thanh tịnh chưa được buông bỏ, ắt chẳng phải cứu cánh.

TRUNG THỪA: Cũng gọi Duyên Giác Thừa, do quán nhân duyên mà ngộ đạo, xưa nay xưng Bích Chi Phật, dịch nghĩa là Độc Giác.

Pháp môn của Trung Thừa là Thập Nhị Nhân Duyên, tức VÔ MINH duyên HÀNH, hành duyên THỨC, thức duyên DANH SẮC, danh sắc duyên LỤC NHẬP, lục nhập duyên XÚC, xúc duyên THỌ, thọ duyên ÁI, ái duyên THỦ, thủ duyên HỮU, hữu duyên SANH, sanh duyên LÃO TỬ. Thập nhị chi (*Mười hai nhánh*) này bao gồm quá khứ, hiện tại, vị lai, tam thế nhân quả tuần hoàn chẳng dừng.

Ở đây VÔ MINH là nhất niệm vô minh, cũng gọi là tánh nhất niệm vọng động, chẳng phải vô thi vô minh. Do bất giác khởi niệm, bèn sanh đủ thứ phiền não, tạo đủ thứ thiện ác nghiệp, gọi là HÀNH, hai chi này là nhân dời trước. THỨC là nghiệp thức, như thân trung ấm bị nghiệp lôi kéo mà đến đầu thai; DANH SẮC là lúc ở trong thai, sắc thân chưa thành,

tứ ám Thọ, Tưởng, Hành, Thức chỉ có tên gọi, chưa có thật chất. LỤC NHẬP là ở trong thai lục căn đã hoàn thành, là chỗ sở nhập của lục trần. XÚC là sau khi sanh ra, lục căn tiếp xúc lục trần; THỌ là lãnh thọ các cảnh giới thuận nghịch, năm chi này là quả đang thọ ở đời này. ÁI là đối với cảnh trần có sở ái, THỦ là chấp thủ việc mình ham muốn, HỮU là có quyền sở hữu, cho mình được tùy ý chi phối, ba chi này là nhân sở đắc của đời này, đời này tạo nghiệp nhân thì đời sau báo ứng nghiệp quả. SANH là tùy theo sự gieo nghiệp nhân thành chủng tử để thọ sanh nơi kiếp sau, LÃO TỬ là kiếp sau đã có sanh, ắt phải có lão tử, hai chi này là quả báo phải thọ ở đời sau. Ấy là đại khái của Thập Nhị Nhân Duyên.

Kẻ tu pháp Trung Thừa quán xét chúng sanh trong tam thế đều bị thập nhị nhân duyên chi phối, mà thập nhị nhân duyên thì nương nhất niệm vô minh sanh khởi, cho rằng Tiểu Thừa chưa thể phá nhất niệm này, nên chưa đạt cứu cánh. Nếu được đoạn dứt nhất niệm này thì vượt ra ngoài tam thế, liễu thoát sanh tử. Nên cách dụng công của họ là muốn quét sạch nhất niệm vô minh, đạt đến cảnh giới mênh mông trống rỗng chẳng có gì cả, tự cho là đã chứng Niết Bàn, mà chẳng biết đã lọt vào vô thiê vô minh. Cái cảnh giới trống rỗng chẳng có chi cả, cũng gọi là “Không Chấp”, linh tánh ám muội,

chẳng khác gì gỗ đá! Huống chi nhất niệm dù tạm dừng, nếu bị kích thích vẫn có thể nổi lại, nên sở chứng của Trung Thừa cũng chưa cứu cánh.

ĐẠI THỪA: Cũng gọi là Bồ Tát Thừa, pháp sở tu là sáu Ba La Mật, cũng gọi Lục Độ. Sáu Ba La Mật là: Bồ Thị; Trì Giới; Nhẫn Nhục; Tinh Tấn; Thiền Định; Bát Nhã.

Người tu Đại Thừa gọi là Bồ Đề Tát Đỏa; Bồ Đề dịch là Giác; Tát ĐỎa dịch là Hữu Tình; Ý là Giác Ngộ chúng sanh hữu tình, gọi tắt là Bồ Tát. Tức chúng sanh phát đại tâm Bồ Đề, lấy tâm Bồ Đề làm thể để tự độ, lấy tâm đại bi làm dụng để độ tha, tự tha kiêm lợi, nên xưng Đại Thừa.

Phẩm Thí Dụ trong *Kinh Pháp Hoa* rằng: “Nếu có chúng sanh nơi Phật Thế Tôn nghe pháp tín thọ, tinh tấn tu hành, cầu Nhất Thiết Trí; Phật Trí; Tự Nhiên Trí; Vô Sư Trí; Vô Sở Úy; Dùng sức tri kiến của Như Lai thương xót vô lượng chúng sanh, độ thoát tất cả Trời, Người đều được lợi ích an lạc, ấy gọi là Đại Thừa.

Lục độ bao gồm tam học Giới; Định; Huệ, mà lấy pháp Thiền Na làm chủ yếu để dụng công. Người tu Đại Thừa biết nhất niệm vô minh chẳng thể phá, nên lợi dụng nhất niệm vô minh để phá tan vô thi vô minh mà được kiến tánh, ấy là phương pháp

dùng tướng cướp (*Nhất niệm vô minh*) để bắt vua cướp (*Vô thi vô minh*) vậy.

TỐI THƯỢNG THỪA: Cũng gọi là Phật Thừa. Khi đã minh tâm kiến tánh, hiển hiện Phật Tánh Chơn Như, phát huy diệu lý tuyệt đối, chỉ có kẻ chứng với kẻ chứng mới hiểu nhau được, nên Thế Tôn niêm hoa, Ca Diếp mím cười; Ca Diếp giơ tay, A Nan hiệp chưởng, dùng tâm ấn tâm, khế hợp ăn khớp, trình bày trước mắt, chẳng nhờ ngôn thuyết, là pháp tối cao cùng tột, chẳng còn gì hơn, ấy là Tối Thượng Thừa Thiền.

Tiểu Thừa đoạn lục căn, Trung Thừa đoạn nhất niệm vô minh, Đại Thừa đoạn vô thi vô minh, Tối thượng thừa trực chỉ chơn như Phật Tánh, đây là đại ý của bốn thừa. *Kinh Pháp Bảo Đàm* nói: “Pháp chẳng bốn thừa, do tâm người tự có sai biệt mà hình thành; Thấy, nghe, đọc tụng là Tiểu thừa, hiểu nghĩa ngộ pháp là Trung Thừa, y pháp tu hành là Đại Thừa, vạn pháp đều thông, vạn pháp săn sàng, tất cả chẳng nhiễm, lìa chư pháp tướng, trọn vô sở đắc, gọi là Tối Thượng Thừa”. Thế thì đại ý của bốn thừa đã rõ ràng.

Hòa Thượng Triệu Châu nói: “Ta chẳng thích nghe một chữ PHẬT”, còn nói: “Hễ Lão tăng niệm Phật một tiếng phải súc miệng ba ngày”. Nếu thấu rõ lời này thì chẳng bị bốn thừa trói buộc.

4. MỤC ĐÍCH CỦA THAM THIỀN

Mục đích của tham thiền là gì? Là muốn minh tâm kiến tánh. Cái quả minh tâm kiến tánh như thế nào? Là thấu triệt bốn nguyên, vượt ngoài tam giới, liễu thoát sanh tử, chẳng thọ hậu hưu, độ mình độ người, phổ lợi chúng sanh, ấy là mục đích cuối cùng của loài người.

Nhưng muốn minh tâm kiến tánh, trước tiên phải rõ thế nào là tâm tánh: Tâm Tánh là Bổn Nguyên Tự Tánh của chúng sanh, cũng gọi Phật Tánh, hoặc gọi Chơn Như, Như Lai; Thiền Tông gọi là Bổn Lai Diện Mục; Thanh Tịnh Pháp Thân. Duy Thức Tông gọi là Tự Thân Tịnh Độ; Thường Tích Quang Tịnh Độ; Tam Luận Tông gọi là Thật Tướng Bát Nhã; Luật Tông gọi là Bổn Nguyên Tự Tánh; Kim Cang Bữu Giới. Thiên Thai Tông gọi là Tự Tánh Thật Tướng, Hoa Nghiêm Tông gọi là Nhất Chơn Pháp Giới; Mật Tông gọi là Tịnh Bồ Đề Tâm v.v... Danh hiệu dù nhiều, bản thể chỉ một. Duy Thức Luận nói: “Chơn là chơn thật, tỏ chẳng hư vọng; Như là như thường, tỏ chẳng biến đổi. Nghĩa là cái chơn thật này, nơi tất cả pháp thường như bản tánh, nên gọi Chơn Như”. Kinh Duy Ma Cật nói: “Như là chẳng hai chẳng khác”. Kinh Kim Cang nói: “Như Lai là chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu”.

Theo những kinh luận kể trên, nói “Tâm Tánh” là chỉ ngay Chơn Tâm Tự Tánh, chẳng phải tâm tánh của người đời. Người đời nói “Tâm” ấy là vọng tâm, tức vô minh, nay muốn minh tâm là minh cái tâm chơn thật cùng tột, nên gọi là CHƠN NHỰ.

Kinh Hoa Nghiêm phát huy cái lý của Chơn Như Phật Tánh rất tường tận, trong phẩm Thập Hồi Hướng nói: “Siêng tu tất cả pháp xuất thế gian, đối với thế gian vô thủ vô y, đối với diệu đạo chánh kiến kiên cố, thấu pháp chơn thật, lìa chư vọng kiến; Ví như chơn như, khắp tất cả nơi, chẳng có ngăn mé; Ví như chơn như, chơn thật làm tánh; Ví như chơn như, thường giữ bản tính, chẳng có biến đổi; Ví như chơn như, nơi tất cả pháp, vô tánh làm tánh v.v... (Còn rất nhiều, nay lược bỏ chẳng kể xiết).

Đây là cảnh giới chơn như Phật Tánh do Phật với Tổ đích thân chứng nhập, rồi dùng ngôn ngữ phương tiện khai thị cho chúng sanh, chúng sanh nghe rồi, hoặc ngơ ngác chẳng hiểu nói gì, hoặc biết được đại ý nhưng chẳng thể cho là minh tâm kiến tánh; Nghe rồi được hiểu gọi là giải ngộ, cần phải tự tham tự chứng, đích thân thấy rõ, mới có thể gọi là Chứng Ngộ, sở chứng với Phật chẳng khác, nên gọi Kiến Tánh Thành Phật.

Thường có kẻ thông minh lanh lợi, xem nhiều kinh điển mà được giải ngộ, giảng giải cho người

khác nghe, biện tài như suối chảy mà thật thì chẳng biết chơn như Phật Tánh là vật gì. Cũng như người chưa từng đến thăng cảnh Tây Hồ, chỉ xem du ký của người khác, lại diễn tả cho người khác nghe giống như đã từng đi qua, thật thì chưa từng đích thân thấy thăng cảnh ấy, nếu gặp người đã từng du lịch Tây Hồ, hỏi về chơn cảnh ấy thì ngơ ngác chẳng thể trả lời. Vì thế nên Thiền Tông chủ trương chỉ thăng tâm người, chẳng lập văn tự là vậy.

Nên biết, muốn minh tâm kiến tánh toàn nhờ chơn thật tham chứng, người khác chẳng thể thay thế được. Chẳng quý đa văn, chỉ quý thấy ngay, từ ngoài cửa vào chẳng phải gia bửu, lời của người khác nói chẳng dính dáng với mình.

Xưa kia Hòa Thượng Hương Nghiêm ở trong hội Bá Trượng, thông minh lanh lợi, hỏi một đáp mười, bị Qui Sơn hỏi: “Khi cha mẹ chưa sanh nói thử một câu xem!”. liền ngơ ngác chẳng đáp được. Về liêu phòng tìm hết thấy văn tự xem qua, muốn tìm một câu để trả lời trọn chẳng thể được, than rằng: “Bánh vẽ chẳng thể cứu đói”, cứ xin Qui Sơn nói trăng ra.

Qui Sơn nói: Ta nói cho ngươi thì ngươi về sau sẽ mắng ta; Ta nói là việc của ta, chẳng dính dáng với ngươi.

Hương Nghiêm bèn lấy tất cả ngôn giáo đốt bỏ, thăng qua Nam Dương, nghỉ tại di tích của Huệ

Trung Quốc Sư, tham cứu lâu ngày, một hôm nhổ cỏ, ngẫu nhiên quăng miếng trúng nhầm cây tre phát ra tiếng, hoát nhiên tĩnh ngộ, liền về tắm gội dốt nhang, hướng về phía Qui Sơn lê bái rằng: “Hòa Thượng đại từ, ân hơn cha mẹ, nếu lúc đó vì con nói trăng ra thì đâu có việc kiến tánh hôm nay!”.

Do đó mà xem, Thiền Tông chẳng lập văn tự, chỉ chú trọng tham chứng, mà được tôn là phương thuốc hay của minh tâm kiến tánh, pháp thiền của Thiền Tông được phổ biến khắp Trung Quốc, đâu phải việc ngẫu nhiên!

5. CÁC LOẠI THIỀN

Thiền là phương pháp tu hành chủ yếu của nhà Phật, các tông Đại, Tiểu Thừa đều có pháp thiền chuyên môn, ngoại đạo tà sư cũng mỗi mỗi kiến lập pháp thiền của họ, tà chánh lẫn lộn, tên gọi rất nhiều. Cho nên người tu tập pháp thiền của Tông Môn, trước tiên phải hiểu rõ pháp thiền của các tông và phân biệt tà, chánh, chơn, ngụy, rồi mới chẳng bị lầm vào lối té, chẳng phân biệt được trắng đen. Người xưa vì đáp sai một chuyển ngữ, đọa thân chồn năm trăm đời, hành giả nên cẩn thận! Phàm phá ngã chấp là chánh, chấp ngã là tà, lối tu theo ngã chấp là ngoại đạo; Tu đúng theo tông chỉ là chơn, không đúng tông chỉ là ngụy, nay đại khái đưa ra các loại thiền như sau:

1. TỐI THƯỢNG THÙA THIỀN

Hành giả sau khi chứng ngộ, trong tâm thắt thông bát đạt, tùy tiện đề ra một pháp đều là Phật pháp, nói ngược nói xuôi chẳng lia chør như, tất cả từ chør tâm minh chảy ra, che thiền ngập địa, từ Thế Tôn niêm hoa thị chúng cho đến Tổ Sư hét, gậy, chửi mắng. Điều là trực chỉ chør như, trọn mâm đem ra. Kẻ hoát nhiên kiến tánh thì chẳng cách to hào, nếu còn do dự bèn cách xa muôn dặm, ấy là Tối Thượng Thùa Thiền.

2. NHƯ LAI THIỀN VỚI TỔ SƯ THIỀN

Như Lai Thiền là Thiền Giáo Môn, chứng nhập từng bậc như: Thập Tín; Thập Trụ; Cho đến Thập Địa; Đẳng Giác, còn có thể giải thích. Tổ Sư Thiền thì không có thứ bậc, thẳng vào bản thể Phật Tánh, chẳng thể giải thích. Người xưa có một việc chứng tỏ:

Hòa Thượng Hương Nghiêm sau khi chứng ngộ, thuyết bài kệ trình ngài Qui Sơn rằng:

Tiếng trúc quên sở tri,
 Chẳng cần nhờ tu trì.
 Động dụng hiển lối xưa,
 Chẳng dọa nơi vắng lặng.
 Mỗi mỗi chẳng dấu tích,
 Thanh sắc ngoài oai nghi.
 Người đạt đạo bốn phương,
 Đầu xứng thượng thượng cơ.

Qui Sơn nghe rồi bảo Nguõng Sơn rằng: “Ông này đã triệt ngộ”. Sau Nguõng Sơn soát xét lại, Hương Nghiêm thuyết kê rằng:

**Năm xưa nghèo chưa phải nghèo,
Năm nay nghèo mới thật nghèo.
Năm xưa nghèo còn có đất cẩm dùi,
Năm nay nghèo dùi cũng không.**

Nguõng Sơn nói: Như Lai Thiền thì cho sư đệ ngộ, Tổ Sư Thiền thì chưa.

Hương Nghiêm lại nói bài kê khác:

**Ta có một cơ,
Nháy mắt nhìn y.
Nếu còn chẳng ngộ,
Chớ gọi Sa di.**

Nguõng Sơn bảo với Qui Sơn rằng: Mừng cho Nhàn sư đệ đã ngộ Tổ Sư Thiền.

3. THIỀN NA THIỀN VÀ BÁT NHÃ THIỀN

Thiền Na Thiền là pháp thiền thứ năm trong sáu Ba La Mật, Bát Nhã Thiền là sau khi đã minh tâm kiến tánh, phát huy đại dụng để độ người như việc niêm hoa thị chúng.

4. NHẤT VỊ THIỀN VÀ NGŨ VỊ THIỀN

Phá tan hầm sâu vô minh, minh tâm kiến tánh, đốn siêu Phật địa, vào cảnh giới bất nhị, gọi là Nhất Vị Thiền. Ngoại Đạo Thiền; Phàm Phu

Thiền; Tiểu Thừa Thiền; Đại Thừa Thiền; Tối Thượng Thừa Thiền, gọi chung là Ngũ Vị Thiền.

5. BA THỨ TỊNH QUÁN THIỀN

Túc Sa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề và Thiền Na. Như *Kinh Viên Giác* đã có giải thích kỹ càng về ba thứ Thiền Quán này.

6. KHÔ MỘC THIỀN (THIỀN CÂY KHÔ)

Những pháp thiền chấp ngồi suốt ngày đêm chẳng nhúc nhích như dựng cây khô, cho ngồi lâu là cao, gọi là Khô Mộc Thiền.

7. THAM THIỀN LÀM DỤNG CÔNG RẤT DỄ PHẠM NHỮNG BỆNH SAU ĐÂY:

1) CHỈ bệnh: Đề néo tất cả tư tưởng miến cương dừng lại, như nước biển chẳng nổi sóng, chẳng nổi một bọt nhỏ. Tiểu Thừa đoạn dứt lục căn, Đạo Giáo thanh tịnh quả dục, tuyệt thánh bỏ trí đều thuộc bệnh này, Phật Tánh thì chẳng hợp với CHỈ.

2) TÁC bệnh: Bỏ vọng lấy chơn, lấy niệm xấu đổi niệm lành, nghịch trần hợp giác, nghịch giác hợp trần; Phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân, Lão Tử “Thường vô dục để quán diệu, thường hữu dục để quán sai”; Khổng Tử “Chánh tâm thành ý”, nhà Nho “Trừ bỏ ích kỷ của dục vọng, tồn tại chánh tâm của thiên lý”, ấy đều thuộc về bệnh này, Phật Tánh chẳng do TÁC mà Đắc.

3) NHẬM bệnh: Tư tưởng khởi cung mặc kệ, diệt

cũng mặc kệ, chẳng dứt sanh tử, chẳng cầu Niết Bàn, chẳng trụ và chấp trước tất cả tướng, chiếu mà thường tịch, tịch mà thường chiếu, đối cảnh vô tâm, nhà Nho “Lạc thiên tri mệnh”, Đạo giáo “Trở về tự nhiên”, “Trở về hài nhi”... đều thuộc bệnh này, Phật Tánh chẳng do NHẬM mà có.

4) DIỆT bệnh: Tất cả tư tưởng dứt sạch, mênh mông trống rỗng đồng như gỗ đá, Trung Thừa phá nhất niệm vô minh, Trang Tử “Tọa vong”; Nhà Nho “Ngã tâm vũ trụ” và chơn lý của sáu thứ ngoại đạo ở Ấn Độ đều thuộc bệnh này, Phật tánh chẳng phải do DIỆT mà có.

Tham thiền lầm dụng công phu nếu phạm bốn bệnh kể trên thì sẽ lầm nhận Tứ Tướng, nay lược giải như sau:

1) NGÃ TUỐNG: Tức ngã chấp. Tiếu Thừa khi đã dứt lục căn, tiếu ngã đã diệt, lại vào cảnh giới đại ngã, lúc ấy tâm lượng rộng lớn, thanh tịnh tịch diệt, hình như đầy khắp vũ trụ. Nhà triết học Hy Lạp nói “Đại Ngã”; “Thượng Đế”; Lão Tử “Nhấp nhoáng trong đó có tượng, nhấp nhoáng trong đó có vật; Sâu xa mịt mù, trong đó có tinh” đều thuộc cảnh giới NGÃ TUỐNG.

2) NHƠN TUỐNG: Tức pháp chấp. Khởi niệm sau để phá niệm trước; Ví như niệm trước có ngã, niệm sau chẳng nhận là ngã, rồi lại khởi một

niệm nữa để phá cái niệm “Chẳng nhận là ngã”, nối liền như thế cho đến vô ngã, nhưng kiến giải “Phá” vẫn còn, ấy là nhơn tướng. Trang Tử nói: “Ta nay mất ngã” tức là NHƠN TƯỚNG.

3) CHÚNG SANH TƯỚNG: Cũng là pháp chấp. Cảnh giới này ngã tướng, nhơn tướng đều chẳng thể đến, tức là chúng sanh tướng. Nhà Nho nói: “Mừng, giận, buồn, vui khi chưa phát gọi là trung”. Thư Kinh nói: “Duy tinh duy nhất, nên chấp nơi trung”, chữ TRUNG này tức chúng sanh tướng.

4) THỌ GIẢ TƯỚNG: Tức Không chấp. Tất cả tư tưởng đều đã ngưng nghỉ, tất cả thị phi, thiện, ác đều đã quên mất, trong đó trống rỗng chẳng có chi cả, đồng như mạng căn. Lục Tổ gọi là Vô Ký Không, Nhị thừa nhận lầm cho là cảnh giới Niết Bàn, kỳ thật chính là vô thi vô minh. Thiền Tông gọi là “Hầm Sâu Vô Minh”, hầm sâu đen tối mịt mù, Đạo Giáo nói “Vô Cực” tức cảnh giới này.

Bốn tướng kể trên đều thuộc pháp hữu vi, đều chẳng cứu cánh, nên *Kinh Viên Giác* nói: “Chúng sanh thời mạt pháp chẳng rõ bốn tướng, dù khổ hạnh tu tập trải qua nhiều kiếp, chỉ gọi là hữu vi, rốt cuộc chẳng thể thành tựu tất cả Thánh quả”. *Kinh Kim Cang* nói: “Có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng át chẳng phải Bồ Tát” là chỉ rõ bốn thứ cảnh giới này đều chẳng phải

chánh pháp. Người trí kém thường nói “Tam giáo cùng nguồn”, nếu được rõ tinh nghĩa bốn tướng này thì biết tam giáo cách nhau như trời với đất.

Vì phạm bốn bệnh bèn làm nhận kiến, văn giác, tri là Phật tánh:

Huệ Trung Quốc Sư hỏi một thiền giả từ đâu đến?

Đáp: Từ miền nam đến.

Hỏi: Miền nam có thiện tri thức nào?

Đáp: Tri thức rất nhiều.

Hỏi: Làm sao dạy người?

Đáp: Tri thức miền nam khai thị người học “Tức tâm là Phật, nghĩa Phật là giác, nay người săn đủ kiến, văn, giác, tri, tánh này nhường mày nháy mắt, vận dụng khứ lai, khắp trong cơ thể, búng đầu đầu biết, búng chân chân biết, nên gọi Chánh Biến Tri, ngoài ra chẳng có Phật khác”. “Thân này có sanh diệt, tâm tánh từ vô thi đến nay chưa từng sanh diệt, thân sanh diệt như con rắn lột da, người ra nhà cũ, thân là vô thường, tánh thì thường”, sở thuyết của miền nam đại khái như thế.

Sư nói: Nếu vậy thì chẳng khác với bọn ngoại đạo Tiên ni, họ nói “Trong thân này có một thần tánh, tánh này hay biết đau ngứa, khi thân hoại thì thần ra đi, như nhà bị cháy chủ nhà ra đi. Nhà là

vô thường, chủ nhà là thường". Nếu nói như thế thì chẳng phân biệt được tà chánh, lấy gì là đúng!

- Trước kia ta đi du phương gặp nhiều bọn này, tụ chúng năm ba trăm, mắt ngó mây trời, nói là tông chỉ miền Nam, tự sửa đổi *Kinh Pháp Bảo Đàn*, lược bỏ Thánh ý, thêm vào lời tục để mê hoặc hậu học, đâu còn ngôn giáo! Khổ thay! Mất cả Tông ta! Nếu cho kiến, văn, giác, tri là Phật Tánh thì Duy Ma Cật chẳng nên nói “Pháp lìa kiến, văn, giác, tri, nếu hành kiến, văn, giác, tri, ấy là kiến, văn, giác, tri, chẳng phải cầu pháp vậy.

Huỳnh Bá Truyền Tâm Pháp Yếu nói: “Cái tâm bốn nguyên thanh tịnh này thường tự sáng tròn chiếu khắp, người đời chẳng ngộ, chỉ nhận kiến, văn, giác, tri là tâm, bị kiến, văn, giác, tri che khuất, nên chẳng thấy bản thể tinh minh. Hễ ngay đó vô tâm thì bản thể tự hiện như mặt trời trên hư không, chiếu khắp mười phương chẳng chướng ngại. Người học đạo nên ở nơi kiến, văn, giác, tri nhận bản tâm, nhưng bản tâm chẳng thuộc kiến văn giác tri, cũng chẳng lìa kiến, văn, giác, tri, chớ nên ở nơi kiến, văn, giác, tri sanh khởi kiến giải, chớ nên ở nơi kiến, văn, giác, tri động niệm; Cũng chớ lìa kiến, văn, giác, tri tìm tâm, cũng chớ bỏ kiến, văn, giác, tri cầu pháp, chẳng tức chẳng lìa, chẳng trụ chẳng chấp, tung hoành tự tại, nơi nào chẳng phải đạo tràng!”.

8. LỤC TỔ VỚI THẦN TÚ

Thần Tú nói “Thân như cây Bồ đề, tâm như dài gương sáng, luôn luôn siêng lau chùi, chớ cho dính bụi trần”. Kiến, văn, giác, tri dù cho gương sáng, vọng niệm như bụi dính gương, siêng lau chùi dù cho dứt sạch vọng niệm, chớ cho dính bụi dù chẳng cho vọng niệm sanh khởi.

Thật ra kiến, văn, giác, tri vốn hay khởi vọng niệm, là chẳng thể dứt sạch được. Ví như nguồn suối ngày đêm chảy nước, dứt rồi lại chảy nữa, vĩnh viễn dứt không được. Cho nên người nhận kiến, văn, giác, tri là Phật Tánh vốn sai lầm, tu hành vô ích.

Lục Tổ nói: “Bồ đề vốn chẳng cây, gương sáng cũng chẳng dài. Vốn là chẳng một vật, nơi nào dính bụi trần?”. Lục Tổ đã minh tâm kiến tánh, nên kệ này hiển thị Phật Tánh chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thọ huân nhiễm, bẩn lai thành Phật, là đứng trên quả vị chơn như mà nói. “Vốn chẳng một vật” là chỉ thảng Phật tánh vốn chẳng khởi vọng niệm, nên biết khởi vọng niệm là kiến, văn giác tri; Chẳng khởi vọng niệm là Phật Tánh. Nếu Phật Tánh với kiến, văn, giác, tri chẳng phân biệt rõ ràng thì dụng công học Phật ắt phải sai lầm.

Thần Tú cho kiến, văn, giác tri là Phật Tánh, nhưng sai lầm ấy chẳng phải chỉ có một mình Thần Tú. Sai lầm ấy truyền nhau từ đời Lục

Triều, là chịu ảnh hưởng của học thuyết Lão Tử nói: “Đạo sanh một, một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật, vạn vật cõng âm mà ôm dương, từ âm dương của vạn vật trở về ba, hai, một rồi tới đạo”. Bên ngoài thì nói danh từ của Phật pháp, bên trong là lý đạo của Lão Tử, truyền nhau đến đời này, chẳng biết lầm, hại bao nhiêu nhà học Phật với những cao Tăng thông minh, thật đáng thương xót!

Phàm dụng công tu hành, cần nhất là phá vô thi vô minh. *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Phá vô minh đen tối”; *Kinh Viên Giác* nói: “Vô thi huyền vô minh”; *Kinh Thắng Man* nói: “Đoạn vô thi vô minh”; Kinh Lăng Nghiêm nói: “Pháp trần u nhàn”; Tổ Sư Thiền Tông gọi là Vô Ký Không, hầm sâu vô minh, đáy thùng sơn đen, đầu sào trăm thước, hang quỉ núi đen, Giáo Môn gọi là Nguyên Phẩm Vô Minh, căn bản vô minh, bạch tịnh thức v.v... Các Kinh Lăng Già; Niết Bàn và lịch sử Thiền Tông như Chỉ Nguyệt Lục; Truyền Đăng Lục; Ngũ Đăng Hội Nguyên, trong đó nói về dụng công phá vô thi vô minh rất nhiều, chưa thể kể hết.

9. THAM THIỀN LẦM NHẬN HẦM SÂU VÔ MINH LÀ PHẬT TÁNH NHƯ THÁI CỰC ĐỒ THUYẾT CỦA CHÂU LIÊM KHÊ

Châu Liêm Khê là Tổ sáng lập lý học của nhà Nho đời Tống, soạn *Thái Cực Đồ Thuyết*, cho đạo là

trước vô hậu hữu làm căn bản, phối hợp với lý âm dương ngũ hành để thuyết minh thế hệ của vũ trụ vạn vật trở đi trở lại, tuần hoàn hóa sanh mãi mãi. Cái nghĩa “Vô cực thái cực” với học thuyết “Vô danh là bắt đầu của thiên địa, hữu danh là mẹ của vạn vật”, và “Vô vi mà vô bất vi” của Lão Tử đồng một ý chỉ. Nhà Nho vốn chỉ nói Thái Cực, hai chữ “Vô cực” là học thuyết của Đạo Giáo, *Lão Tử Tri Hùng Chương* nói: “Trở về nơi vô cực”, *Trang Tử Đại Tông Sư Thiên* nói “Yếu đào vô cực” Khắc Ý Thiên “Đạm nhiên vô cực” Tại Hựu Thiên “Đạo nơi đồng vô cực”, trong Đạo Tạng có Thái Cực Tiên Thiên Đồ, tác giả là Trần Đồ Nam, người Đạo giáo, ấy là một sản phẩm hồn hợp với Nho và Đạo. Châu Liêm Khê từng theo học với Thích Thọ Nhai ở Hạc Lâm Tự, được bản Thái Cực Tiên Thiên Đồ, rồi sửa lại theo ý mình để kiến lập thế hệ Lý học.

Theo quan điểm của nhà Phật, vô cực tức vô thi vô minh, thái cực tức nhất niêm vô minh. Tại sao? Vô cực vốn vô mà sanh ra hữu, nhất niêm đã sanh tức thái cực, niêm có động tịnh thì phân thành âm dương, âm dương phân thì lưỡng nghi lập, biến hợp mà sanh ngũ hành. Tinh diệu của lưỡng nghi hợp nhau mà có Càn Nam, Khôn Nữ, nhị khí (*Âm dương*), ngũ hành hóa sanh vạn vật rồi vạn vật trở về nơi ngũ hành, ngũ hành trở về âm dương, âm dương trở về nơi thái cực, một lên một xuống, trở

đi trở lại tức là pháp luân hồi sanh diệt, bắt đầu khởi từ vô minh, cuối cùng cũng trở lại nhập nơi vô minh, giống như Thập Nhị Nhân Duyên của thừa Duyên Giác.

Theo thập nhị nhân duyên chỉ nói về tác dụng luân hồi của vô thi vô minh với nhất niêm vô minh, nói cách khác tức là tác dụng của bộ não suy nghĩ, chẳng thể thuyết minh tác dụng của Phật Tánh. Phật Tánh siêu việt luân hồi sanh diệt, vô nhân vô duyên, chẳng động chẳng tĩnh, bốn lai vô sanh nên vô diệt, bốn lai chẳng hữu nên chẳng vô; Sự hữu vô sanh diệt là do tác dụng tương đối của bộ não, chẳng dính dáng với bản thể Chơn Như.

Thái Cực Đồ Thuyết nói vô cực sanh thái cực, thái cực lại sanh âm dương vạn vật, vì có sanh nên có diệt, có sanh diệt tức luân hồi, có luân hồi thì chẳng phải tuyệt đối, nên biết lý vô cực, thái cực là do kiến, văn, giác, tri quán xét hiện tượng biến hóa của vũ trụ mà kiến lập giả thiết, phàm chỗ quán xét có thể đến là quyết định chẳng phải bản thể tuyệt đối.

Bản thể chơn như tuyệt đối là “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”, chẳng thể dùng suy nghĩ đo lường, cũng chẳng thể dùng ngôn ngữ tỏ bày, chỉ có người trực tiếp chứng nhập mới biết được. Kẻ được chứng nhập thì chẳng còn sanh tử luân

hồi, nên gọi kiến tánh thành Phật. Sau khi thành Phật thì chẳng biến lại chúng sanh, chẳng chịu lại luân hồi, mà thái cực thì luân hồi chẳng dừng.

10. THAM THIỀN NHẬN LẦM HỌC THUYẾT CỦA VƯƠNG DƯƠNG MINH LÀ THIỀN TÔNG

Có người cho học thuyết Dương Minh là Phật Pháp, thật là lỗi lầm lớn. Học thuyết Dương Minh có bốn lời để làm cương yếu, tức “Không thiện không ác là thể của tâm, có thiện có ác là động của ý, biết thiện biết ác là lương tri, làm thiện bỏ ác là cách vật (*Đủ tư cách làm người*)”. Bốn lời này tức vô thi vô minh tác dụng với nhất niệm vô minh, so với thể dụng của Phật Tánh còn xa lăm.

Học thuyết của Dương Minh chưa thể vượt ra phạm vi vô minh, vẫn còn ở trong luân hồi, cái bệnh ấy là do dùng bộ não suy xét đo lường, bộ não vốn huyễn hóa chẳng thật, nên sở đắc của họ cũng huyễn hóa chẳng thật, chẳng phải thể dụng chơn thật cùng tột.

Chơn như Phật Tánh chẳng phải suy nghĩ đo lường có thể đến, chẳng thọ huân nhiễm, chẳng có biến đổi, chỉ có kẻ chứng với kẻ chứng mới biết nhau được. Nhà Phật lấy chơn như Phật Tánh làm cội nguồn, mà nhà Nho thì lấy vô thi vô minh làm cội nguồn, vì cội nguồn chẳng đồng nên chẳng thể đến với nhau.

Nhiều người chưa rõ sự khác biệt giữa Phật Tánh và vô thiê vô minh, lại lầm nhận vô thiê vô minh là Phật Tánh, nói Nho, Phật cùng nguồn, ấy là một sự lỗi lầm lớn. Hoặc cho “Chẳng thiện chẳng ác thể của tâm” tức chơn như Phật Tánh của nhà Phật, “Có thiện có ác động của ý” tức vô minh phiền não của nhà Phật, ấy là sai.

“Chẳng thiện chẳng ác thể của tâm” tức vô thiê vô minh, “Có thiện có ác động của ý” tức nhất niệm vô minh, “Biết thiện biết ác là lương tri” tức kiến, văn, giác, tri, “Làm thiện bỏ ác là cách vật” tức là Tác bệnh trong bốn thứ Thiền bệnh, đều là linh tánh của bộ não, chẳng dính dáng với Phật Tánh.

Vô thiê vô minh bốn lai ám muội chẳng sáng, vô tri vô giác nên chẳng phân biệt thiện ác, khi bị kích thích sanh khởi nhất niệm vô minh, mới có kiến, văn, giác, tri, phân biệt thiện, ác, tốt, xấu; Người có ý thức đều biết thiện biết ác, “Lương tri” của Dương Minh là tác dụng của bộ não, tác dụng bộ não đều lấy vô minh làm chủ, chẳng phải Phật Tánh. Nhất niệm vô minh có hai mặt: Tịnh và nhiễm. Thiện là tịnh duyên, ác là nhiễm duyên, chẳng thể cho tịnh duyên là Phật Tánh, nhiễm duyên là chúng sanh vậy.

11. THAM THIỀN LÂM NHẬN PHỤC TÁNH THƯ CỦA LÝ CAO LÀ THIỀN TÔNG

Người đề xướng đạo học nhà Nho có Hàn Dũ, Lý

Cao đời Đường là nổi bậc nhất, Phục Tánh Thư của Lý Cao đối với học giả nhà Nho ảnh hưởng lớn hơn. Lý Cao cho “Tánh vốn trong sáng, vì bị thất tình mê hoặc mà trở thành hồn trước”. Nên chủ trương úc chế tình cảm để khôi phục bản tánh.

Phục Tánh Thư nói: “Con người sở dĩ làm bậc Thánh là do tánh, tánh con người sở dĩ bị mê hoặc là do tình: Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham, bảy thứ đều do tình làm ra, tình đã hôn muội thì tánh bị chìm đắm, ấy chẳng phải lỗi của tánh. Thất tình thay phiên tuần hoàn thì tánh chẳng toàn vẹn, như nước có cặn bã thì chẳng trong, lửa có khói đen thì sáng chẳng tỏ, ấy chẳng phải lỗi của nước và lửa không trong sáng, cặn bã chẳng có thì nước trong, khói đen chẳng tỏa thì ánh sáng tỏ, thất tình chẳng làm thì tánh toàn vẹn vậy”.

Lại nói: “Tánh với Tình chẳng lìa nhau, nếu chẳng có Tánh thì Tình chẳng thể sanh, vậy Tình do Tánh mà sanh; Tình chẳng tự là Tình, bởi Tánh mà Tình; Tánh chẳng tự là Tánh, do Tình mà Tánh”.

Lý Cao từng tham học với Dược Sơn Thiền sư, rất tin Phật Pháp, kỳ thật Lý Cao bị lầm hại là do kinh Phật ngụy bởi câu “Bản tâm viên giác trong sạch sáng tỏ (*Phật Tánh*) hay sanh khởi phiền não”; Cái thuyết “Chơn như duyên khởi” xuất xứ từ *Đại*

Thừa Khởi Tín Luận. Thật ra, tác giả của *Đại Thừa Khởi Tín Luận* là ngoại đạo mạo danh ngài Mã Minh để truyền bá, ấy là pháp sanh diệt, chẳng phải Phật Pháp. Tại sao nói vậy? Vì Chơn như Phật tánh chẳng thọ huân nhiễm, thường giữ bản tánh, chẳng có biến đổi. *Phẩm Hồi Hương Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Vô minh vốn chẳng thể tánh, như hoa đốm trên không chẳng từ chơn như sanh khởi”. Nếu nói vô minh nương chơn như sanh khởi, trừ bỏ vô minh trở về chơn như Phật Tánh tức kiến tánh thành Phật, vậy thì ban sơ có thể sanh khởi, tương lai cũng có thể tái khởi; Lúc vô minh tái khởi, lại trở thành chúng sanh, lúc thì thành Phật, lúc lại thành chúng sanh, thế thì Phật cũng có luân hồi sanh diệt, thành Phật đâu có giá trị gì!

Thuyết của Lý Cao tình với tánh thông nhau, khi tình chẳng sanh là tánh, là bậc Thánh, đến khi tình sanh, lại là phàm phu, vậy một hồi bậc Thánh, một hồi phàm phu, tức là luân hồi sanh diệt. Bởi “Tánh” của Lý Cao nói là vô thi vô minh, “Tình” là nhất niệm vô minh, chỉ là tác dụng của bộ não. Bộ não khi tĩnh là vô thi vô minh, khi động là nhất niệm vô minh, cùng trong một phạm vi, “Ức chế tình, khôi phục tánh” là muôn khiết nhất niệm vô minh trở về vô thi vô minh. Vô thi vô minh chính là nguồn gốc của sanh tử, là bản thể của vọng tâm, nếu vô thi vô minh chưa phá tan thì chẳng thể kiến

tánh thành Phật, như thế học thuyết của Lý Cao đâu thể cho là Thiền Tông!

12. THAM THIỀN LÂM NHẬN LÝ “SÂU XA MỊT MÙ, TRONG ĐÓ CÓ TINH” CỦA LÃO TỬ LÀ THIỀN TÔNG

Nhiều người cho rằng chơn không diệu hữu, diệu hữu chơn không, tịnh tịnh tịch tịch, tịch tịch tịnh tịnh, chẳng chấp hữu chẳng chấp vô, cũng chẳng chấp phi hữu, cũng chẳng chấp phi vô, chẳng khởi niệm cũng chẳng dứt niệm, tựa như hữu mà phi hữu, tựa như vô mà phi vô, khởi niệm động niệm chẳng bị ngoại duyên xoay chuyển, cho đó là đạo lý của Thiền Tông, kỳ thật đó là đạo lý của Lão Tử nói: “Thể của đạo mập mờ nhấp nhoáng, trong đó có tượng, mập mờ nhấp nhoáng, trong đó có vật, sâu xa mịt mù, trong đó có tinh”. Còn “Chẳng chấp hữu, chẳng chấp vô, chẳng chấp phi hữu, chẳng chấp phi vô” là đạo lý của Bà La Môn, hoàn toàn là tác dụng của bộ não, có sanh diệt luân hồi, chẳng phải phương pháp tham thiền.

13. THAM THIỀN LÂM NHẬN BA THỨ PHÁP MÔN DỤNG CÔNG CỦA GIÁO MÔN LÀ THIỀN TÔNG

Ba thứ pháp môn của Giáo Môn tức Thiền Quán Sa Ma Tha; Tam Ma Bát Đề và Thiền Na. Sa Ma Tha dịch là Tịnh Tịnh; Tam Ma Bát Đề dịch là Nhiếp Niệm; Thiền Na dịch là Tịnh Lự. Ba thứ Thiền Quán này ở trong *Kinh Viên Giác*, Phật đã

giải thích rất kỹ càng, dù trong *Kinh Viên Giác* có nói: “Ba pháp môn này mười phương Như Lai do đó thành Phật, mười phương Bồ Tát đủ thứ phương tiện, tất cả đồng dị, đều nương theo ba thứ sự nghiệp này, nếu được viên chứng tức thành viên giác”. Ấy chỉ là nói cách tu trong phạm vi Giáo Môn, nên chính trong kinh này có nói: “Chỉ trừ người đốn ngộ, và Xiển đê chẳng tin”. Nói chỉ trừ người đốn ngộ tức chỉ trừ Thiền Tông đốn ngộ, chẳng phải Giáo Môn, nên xưng Giáo Ngoại Biệt Truyền.

Phương pháp dụng công của Đại Thừa tên gọi rất nhiều mà ý nghĩa chẳng khác, nhưng đều chẳng phải Thiền Tông. Thiền Tông tham thoại đầu, công án, cần nhất là NGHI TÌNH (*Tức dùng cái tâm không biết để chấm dứt tất cả biết*), cho đến hoát nhiên đốn ngộ, dứt hẳn nghi căn, kiến tánh thành Phật. Khi đã minh tâm kiến tánh, nếu có Thiện Tri Thức mắt sáng thì tìm đến cầu Thiện Tri Thức ấy ấn chứng, nếu chẳng có người mắt sáng thì lấy *Truyền Đăng Lục*, *Ngũ Đăng Hội Nguyên*, *Chỉ Nguyệt Lục* hoặc các Kinh như *Lăng Già*, *Hoa Nghiêm*, *Duy Ma Cật*... xem kỹ để làm ấn chứng cũng được.

14. DỤNG CÔNG LÀM NHẬN TAM CHỈ TAM QUÁN LÀ THIỀN TÔNG

Vân Cốc Thiền Sư Truyền trong Mộng Du Tập của ngài Hám Sơn có nói:

Vân Cốc Thiền Sư 19 tuổi bỗng quyết chí đi tham học bốn phương, nghe nói pháp môn Tiểu Chi Quán của Thiên Thai, bèn chuyên tâm tu tập. Khi gặp Pháp Châu Tế Thiền Sư đang nhập thất tại Thiên Ninh, Sư bèn đi tham vấn, trình sở tu của mình.

Châu nói: Pháp yếu của Tiểu Chi Quán chẳng nương thân tâm hơi thở, trong ngoài đều bắt, cách tu của ngươi là lạc nơi hạ thừa, chẳng đúng ý của Tổ Đạt Ma. Người học đạo nên lấy tâm ngộ làm chủ.

Vân Cốc kích động chảy nước mắt, lại xin chỉ giáo, Châu dạy tham thoại đầu chơn thật, bảo ngay bây giờ hạ thủ công phu phát khởi nghi tình. Vân Cốc vâng lời ngày đêm tham cứu, cho đến ăn ngủ đều quên. Một hôm dùng cơm, cơm hết cũng chẳng tự biết, chén bỗng rơi xuống đất, hoát nhiên đốn ngộ, như trong mộng được thức tỉnh, lại thưa với Pháp Châu, được ngài ấn khả.

Xem qua nhân duyên ngộ đạo của Vân Cốc Thiền Sư, có thể làm mô phạm cho chúng ta dụng công tham thiền.

Có Tăng hỏi Tử Hồ Thiền Sư: Thế nào là nhất tâm tam quán?

Sư nói: Ta còn chẳng thấy có nhất tâm, ngươi gọi cái gì là tam quán!

Xưa kia có một pháp sư Chi quán hỏi Huệ Hải Thiền Sư: Nhất niệm tam quán là nghĩa thế nào?

Sư đáp: Tâm quá khứ đã qua, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại chẳng trụ, trong đó lại dùng tâm nào để khởi quán?

Pháp Sư nói: Thiền sư chẳng hiểu Chỉ quán.

Sư hỏi: Tọa chủ hiểu chẳng?

Pháp Sư nói: Hiểu.

Sư hỏi: Như Trí Giả Đại Sư nói chỉ phá chỉ, nói quán phá quán, trụ chỉ thì chìm nơi sanh tử, trụ quán thì tâm bị rối loạn. Vậy nên lấy tâm chỉ tâm hay là khởi tâm để quán quán? Nếu có tâm quán là pháp thường kiến, nếu chẳng tâm quán là pháp đoạn kiến, nếu cũng có cũng không thì thành pháp nhị kiến, xin Tọa Chủ nói kỹ xem!

Pháp Sư nói: Nếu hỏi như thế thì đều nói chẳng được.

Sư nói: Vậy đâu từng chỉ quán!

15. CHẤP THẬT “PHÂN BIỆT LÀ THỨC, CHẮNG PHÂN BIỆT LÀ TRÍ” THÀNH BỆNH

Hám Sơn Đại sư nói: “Phân biệt là thức, chẳng phân biệt là trí”, hai câu này hình như mơ hồ; Vì thức với trí một là bộ não, một là Phật Tánh, lúc chưa chuyển thức thành trí, thì phân biệt tất nhiên là thức, chẳng phân biệt cũng là thức; Khi đã chuyển thức thành trí thì chẳng phân biệt là trí, phân biệt cũng là trí. Phân biệt với chẳng phân biệt không thể dùng để phán đoán Thánh hay phàm.

16. CHẤP THẬT “NHIỄM VỚI TỊNH” THÀNH BỆNH

Nhiễm với tịnh là pháp tương đối, vì có nhiễm mới có tịnh. *Kinh Lăng Già* nói: “Đại Huệ! Sanh diệt là thức, chẳng sanh diệt là trí. Lại nữa, đọa tướng, vô tướng và hữu vô mỗi làm nhân với nhau là thức, siêu việt tướng hữu vô là trí. Lại nữa, tướng vô ngại là trí, đủ thứ cảnh giới do tướng ngại trí là thức. Lại nữa, ba việc căn, trần, thức hòa hợp sanh tướng phương tiện là thức, chẳng có việc phương tiện của tướng tự tánh là trí. Lại nữa, đắc tướng là thức, chẳng đắc tướng là trí.

Theo lời kinh kể trên thì được rõ, vừa nói có tịnh thì phải có nhiễm, đồng như sự sanh diệt, vì có sanh mới nói có diệt, nhiễm tịnh sanh diệt đều là tác dụng của kiến, văn, giác, tri. Có một số người cho “Chẳng khởi niệm là tịnh, tức là Phật Tánh, khởi niệm là nhiễm, tức là vọng tưởng” thế là sai lầm. Chẳng khởi niệm là tịnh duyên của vô thi vô minh, chẳng phải Phật Tánh. Phật Tánh bất cầu bất tịnh, bất tăng bất giảm, ấy là tuyệt đối, chẳng dính dáng với nhiễm tịnh.

Hám Sơn Đại sư nói “Nhiễm là thức, tịnh là trí” ấy là lầm nhận. *Kinh Pháp Bảo Đàm* nói: “Tịnh chẳng hình tướng mà lại lập tướng tịnh, nói là công phu, có kiến giải này tự chướng bẩn tánh, lại bị tịnh trói”.

Tăng hỏi Huệ Trung Quốc Sư: Tọa thiền khán tịnh là thế nào?

Sư nói: Bất cầu bất tịch, đâu cần khởi tâm mà quán tướng tịch!

17. CHẤP THẬT “NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG LÀ PHẬT TÁNH” THÀNH BỆNH

Nói “Như như bất động” là hình dung từ để diễn tả chơn như Phật Tánh, ý nói chơn như Phật Tánh vốn sẵn sàng, chẳng có thêm bớt, cũng chẳng động tịch. Thêm bớt động tịch là tác dụng của bộ não, chẳng dính dáng với bản thể chơn như.

Có một số người tu hành, suốt ngày ngồi không như cây khô, miến cưỡng đè nén suy nghĩ cho dừng lại, giống như nước biển sóng lặng, cho làm như thế tức là như như bất động của Phật Tánh, ấy là sai lầm lớn. Sự suy nghĩ của con người chẳng thể dừng nghỉ mãi mãi, muốn vĩnh viễn dừng nghỉ chỉ có người chết mới làm được. Nếu người sống miến cưỡng đè nén suy nghĩ, chỉ có thể dừng lại trong vòng mấy mươi phút hoặc mấy tiếng, nhiều nữa là mấy ngày, cuối cùng sẽ có một hôm tái khởi. Nếu cùng trong một ngày khi suy nghĩ dừng lại là Phật, qua một hồi suy nghĩ khởi dậy lại thành chúng sanh, vậy trong một ngày bỗng thành Phật bỗng thành chúng sanh, mỗi ngày đều ở trong luân hồi, như thế làm Phật có ích lợi gì? Nếu người thật đã

minh tâm kiến tánh thì dấu cho cầm dao ra trận vẫn là như như bất động.

18. CHẤP THẬT “NGŨ UẨN GIAI KHÔNG” THÀNH BỆNH

“Ngũ uẩn giai không” là nói sau khi kiến tánh, ngũ uẩn đều biến thành Phật Tánh, đầy khắp hư không, vạn tượng sum la đều là Phật Tánh, nên kinh nói: “SẮC chẳng khác với KHÔNG, KHÔNG chẳng khác với SẮC, SẮC tức là KHÔNG, KHÔNG tức là SẮC, THỌ, TƯỞNG, HÀNH, THỨC đều cũng như thế”.

Một số người tu hành cho là chẳng chấp trước tất cả tướng, chẳng trụ tất cả tướng, đối cảnh vô tâm, tất cả vô ngại gọi là ngũ uẩn giai không, ấy là sai lầm lớn. Chẳng chấp trước tất cả tướng, chẳng trụ tất cả tướng, đối cảnh vô tâm, tất cả vô ngại là mặc kệ cho ngũ uẩn khởi hay diệt, chẳng màng đến nó, nhưng ngũ uẩn vẫn là ngũ uẩn, chưa biến thành Phật Tánh, nó vẫn hay làm việc xấu. Nếu ông suốt ngày phải giữ cái niệm “Chẳng màng đến nó” không buông, há chẳng tự làm cho tâm mình lao nhọc, đâu thể vô tâm vô ngại mà được ngũ uẩn giai không ư!

19. CHẤP THẬT “CHƠN NHƯ DUYÊN KHỎI” THÀNH BỆNH

Một số người nói: “Chơn Như vốn chẳng động, vì chẳng giữ bản tánh nên nhất niệm bất giác bèn khởi vọng niệm, tạo tội làm phước, luân hồi sanh tử. Nếu nhất niệm giác ngộ chơn tâm, trở lại thường

giữ gìn chẳng biến đổi thì chẳng bị luân hồi, gọi là thành Phật”. Ấy là kiến giải của ngoại đạo.

Bản thể chơn như vốn viên mãn sẵn sàng, chẳng biến chẳng đổi. *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Ví như Chơn Như, thường giữ bản tánh, chẳng có biến đổi”. Nếu chơn như có biến đổi tức là pháp sanh diệt.

Đại Thừa Khởi Tín Luận nói “Chơn Như Duyên Khởi”, chỉ bốn chữ này có thể phán đoán rằng luận này là do ngoại đạo ngụy tác, gán tên ngài Mā Minh để truyền bá. Tại sao? Vì chơn như chẳng có duyên khởi, chẳng bị huân nhiễm, nếu có duyên khởi thì phải có sanh diệt, pháp sanh diệt nhất định chẳng phải Phật Pháp vậy.

20. CHẤP THẬT “TÁNH LÀ KHÔNG, TÂM LÀ VỌNG” THÀNH BỆNH

“Tánh là không, tâm là vọng” là nói Phật Tánh đầy khắp không gian, chẳng thể dùng bộ não để nhận biết, những gì có thể nhận biết đều là vọng tưởng. Một số người hiểu lầm ý này, cho có tư tưởng đều là vọng tâm, đem vọng tâm dứt sạch thành không, tức là kiến tánh thành Phật. Nếu dạy người như thế này là lọt vào đoạn kiến của ngoại đạo, tội lỗi chẳng phải nhỏ.

21. CHẤP THẬT “ĐÃ SANH LÀ VỌNG, CHƯA SANH LÀ TÂM” THÀNH BỆNH

Có người truyền Khẩu Quyết Thiền rằng: “Đã

sanh là vọng, chưa sanh là tâm”, cho rõ được hai câu này thì được ngộ đạo thành Phật, ấy là lời yêu quái, quyết chẳng thể tin. “Đã sanh” là nhất niêm vô minh, tất nhiên là vọng, “Chưa sanh” là vô thi vô minh, cũng chưa lìa vọng, đều chẳng phải chơn tâm.

22. CHẤP THẬT “CHUYỂN THỨC THÀNH TRÍ” THÀNH BỆNH

Người tu pháp môn Duy Thức, điều cần nhất là tìm ra chủng tử vô thi vô minh đã tiềm ẩn nơi A Lại Da Thức (*Tức Bạch Tịnh Thức*), đập cho tan nát thì Bát Thức được Bát Giải Thoát; Tam Tánh biến thành Tam Vô Tánh; Bát Thức biến thành Tứ Trí; Sau khi chuyển Thức thành Trí, chẳng trở lại làm Thức.

Khi chưa chuyển thức thành trí thì bị A Lại Da làm chủ, khi đã chuyển Thức thành Trí thì Chơn Như Phật Tánh làm chủ. Chơn Như Phật Tánh chẳng biến đổi, nên thành Phật rồi chẳng trở lại thành chúng sanh, chẳng bị luân hồi. Một số người tu hành lầm nhận cho một niệm mê là Thức, một niệm ngộ là Trí, chuyển Thức thành Trí là đem cái niệm mê chuyển thành cái niệm ngộ, ấy là sai lầm lớn. Cái tâm niệm biến đổi chẳng định, nếu suốt ngày bỗng mê bỗng ngộ, bỗng trí bỗng thức, có lúc là Phật, có lúc lại là chúng sanh, vậy thành Phật có giá trị gì?

23. CHẤP THẬT “TỰA HỮU PHI HỮU, TỰA KHÔNG PHI KHÔNG” THÀNH BỆNH

Có một số người tu hành buông bỏ vạn duyên,

tĩnh tọa quán tâm, quán đến cảnh giới “Tựa hữu phi hữu, tựa không phi không”, như thế cho là chẳng lọt nhị biên, chẳng trụ hữu vô, là cảnh giới Phật Tánh, ấy là sai lầm lớn. “Tựa hữu phi hữu, tựa không phi không” là tác dụng của bộ não, chẳng phải Phật Tánh, bản thể Phật Tánh dùng bộ não suy lường thì chẳng thể đến. Lục Tổ nói: “Dẫu cho tận sức đo lường, lại càng xa xôi”. Người tu hành chớ nên dùng bộ não để đo lường Phật Tánh, chỉ có thể dùng bộ não tìm ra vô thi vô minh rồi một búa đập nát, thì Phật Tánh tự nhiên hiển hiện.

24. CHẤP THẬT “CHẮNG CẦU CHƠN, CHẮNG DỨT VỌNG” THÀNH BỆNH

Chứng Đạo Ca nói: “Chẳng cầu chơn, chẳng dứt vọng, liễu tri hai pháp vốn chẳng tướng”. Một số người tu hành cho là chẳng cầu chơn tâm cũng chẳng dứt vọng niệm, chơn vọng mặc nó tức là công phu đến mức, ấy là sai lầm lớn. “Chẳng cầu chơn” là nói Phật Tánh chẳng thể cưỡng cầu, chơn với vọng là tương đối, vì có vọng mới nói có chơn, bản thể Phật Tánh vốn chẳng chơn vọng, nên chơn chẳng thể cầu, vọng cũng chẳng cần dứt, hai thứ chơn vọng vốn không. Nếu cho chơn niệm vọng niệm đều chẳng màng đến, ấy là lọt vào bệnh nhậm (*Bệnh mặc kệ*), càng mặc kệ thì càng hồ đồ, dụng công như thế giống như nấu cát làm cơm, đâu thể thành tựu!

25. CHẤP THẬT “TRUNG ĐẠO” THÀNH BỆNH

Một số người cho “Niệm trước đã diệt, niệm sau chưa khởi, giữa niệm trước với niệm sau tức là trung đạo”. Lại nói “Chẳng lập nhị biên, chẳng chấp hữu vô tức là trung đạo”, ấy là sai lầm lớn. Niệm trước đã diệt, niệm sau chưa khởi, giữa niệm trước và niệm sau là vô ký không; Chẳng lọt nhị biên, chẳng chấp hữu vô là bệnh mặc kệ, đều là tác dụng của bộ não, chẳng phải trung đạo.

Trung đạo là Chơn Như Phật Tánh. *Kinh Niết Bàn* nói: “Trung đạo gọi là Phật tánh, do nghĩa này Phật tánh luôn luôn chẳng biến đổi, nếu chẳng đặc đẽ nhất nghĩa không, thì chẳng hành trung đạo”. Lục Tổ nói: “Hai chữ Phật Tánh là ở nơi phàm phu mà chẳng bớt, nơi Thánh hiền mà chẳng thêm, trụ nơi phiền não mà chẳng loạn, ngay nơi thiền định mà chẳng tịch, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng khứ chẳng lai, chẳng ở khoảng giữa và bên trong bên ngoài, chẳng sanh chẳng diệt, tánh tướng như như thường trú chẳng dời, ấy gọi là đạo”.

26. CHẤP THẬT LỜI THÍ DỤ “NƯỚC VỚI SÓNG” THÀNH BỆNH

Đại Thừa Khởi Tín Luận lấy nước dụ cho Chơn Như, lấy sóng dụ cho sanh diệt, ấy là sai lầm. Chơn Như là bản thể của Phật Tánh, sanh diệt là tác dụng vọng tưởng của bộ não, hai thứ

chẳng dính dáng với nhau. Chơn Như là như như bất động, chẳng có biến đổi, chẳng khởi vọng niệm; Nếu Chơn Như hay khởi vọng niệm sanh diệt như nước nổi làn sóng thì chơn như cũng có sanh diệt luân hồi, chẳng phải bản thể cùng tột của Phật Tánh. *Kinh Lăng Già* dùng nước biển dụ cho thức thứ tám, làn sóng dụ cho thức thứ bảy mới đúng với chánh lý, nên nói *Đại Thừa Khởi Tín Luận* là tác phẩm của ngoại đạo.

Ngài Khuê Phong lấy băng nước dụ cho vọng tâm với Phật tánh là xuất phát từ *Khởi Tín Luận*, cũng là sai lầm: Nói vọng niệm khởi như nước đóng thành băng, vọng niệm diệt như tan băng thành nước, ấy là sai. Trong Phật tánh vốn chẳng vọng niệm, cũng chẳng khởi vọng niệm, nói nước đóng thành băng, băng tan thành nước, đóng tan bất thường là pháp sanh diệt, nên chữ NƯỚC chỉ có thể dụ cho linh tánh của kiến, văn, giác, tri, chứ chẳng thể dụ cho Phật Tánh.

27. CHẤP THẬT “TÂM VỚI PHÁP ĐỀU QUÊN LÀ PHÁ NGÃ CHẤP VÀ PHÁP CHẤP” THÀNH BỆNH

Một số người cho “Tâm với pháp đều quên thì ngã chấp, pháp chấp đã bị phá tức là Phật Tánh”, ấy là sai lầm. Tâm cùng pháp đều quên là vô ký không; ngã chấp, pháp chấp đã phá là lọt vào Không chấp, tức hầm sâu vô minh, đáy thùng

sơn đen, chẳng phải Phật Tánh, phải phá luôn Không chấp rồi mới thấy được Phật Tánh. Phật Tánh là chơn tri giác (*Bản Tri Bản Giác*), tâm pháp đều quên là cảnh giới say sưa của bộ não, hai thứ khác nhau.

28. CHẤP THẬT “HUNG TRUNG BẤT LƯU NGUYÊN TỰ CƯỚC” THÀNH BỆNH

Người xưa nói “Hung trung bất lưu nguyên tự cước” (*Ở trong lòng chẳng còn bước chân đâu tiên*) tức ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, ý nói một chữ chẳng còn. Kỳ thật Chơn Như Phật Tánh chẳng phải suy nghĩ văn tự có thể đến, phàm còn suy nghĩ văn tự đều là kiến, văn, giác, tri, chẳng thể kiến tánh.

Người ta thường hiểu lầm “Hung trung bất lưu nguyên tự cước” là khán một niệm đầu tiên từ đâu sanh khởi, diệt một niệm này chẳng còn dấu tích tức gọi là hung trung bất lưu nguyên tự cước, ấy là hiểu lầm. Kỳ thật, “Một niệm chẳng còn” là lạc nơi vô thi vô minh, vì niệm khởi niệm diệt đều là tác dụng của bộ não, chẳng dính dáng với Phật Tánh. Nếu quả thật ngộ đạo, đã minh tâm kiến tánh thì niệm khởi niệm diệt đều là Phật Tánh, nên gọi “Niệm đồng vô niệm”, đâu cần dứt nó mà nói một niệm chẳng còn!

29. CHẤP THẬT “LÌA VỌNG DUYÊN TỨC NHƯ NHƯ PHẬT” THÀNH BỆNH

Ngài Bá Trượng nói: “Hễ lìa vọng duyên, tức như như Phật”, ý nói bản thể chơn như chẳng thọ huân nhiễm, chẳng chỗ phan duyên, tự tánh như như, chẳng có chơn vọng, nên vọng duyên chẳng lìa mà tự lìa. Nay người ta hiểu lầm cho là hễ lìa vọng duyên tức là ngộ đạo, lý này chẳng đúng; Vọng duyên, chơn duyên đều là tác dụng của bộ não, nếu còn bộ não thì vọng duyên chẳng thể lìa. Thật ra, vọng duyên của bộ não với chơn như Phật Tánh chẳng dính dáng, người ngộ thì chẳng lìa tự lìa, kẻ chưa ngộ dù lìa cũng chẳng thể lìa, biết như thế mới có thể xem Ngũ Lục của Tổ Sư.

30. LÀM NHẬN “CHỨNG VÔ SANH PHÁP NHÃN” THÀNH BỆNH

Có người nói “Chứng vô sanh pháp nhẫn chẳng phải kiến tánh, còn phải tu nữa mới được thành Phật”, ấy là sai lầm. Kỳ thật chứng vô sanh pháp nhẫn tức thấy Phật Tánh: Chứng là chứng ngộ, vô sanh là chẳng sanh chẳng diệt, nhẫn là muôn đức viên mãn. *Kinh Lăng Già* nói: “Chứng vô sanh pháp nhẫn rồi thì được ý sanh thân” có thể làm chứng vậy.

31. LÀM NHẬN “VÔ TỰ GIÁP LÝ” THÀNH BỆNH

Tổ Sư ngày xưa thường khuyên người chớ trú nơi “Vô tự giáp lý” (*Trống rỗng chẳng có vật gì*), “Vô tự

giáp” tức biệt danh của hầm sâu vô minh, đáy thùng sơn đen, là cảnh giới vô thiêng minh, trống rỗng chẳng có gì cả. Cảnh này rất kiên cố khó phá, nên gọi vô tự giáp (*Giáp nghĩa là thiết giáp của chữ vô*).

Người tu hành đến cảnh giới vô thiêng minh, chớ nên sợ khó mà lui sụt, cần phải nỗ lực xung phong, xung phá vô tự giáp, liền được kiến tánh thành Phật.

32. CHẤP THẬT “VẠN PHÁP DUY TÂM, NGOÀI TÂM CHẮNG PHÁP” THÀNH BỆNH

Phật với pháp chẳng đồng, Phật là tuyệt đối, chơn như; Pháp là tương đối, vọng tưởng, phàm tất cả pháp đều là vô minh vọng tâm sở tạo, nên nói vạn pháp duy tâm, ngoài tâm chẳng pháp.

Nói duy tâm là duy một vọng tâm tạo ra, nên điều thứ sáu trong mười tám pháp bất cộng nói “Chẳng có sự đã biết mà không bỏ”, vạn pháp đã biết phải bỏ liền, vì đó là vọng tâm, vọng tâm biến đổi vô thường, nên pháp cũng vô thường, gọi là Nhân Duyên, cũng gọi là Phương Tiện.

Phật thuyết pháp dụ như chiếc bè qua sông, đến bờ thì phải bỏ bè, vì pháp ấy là vọng. Biết pháp vọng mà vẫn còn thuyết là muốn dùng vọng trừ vọng, dùng huyễn phá huyễn, chẳng thuyết thì chẳng thể độ chúng sanh, chẳng bỏ thì phải bị pháp trói, chẳng thể thành Phật. Nên nói “Chẳng có một

chút pháp để đắc”, lại nói “Ta thuyết pháp 49 năm chưa từng thuyết một chữ”. Vì lời nói văn tự với bản thể chơn như vốn chẳng dính dáng, Bản Thể Chơn Như vốn chẳng tên gọi mà gượng gán tên là Phật, chữ Phật nên bỏ, vì đó là giả danh; Bản Tánh của Phật chẳng bỏ, vì đó là Chơn Thể, đã được cái chơn thì chữ Phật là dư. Nên ngài Triệu Châu nói: “Một chữ Phật ta chẳng muốn nghe, lão Tăng niệm Phật một tiếng súc miệng ba ngày”. Mã Tổ nói: “Phi tâm phi Phật, chữ Phật còn nên bỏ, huống chi là pháp!”.

Phật và pháp đều phá, tương đối đã tẩy sạch thì nhất chơn nhất thiết chơn, Phật cũng chơn, pháp cũng chơn, tất cả đều là Phật Tánh, đều là chơn tâm, lúc bấy giờ nói “Vạn pháp duy tâm, ngoài tâm chẳng pháp” thì đúng. Đồng một chữ TÂM, xưa vọng nay chơn, cùng một lời nói, trước sai sau đúng, chữ thì mỗi mỗi đồng nhau mà ý nghĩa thì hoàn toàn khác hẳn, nên Phật Pháp rất khó hiểu là vậy, xin người học hãy cẩn thận.

33. LÂM NHẬN “NGỒI NHẬP ĐỊNH NHƯ CÂY KHÔ” THÀNH BỆNH

Nói “Nhập định” là pháp dụng công của người Tiểu Thừa, ngồi lâu như cây khô để đoạn dứt suy nghĩ của lục căn. Dụng công của người Đại Thừa chẳng trụ tâm, chẳng quán tịnh, chẳng trầm không, chẳng nhập định. Nay thường có một số

người xuất gia hoặc tại gia, ngồi không như cây khô, mười hôm, tám hôm chẳng ăn cơm, giống như ông Địa, gọi là Nhập Định, cho dù công như thế thì được thành Phật, ấy là sai lầm lớn.

Xưa kia Trí Hoàng Thiền Sư ngồi mãi trong am hai mươi năm, Huyền Sách Thiền Sư đến am hỏi:

- Ông ở đây làm gì?

Hoàng nói: Nhập định.

Sách nói: Ông nói nhập định là có tâm nhập hay vô tâm nhập? Nếu vô tâm nhập thì tất cả vô tình, cây cỏ, ngồi đá đều được đắc định; Nếu có tâm nhập thì tất cả chúng sanh hữu tình cũng phải đắc định.

Hoàng nói: Khi tôi đang nhập định chẳng thấy có tâm hữu hay vô.

Sách nói: Chẳng thấy có tâm hữu hay vô tức là thường định, đâu có xuất nhập? Nếu có xuất nhập thì chẳng phải đại định.

Hoàng chẳng thể trả lời, giây lâu nói: Sư nối pháp ai?

Sách nói: Thầy tôi, Lục Tổ nói “Diệu trạm viễn tịch, thể dụng như như, ngũ uẩn vốn không, lục trần phi hữu, chẳng xuất chẳng nhập, chẳng định chẳng loạn, tánh thiền vô trụ, lìa trụ nơi thiền định; Tánh thiền vô sanh, lìa sanh có thiền tưởng. Tâm như hư không, cũng chẳng có số lượng của hư không”. Bởi

sau khi kiến tánh, tự tánh như như bất động, đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm, tất cả đều ở trong định mới là đại định.

Hoài Nhuận Thiên Sư Truyền ghi trong Truyền Đăng Lục rằng:

Có Sa Môn Đạo Nhất ở Viện Truyền Pháp suốt ngày tọa thiền, Sư đến hỏi:

- Đại Đức tọa thiền muốn làm gì?

Nhất nói: Muốn làm Phật.

Sư lấy cục gạch mài trước cửa am, Nhất hỏi:

- Mài gạch làm gì?

Sư nói: Mài làm gương.

Nhất nói: Mài gạch đâu thể thành gương!

Sư nói: Mài gạch chẳng thể thành gương thì tọa thiền đâu thể thành Phật!

Nhất hỏi: Vậy phải làm thế nào?

Sư nói: Như bò kéo xe chẳng chịu đi, đánh xe phải hay đánh bò phải?

Nhất không đáp được. Sư nói:

- Ông học ngồi thiền hay là học làm Phật? Nếu học ngồi thiền thì thiền chẳng phải ngồi nằm; Nếu học làm Phật thì Phật chẳng có tướng nhất định, nơi pháp vô trụ, chẳng nên thủ xã. Ông nếu ngồi Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi thì chẳng đạt lý đạo”.

Nhất nghe Sư dạy bảo như uống đê hồ.

Ngài Lâm Tế nói: “Ta nói bên ngoài chẳng có pháp, người học chẳng lãnh hội, lại hiểu lầm cho là bên trong, liền hướng vách ngồi không, lười để hàm trên, trạm nhiên chẳng động, cho đó là Phật Pháp của chư Tổ, rất là sai lầm!”.

Một số người lầm nhận tham thiền phải lúc tĩnh tọa mới tham, ấy là sai lầm. Tham thiền chẳng phân biệt đi, đứng, nằm, ngồi. Mã Tổ nói: “Tham thiền chẳng chấp ngồi, chấp ngồi tức bị dính mắc”. *Kinh Pháp Bảo Đàm* nói: “Kẻ mê kẹt nơi pháp tướng, chấp Nhất Hạnh Tam Muội, cứ nói thường ngồi chẳng động, vọng tâm chẳng khởi tức là Nhất Hạnh Tam Muội, hiểu như thế tức đồng như vô tình, lại thành nhân duyên chướng đạo.

34. CHẤP “BẤT ĐẢO ĐƠN” THÀNH BỆNH

Trong tòng lâm có một số hành giả ngồi mãi chẳng nằm, gọi là bất đảo đơn. Dù nói bất đảo đơn, lại ngồi đó ngủ gục, cho đó là công phu nổi bật, sai lầm biết bao!

Theo giới luật của Phật, Tỳ kheo tu hành bốn việc đầy đủ là: Quần áo, ăn uống, ngọa cụ, y dược, vậy chứng tỏ Phật chẳng dạy người bất đảo đơn. Nếu ngồi không ngủ gục, sao chẳng nằm xuống ngủ một giấc ngon, cho tinh thần đầy đủ rồi công phu lại! Có người chê cười kẻ bất đảo đơn là nhập

định bí đao, chưa nhập định đã trở thành bí đao, dù thành Phật có ích lợi gì!

Ngài Lâm Tế nói: “Dẫu cho ở cô độc trên đỉnh núi, ngày ăn một bữa, ngồi mãi chẳng nằm, suốt ngày hành đạo, đều là người tạo nghiệp. Cho đến đem đầu, mắt, tủy, não, gia tài, vợ con, voi ngựa, thất bửu thảy đều bố thí, có kiến giải như thế đều là tự làm khổ cho thân tâm, lại tự chiêu cảm quả khổ, chẳng bằng người vô sự chẳng làm việc gì, thuần nhất chẳng nhiễm, như Thập Địa Mẫn Tâm Bồ Tát đều cầu đạo này, tìm dấu tích trọn bất khả đắc, cho nên chư Thiên hoan hỷ, Địa thần ôm chân, mười phương chư Phật cùng nhau tán thán. Tại sao như thế? Vì đạo nhân này chỗ dùng chẳng dấu tích”.

Phật Nhãm Thiền Sư nói: “Gần đây có người chỉ ham ngồi, ban sơ thì tĩnh bơ, ngồi lâu thì ngủ gục, mười người có chín người ngồi ngủ gục, luôn luôn chẳng chịu hạ thủ công phu tham cứu. Đạo này đâu thể trong ngồi ngủ mà ngộ được! Những người như thế làm sao hội được “Đơn hà dựng phất trần, Bàng cư sĩ giơ cây búa; Đơn Hà quăng phất trần, Cư sĩ buông cây búa xuống!”.

Lại nói: “Công án hôm qua như thế nào? Đơn Hà nằm xuống, Cư sĩ liền ra đi. Việc này nếu chẳng phải người tri âm chơn thật, đâu thể cho ông chư giải bậy bạ được!”.

Lại, ngài Nham Đầu nói: “Bậc Sa Môn tất cả đều nêu mõi mõi từ trong lòng mình lưu xuất, che thiên ngập địa mới được, đâu thể do tĩnh tọa suy nghĩ mà được đâu! Tiên Sư (*Pháp Nhã Thiền Sư*) nói: “Lúc ngủ lúc ngủ tham cứu, lúc ăn cơm lúc ăn cơm tham cứu”. Lại, người xưa nói: “Lúc ngồi có đạo lý lúc ngồi, lúc đứng có đạo lý lúc đứng”. Há chẳng thấy Đầu Tử hỏi Thúy Vi rằng:

- Mật chỉ từ Án đến, có thể cho nghe chăng?

Thúy vi đứng đó ngó nhìn, Đầu Tử nói: Đêm mai nói nữa, xin Sư tái chỉ.

Thúy Vi nói: Còn muốn thêm gáo nước độc thứ hai chi nữa!

Đầu Tử liền ngộ. Thế thì các ngươi chẳng được thọ dụng là tại ngày đêm ngồi không, bỏ qua việc tất biết bao!”.

35. THAM THIỀN LÀM NHẬN “CHĂN TRÂU” LÀ DỤNG CÔNG

“Chăn trâu” là sau khi đã kiến tánh dùng để tẩy trừ tập khí, điều chỉnh tánh tình, chẳng phải là tu hành. Bởi khi đã kiến tánh, nhất ngộ vĩnh ngộ, chẳng cần tu nữa, nhưng vẫn còn tập khí từ vô thi chưa dứt sạch, nên cần phải điều chỉnh lại. Qui Sơn Hòa Thượng nói: “Các ngươi nếu đã hoát nhiên thông suốt thì tu với chẳng tu là lời hai đầu, chỉ cần trừ bỏ tập khí gọi là tu”.

Xưa kia trong Hội Qui Sơn có Đại An Thiền Sư

nói: “Ta ở Qui Sơn Ba mươi năm, ăn cơm Qui Sơn, ỉa cút Qui Sơn mà chẳng học Thiền Qui Sơn; Chỉ chăn một con trâu, nếu lạc đường vào đám cỏ liền kéo ra, nếu phạm lúa mạ của người liền lấy roi điệu phục, như thế lâu ngày, nay biến thành con lợ địa bạch ngưu (*Chơn Nhu Phật Tánh*), thường ở trước mắt, suốt ngày luôn luôn hiển lộ rõ ràng (*Phật Tánh hiện hành*), đuổi cũng chẳng đi”.

Phổ Minh Thiên Sư Mục Ngưu Đồ lấy vọng niệm dụ cho con trâu, Phật Tánh dụ cho người chăn, vọng niệm khởi như con trâu chạy bậy, đem vọng niệm sửa lại thành chánh niệm như cõi trâu về nhà, nói trở về bản nguyên, ấy là sai lầm.

Con trâu dụ cho vọng niệm thì không sai, người chăn dụ cho Phật tánh thì sai; Người chăn nên dụ cho kiến, văn, giác, tri, chẳng phải Phật Tánh, Phật Tánh chẳng khởi vọng niệm.

36. THAM THIỀN LÀM NHẬN TÊ ĐOAN CỦA THIỀN LÀ DỤNG CÔNG

Cố đức có luận về tê đoan của Thiền rằng: “Từ đời nhà Tống đến nay, tê đoan của Thiền đặc biệt nhiều, nay thử đề ra: Có loại gọi là xướng họa thiền, công án tọa thiền, niệm Phật tọa thiền, ông địa tọa thiền, điệu phục tọa thiền v.v...

Nói “Xướng họa tọa thiền” là: Người thầy lấy câu thoại đầu truyền thọ cho người học, người học

vừa ngồi vừa xuống, ví như truyền cho một chữ VÔ của Triệu Châu, thì tất cả chúng người học cùng xuống lén “Vô, vô, vô, vô, vô...”, giống như con tu hú kêu mưa vậy. Nếu truyền cho câu “NÚI TU DI” của Văn Môn thì chúng cùng nhau xuống lén “Núi Tu Di, núi Tu Di ...” giống như con ve kêu ... nếu như thế được khai ngộ thì con tu hú với con ve cũng được khai ngộ.

Còn “Công án tọa thiền” thì người thầy truyền cho một công án, bảo người học làm công phu, làm rồi lại đến trình thầy, thuật lại cảnh giới của mình thấy, nếu hợp với ý thầy thì được ấn khả chứng minh, rồi truyền cho một công án khác. Từ công án này qua công án kia gọi là “Thấu công án”. Ngoài ra còn bày đặt việc kỳ dị, dùng lời nói tỏ vẻ quái lạ, như trong mộng nói mơ, chẳng biết hổ thẹn, cũng như con khỉ vượn chụp trăng trong nước. Nếu làm như thế mà đắc đạo thì con khỉ vượn cũng phải đắc đạo.

Còn “Niệm Phật tọa thiền” thì người thầy xưa nay thật chẳng tham thiền, lại chưa hiểu Phật Pháp, nhờ có phước si được làm Trụ Trì, hoặc người thầy có theo qui tắc ngồi thiền mà chưa dạy bảo người học một việc gì, chỉ thỉnh Di Đà; Quan Âm; Văn Thù; Di Lặc, chư Phật, chư Bồ Tát để làm bản tôn, ngồi im niệm danh hiệu hoặc niệm chú, nói nhờ tha lực, kiếp này ngộ đạo, kiếp sau sanh Tịnh Độ.

Tự lầm và dạy người, chùm đầu mà ngồi, giống như con sứa nhờ mắt tôm để tìm món ăn. Nếu làm như thế mà đắc đạo thì con sứa cũng phải đắc đạo.

Nói “Ông địa tọa thiền” là ngồi im lặng như cây khô chẳng làm việc gì, chẳng nói chẳng nhìn, cũng chẳng xuống thoại đầu, như ông địa làm bằng đất sinh ở trong làng. Chẳng biết theo lý quán xét, chỉ giữ lời dạy của thầy nói: “Phi suy lường, chẳng phân biệt, ngồi kiết già mãi, đợi khi thời tiết đến thì thân tâm tự nhiên giải thoát, hoát nhiên đại ngộ”. Nếu làm như thế mà được ngộ thì người đá, người gỗ, ông địa cũng phải đại ngộ.

Nói “Điều phục tọa thiền”, ví như ngựa rừng gắn yên, rắn rừng vào ống tre, chỉ biết giữ theo lời dạy của thầy, dùng công phu tọa thiền để hàng phục phiền não vọng tưởng. Nếu làm như thế mà khai ngộ thì ngựa rừng, rắn rừng cũng phải khai ngộ.

Những tệ đoan của loại thiền này hiện nay vẫn còn giữ trong tòng lâm, như niệm thoại đầu, đả ngã thất (*Ngồi luôn bảy ngày đêm nhịn đói*), bất đảo đơn v.v... Thậm chí có người đặt ra thần thoại, nói mười ngày, tám ngày chẳng ăn, thì được nhìn thấu qua vách tường mà thấy sự vật bên ngoài, thấy thần thấy ma v.v... Sự bày đặt ma quái ngày càng tăng thêm để làm hại cho người học.

37. LÂM NHẬN “MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG THƯỢNG, NGÀN THÁNH CHẮNG TRUYỀN” LÀ PHÁP MÔN ĐỂ DỤNG CÔNG

Người xưa nói: “Một đường hướng thượng, ngàn thánh chẳng truyền”, ý là phàm nói được, truyền được thì chẳng phải chọn như, chọn như Phật tánh phải tự chứng lấy, chẳng thể nói cho người. Nay người ta hiểu lầm rằng pháp tham thiền chẳng thể truyền thọ, chỉ có thể tự mình đi tìm tòi, ấy là sai lầm lớn.

Phật tánh dù chẳng thể ngôn truyền, nhưng pháp dụng công tham thiền thì do ngàn Thánh sở truyền, Phật Phật tự tay thân thọ nhau. Thế Tôn thuyết pháp 49 năm, hoặc quyền hoặc thật, hoặc dối hoặc tiệm, dời dời kế thừa nhau, Thánh Thánh nối tiếp nhau, Tổ sư hét, gậy, chửi mắng, dựng phất trần, giơ cây chĩa, đều là thân thiết bảo cho người, nhưng phải xem người ấy có thể thừa đương hay không, chứ đâu phải chẳng truyền!

38. LÂM NHẬN “DẤU CHO BIỂN XANH BIỂN THÀNH RUỘNG DÂU CŨNG CHẮNG VÌ ÔNG NÓI TRẮNG RA” LÀ PHÁP MÔN DỤNG CÔNG

Người xưa nói: “Dấu cho biển xanh biển thành ruộng đậu cũng chẳng vì ông nói trắng ra”, ý nói Phật Tánh chọn như chỉ có thể tự chứng tự ngộ, chẳng thể dùng ngôn ngữ nói cho người biết.

Xưa kia khi Hương Nghiêm chưa ngộ, cứ xin Qui

Sơn nói trăng ra, Qui Sơn nói: “Ta nói là của ta, chẳng dính dáng với người”. Sau ở Nam Dương đang cuốc đất quăng miếng ngói trúng nhầm cây tre phát ra tiếng, mới phát minh tâm địa.

Còn Thái Nguyên Phù Thượng tọa giảng *Kinh Niết Bàn*, tỏ bày diệu lý của pháp thân, có thiền khách nghe xong nói: “Ông dù giảng hay, nhưng thật thì chẳng biết”. Bèn ngưng giảng tham cứu, nửa đêm nghe tiếng trống mới ngộ pháp thân.

Người đời nay hiểu lầm ý chỉ rằng “Dẫu cho biển xanh biến thành ruộng đậu cũng chẳng vì ông nói trăng ra” là sự bí mật truyền thọ của Tông Môn, chẳng thể dạy người, ấy là sai lầm lớn. Há chẳng nghe Lục Tổ nói: “Ngươi nếu phản chiếu, mặt ở bên ngươi” sao!

39. HIỂU LẦM “TÂM TỊNH THÌ ĐỘ TỰ TỊNH” THÀNH BỆNH

“Tâm tịnh thì độ tự tịnh” là nói sau khi minh tâm kiến tánh, tất cả đều biến thành Phật Tánh, trong Phật Tánh chẳng cầu chẳng tịnh, nên uế độ tức là Tịnh Độ. Người đời nay hiểu lầm ý này, nói đem ác niệm sửa lại thành tịnh niệm, đem nhiễm duyên biến thành tịnh duyên, trong tâm trong sạch tự nhiên thế giới trong sạch, gọi là tâm tịnh thì độ tự tịnh, ấy là sai lầm lớn.

Tâm niệm biến đổi vô thường, khởi diệt chẳng định, nếu trong tâm trong sạch một hồi thì là tịnh

độ, vọng niệm sanh khởi một hồi lại biến thành uế độ, như thế sáng tịnh, chiêu uế, ngày thiện đêm ác, thay phiên tuần hoàn khi nào mới hết?

Kỳ thật tâm tịnh tâm nhiễm là tác dụng của bộ não, chẳng liên quan đến Tịnh Độ, nếu là Tịnh Độ chơn chánh thì chẳng biến chẳng đổi, chẳng cầu chẳng tịnh, tức Thường Tịch Quang Tịnh Độ, cũng là pháp thân của Phật. Nếu được đốn ngộ chơn như, ngay đó liền sanh Thường Tịch Quang Tịnh Độ, với chư Phật cùng một pháp thân, vĩnh viễn siêu thoát sanh tử luân hồi, khi ấy tìm tâm tìm độ trọn bất khả dắc, còn gì để nói tịnh hay uế u!

40. LẦM NHẬN “CHẮNG SỢ VỌNG KHỞI, CHỈ E GIÁC CHẬM” LÀ PHÁP DỤNG CÔNG

Có người thường cho “Chẳng sợ vọng khởi, chỉ e giác chậm” là phương pháp tu hành, ấy là sai lầm. Nếu khởi giác niệm để phá vọng niệm thì giác đồng như vọng, cũng là nhất niệm vô minh.

Huỳnh Bá Thiền sư nói: “Nay khi ngươi giác biết vọng khởi, giác tức là Phật, nếu vốn chẳng vọng niệm thì Phật cũng chẳng có. Tại sao? Vì ngươi khởi tâm chấp Phật mới nói có Phật để thành, chấp chúng sanh mới nói có chúng sanh để độ, phàm khởi tâm động niệm đều là chỗ kiến chấp của ngươi, nếu không có tất cả kiến chấp thì Phật đâu có xứ sở! Cũng như Văn Thù vừa khởi kiến

chấp có Phật liền bị dày nơi núi Thiết vi, cho nên nói “Chẳng sợ vọng khởi, chỉ e giác chậm!”. Bỗn lai chẳng vọng, nói chi là giác? Nếu lấy giác bỏ vọng, giác cũng thành vọng”.

Kinh Viên Giác nói: “Tất cả thế giới, thí, chung, sanh, diệt, trước, sau, có, không, tụ, tán, khởi, dừng, niệm niệm tương tục, tuần hoàn xoay chuyển, đủ thứ thủ xả đều là luân hồi. Nếu chưa ra khỏi luân hồi mà phân biệt viên giác, thì tánh viên giác kia cũng đồng như luân hồi, vậy muốn khỏi bị luân hồi thì chẳng có chỗ đúng”.

41. LÂM NHẬN “GÓT CHÂN CHẤM ĐẤT” LÀ PHÁP DỤNG CÔNG

“Gót chân chấm đất” là lời nói sau khi đã ngộ, người đã minh tâm kiến tánh, siêu xuất sanh tử luân hồi, đạt đến bản thể tuyệt đối thì việc lớn đã xong, gọi là gót chân chấm đất. Nay có người hiểu lầm ý này, cho là làm một ông Tăng chơn thật, siêng năng tu hành, bước chân vững vàng tức gót chân chấm đất ấy là sai.

42. DỤNG CÔNG LÂM NHẬN “VÔ TÂM LÀ ĐẠO”

Huỳnh Bá Thiền Sư nói: “Tức tâm là Phật, vô tâm là đạo”, Tổ Sư nói: “Phật thuyết tất cả pháp, vì trừ tất cả tâm. Ta chẳng tất cả tâm, đâu cần tất cả pháp”. Đây là lời sau khi đã ngộ, ý nói Phật phuơng tiện thuyết pháp độ người tam thừa, người thường

thượng căn tự minh tâm địa, tự thấy bản tánh thì đâu cần tất cả pháp. Ý chỉ đồng với *Kinh Kim Cang* nói: “Biết ta thuyết pháp ví như chiếc bè qua sông, đến bờ thì phải bỏ bè, vậy pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp!”. Với *Kinh Viên Giác* nói: “Tất cả chúng sanh tu tập tâm này nếu được thành tựu, mới biết ngay đó chẳng tu cũng chẳng thành tựu”. “Ngay nơi chúng ngộ chẳng năng chẳng sở, rốt cuộc chẳng chứng, cũng chẳng kẻ chứng” chính là đồng nhau. Mà người đời hiểu lầm ý này, cho là đem vọng tâm dừng nghỉ, tư tưởng dứt sạch, tức là vô tâm, tức là ngộ đạo, ấy là sai lầm lớn.

Vọng tâm là nhất niệm vô minh, nhất niệm vô minh dừng nghỉ tức cảnh giới đen tối của vô thi vô minh, cảnh giới này chưa phá tan thì chưa thể thấy Phật Tánh, chẳng phải ngộ đạo. Nên người xưa nói: “Chớ cho vô tâm tức là đạo, vô tâm còn cách núi muôn trùng”, chính là chỉ ngay thứ hiểu lầm này.

43. DỤNG CÔNG LÂM NHẬN ‘BÌNH THƯỜNG TÂM LÀ ĐẠO’

Triệu Châu hỏi Nam Tuyền: Thế nào là Đạo?

Tuyền nói: Bình thường tâm là Đạo.

Châu nói: Có chỗ xu hướng không?

Tuyền nói: Tính hướng thì sai.

Châu nói: Chẳng tính sao biết là Đạo?

Tuyền nói: Đạo chẳng thuộc biết, chẳng thuộc

không biết; Biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu chơn đạt đến cái đạo “Chẳng tính” thì giống như hư không, mên mông trống rỗng, đâu có thể cưỡng cho là đúng sai ư!

Châu ngay đó đại ngộ.

Lời “Bình thường tâm là Đạo” của Nam Tuyền, ý nói sau khi kiến tánh, khởi niệm động niệm đều là Phật Tánh, đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo ăn cơm, cuộc sống hằng ngày đều là chơn như, ấy là cảnh giới sau khi chứng ngộ.

Nay người ta hiểu lầm câu “Bình thường tâm là Đạo” tức bình bình thường thường để qua ngày, bình bình thường thường để làm một người tốt, chẳng làm thiện, chẳng tạo ác, mặc kệ tùy duyên uổng qua một đời tức là ngộ đạo, như vậy khác chi người lười biếng, ăn no suốt ngày chẳng làm việc gì! Thật đáng thương xót!

44. DỤNG CÔNG LÂM NHẬN “TRỰC TÂM LÀ ĐẠO TRÀNG”

Kinh Duy Ma Cật nói: “Trực tâm là đạo tràng”, ý nói sau khi kiến tánh, khởi tâm động niệm đều là Phật Tánh hiện hành, chỉ một tâm ngay thẳng, chẳng biến chẳng đổi. *Kinh Pháp Bảo Đàm* nói: “Nếu trong tất cả nơi, đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ một tâm ngay thẳng, là đạo tràng chẳng động, là Tịnh Độ chơn thật, gọi là Nhất Hạnh Tam Muội”.

Người đời sau hiểu lầm cho con người chỉ cần ngay thẳng tức là ngộ đạo, ấy là sai.

45. DỤNG CÔNG LẦM NHẬN “ĐẦU SÀO TRĂM THƯỚC”

Trường Sa Sầm Thiên Sư dẫn dụ lời Cổ Đức rằng: “Người trụ nơi đầu sào trăm thước, mặc dù đắc nhập chưa phải chơn, đầu sào trăm thước cần tiến tới, mười phương thế giới hiện toàn thân”.

Đây là lời khẩn yếu của sự dụng công để khuyên bảo người hậu học, đầu sào trăm thước là dụ cho quá trình dụng công của người tu hành, được leo tới đầu sào trăm thước công phu đã khá rồi, hễ lên nữa tức là hư không, là việc rất khó tiến tới. Nếu được tiến thêm một bước thì ngay đó kiến tánh thành Phật mà chứng đắc pháp thân, nên nói “Đầu sào trăm thước cần tiến tới, mười phương thế giới hiện toàn thân”.

Chỗ đầu sào này là dụ cho cảnh giới vô thiêng minh, người dụng công đến nơi cảnh giới trống rỗng đen tối chẳng có gì cả, tức là đầu sào trăm thước, cũng là vô thiêng minh, chớ nên lầm nhận cho cảnh giới này là chơn như Phật Tánh, đến đây cần phải tiến lên để phá tan vô thiêng minh, mới được kiến tánh thành Phật. Nay có người hiểu lầm cho là dứt trừ vọng niệm là đến đầu sào trăm thước, rồi luôn cả cái niệm dứt trừ cũng tiêu sạch tức là “Đầu sào trăm thước cần tiến tới” ấy là sai.

46. HIẾU LÂM “BẤT NHỊ PHÁP MÔN” THÀNH BỆNH

“Pháp môn bất nhị” là nói Phật Tánh tuyệt đối, chẳng năng sở đối đai là bất nhị. Xưa kia trong Hội Tỳ Da, Văn Thù Bồ Tát đề ý chỉ bất nhị, khi ấy sở thuyết của ba mươi hai vị Hiền triết đều sai, chỉ có Duy Ma Cật im lặng chẳng nói, Văn Thù Bồ Tát khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Đến chỗ chẳng có văn tự lời nói mới là nhập pháp môn bất nhị”.

Nên biết tuyệt đối của Phật Tánh chẳng phải văn tự lời nói có thể đến, nên nói ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xú diệt. Hiện nay các chùa chiền, trên cửa thường đề bốn chữ “Bất nhị pháp môn”, bắt chước nhau từ lâu, Kinh nói “Vô môn là pháp môn”, thì cửa chùa làm sao so bằng được!

47. LÂM NHẬN “TỌA VONG” (NGỒI QUÊN) TRONG ĐẠI TÔNG SƯ THIÊN CỦA TRANG TỬ LÀ PHẬT PHÁP

Nhan Hồi nói: Hồi được ích rồi!

Khổng Tử hỏi: Là thế nào?

Hồi nói: Hồi đã quên nhân nghĩa rồi.

Không Tử nói: Được, nhưng còn chưa.

Hôm khác Hồi lại trình: Hồi được ích rồi.

Khổng Tử hỏi: Là thế nào?

Hồi nói: Hồi đã quên Lê nhạc rồi.

Không Tử nói: Được rồi, nhưng còn chưa.

Hôm khác Hồi lại trình rằng: Hồi được ích rồi.

Khổng Tử hỏi: Là thế nào?

Hồi nói: Hồi tọa vong rồi!

Khổng Tử hỏi: Thế nào là tọa vong?

Hồi nói: Đọa cơ thể, bất thông minh, lìa hình bỏ trí, dụng nơi đại đạo gọi là tọa vong.

Khổng Tử nói: Đồng thì chẳng hai, hóa thì vô thường, Hồi quả thật là bặt Hiền, ta xin theo sau.

Như thế lý đạo của tọa vong tức cảnh giới vô thiêng minh của nhà Phật vậy.

48. DỤNG CÔNG LÂM NHẬN “ĐẠI THỦ ẤN”

Đại Thủ Ấn tức là Thể Tánh Bản Tâm của tất cả chúng sanh với chư Phật bình đẳng chẳng khác. Bản tâm bình đẳng vốn trong sạch thường trụ, dù bị vô minh che khuất, nhưng thể tánh chơn tâm vẫn tự sáng tỏ trong sạch, dấu ở lục đạo luân hồi vẫn chẳng thêm chẳng bớt. Cái bản thể vi diệu này, có khi gọi là Bản Giác Như Lai, Phổ Hiền Như lai, Bổn Kiến thanh tịnh v.v... tên khác thể đồng, tức một tâm này là căn bản của Đại Thủ Ấn.

Phái cũ của Mật Tông nói: “Phổ Hiền Như Lai này là Phật nguyên thủy, chẳng cần dùng sức tẩy trừ nghiệp chướng, ví như nước biển bị gió khơi động mà sanh khởi làn sóng, nếu còn khuấy động

(Dùng sức tẩy trừ) thì làn sóng không khi nào dừng lại mà thành trong lặng. Cũng như mây mù dù trôi trên hư không, khi mây mù tan rã thì trong sạch của hư không tự hiện; Lúc mây mù che khuất hư không, tánh không vẫn là tánh không, chưa hề giảm bớt chút nào. Nếu tâm của con người vốn chẳng có thể tánh sáng tỏ trong sạch thì bất cứ dùng phương tiện nào cũng chẳng thể tẩy sạch, vì bản tâm vốn sẵn trong sạch diệu minh, mới có thể dùng phương tiện tẩy trừ vọng niệm cho đến thành Phật”.

“Bản tâm vốn trong sạch” là Phật Tánh, Phật Tánh chẳng thể sanh khởi vô minh, sanh khởi vô minh là do linh tánh của kiến, văn, giác, tri. Linh tánh chẳng phải Phật Tánh, như nước biển kia vì bị gió khơi động mà sanh làn sóng, nước biển dù cho linh tánh của kiến, văn, giác, tri, nếu lầm nhận cho là Phật Tánh thì tu cũng vô ích.

49. DỤNG CÔNG LÂM NHẬN “MINH ĐẾ” CỦA BÀ LA MÔN

Các nhà Phật Học Trung Quốc xưa nay rất nhiều Đại Đức cao tăng lâm nhận “Minh Đế” cho là Phật Tánh. Minh Đế phi không phi hữu, là bản tánh của thế gian, vì Minh Đế khởi một niệm sanh giác, do giác sanh hai mươi lăm đế, từ hai mươi lăm đế trở về bản thể Minh Đế,

tức là vô thi vô minh, cũng là chỗ lầm nhận của một số cao tăng Trung Quốc nói: “Từ Phật Tánh sanh khởi vô minh, đoạn dứt vô minh trở về Phật tánh”, ấy là sai lầm từ căn bản, tu hành vô ích.

Kỳ thật Minh Đế của Bà La Môn tức vô thi vô minh, sanh giác tức kiến, văn, giác, tri sanh khởi một niệm, do một niệm này sanh ra tám mươi bốn ngàn niệm, cũng gọi là tám mươi bốn ngàn trắc lao phiền não vậy.



CHƯƠNG III

THỈNH ÍCH (HỎI ĐẠO)

Tăng hỏi: Lúc con ngồi tham thiền dứt vọng niệm, nhưng vọng niệm càng dứt càng nhiều, ví như một chén nước, khi đục thì đất cát thấy không rõ, khi lắc thì đất cát thấy rõ ràng. Cho nên khi chẳng dứt vọng niệm, vọng niệm lại ít hơn, hễ dứt vọng niệm thì càng dứt càng nhiều. Trước kia có thiện tri thức bảo con: Vọng niệm dứt sạch tức là Phật Tánh”, tại sao càng dứt càng nhiều? Làm thế nào mới dứt sạch được? Con nhiều nhất dứt được năm phút thì vọng niệm lại khởi nữa, Đức Phật nói “Pháp cũng là vọng”, tại sao Phật chẳng dứt vọng niệm mà bảo chúng con dứt vọng niệm? Lại ngồi lâu thì nhức đầu, vậy dụng công như thế nào mới hợp cách tu của Thiền Tông? Xin Sư từ bi khai thị.

Sư nói: Ông đã đi lầm đường. Niệm khởi niệm diệt chẳng phải Phật tánh, Phật Tánh là như như bất động, chẳng khởi vọng niệm; Khởi vọng niệm là nhất niệm vô minh, hễ lay động liền phân làm hai mặt: Tức là chánh niệm và bất chánh niệm. Bất

chánh niệm là vọng, chánh niệm cũng là vọng, đều là tác dụng của kiến, văn, giác, tri, chẳng liên quan với Phật Tánh.

- Nếu vọng niệm từ bên ngoài đến thì chẳng dính dáng với ông, đâu cần đoạn dứt nó? Nếu vọng niệm từ bên trong ra, thì cũng như nguồn suối luôn có nước ra, dứt rồi lại sanh, sanh rồi lại dứt, đến khi nào mới hết? Vậy tu hành dứt vọng niệm, lý này thật chẳng thông.

- Thật ra kiến, văn, giác, tri có hai mặt: Nhiễm duyên và tịnh duyên, đều là vọng niệm của nhất niệm vô minh. Người tu hành suy nghĩ điều lành, hành việc thiện là tịnh duyên; Suy nghĩ điều ác, hành việc tà là ác duyên, hai thứ đều là vọng. Đem nhiễm duyên, tịnh duyên dứt sạch, kiến, văn, giác, tri chẳng còn, ấy là chỗ đèn tối trống rỗng của vô thi vô minh. Nay Phật Tánh bị vô thi vô minh che khuất, muốn thấy Phật Tánh ắt phải đập tan vô thi vô minh mới thấy được.

- Muốn đập tan vô thi vô minh, cần phải dùng lục căn của vọng niệm hướng vào chỗ hầm sâu đen tối nhìn thẳng đi, chờ nên gián đoạn, nhìn đi nhìn lại, khi thời tiết đã đến, “Ồ” lên một tiếng thì vô minh tan rã, cái bản thể cùng khắp hư không của Phật Tánh ngay đó liền hiện ra. Sau khi kiến tánh, sanh tử, thiện ác, thị phi từ vô lượng kiếp trọn mâm

trình ra, lúc bấy giờ kiến, văn, giác, tri, lục căn, vọng niệm, tất cả đều biến thành Phật Tánh. Phật thuyết pháp là Phật niệm, chẳng phải vọng niệm, người chưa kiến tánh mới là vọng niệm.

- Mã Tổ nói: "Tham thiền chẳng thuộc ngồi, chấp ngồi thì bị dính mắc". Đi, đứng, nằm, ngồi đều phải dụng công, ngồi lâu sẽ bị nhức đầu. Ông cho kiến, văn, giác, tri, nghiệp thức là Phật Tánh thì vĩnh viễn chẳng thể kiến tánh. Há chẳng nghe Trưởng Sa Sầm Thiền Sư nói:

Sao người học đạo chẳng biết chớ?
Chỉ vì xưa nay nhận thức thần.

Nguồn gốc sanh tử từ vô thi,
Si mê cho là bốn lai nhân (*Phật Tánh*) ư!

* * *

Tăng hỏi: Con dụng công tu Thiền Tông đã nhiều năm, trước kia ở núi Chung Nam, khi tĩnh tọa thân tâm hoàn toàn quên mất, ban sơ trống rỗng được mười phút, sau kéo dài đến hai mươi phút; Cái không của thân tâm với cái không của hư không hợp lại, khi ấy thân tâm rỗng không như gương, hư không cũng như gương, giống như gương chiếu gương, cảnh giới này có phải minh tâm kiến tánh không?

Sư nói: Minh tâm kiến tánh là việc vĩnh viễn vô tận, chẳng thể mê trở lại. Cảnh giới của ông thấy

khi ngồi chẳng phải Phật Tánh, ấy là vô ký không của Lục Tổ nói, cũng gọi là hầm sâu vô minh. Ông cho khi ngồi thấy cảnh giới này thì ngộ, khi đứng dậy thì mê, vậy bỗng mê bỗng ngộ thì Phật Tánh cũng thành có luân hồi, theo phương tiện dụng công của ông là cảnh giới ngoại đạo Tiểu Thừa. Ông chờ nên dứt niêm, Phải lợi dụng lục căn hướng vào chỗ cảnh giới mênh mông trống rỗng nhìn thẳng đi, khi công phu thuần thực, cơ duyên bỗng đến, “Ô” lên một tiếng, thì hầm sâu vô minh bị phá tan, liền thấy Phật Tánh. Dụng công như thế mới hợp với phương pháp của Thiền Tông.

* * *

Tăng hỏi: Trước kia con ở Đại Triết Đường trong chùa Kim Sơn, khi tĩnh tọa dụng công, chẳng chấp Có cũng chẳng chấp Không; Nếu chấp có Phật Tánh thì là ngoài pháp sanh tâm, nếu chấp không có Phật Tánh thì là phế bỏ nhân quả, còn Có với Không đều chẳng chấp, cũng chẳng dứt niêm, vậy hợp với cách dụng công của Thiền Tông chăng?

Sư nói: Ông chẳng chấp Có; Không là thuộc tác dụng suy nghĩ của kiến, văn, giác, tri với Phật Tánh trọn chẳng dính dáng. Phật Tánh là như như bất động, ông phải buông bỏ cái niêm “Chẳng chấp Có - Không” ấy, rồi để thoát đầu khỏi nghi tình, khi công phu đến mức, hễ vô thiê vô minh được phá tan, liền thấy Phật Tánh.

Tăng hỏi: Lục Tổ nói chẳng suy nghĩ thiện ác thì có thể minh tâm kiến tánh, con hiện nay chẳng suy nghĩ thiện ác, tại sao không được kiến tánh?

Sư nói: *Lục Tổ nói: "Chẳng suy nghĩ thiện ác, đang lúc ấy ai là Bản Lai Diện Mục của Thượng Tọa Minh", ý của Lục Tổ là bảo ngay chỗ chẳng suy nghĩ thiện ác ấy phát khởi nghi tình tham cứu thì được thấy bản lai diện mục. Ông chỉ là chẳng suy nghĩ thiện ác, không có tham cứu thì đâu thể kiến tánh được!*

* * *

Có cư sĩ hỏi: Phật Tánh vô sanh, vậy Phật Tánh từ chỗ nào đến? Nếu Phật tánh từ vô sanh đến, lúc đang dụng công, khởi niệm là sanh, niệm dứt rồi chẳng sanh, tức là Phật Tánh vô sanh, dụng công như thế này hợp với cách tu của Thiền Tông chăng?

Sư nói: *Phật Tánh như như bất động, bốn lai vô sanh nên vô diệt. Theo lời giải thích của ông thì Phật Tánh biến thành có sanh có diệt rồi! Dụng công như thế giống như Lão Tử nói: "Vạn vật sanh nơi hữu, hữu sanh nơi vô", ấy là luân hồi, Phật tánh là muốn siêu thoát luân hồi, đâu còn muốn chui vào luân hồi như ông vậy! Dụng công như thế thành người Tiểu Thừa; Nhị Thừa, nhà lý học, chẳng hợp với Thiền Tông.*

- Vô sanh của ông nói tức hầm sâu vô minh, ông

*hãy dùng niệm hướng vào chỗ vô sanh phát khởi
nghi tình nhìn thẳng đi, như ngọn dao đâm vào,
phá tan vô thiê vô minh, liền thấy Phật Tánh, tức là
Chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vô Sanh Pháp Nhẫn
nghĩa là Phật Tánh chẳng sanh chẳng diệt, vạn
tượng trang nghiêm, muôn đức tròn đầy, khi ấy vũ
trụ vạn vật tất cả đều biến thành Phật Tánh.*

* * *

Tăng hỏi: Lúc con ở Thiên đường Chùa Cao Mân, một hôm đang tĩnh tọa, thân tâm vọng niệm dứt sạch, bỗng thấy một tia sáng màu trắng, đại khái có hai phút mới tan mất. Lúc sau cách vách tường thấy vật, có một lần qua sông bị trôi xa năm dặm gấp người cứu, chẳng bị chết chìm; Có một lần hai tay ôm cục đá sáu trăm cân chẳng thấy phí sức; Có một lần tĩnh tọa nhập định bảy ngày chẳng ăn uống, một lần nhập định hai mươi mốt ngày chẳng ăn cơm. Những cảnh giới kể trên có phải là thần thông với ngộ đạo không?

Sư nói: Nay ông cách tường còn thấy vật chẳng? Còn có thể bảy ngày chẳng ăn cơm và ôm lên cục đá sáu trăm cân được không?

Tăng nói: Hiện nay thì không thể được.

Sư nói: Tham thiền ngộ đạo là muốn minh tâm
kiến tánh, liễu thoát sanh tử. Trong Phật Tánh vốn

săn đủ ngũ nhãnh lục thông, chẳng cần cầu bên ngoài. Nếu người đã kiến tánh thì đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm, cuộc sống hằng ngày đều ở trong định. Thuở xưa ngoại đạo có một phương pháp bí truyền, mỗi ngày chỉ uống một tách mật ong hoặc nước muối, có thể luôn bảy ngày chẳng ăn cơm. Ông là Phật tử, sao lại học ngoại đạo tà ma! Nay ông nên đem tư tưởng cảnh giới ngoại đạo đã kể trên đều quăng xuống biển, trở lại dụng công tham cứu, khi thân tâm diệt chót nên dứt hẳn tư tưởng tham cứu, cần phải tham mãi, khi cơ duyên đến, “Ô” lên một tiếng, vô thiê vô minh phá tan, liền được kiến tánh. Phật Tánh là đại định, đâu có xuất nhập!

Tăng nghe Sư nói, cảm kích rơi lệ, lê tạ rồi ra đi.

* * *

Tăng hỏi: Khi con dụng công, quán xét thế giới thân tâm đều là giả là không, con lìa không với giả, đem tâm niệm ngưng nơi chính giữa của không với giả, dụng công như thế này hợp với pháp tu của Thiền Tông chẳng?

Sư nói: Dụng công như thế chẳng hợp cách tu của Thiền Tông; Giữa không với giả là tương đối, Phật Tánh là tuyệt đối. Ông đem tâm niệm tương đối ngưng nơi khoảng giữa, khoảng giữa chẳng phải Phật Tánh. Ông hãy đem cái niệm ngưng nơi

khoảng giữa này nhìn thẳng hầm sâu vô minh (Tức khởi nghi tình), khi vô minh tan rã mới được thấy Phật Tánh, ấy mới là phương pháp dụng công của Thiền Tông.

* * *

Cư sĩ hỏi: Xưa nay con tu Duy Thức Quán, theo Duy Thức, trí với thức chúa trong thức thứ tám, nay con dùng đậu trắng, đậu đen để thí dụ: Đậu trắng dụ cho trí, đậu đen dụ cho thức; Sức trí mạnh thì thức biến thành trí, sức của thức mạnh thì trí biến thành thức. Đậu trắng nhiều hơn đậu đen tức là sức trí mạnh hơn, đậu đen nhiều hơn đậu trắng tức là sức của thức mạnh hơn. Trí huân thức, thức huân trí, dụng công nhiều thì đậu trắng nhiều hơn đậu đen, dụng công ít thì đậu đen trở lại nhiều hơn đậu trắng, vậy hợp với cách tu của Thiền Tông chăng?

Sư nói: Ông dụng công như thế vĩnh viễn chẳng thể kiến tánh. Chẳng tử của trí với thức chúa trong thức thứ tám là đã sẵn đủ từ vô lượng kiếp, đâu cho ông đem tất cả thức biến thành trí, cái trí này chẳng phải Phật Tánh, Phật Tánh là Trí Thể của Pháp Giới, chẳng có biến đổi, chẳng thọ huân nhiễm.

- Ông đã phát tâm học Phật, mục đích là muốn liêú thoát sanh tử, phải thấy trí thể của Pháp giới mới là cứu cánh, trí thể của Pháp giới tức Phật Tánh, Thiền Tông gọi là Bản Lai Diện Mục. Ông

nên dùng tiền ngũ thức chuyển thức thứ sáu, thức thứ sáu chuyển thức thứ bảy, thức thứ bảy chuyển thức thứ tám, thức thứ tám chuyển Bạch Tịnh Thức (Hàm sâu vô minh), khi “Ô” lên một tiếng, Bạch Tịnh Thức tan rã, bèn thấy trí thể của Pháp Giới.

- Diệu dụng của trí thể Pháp Giới hiện ra thì thức thứ tám chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí, thức thứ bảy chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí, thức thứ sáu chuyển thành Diệu Quan Sát Trí, tiền ngũ thức chuyển thành Thành Sở Tác Trí, như thế mới vĩnh viễn là trí, chẳng thể trở lại làm thức. Dụng công như thế mới hợp với chánh pháp, theo cách tu của ông bỗng trí, bỗng thức, trở đi trở lại thì khi nào mới xong!

* * *

Tăng hỏi: Ý nghĩa chữ Phật là Giác, chỉ cần trong tâm luôn giác ngộ chẳng mê tức là minh tâm kiến tánh, như thế hợp với cách dụng công của Thiền Tông không?

Sư nói: Ý nghĩa chữ Phật là Đại Giác, là cái giác tuyệt đối, tìm sự mê ngộ trọn bất khả đắc. Cái giác của ông nói là cái giác của kiến, văn, giác, tri, là tác dụng bộ não, thuộc về tương đối. Ông luôn luôn muốn giác là dùng bộ não để làm việc, dụng công như thế vĩnh viễn chẳng được kiến tánh.

- Ông nên dùng cái tư tưởng giác chiểu ấy nhìn

thẳng vào hầm sâu vô minh, khi vô minh tan rã, liền thấy Phật Tánh. Sau khi kiến tánh, giác và mê trong bộ não đều biến thành Phật Tánh, nên Duy Ma Cật nói: “Pháp lìa kiến, văn, giác, tri, nếu hành theo kiến, văn, giác, tri thì chẳng phải cầu pháp.

* * *

Tăng hỏi: Cách con dụng công, đi, đứng, nằm, ngồi, tất cả cuộc sống tiếp xúc hằng ngày đều chẳng chấp trước; Ví như ăn cơm chẳng chấp trước ăn cơm, mặc áo chẳng chấp trước mặc áo, nói chuyện chẳng chấp trước nói chuyện, tất cả tiếp xúc chẳng chấp trước tiếp xúc, như thế thì được đại giải thoát đúng như phá chấp trước của Phật nói. Vậy cái chẳng chấp trước của con phải minh tâm kiến tánh chẳng? Hợp với lý Thiền Tông chẳng?

Sư nói: Phật nói phá chấp trước là phá chấp trước “Có tu Tứ Đế” của Tiểu Thừa, ấy là Hóa Thành, chẳng phải Bửu Sở, khích lệ họ tu Nhị Thừa. Phật lại phá Nhị Thừa chớ nên chấp trước Thập Nhị Nhân Duyên, lọt vào Không chấp, đó chỉ là phương tiện tạm thời, chưa thể kiến tánh, cần tu Lục Độ của Đại Thừa mới được Kiến Tánh.

- Cái phá chấp trước của Phật là bảo Tiểu Thừa, Nhị thừa chớ chấp vào ngã chấp, pháp chấp, Không chấp, chẳng phải muốn họ giữ cái “Không chấp

trước” ở trong bộ não. Cái chẳng chấp trước của ông tức là chấp trước, nếu ông chẳng chấp trước phân biệt, làm sao nhận được mặc áo, nói chuyện, ăn cơm? Nói tóm lại, cái chẳng chấp trước của ông đều là tác dụng của kiến, văn, giác, tri.

- Thật ra đối với bản thể của Phật Tánh, phàm sanh tử, hữu vô v.v... mỗi mỗi danh tướng đều chẳng có chỗ nương tựa, như thế mới là chơn thật chẳng chấp trước. Huỳnh Bá Thiên Sư nói: “Suốt ngày ăn cơm chưa từng ăn một hạt gạo, suốt ngày mặc áo chưa từng mặc một sợi chỉ, suốt ngày đi đường chưa từng dẫm nửa tấc đất”. Như thế mới có thể nói “Được đại giải thoát”.

- Sau khi kiến tánh thì tất cả tư tưởng chấp trước hay chẳng chấp trước đều biến thành Phật Tánh, đi, đứng, nằm, ngồi đều là diệu dụng của Phật Tánh, khi ấy chẳng cần ông nghĩ đến chẳng chấp trước, nó tự nhiên chẳng chấp trước. Bản Thể Phật Tánh mới thật chẳng chấp trước, theo kiến, văn, giác, tri thì phải có chấp trước. Nay ông nên đem cái niệm chẳng chấp trước ấy để thoại đâu khởi nghi tình, nhìn thẳng chỗ đen tối mịt mù là cái gì, đi đứng nằm, ngồi chờ nên gián đoạn, cơ duyên thuận thực “Ô” lên một tiếng, hầm sâu đen tối phá tan, liền thấy bốn lai Phật Tánh, tức được đại giải thoát và chẳng chấp trước rồi.

Tăng hỏi: Con dụng công tham thiền luôn luôn chẳng lìa cái này, “Cái này” tức là thoại đâu, như tham Niệm Phật là ai, đi, đứng, nằm, ngồi, suốt ngày cũng chẳng lìa câu “Niệm Phật là ai” này, tại sao dụng công nhiều năm mà chẳng minh tâm kiến tánh?

Sư nói: Ông dụng công như thế là niệm thoại đâu, chẳng phải tham thoại đâu. Tham thoại đâu phải hướng vào nội tâm tham cùu, tức là khởi nghi tình, đâu phải dùng miệng niệm mà được kiến tánh! Phật Tánh vốn là Phật, Phật chẳng niệm Phật, nay ông dùng cái tư tưởng niệm thoại đâu này hướng vào chỗ Phật chẳng niệm Phật nhìn thẳng đi, xem coi là cái gì, đi, đứng, nằm, ngồi chớ nên gián đoạn, một hôm hâm sâu vô minh bị phá tan, liền được kiến tánh.

* * *

Tăng hỏi: Con tham thiền dụng công tham “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” đem muôn niệm gom thành một niệm, một niệm này rõ ràng tinh minh, vậy phải là kiến tánh không?

Sư nói: Muôn niệm từ kiến, văn, giác, tri sanh khởi, ông đem muôn niệm gom thành một niệm, một niệm này cũng là kiến, văn, giác, tri, với Phật Tánh trọn chẳng dính dáng. Ông nên dùng cái niệm “Muôn pháp về một” nhìn coi một về chỗ nào,

chớ nên gián đoạn, hễ cơ duyên đến thì hầm sâu vô minh tan rã, liền thấy Phật Tánh. Khi kiến tánh rồi, như người uống nước, lạnh nóng tự biết, chẳng cần hỏi người.

* * *

Tăng hỏi: Con dụng công tham câu thoại đầu “Giảng kinh là ai?” Con cho rằng giảng kinh thuyết pháp là dùng vọng niệm của lục căn mà giảng, nghe cũng dùng vọng niệm của lục căn mà nghe, nếu đem lục căn đoạn dứt thì giảng chẳng thể giảng, nghe chẳng thể nghe, vậy phải là minh tâm kiến tánh chăng?

Sư nói: Lục căn có cái dụng là kiến, văn, giác, tri, lục căn không nên đoạn dứt, nếu minh tâm kiến tánh thì lục căn biến thành Ứng Thân. Nay ông chớ nên đoạn dứt lục căn, phải đem cái niệm đoạn lục căn ấy dùng để tham cíu bốn lai diện mục, Phật Tánh vốn không có lục căn, nên chẳng cần dứt nó, dụng công như thế mới hợp với cách tu của Thiên Tông. theo cách tu của ông là phương pháp Tiểu Thừa, chẳng được cíu cánh.

* * *

Tăng hỏi: Con tham câu “Trước khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là bốn lai diện mục?”. Con cho là trước khi cha mẹ chưa sanh là thanh thanh tịnh tịnh, vì có vọng niệm mới đến đầu thai, nếu dứt

hết vọng niệm thì được khôi phục cái thanh tịnh của bốn lai diện mục trước kia, vậy có hợp với cái lý Thiên Tông chăng?

Sư nói: Trước khi cha mẹ chưa sanh chẳng phải bốn lai diện mục, ấy là thân trung ấm, một niệm bất giác mới đến đầu thai; Nếu đầu thai là bốn lai diện mục thì Phật Tánh cũng là luân hồi, chẳng phải cứu cánh. Nay ông dứt hết vọng niệm, đến cảnh giới thanh thanh tịnh tịnh (Vô thi vô minh), cần phải khởi nghi tình nhìn thẳng cảnh giới này, nhìn đến sơn cùng thủy tận, hầm sâu vô minh phá tan tức bốn lai diện mục. Bốn lai diện mục chẳng khởi vọng niệm, vọng niệm từ kiến, văn, giác, tri sanh khởi, nếu ông thấy bốn lai diện mục, thì kiến, văn, giác, tri đã biến thành Bản Lai Diện Mục rồi, vậy mới được gọi là Minh Tâm Kiến Tánh.

* * *

Tăng hỏi: Con dụng công theo Kinh Đại Bát Nhã, trong kinh nói: “Kiến vô sở kiến tức chơn kiến, tri vô sở tri tức chơn tri, tất cả trí huệ trong sạch, chẳng hai chẳng khác, chẳng phân biệt hai và chẳng hai, cũng chẳng đoạn diệt”. Con dụng công như thế, lúc đi đứng nằm ngồi, tất cả tiếp xúc, lúc thấy chẳng phân biệt sở thấy, lúc biết chẳng phân biệt là tâm biết, tư tưởng chẳng cần dứt sạch, chỉ

cần không phân biệt, vậy phải là minh tâm kiến tánh chăng? Hợp với lý Thiền Tông chăng?

Sư nói: Ông thật quá ngu dại, mấy lời này trong Kinh Bát Nhã là lời của người đã kiến tánh, lời ấy phát huy từ trong trí huệ Bát Nhã: Nói “kiến vô sở kiến tức chọn kiến” là thấy vũ trụ vạn vật đều là Phật Tánh, khi đã kiến tánh, khởi tâm động niệm, suy nghĩ đều là Phật Tánh. “Tất cả trí huệ trong sạch, chẳng hai chẳng khác, chẳng phân biệt hai và chẳng hai, cũng chẳng đoạn diệt”, là nói khi kiến tánh rồi, khởi tâm động niệm đều chẳng lìa Phật Tánh, tất cả chẳng hai chẳng khác chẳng đoạn, những lời này là người đã kiến tánh mới được nói vậy. Ý kinh nói vũ trụ vạn vật đều là trí huệ, khởi tâm động niệm đều là trí huệ.

- Trong kinh nói “Tất cả sắc vô biên nên Bát Nhã cũng vô biên”. Bát Nhã dịch là trí huệ, cách dụng công của ông phân biệt và chẳng phân biệt đều là tác dụng của kiến, văn, giác, tri, với Phật Tánh chẳng đính dáng. Nếu thật chẳng phân biệt, đâu biết mặc áo ăn cơm!

- Dụng công như ông muôn kiếp chẳng thể kiến tánh, ông nên đem cái niệm chẳng phân biệt ấy sửa lại là “Đời này quyết định phải thấy Phật Tánh” rồi khởi nghi tình nhìn thẳng đi, khi nhân duyên đến, hầm sâu vô minh phá tan thì được thấy Bát Nhã

của Phật Tánh, rồi mới thấu rõ cái lý “Kiến vô sở kiến tức chơn kiến, tri vô sở tri tức chơn tri” vậy.

Tăng hỏi: Con ở núi Chung Nam bốn mươi mấy năm, dụng công như thế này: Niệm đã sanh là vọng niệm, niệm chưa sanh là Phật Tánh chơn tâm, mỗi ngày khởi niệm động niệm mỗi mỗi rõ ràng, lúc niệm chẳng khởi thì tịch mà thường chiểu, lúc động niệm thì chiểu mà thường tịch, cũng đều mỗi mỗi rõ ràng. Dụng công như thế hợp với cách tu của Thiền Tông chăng?

Sư nói: Ông tu nhiều năm, là bậc lão tôn túc, nhưng dụng công như thế thật là sai lầm lớn. Ông cho nghiệp thức của kiến, văn, giác, tri là Phật Tánh, Phật Tánh như như bất động, đâu thể khởi vọng niệm! Cái tịch mà thường chiểu với chiểu mà thường tịch mỗi mỗi rõ ràng của ông nói, đều là tác dụng của bộ não, với Phật Tánh trọn chẳng dính dáng. Nay ông nhận giặc làm con, Phật nói bạn này thật đáng thương xót!

- Ông nên đem cái niệm mỗi mỗi rõ ràng đó nhìn thẳng chỗ hầm sâu vô minh, khi nhân duyên đến, hầm sâu vô minh tan rã, liền thấy bốn lai Phật Tánh. Khi kiến tánh rồi, khởi niệm động niệm, tịch mà thường chiểu, chiểu mà thường tịch, thấy đều là Phật Tánh, chẳng cần phân biệt nữa.

* * *

Tăng hỏi: Người xưa nói “Nhận lấy tự tánh, bốn lai thành Phật, chẳng nhờ tu trì, chẳng thuộc đốn, tiệm, vạn đức viên mãn, thể tự như nhu”. Con từng theo ý này dụng công, một niệm chẳng khởi tức là Phật Tánh, chẳng nhờ tu trì, như thế có phải minh tâm kiến tánh chẳng?

Sư nói: Lời của người xưa nói ấy là lời đã kiến tánh, người chưa ngộ chẳng thể dùng suy nghĩ đoán mò. Ông cho một niệm chẳng khởi tức như Phật Tánh, nhưng một niệm chẳng khởi chỉ là tạm thời, chẳng phải Phật Tánh. Ông nên khởi một niệm này hướng vào chỗ chẳng khởi niệm nhìn thẳng, đến khi công phu thuần thực, “Ô” lên một tiếng, vô thi vô minh phá tan, liền thấy Phật Tánh, mới biết tự tâm vốn là Phật, chẳng nhờ tu trì, chẳng thuộc đốn tiệm, cảnh giới này mới thật là vạn đức viên mãn.

* * *

Tăng hỏi: Cách dụng công của con là ban đêm bất đảo đơn, đến bốn giờ sáng thì buồn ngủ; Ban ngày dụng công theo phương pháp của Cổ Đức nói “Chẳng sợ vọng khởi, chỉ e giác chậm”, luôn luôn chiểu cố một niệm, một niệm mê rồi liền mau mau đề khởi, dụng công như thế hợp với pháp Thiền Tông chẳng?

Sư nói: Vọng niệm khởi là từ kiến, văn, giác, tri, ông muốn giác ngộ cũng phải dùng kiến, văn,

giác, tri, cho nên mê với ngộ chẳng ngoài tác dụng kiến, văn, giác, tri, nơi phạm vi kiến, văn, giác, tri chẳng liên quan đến Phật Tánh. Trong bản thể Phật Tánh chẳng có mê với giác, ông dùng cái niệm “Chẳng sợ vọng khởi, chỉ e giác chậm” ấy nhìn thẳng chỗ mịt mù đen tối, nhìn đến sơn cùng thủy tận, được thấy bản thể Phật Tánh, mới biết rõ mê ngộ trọn chẳng dính dáng, khởi niệm dứt niệm đều là tác dụng của Phật Tánh. Bất đảo đơn có ảnh hưởng sức khỏe, buồn ngủ thì phải ngủ, có sức khỏe dụng công mới tốt hơn.

* * *

Tăng hỏi: Cách dụng công của con là theo kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri là căn bản của vô minh, tri kiến vô kiến ấy là Niết Bàn”. Con cho rằng tri kiến lập tri là ấn tượng trong bộ não, đã gieo hạt giống tức là căn bản vô minh; Tri kiến vô kiến là nói cái tâm giống như tấm gương trơn, vật gì in vào cũng không dính, vậy tâm không trụ tức là Niết Bàn?

Sư nói: “Tri kiến lập tri tức căn bản của vô minh” là nói người chưa kiến tánh tất cả đều do kiến, văn, giác, tri làm chủ, tất cả tri kiến lập ra đều là căn bản vô minh. “Tri kiến vô kiến ấy tức Niết Bàn” là nói người đã kiến tánh rồi thì Phật Tánh làm chủ, tất cả tri kiến đều biến thành

Phật Tánh, giống như hai câu “Kiến vô sở kiến túc chơn kiến, tri vô sở tri túc chơn tri” vậy.

- *Cách dụng công của ông nói chẳng trụ chẳng chấp trước, cái tâm muốn chẳng trụ chẳng chấp trước đó túc là trụ, là chấp trước rồi. Sau khi kiến tánh, trụ và chấp trước đều là Phật Tánh, cho nên chấp trước và chẳng chấp trước chẳng dính dáng với sự thành Phật, ông nên dùng cái niệm chẳng trụ chẳng chấp trước ấy chuyên tâm nhìn thẳng đi, hễ công phu đến mức, liền thấy Phật Tánh, lúc ấy mới thấu rõ tất cả tri kiến đều là Phật Tánh.*

* * *

Cư sĩ hỏi: Con cảm thấy con người ở đời làm việc thiện chớ nên cầu phước báo, con làm việc thiện chẳng có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, như thế phải minh tâm kiến tánh không?

Sư nói: *Kinh Hoa Nghiêm nói: “Quên mất tâm Bồ Đề tu các pháp thiện ấy là nghiệp ma”. Ông làm việc thiện chẳng cầu phước báo đâu phải minh tâm kiến tánh! Làm việc thiện là bốn phận nên làm của con người, làm thiện được phước báo là chẳng lìa nhân quả, trong Phật Tánh thì thiện với ác trọn bất khả đắc, phải thấy Phật Tánh mới là minh tâm kiến tánh, ông chẳng cầu minh tâm kiến tánh mà chuyên làm việc thiện, đâu thể liễu thoát sanh tử!* Ông hãy dùng cái niệm làm việc thiện ấy hồi quang

phản chiếu, ngay đó nhìn thẳng đi, khi thấy được bản thể Phật Tánh mới là liễu thoát sanh tử.

Cư sĩ hỏi: Con dụng công theo Kinh Niết Bàn nói “Các hạnh vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt làm vui”. Lúc đang dụng công, cảm thấy vũ trụ vạn vật sanh sanh diệt diệt, nếu đem tư tưởng dứt sạch, chẳng khởi một niệm thì tất cả đều chẳng sanh diệt, tức tịch diệt làm vui. Dụng công như thế hợp với pháp Thiền Tông chẳng?

Sư nói: “Các hạnh vô thường, là pháp sanh diệt” là nói người chưa kiến tánh, tất cả đều do kiến, văn, giác, tri làm chủ, Phật Tánh bị vô minh che khuất, nên mới có sanh tử luân hồi. “Sanh diệt diệt rồi” là nói hâm sâu vô minh đã phá tan thì thấy Phật Tánh, “Tịch diệt làm vui” là nói sau khi thấy Phật Tánh, tất cả đều biến thành Phật Tánh, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng động chẳng tĩnh.

- Theo cách dụng công của ông lúc thì sanh diệt, lúc thì tịch diệt, trở đi trở lại xoay chuyển chẳng ngừng, muôn kiếp chẳng thể kiến tánh. Ông chờ nên diệt niệm, vẫn nên khởi một chánh niệm (Nghi Tình), ngay đó nhìn thẳng đi, hẽ hâm sâu vô minh phá tan, liền thấy tịch diệt của Phật Tánh, mới biết Phật Tánh vốn chẳng sanh chẳng diệt, như thế mới là phương pháp dụng công của Thiền Tông.

* * *

Tăng hỏi: Con dùng công tu hồi quang phản chiếu, từ ý căn khởi niệm phản chiếu niệm, niệm niệm rõ ràng, vậy hợp với pháp tu của Thiền Tông chăng?

Sư nói: *Khởi niệm là do kiến, văn, giác, tri khởi, hồi quang phản chiếu cũng là tác dụng của kiến, văn, giác, tri.* Ông dùng ý căn quán xét giác và mê, đều ở trong phạm vi kiến, văn, giác, tri, Phật Tánh như như bất động, giác và mê trọn chẳng dính dáng. Ông nên đem cái niệm hồi quang phản chiếu giác và mê ấy ngay đó nhìn thẳng chỗ đèn tối mịt mù, khi hâm sâu vô minh phá tan, liền thấy Phật Tánh, mới biết giác và mê trọn chẳng dính dáng.

* * *

Tăng hỏi: Con dùng hai câu “Diệu hữu chơn không, chơn không diệu hữu” để dụng công, người Tiểu Thừa lọt nơi hữu, Trung Thừa lọt nơi không, con cho rằng Phật Tánh nói là hữu cũng là không; Nói là không cũng là hữu, chẳng thể nói là không, cũng chẳng thể nói là hữu, tức là phi không phi hữu của Trung Đạo. Như thế hợp với lý của Thiền Tông chăng?

Sư nói: Ông dụng công như thế muôn kiếp chẳng thể kiến tánh. Không với hữu là tác dụng kiến, văn, giác, tri của bộ não, cách ông nói là hai bên đều chẳng cứu cánh, giống như lý “Mập mờ nhấp nhôáng, trong đó có tinh” của Lão Tử nói. Kỳ thật

Phật Tánh vốn săn sàng, diệu hữu chọn không, chọn không diệu hữu đối với Phật Pháp trọn chẳng dính dáng. Ông cho “Không” và “Hữu” tác dụng của kiến, văn, giác, tri là Phật Tánh đó là sai, ông nên đem cái niệm hay nhận diệu hữu chọn không ấy ngay đó nhìn thẳng chõ hầm sâu đen tối, khi hầm sâu vô minh phá tan thì tất cả đều là Phật Tánh, còn nói chi diệu hữu chọn không nữa!

* * *

Tăng hỏi: Con theo cái lý “Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu được hiểu như thế, chư Phật thường hiện tiền” trong Kinh Hoa Nghiêm để dụng công. Con cho rằng vũ trụ vạn hữu đều có sanh có diệt, nếu đem tư tưởng dứt hết thì chẳng sanh chẳng diệt, tức là Phật Tánh. Dụng công như thế hợp lý Thiền Tông chẳng?

Sư nói: *Lời trong Kinh Hoa Nghiêm là lời của người đã ngộ, nếu ông được kiến tánh thì chư Phật với ta chẳng khác. Người xưa nói: “Chẳng những ta nay tự liễu đạt, hằng sa chư Phật thể cùng đồng”. Ông dụng công như thế là sai lầm, ông nói tư tưởng dứt là Phật, tư tưởng khởi là chúng sanh, tức là Phật vẫn có luân hồi, sai lầm biết bao! Nay ông chớ nên dứt niệm, nên khởi một niệm hướng vào nguồn gốc chẳng sanh diệt ngay đó nhìn thẳng đi, hẽ hầm sâu vô minh tan rã thì thấy tất cả đều là Phật Tánh, tức chư Phật thường hiện tiền rồi.*

Tăng hỏi: Kinh Lăng Nghiêm nói “Nếu được chuyển vật tức đồng Như Lai”, con cho rằng con người trong vũ trụ thấy đều bị vật chuyển, nên có sanh diệt luân hồi; Sanh diệt là xuất phát từ vọng niệm, nếu chuyển được vọng niệm thì chuyển được vạn vật, vậy tức đồng Như Lai. Cách dụng công của con là đem một niệm sơ khởi luôn luôn tịnh giác không cho nó mê muội, như thế hợp với sự tu hành của Thiền Tông chăng?

Sư nói: “Nếu được chuyển vật tức đồng Như Lai” là lời của người đã ngộ, hễ ánh sáng của Phật Tánh chiếu khắp thì thấy kiến, văn, giác, tri, ngũ uẩn lục căn, thập nhị xứ, thập bát giới, nhị thập ngũ hữu, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mỗi mỗi khởi tâm động niệm, cho đến trân lao phiền não, núi sông đất đai, vũ trụ vạn vật, tất cả đều biến thành Phật Tánh. Nên kinh nói: “Ngũ uẩn lục trân đều là chơn tâm diệu minh của Như Lai, núi sông đất đai đều là chơn tâm diệu minh của Như Lai”. Phật Tánh mới có thể chuyển vạn vật, hễ được chuyển thì vĩnh viễn viên mãn. Cái chuyển vật của ông là chuyển bằng bộ não, chuyển đi chuyển lại khi nào mới hết? Vậy làm sao kiến tánh được! Ông nên dùng cái niệm chuyển vật ấy ngay đó nhìn thẳng đi, hễ hầm sâu vô minh phá tan thì thấy vạn vật với Như Lai chẳng hai chẳng khác.

Tăng hỏi: “Cái nhân của các khổ, do tham dục làm gốc, nếu diệt hết tham dục, liền ra khỏi luân hồi”. Con dụng công theo bốn câu này, tham dục xuất phát từ vọng tưởng, nếu vọng tưởng dứt sạch thì chẳng có tham dục, liền được thoát khỏi cái khổ của luân hồi. Dụng công như thế hợp với lý Thiền Tông chẳng?

Sư nói: Bốn câu này là pháp môn dụng công của Tiểu Thừa, vì trong tâm người Tiểu Thừa phiền não tham dục quá nhiều, nên Phật bảo họ trừ tham dục trước, nhưng đó chỉ là Hóa Thành, chẳng phải Bửu Sở. Ông chờ nổi niệm muốn dứt sạch vọng tưởng, nên đem cái niệm diệt tham dục ấy ngay đó nhìn thẳng đi, hễ hâm sâu vô minh tan rã, liền thấy bản thể Phật Tánh, mới biết Phật Tánh vốn trong sạch chẳng có tham dục.

- *Người hành đạo Bồ Tát mong chúng sanh lìa biển khổ, ấy là tham dục chánh; Ham danh ham lợi là cái tham dục bất chánh, sau khi minh tâm kiến tánh thì tham dục chánh là Phật Tánh, tham dục bất chánh cũng là Phật Tánh. Tiểu Thừa và Đại Thừa ở trong Phật Pháp xê xích tơ hào thì cách xa ngàn dặm, ông nên theo phương pháp dụng công của Đại Thừa, mới có thể đến nơi Bửu Sở.*

PHỤ LỤC

NGUYỆT KHÊ PHÁP SƯ CAO NGỌA XỨ BI VĂN

Sư húy Tâm Viên, hiệu Nguyệt Khê, họ Ngô, tổ tiên là người Tiền Đường tỉnh Triết Giang, lập nghiệp ở Côn Minh tỉnh Vân Nam, truyền được ba đời đến Sư. Cha là Tử Trang, mẹ là Lục Thánh Đức, sanh được năm con, Sư là út. Sư yếu đuối nhưng thích học, sớm đã thông minh dĩnh ngộ, theo học Nho với Uông Duy Dần tiên sinh. Năm 12 tuổi đọc Lan Đình Tập Tự đến câu “Tử sanh diệc đại hĩ, khí bất thống tai”. (*Tử sanh là việc lớn, há chẳng đau khổ ư!*), bỗng nhiên có giải ngộ, mới hỏi thầy rằng:

- Làm thế nào có thể chẳng sanh chẳng tử được?

Uông tiên sinh bảo: Nhà Nho nói “Chưa biết sanh làm sao biết tử”, lời này phải hỏi nhà Phật học.

Bèn đến hỏi nhà Phật học, nhà Phật học bảo:

- Nhục thể và linh tánh của kiến, văn, giác, tri đều ở trong lục đạo sanh tử luân hồi, Phật Tánh thì như như bất động, bất sanh bất tử. Nếu chưa thấy Phật Tánh thì Phật Tánh luân hồi theo linh tánh của kiến, văn, giác, tri; Nếu thấy Phật Tánh tràn

đầy hư không thì linh tánh của kiến, văn, giác, tri biến thành Phật Tánh.

Sư hỏi: Dùng cách nào mới thấy được Phật Tánh?

Nhà Phật học không đáp được, mới trao cho Sư các kinh *Bốn Mươi Hai Chương* và *Kinh Kim Cang*. Từ đó nhân dịp theo học trường ở Thượng Hải, Sư kiêm thêm Phật học, cũng chuyên tâm nghiên cứu các sách của Lão Trang, xem hết Lục Kinh của nhà Nho, tham học khắp các danh sư ở Giang Tô, Triết Giang, lễ bái các Đại Đức, trình câu của nhà Phật học bảo “Dùng cách nào mới có thể minh tâm kiến tánh” ra hỏi, nhưng các đáp án Sư đều chưa thỏa mãn.

Bấy giờ Tôn Túc Diệu Trí dạy hãy khán thoại đầu “Niệm Phật là ai?” và nghiên cứu *Đại Trí Độ Luận*. Năm 19 tuổi Sư quyết chí xuất gia xiển dương chánh pháp, lúc còn nhỏ cha mẹ đã đính hôn cho Sư, Sư kiên quyết không lấy vợ. Vào năm ấy lễ Tỉnh An Hòa Thượng, ở nơi đó xin xuống tóc thọ Đại Giới. Vừa xuất gia đã tinh tiến dũng mãnh, nơi Phật tiền đốt hai ngón út và áp út tay trái, cùng cắt miếng thịt nới ngực to bằng bàn tay, trên đó đốt bốn mươi tám liều cúng dường Phật, phát ba đại nguyện:

- 1) Chẳng ham ăn ngon, mặc đẹp, siêng tu khổ hạnh chẳng bao giờ lui sụt.

- 2) Tham duyệt khắp tất cả kinh điển, khổ công tham cứu.
- 3) Đem hết sở dắc diễn giảng chỉ dạy để quảng lợi quần sanh.

Mỗi ngày trừ việc xem kinh ra, Sư còn tụng Phật hiệu năm ngàn tiếng, luôn tụng Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Lăng Nghiêm. Lúc rảnh rỗi có khóa lễ bái Kinh Viên Giác, Sư ông của Sư bảo rằng:

- Tu như người thì tại gia cũng được, cần gì phải xuất gia! Chẳng cần hiện tăng tướng. Cần phải chuyên tu pháp môn hướng thượng (*Tổ Sư Thiền*) mới là việc lớn bốn phận của người xuất gia”.

Rồi dạy khán thoại đầu “Muôn pháp về một, một về chỗ nào” và trao cho Truyền Đăng Lục; Ngũ Đăng Hội Nguyên; Chỉ Nguyệt Lục. Sư xem qua có cái biết, có cái không. Sư rất thích Lâm Tế Ngữ Lục, nhưng cách dụng công như thế nào vẫn còn chưa rõ. Sư về sau theo Ngộ Tham Pháp sư học giáo lý của các tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân.

Năm 22 tuổi liền ra giảng kinh thuyết pháp, thính giả rất đông. Đáp lời mời của Pháp Hội Lăng Già ở Nam Kinh, Sư thị chúng rằng:

- Chúng sanh bản lai là Phật, chỉ vì vọng niệm vô minh nên không liêu thoát sanh tử được. Nếu phá được một phần vọng niệm vô minh thì được chứng một phần pháp thân; Vọng niệm vô minh phá hết thì pháp thân hiển lộ.

Bấy giờ trong pháp hội có Tôn túc Khai Minh hỏi rằng:

- Nếu vọng niệm vô minh từ ngoài đến, không dính dáng gì với ông thì cần gì dứt nó? Nếu vọng niệm vô minh từ bên trong sanh ra, ví như nguồn suối luân luân có nước chảy ra, dứt rồi lại sanh, sanh rồi lại dứt, đến khi nào mới hết! Tu hành như thế thật chẳng có chỗ đúng! Vọng niệm dứt là Phật Tánh, vọng niệm khởi là chúng sanh, vậy thành Phật cũng có luân hồi ư?

Sư không trả lời được. Lại hỏi tiếp:

- Pháp Sư chưa từng minh tâm kiến tánh, trong kinh chẳng có những lời này, những lời này là có từ các chú giải; Người kiến tánh chú giải kinh thì chẳng sai, người chưa kiến tánh chú giải kinh điển nói Nam ra Bắc, lôi Đông bỏ Tây, thị phi điên đảo, có phải không?

Sư đáp: Phải.

Sư đánh lễ Tôn túc và trình lời nhà Phật học nói “Dùng cách nào mới có thể minh tâm kiến tánh?”.

Tôn túc bảo: Lời này Pháp sư nên đến hỏi Tông Sư Thiết Nham ở núi Ngưu Đầu là người đã chứng ngộ.

Ngay đêm ấy Sư đến lễ hỏi Thiết Nham rằng:

- Lão Hòa Thượng ở đây làm gì?

Nham bảo: Mặc áo, ăn cơm, ngủ nghỉ, dạo núi, ngắm sông.

Sư nói: Đáng tiếc cho sự uổng qua ngày tháng của ngài!

Nham nói: Ta uổng qua thì được, nhưng người không thể học ta uổng qua. Nếu ngươi đến được miếng điền địa kia thì cũng có thể học ta uổng qua vậy.

Sư hỏi: Thế nào là miếng điền địa kia?

Nham dựng một ngón tay lên, Sư đáp lại: Con không biết!

Sư hỏi: Hiện nay con đem vọng niệm dứt sạch, chẳng trụ hữu vô, vậy có phải là miếng điền địa kia không?

Nham bảo: Không phải, đó là cảnh giới vô thi vô minh.

Sư hỏi: Tổ Sư Lâm Tế nói đó là hầm sâu đen tối của vô minh thật đáng sợ, có phải vậy không?

Nham bảo: Phải.

Sư trình câu nói của nhà Phật học về “Dùng cách nào mới có thể minh tâm kiến tánh được?”.

Nham bảo: Người chớ nên dứt vọng niệm, nên dùng nhẫn căn nhìn thẳng vào chỗ hầm sâu đen tối chẳng trụ hữu vô ấy, đi, đứng, nằm, ngồi chẳng được gián đoạn, khi nhân duyên đến, “Ô” lên một tiếng, hầm sâu đen tối của vô minh tan rã thì được minh tâm kiến tánh.

Sư nghe lời này như uống cam lồ, từ ấy ngày đêm

khổ tham, hình dáng tiêu tuy, ốm như cây củi, một đêm nghe tiếng gió thổi lá cây ngô đồng thì hoát nhiên chứng ngộ, mồ hôi như tắm rǎng:

- “Ô” là vậy là vậy! Chẳng xanh chẳng trắng, cũng chẳng tham thiền, cũng chẳng niệm Phật, cũng chẳng sanh tử đại sự, cũng chẳng vô thường tấn tốc.

Liên thuyết kệ rǎng:

**Bản lai chẳng Phật chẳng chúng sanh,
Thế giới chưa từng thấy một người.
Thấu liễu cứu cánh là cái này,
Tự tánh vẫn là tự mình sanh.**

Nhìn ra ngoài cửa sổ chính là vào canh tư, trắng treo trên nền trời xanh tít không dợn chút mây. Một ngày sau Sư đến Thiết Nham, nói:

- Chẳng cầu pháp môn dụng công, chỉ cầu lão Hòa Thượng ấn chứng.

Thiết Nham đưa cây gậy lên ra thế đánh hỏi Sư rǎng:

- Tào Khê chưa gặp Hoàng Mai, ý chỉ như thế nào?

Sư đáp: Lão Hòa Thượng muốn đánh người.

Thiết Nham lại hỏi: Sau khi gặp ý chỉ như thế nào?

Sư vẫn đáp rǎng: Lão Hòa Thượng muốn đánh người.

Nham gật đầu. Sư đem sở ngộ trình Thiết Nham, Nham bảo:

- Người chứng ngộ rồi, nay ta ấn chứng cho, người có thể đem *Truyền Đăng Lục* để ấn chứng thêm. Đại sự người đã xong, có nhân duyên thì thuyết pháp độ sanh, chẳng nhân duyên có thể tùy duyên qua ngày.

Sư bèn đem *Truyền Đăng Lục*, *Chỉ Nguyệt Lục*, *Ngũ Đăng Hội Nguyên* và *Kinh Hoa Nghiêm* để ấn chứng, tất cả thấu rõ như nói chuyện việc nhà vậy, chẳng có việc lạ.

Từ đó về sau Sư giảng kinh thì theo trong *Kinh Hoa Nghiêm* nói: "Thường giữ Phật Tánh, không có biến đổi, Phật Tánh chẳng nhiễm chẳng loạn, chẳng ngại chẳng chán, chẳng thọ huân nhiễm, chẳng khởi vọng niệm, vì vọng niệm sanh khởi từ linh tánh của kiến, văn, giác, tri, trừ bỏ bốn bệnh chỉ, tác, nhậm, diệt, chẳng dứt vọng niệm, dùng một niệm để phá tan vô thi vô minh" làm chủ yếu.

Sư giảng kinh thuyết pháp đều từ trong Tự Tánh nói ra, chẳng xem chú giải của người khác. Về sau thế theo lời mời của các tỉnh Trung Quốc cho đến Hương Cảng, Áo Môn, Sư đăng đàn thuyết pháp liên tiếp mấy chục năm, giảng kinh hơn hai trăm năm mươi hội, cứ một kinh là một hội.

Tánh Sư siêu nhiên ngoại vật, hành cước các nơi như Chung Nam, Thái Bạch, Hương Sơn, Hoa Sơn,

Nga Mi, Cửu Hoa, Phổ Đà, Ngũ Đài, Thái Sơn, Tung Sơn, Hoàng Sơn, Võ Đang, Lư Sơn, Mao Sơn, Mạc Can, Lao Sơn, Hằng Sơn, La Phù Sơn v.v... Mỗi khi hành cước nơi rừng sâu núi cao mây tháng quen về, đến danh sơn nào cũng có thi đố. Sư giỏi đàn thất huyền, hành cước đều mang đàn theo. Sư tiết tháo cao cả, độ lượng rộng lớn, chẳng ứng thú theo thói dời, hình dáng sáng suốt hùng vĩ, đến bậc túc Nho thông đạt cũng phục hạnh trang nghiêm đơn giản của Sư, trứ tác thi văn bày tỏ bản sắc siêu việt pháp thế gian.

Lúc già, Sư đưa một ngón tay vì môn đồ thuyết pháp rằng:

- Đến từ cùng khắp hư không đến, Phật Ca Diếp, Phật Thích Ca; Đi từ cùng khắp hư không đi, Quan Thế Âm, Phật Di Đà. Chư Phật cổ kim đều ở trên đầu ngón tay của lão Tăng, chẳng đi chẳng đến; Lão Tăng cũng ở trên đầu ngón tay, chẳng đi chẳng đến. Các ngươi nếu nhận được thì đó là chỗ an thân lập mạng của các ngươi!

Thuyết kệ rằng:

**Giảng kinh thuyết pháp mấy mươi năm,
Độ sanh, vô sanh muôn muôn ngàn.
Đợi khi một ngày thế duyên hết,
Đầy khắp hư không đại tự tại.**

Sư phó chúc đệ tử rằng: Từ đại theo nhân duyên sanh, có sanh ắt có diệt; Tự Tánh vốn vô sanh, vô

sanh cũng vô diệt. Nay nói có sanh ắt có diệt là từ đại phải có chỗ về. Chỗ về chọn trên đỉnh Bảo Mã Sơn, sau làng Đổ Gia Dinh, ngoài cửa Nam thành phố Côn Minh nhìn xuống, ngay hồ Côn Minh làm cao ngoa xú.

Suốt đời Sư chưa độ một đệ tử xuất gia, đệ tử tại gia hơn một trăm sáu mươi ngàn người. Sư tùy theo căn cơ của đệ tử mà dạy tu pháp môn khác nhau, trong đó tham thiền ngộ đạo có tám người: Ngũ Đài Tịch Chơn, Minh Tịnh Tôn túc, cư sĩ Lý Quảng Quyền ở Bắc Bình, cư sĩ Chu Vận Pháp ở Thượng Hải, còn bốn người đã qua đời từ trước.

Sư có trước tác: Duy Ma Kinh Giảng Lục, Lăng Già Kinh Giảng Lục, Viên Giác Kinh Giảng Lục, Kim Cang Kinh Giảng Lục, Tâm Kinh Giảng Lục, Phật Giáo Nhân Sinh Quan, Phật pháp Vấn Đáp Lục, Đại Thừa Bát Tông Tu Pháp, Đại Thừa Tuyệt Đối Luận, Nguyệt Khê Ngữ Lục, Tham Thiền Tu Pháp, Niệm Phật Tu Pháp, Vĩnh Phong Đường Cầm Khóa.

*Ngày rằm tháng hai
năm Trung Hoa Dân Quốc
thứ 60 (1971 CN)*

Đệ tử TRÍ VIÊN soạn và viết

TIỂU TRUYỆN CỦA NGUYỆT KHÊ PHÁP SƯ

Tác giả: Mục Sư VƯƠNG CẢNH KHÁNH

Tôi với Nguyệt Khê Pháp Sư quen biết đã hơn ba mươi năm, cùng ở xứ Sa Diền, Hồng Kông. Lúc rảnh rỗi thường qua lại thăm nhau, mặc dù tín ngưỡng chẳng đồng, nhưng tâm của chúng tôi hình như có một linh tánh thông nhau, mỗi khi gặp nói chuyện, hai người đều cảm thấy rất khế hợp. Tôi rất thích Sư tánh tình ngay thẳng, tâm chẳng quanh co, tiếng nói hùng dũng, thành thật thiết tha, chẳng khách sáo, chẳng giả dối.

Nhìn theo hình tướng bề ngoài Sư rất giống một kẻ ăn xin, mặc quần áo cũ rách, chân chẳng giày vớ, mùa lạnh mùa nóng cũng thường mang một đôi dép cũ, cầm một cây gậy, một túi vải nhỏ, tóc dài xòa vai, còn để bộ râu thưa thớt, hình dáng là một khổ hạnh đầu đà. Khi đi xe lửa hoặc xuống bắc qua biển, thường mua vé hạng chót, không khi nào vì mình mà lăng phí đồng xu.

Có người nói: “Sư chẳng phải không có tiền, Sư là một triệu phú”. Sư phải triệu phú hay không, ở

đây tạm gác qua, sau này sẽ bảo cho biết. Mỗi lần tôi gặp Sư trên xe lửa, mặc dù tôi đã mua vé hạng nhì, nhưng vẫn thích cùng ngồi ghế hạng chót với Sư để được nói chuyện với nhau. Bạn bè thường chê cười tôi rằng: “Ông không sợ bị lây con rệp của Sư kia chăng?” Sở dĩ ông bạn này cười tôi, là vì ông ấy chẳng nhận biết cái tâm của Nguyệt Khê Pháp Sư.

Tôi đối với Nguyệt Khê Pháp Sư, chẳng phải nhìn theo hình tướng bề ngoài mà nhìn theo nội tâm của Sư. Nội tâm của Sư rất tốt đẹp, nhân sinh quan và tư tưởng của Sư rất viên mãn, đủ cho người đời thưởng thức: Sư mười chín tuổi xuất gia, suốt đời phụng sự Thiền Tông, đối với Phật Pháp có kiến giải mở mang sáng tỏ.

Sư họ Ngô, là người Côn Minh tỉnh Vân Nam, căn cứ lời của Sư nói, Lúc mười hai tuổi đọc *Lan Định Tập Tự* đến câu “Sanh tử là việc lớn, há chẳng đau khổ thay!”. Từ đó bắt đầu suy nghĩ làm sao giải quyết việc lớn sanh tử. Đến tuổi mười chín theo Tịnh An Hòa Thượng xuống tóc. Khi mới xuất gia, nhiệt tình hồn hập, phát tâm trước tượng Phật đốt ngón út và ngón áp út bên tay trái, còn cắt ở trước ngực một miếng thịt lớn như bàn tay, lại đốt thêm bốn mươi tám liều ngay chỗ vết thương trên ngực để cúng dường Phật.

Lúc 22 tuổi Sư bắt đầu giảng kinh thuyết pháp.

Sư nói: “Chúng sanh bốn lai là Phật, chỉ vì vô minh vọng niệm nên sanh tử chẳng thể liễu thoát. Nếu phá được một phần vô minh vọng niệm thì được chứng đắc một phần pháp thân. Khi vô minh vọng niệm phá sạch thì pháp thân hiển lộ”. Lời này hiển nhiên là lỗi tu dùng công phu tiệm tiến như lời của Thần Tú “Luôn luôn siêng lau chùi, chớ cho dính bụi trần”. Khi ấy có một thính giả là người lão tu hành, nghe xong lại hỏi Sư:

- Nếu vọng niệm vô minh từ bên ngoài đến thì chẳng dính dáng với Sư, đâu cần đoạn dứt nó? Nếu vọng niệm vô minh từ bên trong sanh ra, ví như nguồn suối luôn luôn có nước chảy ra, dứt rồi lại ra, ra rồi lại dứt, đến khi nào mới hết! Sư nói vọng niệm dứt sạch là Phật Tánh, vọng niệm khởi là chúng sanh, khi dứt, khi khởi vậy thì thành Phật cũng có luân hồi, tu hành như thế thật chẳng có chỗ đúng.

Ngay lúc đó Nguyệt Khê Pháp Sư chẳng thể trả lời câu hỏi của người lão tu hành, bèn khiêm tốn xin chỉ dạy. Lão tu hành nói: “Sư nên đi núi Ngưu Thủ tìm Hòa thượng Thiết Nham”. Đêm đó Sư liền vâng lời tìm đến yết kiến Thiết Nham Hòa thượng mà hỏi:

- Lão Hòa Thượng ở đây làm gì?
- Mặc áo, ăn cơm, ngủ nghỉ, dạo núi, ngắm sông.

- Vậy há chẳng uống qua ngày giờ chẳng?
- Ta thì uống qua được, nhưng người thì chẳng thể học ta uống qua. Nếu người đến chỗ “Miếng điền địa kia” thì cũng được học ta bỏ uống qua ngày.
- Thế nào là miếng điền địa kia? Nay con đem vọng niệm dứt sạch, chẳng trụ nơi hữu và vô, vậy phải là chỗ “Miếng điền địa kia” chẳng?
- Không phải. Sở thấy của người là cảnh giới vô thi vô minh, là chỗ hầm sâu đen tối lắng lặng của vô minh. Người chớ nên dứt vọng niệm, nên dùng nhãn căn hướng ngay chỗ hầm sâu đen tối chẳng trụ hữu vô đó nhìn thẳng, đi, đứng, nằm, ngồi chẳng cho gián đoạn, khi nhân duyên đến, hầm sâu đen tối của vô minh hễ phá tan thì được minh tâm kiến tánh.

Từ đó Sư ngày đêm khổ tham, cho đến hình dáng tiêu tụy, ốm lòi xương như cây củi, một đêm nghe tiếng gió thổi lá cây ngô đồng, hoát nhiên đại ngộ, về sau đi hành cước bốn phương, khắp danh sơn thang cảnh như Chung Nam Sơn, Thái Bạch Sơn, Hoa Sơn, Cửu Hoa Sơn, Phổ Đà Sơn, Ngũ Đài Sơn, Thái Sơn, Tung Sơn, Hoàng Sơn, Võ Đang Sơn, Lao Sơn, La Phù Sơn v.v... đi khắp các tỉnh Nam Bắc trong Trung Quốc. Khoảng năm 1933 đến Sa Điền, ban sơ ở Tây Lâm, tôi lần đầu tiên gặp Sư vào năm 1934 tại phòng khách núi Đạo Phong, năm

1949 được Phật tử triệu phú Giảng Ngọc Giai, là chủ Công ty thuốc lá Nam Dương cúng đường Hồi Tư Viện cho Sư để sáng lập Viện Phật Học ở trên núi đối diện ga xe lửa Sa Đìền, viện này về sau vì một việc nhỏ mà giải tán. Nay người du khách đến du lịch chỉ biết ấy là Vạn Phật Tự, chẳng biết nguyên danh là Hồi Tư Viện. Thật ra Vạn Phật Tự chẳng phải tên thiệt, chỉ vì Sư xây một ngôi điện Vạn Phật, trước cửa điện đẽ hai chữ lớn “Vạn Phật”, nên du khách theo đó gọi là Vạn Phật Tự mà thôi.

Muốn diễn tả tư tưởng nhân sinh quan của Sư chẳng phải là việc dễ, nghe nói Sư có những tác phẩm như *Duy Ma Kinh Giảng Lục*, *Lăng Già Kinh Giảng Lục*, *Viên Giác Kinh Giảng Lục*, *Kim Cang Kinh Giảng Lục*, *Tâm Kinh Giảng Lục*, *Phật Giáo Nhân Sinh Quan*, *Phật pháp Vấn Đáp Lục*, *Đại Thừa Bát Tông Tu Pháp*, *Đại Thừa Tuyệt Đối Luận*, *Nguyệt Khê Ngữ Lục*, *Tham Thiền Tu Pháp v.v...* Nay trong tay tôi chỉ có hai cuốn *Phật Giáo Nhân Sinh Quan* và *Nguyệt Khê Pháp Sư Ngữ Lục*. *Phật Giáo Nhân Sinh Quan* do Diệp Chí Tôn là đệ tử của Ngài biên soạn, chỉ có một trăm trang nói về giáo lý thông thường, chẳng có chỗ đặc biệt. *Nguyệt Khê Pháp Sư Ngữ Lục* khoảng bốn trăm năm mươi trang, cũng do đệ tử của ngài biên soạn, trong đó đều là lời khai thị nhiều lần của ngài. Nay trích ra vài đoạn đặc sắc như sau:

- Dụng công tu hành cần nhất là phá tan vô thi vô minh”, *Kinh Hoa Nghiêm* nói “Phá vô minh đen tối,” *Kinh Viên Giác* nói “Vô thi huyễn vô minh”, *Kinh Thắng Man* nói “Đoạn dứt vô thi vô minh”, Tổ sư Thiền Tông gọi là “Hầm sâu vô minh”, “Đầu sào trǎm thước” v.v...

Sư thượng đường thuyết pháp rằng: Tuyệt đối chơn như đầy khắp hư không vũ trụ, ấy là chơn không, tuyệt sắc tướng, bốn lai diện mục là diệu minh, như như bất động, chẳng có phương sở, chẳng có tên gọi. Ở đây nhận được thì hoát nhiên giải thoát, liền thấy Phật Tánh, tùy duyên tiêu dao, mặc ý qua lại, có Phật Pháp gì để học, sanh tử để liễu, thiền đạo để tu, Niết Bàn để chứng? Chẳng có một pháp để thành, chẳng có chúng sanh để độ. Tam tạng giáo điển đều là giấy trắng, một chữ cũng xài chẳng được; Một ngàn bảy trăm công án đều là đàm giải, tất cả đều chẳng dính dáng. Thế nào là Phật? Cây gậy của lão Tăng. Thế nào là Pháp? Đôi giày cỏ của lão Tăng.

Sau đây là mấy đoạn nhật ký của tôi.

Nhật ký ngày 7 tháng 7 năm 1962.

Tôi thấy Chùa Vạn Phật có trồng nhiều cây trúc vàng, trên thân cây có sọc màu xanh, tôi viết thư nhờ người mang đến cho Sư xin tặng cho mấy cây để trồng trên núi Đạo Phong. Hôm nay được thư

trả lời của Sư, hẹn dẫn thêm hai ba người đi đào cây, nên tôi cùng với Tăng Quang, Ngô Hạo, Đặng Quế Lâm mang theo cây cuốc, dây thừng và đòn gánh đến chùa núi đào trúc. Lúc đó vào mùa nắng, Sư không mặc áo, chạy đi chạy lại đang đôn đốc mấy người thợ xây cất Đại Bi Điện. Điện này luôn cả trang trí và dựng tượng Phật tốn khoảng năm mươi ngàn đồng.

Sư dẫn chúng tôi đến chỗ cây trúc nói: “Cây trúc có rễ thì trồng đứng, không có rễ thì phải trồng nằm, mỗi ngày tưới nước, vào mùa mưa trồng rất tốt”.

Lại nói: Trúc này vốn sản xuất từ Tứ Xuyên, khi Trương Chi Động làm Tổng đốc hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây sai người từ Tứ Xuyên dời đến Quảng Đông.

Ông Đặng hỏi: Pháp sư năm nay bao nhiêu tuổi?

Sư nói: Tám mươi bốn mà tóc tôi chưa trắng, chỉ có mấy sợi râu đã trắng.

Vì Sư ở trần nên thấy trước ngực có một vết seо lớn và bên tay trái thiếu hai ngón. Sư nói tiếp:

- Phật giáo có người phê bình núi Đạo Phong, tôi thì cho rằng núi Đạo Phong hành đạo Bồ Tát, khuyên người hành việc lành, giúp người thành gia lập nghiệp, làm một công dân tốt trên xã hội, đều là làm những việc hữu ích.

Các người đã đào trúc xong, tôi từ giã với Sư rồi Sư tiếp tục đi xem mấy người thợ xây điện, bước chân nhanh nhẹn giống như người thanh niên.

Nhật ký ngày 28 tháng 11 năm 1962.

Buổi sáng Sư đến thăm tôi, tôi dẫn Sư đi dạo khắp nơi trên núi Đạo Phong. Thấy Sư tinh thần đầy đủ, tiếng nói hùng dũng, chúng tôi đến trước tòa thánh; Sư nói:

- Viện này nhỏ quá, có hữu (*Nhà ăn và nhà khách*) mà không có tả (*Vì phía bên trái là núi chẳng thể xây nhà*) nên chẳng thể tụ chúng đồng.

Sư đưa cho tôi xem một lá thư bằng tiếng Anh của Sở Nhà Đất Cửu Long gởi, trong thư nói về việc xây Điện Đại Bi chưa được Chính Phủ đồng ý phải ngừng lại, việc này khiến Sư rất bận tâm.

Nhật ký ngày 29 tháng 10 năm 1963

Hôm nay hẹn với ông Từ Đạo Nghị đến chùa Vạn Phật thăm Sư và trả lại cho Sư bản thảo bài *Nghiên Cứu Đại Thừa Phật Pháp Chi Yếu Điểm*, bài này là Sư nhờ tôi trao cho Lương Đạo Ủy biên chép lại.

Sư nói: Vương Mục Sư, ông là một người tốt.

Tôi nói: Tôi cũng rất khâm phục kiến giải Phật học của Sư, khác với Phật Giáo đồ thông thường.

- Một số Mục sư thường khinh rẻ tu sĩ Phật giáo, ông thì chẳng phải vậy.

- Chúng ta cũng là người tôn giáo, đều là đạo hữu, nên làm bạn bè.

Tôi hỏi: Trước kia Sư đốt ngón, đốt thịt trước ngực, hôm nay Sư thấy thế nào?

Sư cười to nói: Trước kia là ngu si.

- Hôm nay tôi hỏi Sư một vấn đề quan trọng: Đại Thừa Phật Pháp của Sư nói, cần nhất là phải minh tâm kiến tánh, muôn minh tâm kiến tánh trước tiên phải phá tan hầm sâu vô minh. Theo kinh nghiệm của Sư, hầm sâu vô minh làm sao phá?

- Nhiếp lục căn nhìn thẳng vào chỗ đen tối mịt mù, bất cứ ngày đêm, đi, đứng, nằm, ngồi, một khi hoát nhiên khai ngộ, phá tan hầm sâu đen tối, liền thấy Phật Tánh.

- Khai ngộ như thế thật là khó.

- Khai ngộ là việc lớn sanh tử, dĩ nhiên phải khó.

- Tôi nói cho Sư biết, tin Chúa Giêsu thì được cứu, chẳng phải khó như thế. Con người chỉ cần thật tình nhận tội sám hối để cho bửu huyết của Giêsu rửa sạch tâm họ thì Giêsu làm sinh mạng trong tâm họ, việc này người ngu dại và con nít đều dễ hiểu.

Pháp Sư tỏ vẻ hài hước giả vờ ngó quanh hai bên lướt qua chuyện khác rằng: Núi Đạo Phong hiện nay có bao nhiêu người?

- Hiện nay có lãnh tụ Tin Lành miền Viễn Đông và Á Châu, đại diện trong mười bốn nước hơn bảy mươi người hội nghị trên núi, bàn về vấn đề phúc lợi xã hội.

Sư nói: Ấy là một việc rất tốt.

Tôi nói: Hiện nay Phật Giáo cũng có làm việc phúc lợi xã hội.

Sư nói: Ít lăm.

Tôi hỏi: Việc xây dựng điện Quan Âm tại sao ngừng lại?

- Vì Chính phủ không chấp thuận.

Nhật ký ngày 23 tháng 04 năm 1965

Sáng nay tôi đi Cửu Long, gần đến ga xe lửa Sa Đìền, gặp Sư hai tay chống ở chỗ hành lang, Sư nói mắc bệnh, nhờ tôi kêu giùm taxi đi khám bác sĩ. Tôi gọi xe rồi dùu Sư lên xe, cùng đi còn có ba bà già, tôi thấy ba bà này chẳng thể chăm sóc Sư nên tôi cũng lên xe đi theo. Tôi nghĩ ở Cửu Long có nhiều bác sĩ và bệnh viện, khỏi cần qua bắc, đường xa quá. Nhưng Sư kiên trì đi xem bác sĩ quen thuộc là Tiêu Gia Hỷ. Tôi nghĩ cũng có lý, xe đến bắc, ông tài xế không chịu qua bắc, tôi dùu Sư xuống xe, đi được mấy bước Sư nằm xuống giữa đường, tôi dùng hết sức lực mới đỡ Sư đến lề đường, nghỉ một hồi, từ từ dùu Sư đến bắc qua

biển, rồi kêu taxi đưa Sư đến phòng mạch bác sĩ, mới từ giã đi làm việc riêng của mình.

Đâu ngờ từ giả lần này tức là vĩnh biệt. Ba ngày sau là 26 tháng 04, tôi bỗng xem báo thấy đăng tin “Trụ Trì chùa Vạn Phật ở Sa Diền là Nguyệt Khê Lão Hòa Thượng, đã tịch lúc 21 giờ 00 ngày 23 - 04 - 1965 Âm lịch, trụ thế 87 năm ...”.

Sau khi Sư tịch, các đệ tử đem nhục thân của Sư thếp vàng, thờ trong điện Phật A Di Đà, nhục thân này hơi ốm, không mập mạp hồng hào bằng khi còn tại thế.



THIỀN THẤT KHAI THỊ LỰC

*Tác giả: LAI QUẢ Thiền Sư
Dịch giả: THÍCH DUY LỰC*

Tiểu sử

THIỀN SƯ LAI QUẢ

Sư tên Diệu Thọ, tự Lai Quả, hiệu là Tịnh Như, con nhà nông họ Lưu, quê ở huyện Hoàng Cương, tỉnh Hồ Bắc.

Năm lên bảy, Sư nghe vị Tăng bên cạnh tụng câu “Vô trí diệc vô đắc” trong Tâm Kinh, Sư có tinh ngộ.

Năm 12 tuổi, Sư có chí thoát trần, trốn đi xuất gia, bị người anh tìm bắt trở về.

Năm 15 tuổi, Hòa thượng Đại Trí dạy lấy niệm Phật để liễu thoát sanh tử, Sư bèn niệm Phật thành phiến, cho đến ngủ chiêm bao cũng vẫn lớn tiếng niệm Phật. Hòa Thượng nói: “Đây là chơn thật niệm Phật. Vậy niệm Phật là người nào? Ông biết không?” Sư không đáp được. Hòa Thượng nói: “Đại ông tìm ra người niệm Phật, ta sẽ nói chuyện với ông”.

Năm 18 tuổi, Sư cắt gan trị bệnh cho cha.

Năm Ất Ty (1905 TL) Sư 25 tuổi, đi hành hương ở núi Phổ Đà, gặp một vị Tăng khổ hạnh, Sư cảm kích bèn xuống tóc ở núi Bảo Hoa. Sư bị chư Tăng

trong chùa hành hạ khổ sở chẳng xiết, trốn đến bờ sông, nhiều ngày bị đói, cùng với chó hoang ở chung, muốn đâm đầu xuống sông tự vận, bỗng gặp vị Tăng ở chùa Di Đà tại Kinh Khẩu cứu kịp. Sư theo vị Tăng ấy đến chùa Kim Sơn, song vì chưa thông thuộc quy củ nên một ngày bị đánh hơn bốn trăm thương bản.

Ngày 26 tháng 9 năm Quang Tự thứ 34 (1908 TL), Sư nghe tiếng mõ khai tịnh sau thời khóa công phu buổi chiều tối, hoát nhiên thoát lạc như buông gánh nặng ngàn cân, đánh mất cái mũi mẹ sanh, khóc to chẳng nín, hư không trên trời, nước chảy dưới đất, tất cả trệ ngại hoàn toàn tiêu hết, cơ dung hiện tiền, có hỏi liền đáp. Hòa Thượng Ban Thủ đến tận nơi khen ngợi.

Một hôm, Từ Bản lão nhân đưa cái khăn ra làm thế rửa mặt, hỏi Sư: “Là cái gì?” Sư nói: “Đã dù chiếc khăn tay rồi”. Từ lão nhân chẳng đáp mà lui. Sư từ đấy càng thận trọng.

Sư từng được sung chức Phạn Đầu, hết lòng phụng sự nhà chùa một cách tiết kiệm. Thủ Tọa khuyên Sư đảm nhiệm chức vụ Ban Thủ, Sư tự thấy mình còn kém bèn trốn sang chùa Cao Mân, cũng bị đảm nhiệm chức vụ Ban Thủ. Sư bỗng có ý du phương, đi ẩn tu ở núi Chung Nam, gặp cư sĩ Cao Hạc Niên hối thúc trở về Nam.

Sư trở về chùa Cao Mân, Tổ Nguyệt Lãng sai Minh Hiên lão nhân chọn ngày truyền pháp cho Sư. Lúc lâm chung, Tổ nắm tay buộc Sư phải phát nguyện: “Sống làm người Cao Mân, chết làm quỷ Cao Mân”.

Sau khi nhậm chức Trụ Trì, Sư khôi phục lại quy chế cũ, lấy việc xây dựng sửa sang năm công trình lớn: Bảo Tháp; Đại Điện; Thiên Đường; Diên Thọ Đường. Như ý liêu làm chí nguyện, song cho đến khi tịch mà chưa viên mãn. Sư mong ước thừa nguyện lực tái lai để tiếp tục công trình cho hoàn tất. Chỉ có Cổ Lương Đindh là làm xong, phong cảnh thanh u, làm tăng thêm pháp hỷ cho người.

Sư thuận theo lời khẩn thiết cầu của các nơi, y theo lệ trước của Triết Tổ Thiền Tuệ, soạn quyển Tự Hành Lục, ghi lại đầy đủ hành trạng cả một cuộc đời khôi vĩ dị thường của Sư. Quyển sách này đã được ấn hành phụ trong bộ Ngũ Lục.

Sư thân hình cao lớn trắng tréo, mắt nhỏ, tiếng to. Từ 50 tuổi về sau, Sư hành hạnh Đầu Đà và tự nhủ: “Nếu chí nguyện chưa toại thì chẳng cao bồ râu tóc” để đau đớn nhớ mãi chí nguyện của mình, nhưng nghi biếu lại càng oai nghiêm. Sư tánh tình cứng cỏi chân thật, gấp việc thì cố gắng hết mình, khiến cho ý không tốt của người tự tiêu tan. Cả đời Sư chỉ lấy hoằng pháp, ngộ đạo làm nhiệm vụ,

đánh hét đều dùng, chuông trống xen nhau, chưa từng có chút lười mỏi. Dương thời, Hòa Thượng Huân là người được sự trọng vọng trong Tông Môn, tuy lớn tuổi hơn Sư mà cùng với Sư khế hợp không gián cách.

Có một lần, nhà chùa cần hóa duyên để sửa tháp, Sư nhóm họp đồ chúng lại luận bàn, trong số chúng có mấy người phát nguyện lãnh trách nhiệm đi các nơi hóa duyên. Có một vị Tăng đến Vũ Hán, cảm động bởi sự phát tâm của thí chủ, bèn tự chặt cánh tay để đền đáp, mọi người xa gần đều kinh ngạc khen ngợi.

Sư tịch ở Thương Hải, linh cữu đưa về chùa Cao Môn. Làng lân cận có một bà lão Phật Tử tự chặt một ngón tay sai con mang đến trước linh cữu cúng dường. Nhờ chánh pháp cảm người vừa sâu rộng vừa lâu dài nên người nhờ sự giáo hóa của Sư mà làm được như vậy.

Sư sanh vào giờ Dần, ngày 2 tháng 7 năm Tân Tỵ (1881 TL) nhâm năm Quang Tự thứ bảy, diệt độ giờ Dần, ngày 17 tháng 10 năm Quý Tỵ (1953 TL). Sư thọ 73 tuổi. Tăng lạp bốn mươi chín Xuân, giới lạp bốn mươi chín Hạ, pháp lạp ba mươi chín Thu. Trụ trì ba mươi lăm Đồng.

Ngày mùng một tháng 11, linh cữu từ Tịnh Thất

ở Thương Hải được đưa về chùa, mùng 8 tháng chạp
trà tỳ, từ chúng vân tập đau buồn thương tiếc như
đưa đám ma cha mẹ. Xá lợi rất nhiều, sáng như lưu
ly năm màu chói lọi. Giờ Thìn ngày 4 tháng 4 năm
sau nhập tháp rồi cất đình ở bồn tự (Cao Mân) để
thờ tháp Xá Lợi.



THIỀN THẤT KHAI THỊ LỤC

Phật lịch 2486, tức năm Dân Quốc thứ 31 (1942), Âm lịch năm Nhâm Ngọ. Khai thị thiền thất trong thời kỳ tháng mùa đông kiết chế, khởi đầu từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 27 tháng chạp tại chùa Cao Mân, sông Tam Xoa, đất Dương Châu, tỉnh Giang Tô.

PHÁP NGỮ KHỞI THẤT

Sư cầm hương bảng nói rằng:

*Lư khai đại dã chính tư thời,
Vạn Thánh thiên Hiền tổng tận tri.
Thiết ngạch đồng dầu tê hạ luyện,
Hư không ngõa lịch mạc nghi trì.
Trùng thiêm thán, mãnh gia truy,
Thái không phá hậu mạc đình chùy.
Trực dãi sinh tiền thoát lạc tận,
Khoái tương tự kỷ tróc sinh hồi.
Khởi!*

Tam dich:

KHỎI THẤT

Hôm nay nhà chùa vì các ông khởi thất cho nên một số người phải bận rộn: Thiên đường, ngoại liêu, thủ lĩnh, hành đơn, cho đến những người ở ngoài chùa đều rất bận rộn. Vì các ông đả thất, chẳng những người trong, ngoài chùa bận rộn, mà có lẽ thập phương chư Phật, chư Đại Bồ Tát, Hộ Pháp Long Thiên cũng bận rộn không xiết. Nói chung, ấy là vì các ông đả thất.

Ta hỏi các ông: “Đá thắt là làm việc gì, sao lại làm bao nhiêu người bận rộn như vậy? Cái đó còn chẳng kể làm gì, ngay cả thập phương chư Phật, chư Đại Bồ tát, Hộ Pháp Long Thiên so với chúng ta lai

còn bận rộn hơn nữa. Bận rộn việc gì vậy? Các ông có người nào biết được không? Đả thất là làm cái việc gì?" Có lẽ có người còn chẳng hiểu được.

Trong lòng các ông nói rằng: "Những cực khổ lúc bình thường đã quá lầm rồi, nay lại còn phải đả thất! Thầy nói nghe thì hay đấy, vì chúng tôi đả thất, lại nói thập phương chư Phật, chư Đại Bồ Tát, Lịch đại Tổ Sư, Hộ Pháp Long Thiên đều vì chúng tôi mà bận rộn. Bận rộn là bận rộn việc gì, chẳng qua chỉ đem đến thêm chút khổ nữa cho chúng tôi phải chịu đựng chứ có việc gì khác nữa đâu!".

Đúng, thật đáng thương xót! Thương xót không thể nói được. Các ông tuy ngu mê như thế, nhưng ta vẫn chiếu theo quy củ của nhà chùa để làm việc. Các ông phải hiểu được là: Quy củ đả thất rất nghiêm khắc, khác với lúc bình thường. Vậy khác ở chỗ nào? Ấy là ngày nay các ông xin phép sanh tử ở các vị Tổ quá khứ và cũng xin phép sanh tử với ta, ta hứa cho phép sanh tử, vậy sanh tử các ông nằm trong hai tay ta, muốn cho các ông sống thì sống, muốn cho chết thì chết, đứng ngay chỗ này chết.

Lúc bình thường sắc thân các ông giao nhà chùa, còn tính mạng phó cho Long Thiên; Trong thời kỳ đả thất thì không như vậy, sắc thân, tính mạng đều giao trọng trong tay ta. Quy củ nghiêm khắc là như thế nào? Ta đại khái nói cho các ông nghe:

Từ nay về sau, trong thời kỳ đả thắt, Tăng chúng và các vị hành đơn đều không chấp tay chào các vị Duy Na, không hỏi thăm Ban Thủ, cũng không chấp tay hỏi thăm ta. Trong thời kỳ đả thắt, Phật cũng chẳng lạy, hương cũng chẳng đốt, thì các ông chấp tay hỏi thăm để làm gì?

Ta vì các ông nói trước thế này: Việc lớn nhất là bệnh nặng, ngoài ra chẳng còn việc gì lớn hơn, nói gọn lại là bệnh. Một khi có bệnh thì chẳng phải chấp tay xin Duy na cho nghỉ sao? Vì Duy Na không dám cho nghỉ có phải chấp tay xin Ban Thủ chẳng? Không được, vì Ban Thủ lại dám cho các ông nghỉ bệnh ư? Chẳng những là phép nghỉ bệnh, nghỉ chạy hương, nghỉ kinh hành cho đến hết thảy các việc nghỉ phép Ban Thủ; Duy Na đại khái đều không dám to gan như thế đâu. Vì sao vậy? Các ông xin phép sanh tử, không phải xin Ban Thủ; Duy Na, mà phải xin ta, các vị kia dám thay ta cho phép ư? Vậy khi nào có bệnh thì làm cách nào? Chẳng có cách nào hết, sống cũng đả thắt, chết cũng đả thắt, mạnh cũng đả thắt, đau cũng đả thắt, chung qui là đả thắt.

Ngay khi bệnh nặng, đứng cũng không nổi thì làm sao chạy được? Nếu các ông thực đã đến lúc chẳng còn có thể chạy được đi nữa thì phải đem thân thể các ông quăng xuống đáy quảng đơn (*Giường ngủ chung của đại chúng*). Các ông bệnh

cũng được, sống cũng được, chết cũng được, đợi sau khi giải thoát thì mới đưa đi chôn, dù năm người hay ba người cũng quăng xuống đáy quảng đơn. Đây là cách giải quyết kẻ có bệnh.

Lại nữa, các ông trong thời kỳ đả thắt, đi hương, ngồi hương, quá đường, cho đến đại tiểu tiện mà quay đầu một cái, hoặc cười đùa, như thế thì ta bảo cho các ông biết; Các ông phải mất mạng đó. Thế là sao? Một khi các ông đã đến thiền đường thì hương bảng của các vị Ban Thủ, Duy Na đều quay về các ông mà đập xuống. Một, hai chục hương bảng chẳng kể đầu, mặt, tai, cứ đánh hết, đánh rồi mà không chết thì vẫn phải đả thắt. Nếu như đánh các ông bị thương thì làm cách nào? Thì cũng phải liệng các ông xuống đáy quảng đơn. Sau khi giải thoát rồi đem đi chôn một lượt. Chẳng phải như lúc bình thường đánh chết rồi đem đi chôn, đánh bị thương rồi thì đưa vào liêu như ý (*Nhà y tế ở tòng lâm*).

Thời kỳ đả thắt thì không như thế. Vậy thì chùa Cao Mân đánh chết người chẳng coi việc đó ra gì sao? Những năm qua trong thời kỳ đả thắt cũng có mấy người bị đánh chết, đây là việc bình thường, chẳng có gì là lạ.

Ta đã cảnh cáo các ông nhiều rồi, những quy củ nào ta đã giao rõ cho thì các ông phải làm đúng như thế, chẳng vì tình riêng tư, không được

sai chạy một chút. Ta nói gọn lại một câu: Có bệnh gần chết không được xin nghỉ bệnh, chết rồi liền đem quăng xuống đáy quẳng đơn. Phạm quy củ đánh chết rồi cũng quăng xuống đáy quẳng đơn. Ta đã dặn dò các ông rõ ràng, mảy may không được sai chạy.

Lại nữa, lúc bình thường, các ông trong khi tịnh muốn đi ngoài thì xin phép với Duy Na. Duy Na đánh sáu hương bảng thì có thể mở cửa đi ra được. Trong thời kỳ thiền thất chẵng cho như vậy, vì rằng một ngày mười hai nén hương thì có thể hai mươi bốn lần đi ra ngoài. Dù các ông có đau bụng muốn đi ngoài thì có ít nhiều thì giờ để đi chẵng? Bất cứ cây hương nào cũng không cho phép mở cửa. Các ông dù có ỉa ngay ra quần hay ỉa trên nệm ngồi thì cũng chẵng quái lạ gì các ông cả, ỉa ra trên nệm thì có thể được chứ mở cửa thì không thể được.

Các ông phải lưu tâm. Đả thất là làm việc gì? Các ông phải hiểu cho rõ ràng, không có gì hơn ngoài việc tham thiền, ngộ đạo, liễu sanh thoát tử. Muốn tham thiền mà chẵng tham câu thoại đầu thì không được. Muốn liễu thoát sanh tử cũng phải tham câu thoại đầu mới liễu được. Các ông phải phát tâm. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 16 tháng 10 (Thất đàu ngày đàu)

“Lương y chi môn bệnh giả đa” (*Thầy thuốc giỏi nhiều bệnh nhân đến*). Người đời khi có bệnh đều phải đến thầy thuốc, ông bệnh nào thì lương y cho ông uống thuốc nấy, ông ta theo chứng bệnh mà cấp thuốc, nhất định làm sao cho ông uống thuốc đến khi bệnh dứt được, đó là lý lẽ nhất định của pháp thế gian, pháp xuất thế gian cũng vậy.

Chúng ta từ vô lượng kiếp cứ mắc bệnh mãi cho đến ngày nay, tất cả người đời chỉ biết sự đau đớn trên thể xác mình, còn một thứ đại bệnh mà chẳng biết tí nào cả. Người thế tục chẳng biết có cái đại bệnh này thì còn nói được gì, vì họ từ mê này vào mê khác, thiện căn ít nên không lạ gì họ. Các ông là người dụng công tu đạo, liễu thoát sanh tử mà tại sao lại giống họ vậy? Các ông cứ cho là mình tốt hơn người thế tục, ta hỏi các ông “Có bệnh không?” Các ông nghe hỏi vậy trong lòng không vui, nghĩ: “Người khỏe mạnh tại sao hỏi có bệnh hay không! Từ sáng đến tối ăn mấy tô cơm, trà cũng uống, nước cũng uống thì có bệnh gì; Có bệnh thì có chỗ nào tốt đâu?” Đúng đấy, thực là khổ sở lắm! Cái bệnh lớn như thế thì cũng loàng xoàng mà qua đi thôi.

Ta thấy các ông như thế trong lòng thật bất nhẫn. Tỷ như: Một nhà thương lớn có giám đốc, có y sĩ, người đến, người đi đều là để khám bệnh.

Bác sĩ hỏi ông: Có bệnh không?

Ông nói: Có bệnh.

Ông ta hỏi: Bệnh gì?

Ông nhất định nói: Nhức đầu, ăn cơm không được ... cho đến những thứ bệnh khác. Bác sĩ liền theo lời ông và sự bắt mạch của ông ta mà cấp thuốc cho ông. Ông cầm lấy thuốc uống luôn không kể là cái gì, chỉ mong khỏi bệnh. Thầy thuốc nhất định muốn ông phải uống, uống rồi thì chung quy muốn khỏe mạnh.

Thiền Đường của chúng ta đây cũng như bệnh viện, các ông đến là để chữa bệnh. Cho nên hỏi các ông bệnh gì, các ông còn nói là không có bệnh chẳng? Các ông đương nhiên nói “Có bệnh”. Ta lại hỏi các ông: “Mắc bệnh gì?” E rằng các ông không có người trả lời cho xuôi được. Có bệnh gì các ông chẳng nói ra nguyên do căn bệnh thì ta làm sao ra toa được? Ông không nói thì ta có biện pháp gì? Một số các ông biết được chút ít thì cứ nói chút ít, ta cũng có thể cấp thuốc cho các ông uống. Nhưng một chút các ông cũng chẳng biết thì ta có biện pháp nào? Nay các Sư, mắc cái đại bệnh này mà chẳng biết, lại quay lủng với đạo, càng chạy càng xa.

Trong lúc các ông lại còn có vài người cứ cho là: “Nói bệnh lớn với bệnh nhỏ gì, chúng tôi đến đây là để tham học, xem qua cách thức gia hương đả thắt, biết được chút ít là được rồi”. Có khá nhiều vị nghĩ như thế đó. Bởi vì các ông không triệt để biết được mình vốn có cái đại bệnh ghê gớm, cái đại bệnh không trị không được. Chỉ sau khi các ông biết được triệt để cái đại bệnh này thì các ông mới có thể biết được cái lợi hại của bệnh không trị không được, phải uống thuốc.

Giả sử các ông không biết cái bệnh này thì còn nói gì chuyện uống thuốc, bệnh viện này cũng chẳng cần ở. Bởi vì các ông không biết mình có bệnh nên chẳng quan tâm gì đến việc đau đớn, không uống thuốc hình như cũng chẳng có việc gì, thế còn phải ở lại bệnh viện để làm chi?

Nay ta cho các ông biết: Đại bệnh này là “Sanh tử đại bệnh”. Đại bệnh này nhất định phải trị, nhất định phải uống thuốc. Các ông phải hiểu: Hôm nay đến được chỗ này quả không phải là dễ đâu, ấy là do sự bồi đắp từ kiếp trước. Cái thân người này không dễ gì có được, phải trải qua bao đại kiếp ở trong các loài khác, đến nay mới có được cái thân người này! Ta lại để thân này trôi qua, há chẳng phải là phí phạm đi mất sự vun trồng của đời trước sao? Phải biết rằng thân này không phải trường cửu, cho là

một trăm năm mà nay chúng ta đã trải qua mấy chục năm rồi, thời gian còn lại có được bao nhiêu ngày? Huống nữa đời người chỉ trong hơi thở, cứ khi miệng không hít vào thở ra nữa là kh办事 rồi! Nay chúng ta lại gặp cơ duyên tốt này, nên lo sao cho thiết thực làm một phen, mới không phí phạm kiếp làm người, mới biết được sanh tử là đại bệnh của chúng ta. Cái sanh tử đại bệnh này không giống với đại bệnh ở thế gian, không uống thuốc câu thoại đâu thì không được. Các ông hãy đề câu thoại đâu mà tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 17 tháng 10 (Thất đàu ngày thứ nhì)

Đả thất để làm gì? Chẳng có gì khác hơn là tinh tiến. Ta nói ngay ra là “Chân” tinh tiến. Tại sao đả thất lại là chân tinh tiến? Lúc bình thường, cho là các ông cũng có thể tinh tiến được nhưng chung quy khó có thể lâu dài mãi được, ấy là do lúc bình thường có nhiều công việc phiền nhiễu nên không thể trách các ông. Bởi vì vừa đang dụng công tinh tiến thì bảng gỗ hối phải đi lên chánh điện, mới cảm thấy công phu hơi đắc lực lại phải đi quá đường, cho đến việc tuần hương, đổi phiên trực thiền đường, đều là những việc quấy rối sự dụng công. Nhưng

hiện tại đả thất thì không như vậy, không thượng điện, không quá đường, cho đến đi tiêu giấy xúc cũng không cần các ông động tay, có thể cho là chu đáo lắm rồi!

Ngày thường tất cả việc quấy rối làm cho trong lòng bận hết sức, nhưng hôm nay thì mọi việc quấy rối đều đã có người quét sạch cả rồi, chẳng còn tí nào nữa, như vậy có thể hoàn toàn tinh tiến được. Nhưng ta muốn hỏi các ông: Tuy mọi việc quấy rối đã quét sạch rồi, chỉ lo rằng trong lòng các ông lại quét không sạch thôi!

Các ông quét sạch chưa? Mọi người đều đứng ở đây, ta hỏi các ông: Sạch hay chưa? Các ông hãy xét kỹ thử xem. Nếu muốn nhà chùa giúp các ông thành tựu, vậy thì phải buông bỏ tất cả, chỉ lo dụng công thôi; Các ông còn có được cơ hội tốt này, tất cả chẳng cần chúng ta phải làm gì hết, trống rỗng cả rồi, để thời gian trôi qua như thế lại là đả thất sao?

Để thời gian đi qua trống rỗng như thế thì thực là phụ ơn nhà chùa mà cũng phụ ơn bản thân các ông. Nhưng hôm nay ta còn để các ông tự phụ ơn mình sao? Các ông phải biết cái loại nhân cho thời gian bỏ trống qua (*Hư tiêu tín thí*) này như đã gieo xuống, đến khi cảm quả (*Quả địa ngực*) thì không biết ra làm sao nữa! Ta nói như vậy nhưng có lẽ trong lòng các ông lại không như vậy. Vậy thì như

thế nào? Quả thật tôi từ lúc vào thiền đường đến nay, việc thượng điện, quá đường, quy củ lớn nhỏ bận rộn hết sức chẳng có tí rỗi rảnh. Trước kia đã chịu nhiều khổ sở để học được Kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa cho đến những điều thấy được, lãnh hội được còn chưa sờ mó (*Suy nghĩ*) tới, ngày nay đã thất tốt rồi, chẳng có việc gì làm, tôi ngồi xuống ôn lại những việc tôi đã trao đổi từ lâu không muốn để quên mất.

Đúng đấy! Các ông ngồi xuống trong lòng có như thế không? Ta thấy trong bụng các ông đầy ắp những *Lăng Nghiêm*, *Pháp Hoa* tuôn ra như nước chảy. Nhưng hôm nay lo việc căn bản đại sự thì những kinh giáo các ông chứa đầy trong bụng một chữ cũng chẳng dùng được; Không những một chữ cũng chẳng dùng xong mà ngay cả một mảy may cũng chẳng dùng được, các ông có tin không? Ta thiết nghĩ: Sợ rằng không dễ gì tin được. Tại sao vậy? Các ông cho là: Trong Thiền Tông vì lẽ gì một chữ cũng dùng không xong? Vậy thì lấy bảy chõ trung tâm, mười phen hiển kiến trong Kinh Lăng Nghiêm chẳng là công phu sao? Nhất Chân Pháp Giới trong Kinh Hoa Nghiêm vì sao Thiền Tông một chữ càng dùng không được? Thế chẳng phải là khiến các ông khó tin sao?

Đúng đấy! Vậy thì ta muốn hỏi các ông: Có tham câu thoại đâu không? Các ông không cần hỏi câu

thoại đâu là pháp lớn hay pháp nhỏ, cứ cho nó là cây củi mục vô dụng đi, các ông hãy nhai nó xem có mùi vị gì không? Bảo các ông nhai thì cứ nhai thử xem! Chúng ta mắt thì thấy giống nhau, thí dụ câu thoại đâu viết lên tờ giấy đῷ dán trên cột, các ông thấy, ta cũng thấy, có thể cho là cùng một nhãm kiến đi. Ta nói các ông thấy đῷ, ta thấy xanh, các ông có tin không? Ta không những thấy được chẳng phải là đῷ mà lại là xanh, mà ngay cả xanh cũng bất khả dắc, các ông lại càng khó tin. Ta muốn hỏi các ông, cái câu thoại đâu như củi mục này các ông nhai có được tí mùi vị nào không? Giả sử đã nhai ra được tí mùi vị, tự nhiên sẽ thấy không phải là đῷ mà là xanh. Lại thêm cái tinh tiến này trong thời kỳ đả thất thì chẳng phải ngay cả đến cái xanh này cũng bất khả dắc sao?

Đến lúc đó ta sẽ hỏi ông: *Lăng Nghiêm* có còn không? *Pháp Hoa* có dùng được không? Cho đến tất cả kiến, văn, giác, tri có còn không? Các ông thử nghiên cứu xem, có phải như thế hay không?

Cho nên ta bảo các ông đem tất cả cái học, cái thấy, cái nghe, cái hiểu chứa đầy trong bụng quăng hết đi, quăng bỏ cho thật sạch hết, một chút cũng không cho còn, có lẽ các ông còn chưa chịu quăng bỏ, dù cho có bỏ cũng không chịu quăng bỏ cho sạch trơn. Mặc dù quăng bỏ cho sạch trơn rồi thì trong Thiền Tông cũng chưa cho là xong việc đâu. Vậy các ông lại

phải đem cả cái da bụng mà quăng tuốt đi luôn thì có thể cho là xong việc chưa? Chưa xong đâu! Việc trong Thiên Tông còn phải đem quăng luôn cả cái bụng đi thì mới kể là xong việc. Nếu chẳng quăng bỏ luôn cái bụng thì lâu ngày về sau nó vẫn còn chứa đựng cái khác. Các ngươi hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 18 tháng 10 (Thất đàu ngày thứ ba)

Dụng công thiên nhật, ngộ tại nhất thi (*Dung công ngàn ngày chỉ ngộ trong nhất thời*). Giả sử công phu các ông được không tí nào gián đoạn, dụng công được ngàn ngày thì đối với sự khai ngộ ta dám bảo đảm. Giả sử công phu chưa đến được chỗ đó thì ta không dám bảo đảm. Trong các ông có người đã ở đây được năm ba năm, cũng có người ở chùa Kim Sơn được năm ba năm, tính chung là ở chùa Kim Sơn, Cao Môn mười năm, hai mươi năm khổ hạnh tại sao không được công phu ngàn ngày? Đã có công phu ngàn ngày thì không phải nhất định ở trong thời kỳ đả thất này sẽ khai ngộ sao?

Trong thời kỳ đả thất là chuyên môn để năm chắc công phu khai ngộ, vì sao mà không khai ngộ được? Bởi vì đáng tiếc cho các ông quá, tuy nói không có năm năm, mười năm, hai mươi năm công

phu, mà ngàn ngày công phu cũng đã có rồi, nếu các ông không có được ngàn ngày công phu thì đổi với sự khai ngộ hãy còn chưa làm đến được.

Ta nói như vậy thì trong lòng các ông cho rằng: "Mùa hè khí trời nóng bức quá, lại còn lên chánh điện, quá đường, dụng công phu thì chưa được xứng đáng. Đợi đến thời kỳ thay đổi chức sự cần phải phép tắc lớn nhỏ, làm cho hết sức bận rộn, cho đến "Gia hương" ... đều không phải là lúc dụng công phu. Đả thất mới là chân thật dụng công phu, không được lại bỏ qua nữa". Đại khái các ông đều như thế cả.

Ta thấy cái tư tưởng này của các ông cứ cho là một năm chỉ có đả thất mới dụng công phu, mùa hạ thì kiết hạ, lúc thay đổi chức sự thì cũng là thay đổi chức sự, gia hương còn phải lên chánh điện, quá đường... đả thất thì mới cần dụng công phu, loại người như vậy là tệ hại nhất. Tại sao vậy? Đả thất là phải định kỳ thủ chúng, là lúc nhất văn thiên ngộ, chứ đâu phải là thời kỳ để dụng công phu! Dụng công phu phải ở ngay trong lúc bình thường, ngày thường không chịu dụng công phu, đợi đến đả thất mới dụng công, thì đến lúc nào mới có thể khai ngộ được? Ta nói đến chữ ngộ thì còn có phần của các ông không?

Ta cho các ông một thí dụ: Trước đời nhà Thanh, người đi học được mười năm rồi hễ gấp kỳ thi thì đi

thi, phải không? Nếu đến trường thi mà còn chưa biết viết chữ, nhìn mặt chữ không ra, trong khi thi mới tập viết, như vậy phỏng có được không? Ra làm quan có phần các ông không? Trong thời kỳ mười năm học hành các ông không đi học, chỉ mang cái tên là người đi học, đến trường thi thì chỉ muốn được đậu làm quan, sợ là không xong rồi. Chúng ta hôm nay đả thắt cũng giống như ở trường thi, khổ công ba năm đã đủ tư cách rồi, khi nhà chùa mở Thiền Thất thì phải khai ngộ liền mới đúng. Các ông bình thường mang tiếng dụng công mà thực ra chẳng có dụng công gì cả, đến lúc đả thắt làm sao khai ngộ được? Cũng như không đi học mà đi thi, các ông sai lầm như vậy đã lâu lăm rồi, không phải mới hôm nay. Thế thì còn phải đả thắt không? Có phải là không đả thắt cũng được chăng?

Bởi vì các ông không có một người có tư cách đả thắt, các ông như vậy là rất phụ ơn nhà chùa, nhà chùa chỗ nào cũng vì các ông mà lo lắng, có một tí trái ngược với đạo thì mau mau sửa đổi cho tốt, như thế ta dám nói nhà chùa đã hết bốn phận đối với thiên hạ, chỉ có thể nói các ông phụ ơn nhà chùa chứ nhà chùa quyết không hề cô phụ các ông.

Nếu có người dụng công phu được năm ba năm, mặc quần áo, ăn cơm, lên chánh điện, quá đường, đi cầu, ngủ nghỉ đã dụng công đến cực điểm, hôm

nay đến chùa Cao Mân dự tính tham gia đả thắt lại muốn được thủ chứng ngay, không ngờ nhà chùa không cho các ông đả thắt, vậy thì nhà chùa có phụ các ông rồi. Ta hỏi các ông còn có một người như vậy không?

Ta lại hỏi các ông nữa: Đứng nói quá khứ ba năm, năm năm không dụng công phu đã bỏ luống qua, cả mùa hè cũng chưa đề lên một câu thoại đâu, cho đến vào Thiên Đường gia hương cũng không biết đề lên câu thoại đâu. Nay giờ đang thời kỳ đả thắt từng cây hương một, từng thắt một, ngồi hương, đi hương đề được mấy câu thoại đâu? Các ông xét lòng tự hỏi xem có làm đủ bốn phận đối với người đời không? Đối với bất cứ việc học nào cũng vậy, đều cần phải nói đến tiến bộ; Cái tiến bộ ở trong Thiền Tông các ông có biết ở chỗ nào không? Trên chánh điện có tiến bộ, quá đường có tiến bộ, đi cầu có tiến bộ, cho đến nơi nơi đều có tiến bộ cả. Các ông có biết trên chánh điện tiến bộ ở chỗ nào không? Đứng trên chánh điện đâu không có chút nghiên, thân cũng không tí nhúc nhích, như thế là tiến bộ. Tại sao? Công phu dụng đến chỗ đắc lực, đâu làm sao nghiên được, thân làm sao nhúc nhích được? Đầu hẽ nghiên, không thấy sắc thì nghe tiếng, thân cử động không nhúc thì ngứa, đâu còn công phu nữa! Trong lúc quá đường, trên chánh điện, cho đến mọi nơi,

ngay cả đi vào nhà tiêu đây nắp cầu không ra tiếng, thậm chí nhường mày nháy mắt, đi đứng nằm ngồi đều dụng công phu. Các ông cần nhận thức chỗ quý trong lúc bình thường của Thiền Tông, cái chỗ tốt của Thiền Thất. Các ông hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 19 tháng 10 (thất đàu ngày thứ tư)

Pháp của Thiền Tông vốn là bất lập văn tự, không mượn ngôn ngữ. Bất lập văn tự thì không có lời để nói, không mượn ngôn ngữ thì không có gì để mở miệng. Cứ theo như thế mà nói thì không cần phải nói chuyện sao? Tại sao mỗi ngày có vài lần khai thị? Phải hiểu rằng, trong Thiền Tông nói chuyện vốn là bất đắc dĩ, vì tâm các ông mỗi mỗi đều khác nhau. Cái bất lập văn tự, không mượn ngôn ngữ của Thiền Tông là cần phải đạt đến chỗ hành đồng nhất; Mười phương chư Phật, lịch đại Tổ Sư hành như vậy, hiện tại các ông cũng hành như vậy, mới có thể nói không mượn ngôn ngữ. Nay vì các ông tâm hạnh khác nhau, trăm người trăm hạnh, muốn cả trăm người các ông đều quy về một tâm hạnh thôi, cho nên phải nói là vậy.

Nhưng lời nói là lời nói của Thiền Tông, trong Thiền Tông bất cứ người nào cũng không cho

giảng kinh điển, ngũ lục, công án. Các ông nghe vậy đương nhiên có mối hoài nghi: “Kinh điển chư Phật thuyết không được giảng, tại sao ngũ lục, công án của Tổ Sư lại cũng không được giảng?” Bởi vì giảng rồi đối với các ông cũng vô ích, lại thêm cho các ông tâm của trăm người lại phân thành mấy ngàn cái tâm.

Đây là lẽ gì vậy? Cái hạnh của các ông đều phải đi con đường hướng thượng, lấy câu thoại đầu làm miếng ngói gỗ cửa, bia chỉ đường. Người xưa tuy có những công án “Lúc cha mẹ chưa sanh ra”, “Con chó không có Phật Tánh” cho đến một ngàn tám trăm công án, nhưng bất cứ Tổ Sư nào cũng đều phải ở một công án mà thâm nhập, cho nên thiền đường Hòa Thượng, vị Ban Thủ hễ mở miệng là thoại đầu, ngậm miệng lại cũng thoại đầu, nói chuyện cũng thoại đầu, chẳng nói chuyện cũng thoại đầu, cái này là rất cần yếu trong Thiền Tông.

Trong bụng các ông cứ cho là tham thiền cũng như đi chơi ở Thượng Hải, hôm nay Tân Thế Giới, ngày mai Đại Vũ Đài, ngày kia Tiên Thi Công Ty mới tương ứng tâm của các ông. “Nhưng hôm nay đến Thiên Đường, tại sao từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm đều chỉ có một câu thoại đầu? Một tí mùi vị cũng chẳng có, làm cho người ta buồn muốn chết đi!” Đúng đấy! Lại nữa, lời khai thị chẳng có trình tự gì hết, không có hình ảnh văn

chương gì hết, thực làm cho người ta chẳng muốn nghe, chẳng lạ gì khi người ta nói: Thông Thiên mà không thông Giáo, cứ mở miệng là nói bậy.” Đúng! Thật đáng thương xót cho các ông.

Ta nói ấy là các ông không hiểu đạo. Giả sử như các ông thật biết nói bậy, thế thì tốt đấy. Tại sao? Ông không hợp cơ thì ông không chịu nghe, người khác nghe thì thấy hứng thú lắm; Ông nghe thấy tốt người khác lại nghe không tốt, bởi vì tâm hạnh mỗi người đều khác nhau, thì nói chuyện làm sao nhất trí được? Cho đến việc làm văn chương cũng không có luôn.

Các ông lại hiểu sai rồi; Ở đây không cho các ông làm văn chương, cũng không phải Giáo Môn giảng kinh, y văn thích nghĩa, phân khoa phán giáo. Trong Thiền Tông, cũng như hôm nay ta nói chuyện này chuyện kia, cũng có người nghe rồi nói tốt, lại lúc Sư Ban Thủ giảng huyền giảng diệu, cũng có người nghe rồi nói tốt, cái này tức là “Thô ngôn cập tế ngữ, khái quy đệ nhất nghĩa” (*Lời nói thô và tế đều quy về đệ nhất nghĩa*), cốt là ở nơi các ông biết nghe.

Các ông phải hiểu được cái khổ tâm của người nói chuyện, vì các ông có tâm hạnh khác nhau, sự bất đồng ấy đều là vọng tưởng chấp trước của các ông, cho nên các ông có trăm cái tâm, người nói chuyện nói ra trăm cái pháp, muốn dạy cho các ông

trăm cái tâm này quy thành một tâm, quả là chẳng dễ gì.

Hôm nay ta giảng về đường lối công phu, người người các ông biết nghe giảng, nghe rồi trong bụng cảm thấy tốt lắm, tựa hồ còn cái nghi tình chưa giảng đến, vậy ngày mai ta sẽ giảng làm sao để khởi nghi tình lên. Các ông nghe rõ nghi tình biết khởi lên rồi, nhưng lại không kéo dài được, hôm sau sẽ giảng đến nguyên do gì làm cho nghi tình không phát khởi được, từng bước từng bước một giảng tới, cho đến từng thất từng thất một nói chuyện khác nhau. Thất thứ nhất giảng về việc không hiểu dụng công phu, thất thứ hai giảng về con đường dụng công phu, thất thứ ba giảng về tiến bộ của công phu, thất thứ tư giảng về tin tức của công phu, thất thứ năm thì giảng về chỗ thấy của công phu, cho đến thất thứ mười, từ cạn vào sâu, từ xa đến gần.

Hôm nay nói chuyện trình tự cho các ông biết rồi, các ông trong lòng có cái nắm được rồi. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 20 tháng 10 (Thất đầu ngày thứ năm)

Các ông đều là mộ Đạo mà đến đây vì chùa Cao Môn có đạo để tu, các ông người nào cũng đều như

vậy cả. Nhưng nói câu mộ Đạo nghe ra thì thấy dễ nghe lầm, mà nói đến sự thực hành: Đạo tại sao phải mộ? Các ông từ ngàn muôn dặm muốn mõ cái Đạo của chùa Cao Mân, vậy không phải là hướng ngoại mộ Đạo sao? Mộ Đạo như vậy chẳng phải là hướng ngoại tìm cầu sao? Đâu cứ đều nhất định phải đến chùa Cao Mân mới có Đạo?

Đạo vốn không có Đông, Tây, Nam, Bắc, cũng không có ông có tôi, cứ trực hạ thừa đương (*Ngay lúc đó*) thì được rồi. Hai chữ “Thừa đương” cũng là lời thừa, vốn không thiếu không thừa sẵn sàng đầy đủ. Tiếc thay chúng ta vô lượng kiếp trước với chư Phật cũng đã đồng diện mục, không những đồng diện mục, sợ còn có chỗ siêu việt hơn cả thập phương chư Phật! Bỗng đâu được cái thân huyền hóa này, rồi không chịu cái này bèn đổi lấy cái khác, không chịu nữa thì đổi lấy cái khác nữa. Từ cái này đổi qua cái kia, thay đổi mãi cho tới ngày nay, cứ mỗi lần thay đổi thì lại thêm một dấu vết làm cho bản lai diện mục của chúng ta bị che lấp kín mít, một tí hơi cũng không thấu được.

Mặc dầu bị che lấp kín mít, nhưng nói chung không thiếu sót tí nào. Mười phương chư Phật cũng như vậy, Bồ Tát, Tổ Sư cho đến côn trùng nhỏ xíu cũng như vậy, sơn hà đại địa cũng như vậy, thảo mộc tòng lâm, cho đến trong hư không,

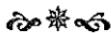
ngoài hư không cũng như vậy; Trong một hư không cho đến vô lượng vô số hư không đều như vậy cả. Ông không thiếu sót, ta cũng không thiếu sót, chỉ tiếc một cái là không dám “Thừa đương”. Giả sử chúng ta thừa đương được thì e rằng không phải là người như thế này đâu.

May mắn cho chúng ta ngày nay được cái thân xác làm người này, trong thời kỳ “Làm người” này phải nghĩ ra cách thế nào có thể “Thừa đương” được! Đối với cách thừa đương được của mình, cần các ông phải có lòng tin. Nhưng lòng tin trước hết phải tin rằng cái thân xác này chẳng bao lâu sẽ tan hoại, hoại rồi thì đường đi nhiều lầm, không hiểu kiếp nào mới được thành người nữa, đường trước mắt thì mênh mông không biết ra thế nào. Phải triệt để tin cái mặt mũi bốn lai của mình, phải hết sức tin tưởng mình như thế, không thừa đương thì không được, không hiểu cái ta thì không được.

Tự tin được mình thì tiếp tục phải tin phương pháp của câu thoại đầu, câu thoại đầu là thừa đương mình, câu thoại đầu là phương tiện để hiểu mình, không phải chỉ nói câu thoại đầu có bao nhiêu cái tốt mà còn muốn các ông tự mình thấy đến được là câu thoại đầu xác thực không sai.

Nhưng dạy các ông dụng công phu các ông lại cho rằng: “Câu thoại đầu này dùng được gì đâu?

Niệm Phật là ai? Niệm Phật là tôi, còn có người khác niệm Phật cho tôi sao?". Không những các ông sơ tham mới có tình hình như vậy thôi đâu, lúc ta còn tham học, đến các chùa thấy dán câu "Niệm Phật là ai", thấy qua rồi thì cảm thấy hình như không giống với tất cả học vấn thế gian. Học vấn thế gian hễ học thì thông liền, còn câu thoại đầu thì không dễ gì thông. Nghiên cứu như vậy niệm Phật là ai? Là tôi chăng? Suy nghĩ một hồi thì cảm thấy không phải là tôi, vậy lấy gì làm tôi? Hơn nữa, tôi nói niệm Phật là tôi, tôi hôm nay sửa tấm giấy đở lại, niệm Phật là tôi, thế có thể được không? Nếu không sửa được tức là không phải tôi. Vậy không phải tôi thì là Phật sao? Không phải, tất cả đều không phải. Như vậy suy nghĩ phân biệt một lúc, quay đầu lại mới biết mình đã sai lầm rồi, ai dạy ông ở trong phân biệt suy nghĩ mà dụng công phu? Ông phải biết đề lên câu thoại đầu, cảm thấy không hiểu thì ở chỗ không hiểu không rõ mà đi tìm cứu cánh, ấy tức là nghi tình. Ở trong nghi tình này dụng công phu lâu đi rồi, dụng đến quay đầu trở lại, lúc ấy ông mới triệt để nhận thức được chính mình. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 21 tháng 10 (Thất đàu ngày thứ sáu)

Lúc Phật còn tại thế, có một người ngoại đạo đem hoa cúng Phật, lạy xong, Phật nói: “Bỏ hoa xuống”. Người ngoại đạo bèn bỏ hoa xuống, Phật lại nói: “Buông tay xuống”. Người ngoại đạo buông tay xuống. Phật lại nói nữa: “Buông thân người xuống”. Người ngoại đạo đứng ngơ ngác cả nửa ngày, thân làm sao buông xuống được? Bèn hỏi: “Thưa Thế Tôn, thân làm sao buông xuống được?”. Phật nói: “Không buông xuống được thì gánh lên đi!”. Người ngoại đạo liền ngô.

Các ông thử nghĩ xem: Hai chữ “Buông xuống” còn có gì quý hơn đâu? Cho nên ta thường dạy các ông buông xuống, thân cũng buông xuống, thế giới cũng buông xuống, hai chữ “Buông xuống” cũng buông xuống luôn. Các ông chẳng những không chịu buông xuống, mà hình như còn muốn nhiều thêm chút nữa mới vừa lòng. Bởi vì trước kia đã có cái thói quen lấy được sự nhiều cho là tiến bộ, được ít là không tiến bộ. Cho nên hôm nay học *Kinh Lăng Nghiêm*, ngày mai học *Kinh Pháp Hoa*, ngày mốt *Kinh Hoa Nghiêm*, càng nhiều càng tốt.

Các ông nghe nói hôm nay giảng câu thoại đầu này, ngày mai giảng “Trước khi cha mẹ chưa sanh ra,” ngày mốt giảng “Con chó không có Phật Tánh,” mỗi

ngày đổi một câu thoại đâu, như thế mới vừa lòng các ông, nghe cho nhiều lầm thì mới thấy phải.

Hôm nay ta bảo các ông buông xuống, thì phải buông xuống cho đến không còn chỗ nào để buông nữa. Cái chỗ không có cái gì để buông ấy cũng còn phải buông luôn. Nếu không lãnh hội được đích chỉ Thiên Tông ở chỗ này, không chịu tin cái từ tâm tha thiết của Thiên Tông thì các ông sanh ra sự hiểu lầm, đã có sự hiểu lầm này rồi thì gieo cái nhân phi báng, tương lai sẽ chiêu cảm cái quả phi báng, lúc ấy thì khổ chết thôi.

Cái hiểu lầm của các ông ở chỗ nào? Thứ nhất, bảo các ông buông xuống thì buông xuống, buông xuống rồi trong tư tưởng mình suy nghĩ này nọ như ở trong cái động đen tối. Thứ hai, bảo các ông lấy cái nghe được, học được, lãnh hội được, tất cả đều buông xuống, các ông không chịu buông xuống, trái lại còn nổi tâm sân lên nói rằng: “Thiền Tông mở miệng không nói cái không đúng của Giáo Môn thì nói cái không đúng của Tịnh Độ, đó không phải là chuyên môn phi báng Giáo Môn, phi báng Tịnh Độ sao?”

Các ông hiểu lầm như vậy ấy là “Sai một mảy may mất đi một ngàn dặm” rồi. Bởi vì các ông không hiểu cửa Thiên Tông là cái cửa gì, ấy là cái cửa tuyệt túng, siêu tông, ly danh, ly túng. Cũng

không phải bảo ông hủy bỏ kinh điển, vứt bỏ Tịnh Độ, không có sự như vậy đâu! Chỉ bảo các ông trong thời kỳ tham thiền này phai buông bỏ tất cả, tức bảo các ông nghỉ ngơi cái tâm, cho nên nói: "Nghỉ ngơi tức là Bồ Đề". Muốn bảo các ông nghỉ ngơi cho đến một mảy lông cũng không có mới được, nếu còn một mảy lông nào, sẽ che khuất cả hư không.

Ta lại cho một thí dụ: Như người đi học nghề thợ mộc, học được năm ba năm cho là học thành nghề rồi, cưa cũng biết cưa, bào cũng biết bào, vì kiếm không được nhiều tiền liền đổi sang nghề may vá. Học may thì phải học cầm kéo phải không? Ông đến tiệm may mà còn đem búa, đem cưa sao? Búa với cưa còn có chỗ dùng chăng? Không những búa, cưa đều không dùng được, cũng không cho cả cái tâm làm thợ mộc tồn tại; Bởi vì tay ông cầm kim mà trong tâm lại là thợ mộc thì việc may vá của ông làm sao học thành được?

Hôm nay các ông tham thiền đương nhiên phải lo việc tham thiền, tham thiền cần phải buông xuống, cần phải nghỉ ngơi, các ông đem sự học được, nghe được, lãnh hội được đựng trong bụng, thế còn có chỗ dùng gì được đâu! Thiền còn tham được chăng? Cũng như học thợ may đem búa đem đục đựng trong túi đeo trong người vậy. Các ông suy nghĩ cẩn thận xem có phải không? Không phải cứ nghe ta nói là xong việc đâu, cần phải trong tâm các

ông lãnh hội triệt để mà nói “Đúng thế” mới được. Tham Thiền cần phải buông bỏ muôn niệm, nếu có một tí không buông bỏ thì cái một tí này sẽ che khuất cả hư không. Các ông lãnh hội được chưa?

Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay chỉ vì cái không buông bỏ, lớn là thế giới, nhỏ là thân tâm, một đời, một kiếp đến nay, tương lai lại chẳng sẽ là nối tiếp một đời một đời sao? Chúng ta muốn làm người phản bốn quy nguyên mà không đem thân tâm, thế giới vứt bỏ hết thì phản bốn quy nguyên chỉ là nói suông thôi, thực sự thì làm không đến được.

Nếu muốn danh và thực phù hợp nhau, thì trước hết cần phải biết: Thế giới từ đâu mà đến, Thân từ đâu mà có? Tâm lấy gì mà có? Nếu biết được thân tâm, thế giới từ đâu mà có thì mới có thể cắt dứt từ căn bản, một hết thì tất cả đều hết, mới là rút củi dưới đáy nồi ra (*Để nước ngưng sôi*). Nếu không giải quyết từ căn bản, chỉ là mực canh để nước ngưng sôi thôi.

Thế giới lấy gì mà có? Phải hiểu: Thế giới lấy thân mà có, thân lấy tâm mà có, tâm lấy mê hoặc mà có. Muốn quét sạch thân tâm, thế giới thì trước tiên trên căn bản phải quét sạch cái mê hoặc, mê hoặc quét sạch rồi thì tâm sẽ sạch, tâm sạch rồi thì thân phải sạch, thân sạch rồi thế giới đương nhiên

sẽ sạch luôn. Như vậy phương pháp quét mê là đề lên câu thoại đầu, phương pháp này quét mê rất triệt để, mê nếu không có câu thoại đầu thì không thể quét sạch căn bản được.

Các ông sau khi có thể lấy câu thoại đầu khổ công tham cho thông rồi thì hành cái hạnh đại bi cứu thế, cái hạnh nào lại không được đâu! Sợ cái học cả đời các ông không đủ dùng. Muốn các ông đều đầy đủ chánh tri chánh kiến để tránh cái hảo tâm vì đạo mà lại chịu lấy cái quả ác, phải nhanh chóng lên, hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 22 tháng 10 (Thất đầu ngày thứ bảy)

Thật tội nghiệp cho người đời nay, người nào mở miệng cũng biết nói liêu sinh, ngậm miệng nói thoát tử, nhưng sợ còn chưa biết cái gì gọi là sinh, làm sao gọi là tử. Chẳng những người thế gian như vậy, ngay cả người tu hành chúng ta cũng như vậy luôn.

Lấy chuyện người xuất gia ngày nay của chúng ta mà nói, tối ngày dụng công phu sơ còn chưa biết dụng công phu làm gì, hiện tại tu nhân gì, tương lai cảm quả gì, chắc các ông chưa có một người hiểu được, tối ngày chỉ là trống rỗng trôi qua thôi. Cũng chẳng hiểu trời bao cao, đất bao dày, thế nào là Tứ

Thánh, thế nào là lục phàm, chúng ta hôm nay ở thiền đường tu là tu nhân gì, tương lai cảm được quả gì, chắc không có người hiểu được. Các ông nếu có người hiểu được thì e rằng ta không bảo các ông dụng công phu, các ông còn chịu không dụng chẳng?

Các ông phải biết: Hôm nay ở thiền đường gieo cái nhân thành Phật, tương lai nhất định cảm được cái quả thành Phật. Người xưa nói “Nhân nào quả này”, trông đưa được đưa, trông đậu được đậu. Chúng ta người dụng công phu chỉ cần quyết tâm triệt để mà dụng đi, bất kể ba, năm, tám, mười năm cũng được, ba mươi năm, năm mươi năm cũng được, nói tóm lại: Lấy đại ngộ làm cứu cánh triệt để.

Cổ nhân nói “Treo cao túi bát, lấy ngộ làm kỳ hạn”. Cứ ngay thẳng mà dụng công đi, quyết định lấy câu thoại đầu làm chánh hạnh của ta, dù kiếp này không ngộ thì phát nguyện kiếp sau, không hỏi ba kiếp, năm kiếp hay ba mươi kiếp, quyết định không tu pháp môn nào khác. Các ông muốn được cái chí nguyện kiên cố như vậy mà hành thì ta dám bảo đảm nhất định sẽ khai ngộ. Hành như vậy mà không khai ngộ thì chư Phật, Tổ Sư há lại chẳng rơi vào vọng ngữ sao? Tổ Triệu Châu nói: “Các ông hành như vậy mà không khai ngộ thì chặt cái đầu của lão Tăng đi”.

Phương pháp tham thoại đầu này là phương pháp chơn thật bất hư, là pháp căn bản của tất cả

các loài hữu tình, vô tình. Chỉ cần dụng công phu, không hỏi khai ngộ hay không khai ngộ, không cần ông lo nghĩ đến ngộ. Nếu chỉ muốn khai ngộ mà không chịu dụng công phu thì làm sao ngộ được? Cổ nhân nói: “Không cần cầu ngộ, chỉ cần đề lên câu thoại đầu thẳng tay mà tham, tham đến sơn cùng thủy tận, “Ồ” lên một tiếng, được đến chỗ này, như người uống nước lạnh nóng tự biết”.

Trong quá khứ có một vị tham thiền, ở thiền đường ba năm, chê trong thiền đường người đông làm lộn xộn, tự thấy công phu không được thâm nhập, bèn bỏ đi vào núi. Ở trên núi cất một nhà tranh, trồng một ít cải, ban ngày trông chừng không cho chim rừng ăn cải, ban đêm hổ sói tranh giành, ngày đêm chẳng yên, đối với công phu mình cũng bị xáo trộn. Ở trên núi ba năm rồi công phu cũng không thâm nhập được bèn chẳng muốn ở nữa, muốn tìm một căn nhà để nhập thất, như thế mới tương ứng với công phu. Đi khất thực được hai, ba năm, gặp một cụ già tại gia đã kiến tánh, bà ấy thấy người tham thiền này rất có đạo đức hạnh trì, bèn thỉnh đến nhà mời dùng cơm chay và nói chuyện về tâm rất là tương đắc.

Bà ấy nói: Thưa Đại Sư, tôi muốn thành tựu cho sự nhập thất của người.

Người tham thiền nghe rồi nói: “Rất tốt! Tôi đang muốn nhập thất đây.

Bà ấy bèn đưa Sư nhập thất. Bà cụ trong nhà không có ai ngoài cô con gái mới 16 tuổi cũng đã khai ngộ. Bà sai con gái mỗi ngày đem cơm xuống cho Sư ăn, được ba năm sau bà bảo con gái:

- Con đã đưa cơm được ba năm rồi, hôm nay đưa cơm, đợi thầy ấy ăn xong thì con đến ôm cúng lại bảo ông nói.

Người con gái nghe rồi nhớ kỹ và cũng làm theo lời dặn, đến ôm chặt rồi bảo rằng: Nói đi!

Người tham thiền nói: Khô mộc ý hàn nham, tam đông vô noãn khí (*Cây khô đưa trên núi tuyết, mùa đông chẳng chút hơi ấm*).

Người con gái buông tay về nhà kể lại cho mẹ nghe, bà ấy nghe xong rồi mắng người tham thiền đuổi đi, đốt luôn cái am tranh và nói:

- Tôi cúng dường ba năm mà chỉ cúng dường một thằng chết!

Người tham thiền nghe cảm thấy mắc cở bèn cầm bồ đoàn lên mà đi khất thực nữa, tự trách mình được người ta cúng dường ba năm mà chưa khai ngộ, bị họ chửi mắng rất là tủi hổ, bèn ra sức công phu. Khất thực ba năm lại đến chỗ bà nọ, cùng nói chuyện công phu, yêu cầu bà cho nhập thất một lần nữa. Lại nhập thất thêm ba năm và bà ấy cũng bảo con gái đưa cơm như trước. Tròn ba năm, cô gái cũng y theo lời mẹ dặn trước, lại đến ôm chặt lấy người tham thiền bảo:

- Nói đi, nói đi!

Kỳ này người tham thiền mở miệng đáp lại: Trời biết, đất biết, ngươi biết, ta biết, đừng cho bà già ngươi biết.

Cô gái về nhà kể lại cho mẹ nghe, bà mẹ nghe rồi trong lòng hoan hỷ nói với người tham thiền:

- Tốt lắm rồi! Tốt lắm! Tốt lắm! Mừng người đã khai ngộ rồi.

Các ông nghe chuyện này rồi thì hãy tưởng tượng xem; Người biết, ta biết, đừng cho bà già ngươi biết, nếu là người thế gian nói vậy thì có còn là chuyện tốt không? Đại khái các ông cùng có một cách lãnh hội như vậy, nếu lãnh hội như vậy là sai lầm rồi. Bảo các ông ở trên bốn phận mà lãnh hội, các ông tưởng tượng xem, có lãnh hội được hay không? Nếu không lãnh hội được thì cứ tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 23 tháng 10 (Thất thứ nhì ngày đầu)

Liễu sanh, thoát tử, minh tâm, kiến tánh, pháp tham thiền rất là đương cơ, cũng có thể nói là trùm khắp tam căn. Ta thật tin tưởng pháp này, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, không pháp nào sánh cùng pháp này. Nhưng trong các ông còn nhiều người không cho như vậy, cứ nghĩ rằng tham câu

thoại đâu làm sao có thể vượt hẳn lên tám vạn bốn ngàn pháp môn được!

Dù ông không tin thế cũng được, chúng ta hãy bỏ qua câu thoại đâu, các ông nói pháp nào được liễu sanh thoát tử trực tiếp nhất, triệt để nhất? Có cái nào khỏi cần tham, cũng khỏi cần dụng công phu mà có thể minh tâm kiến tánh được không? Các ông nghĩ thử xem, nếu thật có một pháp nào so với tham thiền còn mau hơn thì ta cũng muốn theo các ông mà học.

Bởi vì ngã kiến của các ông quá sâu, thiện căn quá cạn, muốn trừ kiến chấp của các ông quy về một con đường lớn này nên cần phải chỉ ra cho các ông biết. Các ông suy nghĩ cẩn thận xem: Xem kinh có thể liễu sanh thoát tử không? Niệm Phật, trì chú có thể liễu sanh thoát tử không?

Các ông đến nơi đây là vì sanh tử mà đến, đương nhiên cần phải nghiên cứu, chẳng phải là việc nhỏ đâu. Các ông thảo luận thử xem; Coi kinh chỉ có thể gieo trồng một chút thiện căn, biết được chút ít nghĩa lý, muốn nói liễu sanh thoát tử thì làm không xong. Niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cũng có thể liễu sanh thoát tử, mà muốn bảo đạt đến đỉnh núi Niết Bàn thì làm không được. Trì chú thì thân tâm được thanh tịnh, có thể được một tí thần thông, liễu sanh thoát tử không thể được.

Bởi vì xem kinh, niệm Phật, trì chú đều là hướng ngoại tìm cầu, sanh tử của các ông không phải từ ngoài mà được, không dựa vào cái khác mà có, đều từ trong nhà mình mà ra, ông chạy ra ngoài càng chạy càng xa.

Ông cần phải biết, tham câu thoại đầu túc hướng vào trong nhà mà chạy. Tại sao vậy? Ta nói một thí dụ: Như con cháu đi học, đọc quyển *Bá Gia Tính*: Từ Triệu; Tiên; Tôn; Lý; Châu; Ngô; Trịnh; Vương v.v... cứ đọc thảng một mạch bất quá mấy ngày thì thuộc lòng rồi. Giả sử đọc câu Triệu; Tiên; Tôn; Lý rồi hỏi đó là lý lẽ gì thì làm sao giải thích? Cứ hỏi như vậy không phải là ngớ ngẩn sao? Chỉ trong câu Triệu, Tiên, Tôn, Lý mà nghiên cứu thì câu, Châu, Ngô, Trịnh, Vương chẳng phải mất rồi sao? Đạt đến chỗ thâm nhập của việc nghiên cứu thì Triệu; Tiên; Tôn; Lý cũng mất tiêu luôn.

Các ông thử nghĩ: Hai chữ niệm Phật, không phải A Di Đà Phật, A Di Đà Phật từng câu thảng tay mà niệm. Hôm nay hỏi ông “Niệm Phật là người nào?” Đứng ngay chỗ này không phải quay đầu lại sao? Cũng giống như đọc câu Triệu; Tiên; Tôn; Lý; các ông suy xét cẩn thận thử một chút xem có đúng không? Niệm Phật là ai không phải quay đầu vào trong nhà mà chạy sao?

Hướng vào trong nhà là gì? Không có sanh cũng không có tử, nói minh tâm, kiến tánh cũng là lời nói

dư, đến nhà rồi tâm không đợi nói minh, bỗn lai đã minh; Tánh không cần kiến, đã sẵn sàng hiện tiền. Cái câu thoại đầu này bước một chân thì đưa ông đến nhà, chỉ cần có một câu mà có thể về nhà ngồi nghỉ yên ổn, tại các ông không biết câu thoại đầu có chỗ tốt như vậy.

Các ông cứ tưởng rằng: “Tôi ngày cứ đề câu thoại đầu lên thì vọng tưởng cũng nổi lên nhưng lại không kéo dài được, vậy thì làm sao lại nói tham câu thoại đầu thì đến nhà được? Thật là làm cho tôi khó hiểu!”. Đúng thế! Các ông phải hiểu: Biết có vọng tưởng đó là công phu đã tiến bộ, đề khởi lên được mà kéo không dài lại càng tiến bộ thêm. Các ông phải biết; Bất cứ pháp môn nào cũng ở trong vọng tưởng mà sinh hoạt, làm sao biết được có vọng tưởng? Sở dĩ biết có vọng tưởng cảm thấy không kéo dài được đều là tin tức tốt.

Thực tại các ông tu đạo là đáng thương; Chúng ta đứng ở đây là người mấy chục tuổi cả, nói đến sanh tử thì không kể xiết, nên muốn tu đạo, truy cứu câu niệm Phật là ai không được thông, ba năm, năm năm cũng còn chưa thông, tình huống như vậy thì nói làm sao tu đạo? Nói sanh tử làm sao cho xiết? Chỉ để cho ngày tháng trôi qua thôi. Câu thoại đầu này tham không được thông còn kể được là người tu hành sao? Chỗ nào cũng cần thể diện, câu thoại đầu không thông thì không cần thể diện gì cả. Người có

chút tri thức phải biết làm sao cho đúng bốn phận, các ông còn có người nào chảy nước mắt không? Thật là tội nghiệp, tất cả đều ở trong chõ đèn tối.

Ngày nay bảo các ông nhắm mắt lại, các ông đều nhắm mắt lại. Ta lại hỏi các ông: Mắt mở ra rồi có thấy được ta chẳng? Mắt nhắm lại rồi ông còn tự mình thấy được mình không? Các ông nhắm mắt lại thì thấy tối um, một tí gì cũng chẳng thấy. Ta hỏi các ông nữa: Đang lúc nhắm mắt lại rồi, bước thêm bước nữa thì đến chỗ nào? Các ông còn có ai nắm chắc được không? Các ông có hiểu được bước một bước này thì đi đến chỗ nào không? Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 24 tháng 10 (Thất nhì ngày thứ hai)

Người mới phát tâm tham thiền dụng công sơ vọng tưởng, ngồi lâu sợ hôn trầm. Ta nói loại người như các ông thì dụng công không được, liễu sanh thoát tử không có phần của các ông. Tại sao? Bởi vì các ông không biết phạm vi của vọng tưởng cũng như hôn trầm từ đâu ra. Các ông cần phải hiểu: Từ vô lượng kiếp đến nay, lên thiên đường cũng nó, xuống địa ngục cũng nó, biến thành trâu ngựa cũng nó, hôm nay tu hành cũng là nó, muốn liễu thoát sanh tử cũng là nó, muốn thành Phật làm Tổ cũng là nó.

Cần phải hiểu rằng: Trên từ thành Phật, dưới đến địa ngục, tất cả đều do nó làm chủ, lực lượng của nó lớn lăm, ông muốn sợ nó thì phải lìa xa nó, muốn lìa xa nó phỏng ông có lực lượng bao nhiêu? Lực lượng của vọng tưởng có tưới bao nhiêu nước cũng không vào được, còn lực lượng của ông chỉ cần một giọt trong số đó đã thấm vào rồi. Các ông tưởng tượng xem sức lực các ông nhỏ bé như vậy thì làm sao mà lìa nổi cái sức của vọng tưởng lớn dường ấy được? Ông nhất định là sợ nó rồi. Xa lìa nó không được, lìa không được lại càng sợ, còn một ngày lìa không được thì chỉ có sợ nó thôi, càng sợ lại càng lìa không được, ba năm, năm năm, muốn lìa muốn sợ như vậy cho đến suốt đời cũng chỉ muốn lìa nó, sợ nó thôi. Các ông tưởng tượng xem còn dụng công phu được không? Nếu đã dụng công phu không được thì làm sao liễu sanh thoát tử? Cho nên các ông sợ vọng tưởng, sợ hôn trầm là việc không đúng rồi.

Lại nữa, vọng tưởng làm sao mà lìa? Cả thân tâm các ông vốn là ở trong vọng tưởng, bởi vì tâm các ông là tâm vọng tưởng, thân các ông cũng là thân vọng tưởng, thế giới cũng là vọng tưởng, trong hư không là vọng tưởng, ngoài hư không cũng là vọng tưởng; Cử tâm động niệm, đi đứng nằm ngồi, làm việc đều ở trong vọng tưởng, ta hỏi các ông: Lìa

vọng tưởng rồi ông ở chỗ nào? Là vọng tưởng rồi ông là người gì? Các ông hãy nghiên cứu cẩn thận xem còn có thể lãnh hội một tí nào không?

Vọng tưởng có nhiều chủng nào đi nữa cũng đừng sợ nó, vậy không sợ nó thì phải yêu nó sao? Cũng không được yêu nó. Không sợ nó, không lấy nó làm bạn ác; Không yêu nó, không lấy nó làm bạn tốt. Giả sử ông yêu nó thì đến phải xuống địa ngục rồi; Vì ông yêu nó thì phải tùy thuận nó, thuận nó thì phá giới, phá giới không phải xuống địa ngục sao?

Cho nên, sợ cũng sợ không được, yêu cũng yêu không được, chỉ cần đề lên câu thoại đầu là cái gì? Khởi lên nghi tình để tham vấn truy cứu. Nhưng hai chữ “Truy cứu” chỉ cho ông truy cứu câu thoại đầu “Niệm Phật là ai?” Rốt ráo là ai? Cứu kính là ai? Nếu cứ truy cứu cái đề khởi câu thoại đầu “Niệm Phật là ai” là ai? Người biết truy cứu lại là ai? Làm như thế chẳng những không phải là truy cứu, trái lại chỉ là ngược trở lại thôi, đây là việc bên thức thần, không gọi là tham thiền, không thể liễu sanh thoát tử được.

Vậy thì tham làm sao đây? Hôm nay ta cho các ông rõ: Cái đường lối trực tiếp là ở niệm Phật là ai? Là người nào? Không hiểu được, cứu cánh là ai? Cũng không rõ ràng. Ngoài ra một tí suy nghĩ, đoán này đoán nọ cũng không có. Các ông ở chỗ này thẩm định sâu sắc một tí xem có vọng tưởng không?

Còn hôn trầm không? Hãy nghiên cứu cẩn thận, không phải chuyện nhỏ nhặt đâu.

Các ông lúc tham thiền đi tiêu đi tiêu xong ngồi xuống, ngồi xuống rồi chưa nghe đánh bảng chỉ tịnh còn phải đợi thêm một tí nữa, đánh ba lần bảng, một lần chuông chỉ tịnh rồi mới suy nghĩ đề lên câu thoại đầu thì vọng tưởng cũng đến luôn, chán quá! Muốn lìa bỏ vọng tưởng, một lìa, lìa không được, lại lìa nữa thì hôn trầm đến luôn. Đuối vọng tưởng không được thì mặc kệ nó, đến giờ khai tịnh thì cũng hết chuyện rồi, chạy hương thì chạy, đại khái đều như thế. Tiếc thay! Cứ như thế mãi thì cho đến tận vị lai cũng không khi nào dứt được.

Các ông muốn thấy rõ cái khổ của việc sanh tử, cái khổ của tam ác đạo, trong nháy mắt đã bị lôi kéo đi, thật đáng sợ, đáng sợ lắm! Chỉ mong các ông triệt để nhận thức, mau chóng đề câu thoại đầu tham cho thông rồi thì sanh tử sẽ không có phần của các ông, lục đạo luân hồi còn ở đâu lại được nữa! Các ông hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 25 tháng 10 (Thất nhì ngày thứ ba)

Mở mắt thì không chiêm bao, tâm chẳng khởi ý thì không đối đãi. Ý nghĩa hai câu này ta giảng sơ

qua: Mắt mở cứ mở cho lớn thì không chiêm bao, mắt nhắm lại thì nằm chiêm bao, đại khái là như vậy. Nhưng ta nói: Mắt nhắm nằm chiêm bao, mắt mở to lại còn nằm chiêm bao hơn, các ông tin hay không? Các ông nghĩ rằng mắt nhắm thì ngủ nằm chiêm bao, tại sao mắt mở to cũng còn nằm chiêm bao? Tôi có chỗ không tin.

Đúng đấy! Nhưng ta nói các ông đứng ngay đây đang nằm chiêm bao, suốt ngày suốt đêm chiêm bao. Mắt nhắm lại nằm chiêm bao còn có thể mau chóng tỉnh lại được, các ông mở mắt mà chiêm bao thì chẳng có lúc nào tỉnh, còn biết cái chiêm bao này sẽ kéo dài tới khi nào mới có thể tỉnh được không? Tôi nghiệp quá!

Người chưa liễu ngộ đều là mở mắt nằm chiêm bao mà không biết được đang nằm chiêm bao, muốn biết cái chiêm bao này lúc nào mới tỉnh lại được thì nhất thiết phải khai ngộ, khai ngộ rồi cũng như ngủ nằm chiêm bao thình lình tỉnh dậy. Ta hỏi các ông: Cái chiêm bao này còn có kỳ hạn tỉnh dậy không?

Còn nói về cái tâm không khởi ý, ý tức là niệm, tâm có thể khởi thiện niệm, khởi ác niệm, nếu tất cả niệm đều không khởi ấy tức không có đối đãi, đại khái ý nghĩa là như vậy đó. Kỳ thật không phải thế, cần phải Thánh bất khả đắc, phàm bất khả đắc, niệm bất khả đắc, tâm cũng bất khả đắc, nói không rơi vào hai (Có đối đãi) thì đã rơi vào

ba; Luôn cả cái nhất cũng bất khả đắc, mới cho là có một tí tương ứng trong Thiền Tông.

Trong Thiền Tông chính yếu là phá cái mờ mắt chiêm bao, quét sạch mọi tà niệm. chiêm bao không thức tỉnh thì sanh tử không liễu được, tà niệm không trừ thì vọng sinh ra chi tiết, chi tiết vọng rồi thì thiện nhân chiêu ác quả. Ông tưởng là không sai, kỳ thật là báng Phật, phỉ Tổ, phỉ báng thiền đường, phỉ báng đại pháp luân. Cái nhân này đã gieo xuống thì khỏi nói nữa, phải đọa địa ngục A Tỳ.

Có người nói: “Trong Thiền Tông nói nghe thì tốt lắm, có huyền có diệu, nhưng làm thì có chỗ hình như không đúng, mỗi khi ngồi xuống lại buồn ngủ mà còn ngáy nữa”. Thế thì tâm ông sanh hạt giống khinh mạn, ông làm như vậy thì cái nhân phỉ báng đã gieo xuống rồi. Tại sao? Người xưa có một câu chuyện tương tự, nay ta kể ra cho nghe:

Ngày trước Tứ Tổ đến núi Ngưu Đầu ở Nam Kinh, thấy có tử khí (*Hơi màu đỏ*), Tổ nói “Trong núi nhất định có người tu đạo”. Tổ bèn trèo lên, gặp Thiền Sư Pháp Dung, có con cọp ở một bên. Tứ Tổ làm ra vẻ hoảng sợ; Dung nói: “Ông còn có cái này tồn tại sao?” Tứ Tổ nói thầm trong bụng: “Đây là bậc đạo nhân”. Rồi chạy đến chỗ ngồi bằng cỏ của Pháp Dung và vẽ một chữ Phật lên trên đó. Dung thấy có chữ Phật không dám ngồi, Tứ Tổ bèn nói: “Ông còn cái này tồn tại sao?”.

Biết được đồng là có đạo, đêm đó Dung nhường chỗ cho Tổ ngủ, trên giường suốt đêm Tổ cứ ngáy. Sáng ngày hôm sau, Dung nói:

- Ông thật không biết măc cõ, ngáy suốt đêm làm tôi ngồi không yên.

Tứ Tổ nói: Ông còn làm phiền tôi, ông làm con rệp rót xuống đất té gãy chân, vừa kêu vừa nhảy suốt đêm không thoi làm tôi ngủ không yên.

Người đời sau có hai câu nói: Pháp Dung khi chưa gặp Tứ Tổ như thế nào? Sau khi gặp rồi thì thế nào? Khi chưa gặp thì Trời, Người đều cúng dường, vượn khỉ dâng trái cây; Sau khi gặp Tổ chẳng còn ai cúng dường, quả chẳng ai dâng.

Các ông tham xem tại sao như vậy? Lúc ta ở chùa Kim Sơn, khi dụng công phu đắc lực, nằm trên quảng đơn nghe tiếng ôn ào, ta đi xuống xem thì không thấy ai, tất cả đại chúng đều ngủ, không một người nào nói chuyện, nhìn dưới đáy quảng đơn mới thấy hai con rệp cắn lộn nhau, ta mới đưa chúng tới liêu như ý, cho ít đồ ăn để chúng nó ăn. Các ông thử tưởng tượng xem, còn có thể lấy cái vọng tưởng của mình mà phân biệt được không?

Điều ta nói chính là bản thân ta làm đến, hôm nay ta nói chỗ hành của ta, sợ các ông còn có điều hoài nghi, đợi khi công phu của các ông đến chỗ này rồi thì các ông sẽ được biết. Nhưng đợi đến các ông

biết ăn năn cái nhân phỉ báng đã tạo lúc trước thì đã trễ rồi, cho nên ta hôm nay đặc biệt chỉ ra cho các ông, ấy là việc rất cần, cần làm. Các ông hãy phát tâm, Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 26 tháng 10 (Thất nhì ngày thứ tư)

Tham Thiền dụng công quý ở chỗ hành, hành được mới gọi là tham thiền, không hành, miệng nói tham thiền cũng như không. Chữ HÀNH trong Thiền Tông rất quan trọng, không những đời nay hiểu sai lầm về chữ hành này mà ngày xưa người hiểu lầm cũng không ít. Tất cả đều cho thấy được là xong, hoặc linh hội được sự kiện này người xưa nay đều vốn có, không cần tu chứng, hoàn toàn là vậy rồi, vậy còn hành cái gì? Cứ cho hành là dư thừa. Kỳ thật Thiền Tông rất quý chữ hành, ấy là sự thực hành, chớ nên lầm tưởng.

Phải biết cửa Thiền Tông là cửa vô thượng, cái hành của Thiền Tông là hành vô thượng. Muốn đạt đến mục đích trước tiên phải biết: Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay là do hành mà đến, tuyệt không phải khi không mà có được, cũng không phải người ta đưa ông đến. Lên thiên đường cũng do ông đi,

xuống địa ngục cũng do ông đến, thai trâu bụng ngựa cũng do ông đi đến, nay làm người như thế này cũng do ông hành tới, đại khái đều như vậy cả. Chẳng thấy người ta đưa ông lên thiên đường, cũng chẳng thấy người ta lôi ông xuống địa ngục, từ đó suy ra, phàm chúng sanh có sanh tử cũng từ lý này.

Chúng ta dĩ nhiên đều biết tất cả đều do tự ta hành đến, vậy ngày nay muốn phản bốn quy nguyên đâu phải cứ nói ra là đến nhà được đâu? Thời gian đã phải trải qua biết bao nhiêu đại mới đến nơi xa như thế này, nay muốn phản bốn quy nguyên tất phải theo lối cũ mà về thôi.

Hơn nữa, trong tâm hạnh các ông đều biết phiền não không tốt, vọng tưởng xấu xa, nghiệp chướng không được nổi lên. Nhưng tuy biết phiền não là không tốt, phải vứt đi, vọng tưởng là cái xấu phải bỏ đi, sự thật thì có thể bỏ được chăng? Giả sử vứt được thì vứt ngay bây giờ xem nào! Dù ông bản lĩnh to bằng trời, sợ chẳng làm được như lời đâu. Đã chẳng làm được thì không được như thế, theo thế mà nghiên cứu thì chữ hành tất nhiên không được thiếu sót.

Nhưng đối với người trung hạ căn mà nói thì hành này cũng giống như đi đường, từ bao xa đến, khi trở về cũng phải đi chừng ấy xa mới trở về được nguyên xứ. Ví dụ từ ngoài nghìn dặm đến, hôm nay trở về cũng phải trải qua nghìn dặm, mỗi ngày đi

trăm dặm thì phải đi mất mười ngày mới đi hết; giả sử thiếu một ngày hay thiếu một dặm cũng không đến nhà được, lý do này thì nhất định.

Nhưng đối với các ông, người có chút căn cơ, lại thêm vào đích chỉ trong Thiên Tông của chúng ta thì không cần phải đi như vậy. Chỗ hành của Thiên Tông như thế nào? Ông từ ngàn dặm đến đây, hôm nay chẳng những không cần ông đi ngàn dặm mới đến được quê nhà, luôn cả danh từ “Ngàn dặm đường” cũng bất khả đắc. Danh từ đã bất khả đắc mà còn muốn ông đi sao? Quay đầu lại là đúng rồi! Gót chân không cần nhúc nhích, hễ cử động là phải rồi. Các ông thử nghĩ xem; Cái pháp tham thiền này có trực tiếp không?

Người căn cơ thượng đẳng phải hiểu được rằng không phải sinh ra là đã được thượng căn, mà cũng là do ở chúng ta làm từ người hạ căn đạt đến trung căn, rồi từ trung căn thành thượng căn, đến thượng căn rồi thì nhất văn thiền ngộ (*Một nghe ngàn ngộ*). Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 27 tháng 10 (Thất nhì ngày thứ năm)

Pháp tham thiền là một chánh pháp cứu thế, cứu thân và diệu pháp cứu tâm. Chữ thiền này là cửa

ngõ tất yếu mà làm người cần phải đi qua. Người tham thiền không phải đã tham được thiền là xong đâu, thật ra phải có một tí mùi vị gì của tham thiền; Vậy thì ông phải bận rộn hết sức, có bảo các ông đừng nghỉ một chút các ông cũng không chịu. Nếu chân thật đạt được mục đích của thiền thì việc thành Phật sẵn sàng trước mắt. Phật đây chẳng có quốc độ này quốc độ nọ, không có chúng sanh chư Phật. Muốn thành Phật trải qua A Tăng Kỳ kiếp, cần phải xả đầu mắt, xả óc tủy tim gan, ngũ tạng, kết duyên với chúng sanh cõi đại địa, kết duyên cho đầy đủ rồi, nhân duyên thành thực, thị hiện giáng sinh, khổ hạnh thành Phật, tọa đạo tràng, một đời hoằng dương Thánh Giáo. Nhưng quả địa Phật này lại do nhân địa Phật tạo ra, khi thành thì làm giáo chủ cả Đại Thiên Thế Giới.

Mỗi người tham thiền các ông cần đạt đến mục đích của thiền, không những các ông ở tại thiền đường này, mà cả Tăng lẩn tục ở khắp nơi, nam hoặc nữ đều cần phải đạt đến mục đích của thiền. Muốn đạt đến mục đích đương nhiên phải có một phen sự việc, còn mong các ông dư ra được mấy người không chỗ làm việc, ở đó mà ngủ gục. Tại sao vậy? Mỗi thế giới có một giáo chủ, vậy vô lượng thế giới cho đến vi trấn trong hư không đều có giáo chủ, người thành Phật quá đông, còn dư ra mấy người không có thế giới để làm giáo chủ giáo hóa chúng

sanh, đây là điều ta hy vọng đối với các ông.

Không những ta hy vọng các ông như vậy, đến cả thập phương chư Phật thấy các ông có cái tri thức tham thiền được như vậy cũng vui vẻ cười to; Chư đại Bồ Tát, cho đến Hộ Pháp Long Thiên đều phải chấp tay hoan hỷ hộ trì các ông, không những hộ trì mà lễ bái cũng được nữa.

Vì vậy ở trong đạo tràng này, thêm vào thời kỳ thiền thất được định kỳ thủ chứng, nên cần phải thiết tha nỗ lực, mọi cái đều phải buông bỏ hết, buông đến sạch sành sanh. Tham đi!



KHAI THỊ

(Ngày 28 tháng 10 (Thất nhì ngày thứ sáu))

Người trong Thiền Tông phải làm việc trong Thiền Tông. Các ông cần phải hiểu cái hành trong Thiền Tông là gì? Nếu không hiểu rõ thì cho ông có suốt đời ở thiền đường vẫn còn đứng ở ngoài cửa thôi.

Hôm nay ta nói cho các ông biết qua, ấy là việc ở Thiền Tông không cái gì khác ngoài việc tham thiền ngộ đạo, liễu sanh thoát tử. Nhưng tham thiền là tham ở noi mình, liễu sanh thoát tử là liễu thoát sanh tử của mình chứ không phải làm thay cho người khác; Dù ông có bản lãnh lớn bằng trời

cũng không thể làm thay cho người khác được. Còn có người ở thiền đường tưởng rằng là ở thay cho người khác, cho đến làm mọi việc là làm thay cho người khác.

Các ông phải biết rằng tất cả mọi việc, việc nào chẳng phải việc của mình đâu? Các ông nếu là người có chút tri thức, không đợi ta nói ra đã biết quay về với chính mình rồi. Lại có một số người tưởng ở thiền đường chùa Cao Mân, dụng công là dụng cho chùa Cao Mân, trong các ông nếu có người như vậy, còn xứng đáng là người làm cái việc trong Thiền Tông không? Tham thiền ngộ đạo, liễu sanh thoát tử còn có phần của các ông không? Vì vậy muốn các ông mở mắt thấy rõ.

Nhưng tham thiền ngộ đạo, liễu sanh thoát tử, hai câu đó gom lại chỉ là hai chữ tham thiền, do tham thiền mà ngộ được đạo, ngộ đạo rồi sanh tử lý nào không liễu? Tóm lại là tham thiền.

Đối với việc tham thiền thì thế nào là thiền? Thế nào là tham? Các ông cần phải biết rõ, ý nghĩa tham thiền rất rộng, ta sơ lược chỉ cho các ông một chỗ hạ thủ rất xác thực, mong các ông cứ nghe thì lãnh hội ngay, và một mạch mà hành thì sẽ đến nhà.

Trước nhất phải biết, từ vô lượng kiếp do một niệm bất giác nên đều hướng ngoại mà chạy, cho

đến nay vẫn còn bất tri bất giác, thậm chí đều không biết có nhà, vì thế gọi là chúng sanh. phải biết hướng ngoại là gì, hướng nội là gì? Hướng ngoại là lục đạo luân hồi, sanh tử bất định; Hướng nội là bốn lai diện mục cùng đồng một thể với chư Phật. Dạy các ông tham thoại đầu là dạy các ông hướng nội, tham thoại đầu tức là tham thiền, là hướng nội. Tóm lại, muốn thấy bốn lai diện mục mà không hướng nội là không được; Không hướng nội ấy là sanh tử.

Vì sao tham thoại đầu là hướng nội? Có lẽ các ông không rõ ràng, ta giảng một thí dụ cho các ông nghe: Các ông đang ngồi đây ta hỏi các ông: “Có thấy bàn thờ Phật không?” các ông đương nhiên trả lời là “Thấy”. Ta hỏi thêm: “Trên bàn thờ có gì?” Nhất định các ông sẽ trả lời là: “Bên trong có Phật Tỳ Lô và những thứ khác”. Ta lại hỏi: “Người thấy bàn thờ Phật là ai?” Các ông hãy quay đầu hướng vào chính mình xem! Trong lúc đó không thấy có Phật, ngay cả bàn thờ Phật cũng không có luôn, các đồ vật khác còn có không? Chẳng những không còn mà còn phải quay đầu lại tham vấn trên cái niệm của chính mình đi. Các ông thử nghĩ xem, thấy bàn thờ là hướng ngoại, không thấy là hướng nội; Không thấy bàn thờ Phật trên niệm này mà truy ấy là hướng nội.

Theo như thí dụ này mà thấy thì tham thoại

đầu cũng vậy. Niệm Phật, có Phật để niệm là hướng ngoại, tham “Niệm Phật là ai” thì cứ trên niệm ấy mà tham vấn, ấy là hướng nội, hướng nội tức Tham Thiền.

Hôm nay ta đem thí dụ về sự tham thiền giảng cho các ông nghe qua rồi, các ông không được nói là không biết tham thiền, không hiểu được tham câu thoại đầu nữa. Ta hôm nay giao hẹn rõ ràng cho các ông rồi, hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 29 tháng 10 (Thất thứ nhì ngày thứ bảy)

Người có một tí lợi căn thì dụng công không lấy gì làm khó, không nhờ ở tu chứng, đương thể bản lai chơn tánh không dư không thiếu, thanh tịnh quang minh, không do người khác mà được, đều tự mình sắn có, chỉ vì các ông không thể hành như vậy thôi.

Bệnh ở đâu? Bệnh ở nơi chữ “Chướng.” Chúng ta vốn không có mê, vì chướng mà có mê, chướng lìa thì ngộ; Sanh tử vì chướng mà có, nếu không có chướng thì sanh tử cũng không. Nếu bỏ chướng đi thì bốn lai diện mục chúng ta đương nhiên hiện ra.

Như vậy phải biết chướng là cái cửa ngõ trọng yếu của người dụng công phu, các ông có biết không? Nếu biết được cái chướng này thì các ông sẽ có biện

pháp để trừ nó. Nếu không biết chuồng là cái gì, lấy cái gì làm chuồng thì còn nói làm sao trừ chuồng được? Làm sao lo cho xong?

Đối với người thông thường thì cho là: Sanh tử là chuồng, sanh tử bên bờ này là chuồng, bên bờ kia là Niết Bàn, Niết Bàn không phải là chuồng; Mê là chuồng, ngộ túc không phải là chuồng; Trần lao là chuồng, thanh tịnh là cứu cánh. Chúng sanh là chuồng, Phật là rất tốt". Đại khái là thế.

Thiền Tông thì không vậy; Sanh Tử là Chuồng, Niết Bàn cũng là Chuồng; Mê là Chuồng; Ngộ cũng là Chuồng. Chúng Sanh là Chuồng, Phật cũng là Chuồng; Thân là Chuồng; Tâm cũng là Chuồng. Sơn Hà Đại Địa là Chuồng; Hư Không cũng là Chuồng. Các ông còn tin chăng?

Có người cho rằng: Sanh tử là khổ đương nhiên là chuồng rồi, Niết Bàn là lạc, làm sao lại là chuồng được? Chúng sanh là chuồng, sao Phật cũng là chuồng? Sơn hà là chuồng, hư không tại sao cũng là chuồng? Nói như vậy thì tôi cần dụng công để làm gì? Việc trong Thiền Tông thật là khó tu quá!

Đúng đấy! Các ông hồ nghi như vậy nên ta muốn chỉ ra cho các ông, muốn dẫn các ông đi trên đường đi của Thiền Tông. nhưng ta chỉ vẽ cho các ông, dẫn đường cho các ông là muốn các ông tự đi,

chứ nếu các ông không tự mình đi thì ta không đi thay cho được đâu.

Tại sao trong Thiền Tông muốn nói sanh tử Niết Bàn, chúng sanh chư Phật, bờ này bờ kia, thanh tịnh phiền não, mê ngộ, thân tâm, hư không đại địa đều là chướng? Phải biết rằng tất cả chướng không rời tâm, sanh tử là tâm, chứng Niết Bàn cũng là tâm, cho đến hết thảy hư không đại địa cũng đều là tâm cả. Cái tâm này là cái chướng căn bản, căn bản đã chướng thì còn chỗ nào không phải là chướng nữa? Các ông muốn lìa cái chướng này phải có cách nào?

Nếu nói khổ sanh tử là chướng thì lìa bỏ nó, lạc của Niết Bàn là chướng thì cũng lìa bỏ nó đi; Bờ này không trụ, bờ kia không trụ, phiền não không trụ, thanh tịnh không trụ, cho đến hư không cũng không trụ. Tóm lại, tất cả trần lao thế giới bên ngoài thân đều bỏ sạch, nhức ngứa trên thân cũng bỏ, vọng tưởng nhiều như cát trong tâm cũng bỏ, phương pháp trừ bỏ như vậy sai hay không sai?

Nhưng trong Thiền Tông không như vậy. Tại sao? Nếu bỏ từng món một thì chẳng lúc nào hết được, bên này dứt thì bên kia sanh, chôn hồ lô trên nước thì chẳng dễ gì được đâu, đến nhà rồi mới có thể đem gốc của nó mà bỏ đi hết được. Thí dụ như mặt trời, mặt trăng, sơn hà đại địa v.v... tuy là sắc tướng nhiều lầm, nhưng đều ở trong một hư không, nếu ta muốn

bỏ mặt trời mặt trăng, sơn hà đại địa, không phải là nhiều lầm sao? Nếu muốn bỏ lần lượt từng món vật cho hết thì e rằng không có bản lĩnh to như thế. Nếu ta có sức lực, một tay đập bể hư không thì còn cái gì nữa? Liễu chướng cũng như vậy thôi.

Mặt trăng, mặt trời và mọi cái khác cũng giống như những cái chướng này nọ của chúng ta, hư không thì cũng như tâm của chúng ta, nếu có thể đem tâm liễu bỏ được, thế không phải là trừ bỏ hết tất cả chướng hay sao? Pháp liễu tâm tức là tham thoại đầu; Pháp này để trên niệm mình mà truy cứu, lâu ngày rồi thì tâm sẽ hết, vọng tưởng cũng sẽ hết, nhân pháp đều hết. Lúc bấy giờ các ông mới nhận thức chùa Cao Môn, mới hiểu được lợi ích của câu thoại đầu ở Thiền Đường.

Nhưng sự dụng công ngay bây giờ của các ông cần phải đề lên câu thoại đầu từng giây, từng phút mà truy cứu, chẳng hỏi động tĩnh nằm ngồi đi đứng, niệm niệm không gián đoạn, có ngày các ông sẽ đập bể được hư không. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 30 tháng 10 (Thất thứ ba ngày đầu)

Pháp luân chưa chuyển thực luân phải chuyển trước. Trong sự khó khăn vô vàn của nhà chùa, dù

cho khó khăn đến đâu cũng phải ra sức duy trì, cho nên phát khởi thiền thất cho các sư được chuyên tâm tu hành. Cũng vì đạo tâm của các sư thành khẩn cảm động đến Hộ Pháp Long Thiên và được nhiều vị Trưởng Lão ở các nơi phát đại từ bi, thấy nhà chùa đời sống thanh bần mà quan tâm đến đạo niệm của các ông, vì thế đặc biệt cung cấp dầu, muối, gạo, củi để nhà chùa khỏi phải lo lắng, các sư được an tâm tu đạo.

Các vị Trưởng Lão này trước kia hoặc là Thủ Toạ Hòa Thượng, Tây Đường Sư Phụ, hoặc Đường Chủ Sư Phụ, lâu nay vẫn thường quan tâm đến sự thanh bần của đạo tràng. Nhưng các sư đó không thể so sánh với người đại phú được, đều tiện tặn, ăn xài bón xén, tích tụ tiền bạc do y bát khất thực không dễ gì có được. Không thể nói là cứ ngồi ngồi, đi đi là trai thực tiêu đi được đâu. Nếu các ông cứ cho thế mà không có công việc gì khác thì làm sao trang trải được nợ cơm!

Người xưa đã nói “Thốn hương năng tiêu đấu kim” (*Một tấc hương có thể tiêu được đấu vàng*), tại sao suốt ngày tọa hương mà không đủ trả được nợ cơm? Thật đúng lắm! Ta muốn hỏi các ông: Từ sáng đến tối, tấc hương nào tiêu được đấu vàng? Và tấc hương nào không tiêu được đấu vàng? Các ông hãy nghiên cứu thử xem? Không phải là việc nhỏ đâu!

Ta thấy các ông đối với “Tắc hương tiêu đấu vàng” đại khái còn chưa làm được. Đối với việc trang trải nợ cơm, ta không những có thể hứa với các ông mà còn có thể bảo đảm nữa. Ta bảo đảm ở chỗ nào? Là ở chỗ muốn cho các ông đối với câu thoại đầu không biết là ai, cứu cánh là ai, điều đó không hiểu được, rốt ráo là ai cũng còn không hiểu được, suốt ngày tiền niệm cũng là câu thoại đầu, mà hậu niệm cũng là câu thoại đầu. Các ông tự mình đi như vậy thì ta bảo đảm các ông tiêu được cái nợ cơm.

Ta muốn hỏi các ông có tham thiền hay không?

Các ông đương nhiên trả lời: “Suốt ngày tôi tham câu thoại đầu không mảy may gián đoạn”.

Ta hỏi thêm các ông: “Câu thoại đầu không gián đoạn thì trên thân các ông có mặc áo không? Quá đường còn ăn cơm không?”.

Các ông trả lời ta cách nào? Nếu biết sự mặc là áo quần, sự ăn là cơm gạo thì không đúng rồi, tôi không dám bảo đảm đâu! Ngoài ra các ông còn trả lời ra sao nữa, hãy nghiên cứu thử xem?

Mặc áo không phải mặc áo, ăn cơm không phải ăn cơm; Cũng như người xưa nói mặc áo suốt ngày không dính một sợi chỉ, suốt ngày ăn cơm không cắn một hạt gạo. Nếu các ông tham thiền được như thế thì đây là bằng chứng ta có thể bảo đảm. Trái lại, ta không những không dám bảo đảm mà ngay

cả Phật Thích Ca cũng chẳng dám. Các ông phát tâm. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 1 tháng 11 (Thất thứ ba ngày thứ hai)

Tham Thiền không phải là việc hưởng nhàn. Hôm nay là trong thời kỳ đả thất không cần phải nói lại con đường công phu làm chi nữa, nếu cần phải nói thì không còn đả thất nữa. Vì sao vậy? Vì lúc bình thường phải dụng công cho tốt, kịp đến lúc đả thất cần thêm tinh tiến thời ngộ ngay thôi. Nếu muốn nói đường đi trong thời kỳ thất vậy thì, đường đã nhiều lại thêm lăm: Vọng tưởng, hôn trầm, chẳng biết đến tham thiền. Không biết đến việc phát khởi nghi tình, phiền não, vô minh v.v... lại càng thêm lăm. Cứ theo như thế mà vẫn còn được gọi là đả thất hay sao? Đả thất cần ở sự khai ngộ cũng như theo đuổi việc thi cử vậy.

Kỳ thi không phải là lúc đi học, lúc bình thường cần phải học hành cho tốt. Một khi đã đến trường thi rồi thì chỉ còn lo việc công danh. Giả sử vô trường thi chữ không biết lại còn đi tìm lấy người để hỏi, điều này có được không? Đả thất cũng như thế.

Trong thời kỳ đả thất còn không hiểu được sự dụng công, lại cũng chẳng hiểu vọng tưởng và tham

thiền có như nhau hay không, đâu mối sự phát nghi tình là như thế nào, như thế mà đả thất hay sao? Thật tiếc cho các ông không thể không nói được.

Nếu mà không nói thì không những chỗ sâu xa không thấy đến mà chỗ nông cạn cũng chẳng nhìn ra, cho nên ta nay vì các ông mà nói. Tham Thiền khởi nghi tình là như thế nào? Phải biết câu thoại đâu là như thế nào? Không rõ cứu cánh là ai? Chẳng hiểu được là ai, rốt ráo là ai? Cũng chẳng biết là ai, không hiểu không biết, mơ mơ hồ hồ tức là nghi tình vậy.

Vọng tưởng với tham thiền đều là một vọng tưởng, cùng một con đường. Ta nói như thế các ông nghe lại cho là: “Tham Thiền cũng là vọng tưởng, vậy còn phải tham thiền làm gì? Vọng tưởng hóa ra là lục đạo luân hồi, tham thiền cũng là vọng tưởng, vậy tham thiền không phải là luân hồi sao?”.

Cần phải hiểu được là chỗ khác nhau giữa vọng tưởng của sự tham thiền với vọng tưởng của vọng tưởng là thế nào? Vọng tưởng thì tùy nghiệp chuyển, tham thiền thì tùy tâm chuyển, tùy nghiệp chuyển là nghiệp đi trước, tùy tâm chuyển là tâm đi trước, các ông đi theo sau tâm. Nghiệp thì chuyển hướng về nẻo luân hồi mà đi, cho nên vọng tưởng là theo nghiệp chuyển, tùy nghiệp thì tất cả là sanh tử.

Tham Thiền là tùy tâm chuyển. Tâm là cái gì

vậy? Có phải quả tim bằng thịt của các ông không? Thế lấy gì làm tâm của các ông? Tâm vậy thì ở đâu? Ở trong chǎng? Ở ngoài chǎng? Hay là ở khoảng giữa hay nơi nào nữa? Thật đáng tiếc! Các ông thật chǎng biết gì? Ta nói đưa chân lên, để chân xuống, đi đứng nằm ngồi, ra vào tới lui, tất cả chỗ nào cũng chǎng mảy may rời tâm cả, vậy có chỗ nào chǎng phải tâm đâu? Ấy chỉ là mình thừa nhận không được thôi. Hôm nay ta hai tay mang đến trước mặt các ông, sợ rằng các ông cũng chǎng biết ra được. Thế còn người nào có thể thừa nhận được chǎng? Ta dám nói với các ông một người cũng chǎng có.

Vậy thì câu thoại đầu đợi các ông tham cứu cho đến chỗ dắc lực, muốn các ông tự mình nhận thức một tí. Ta nói cái gì các ông cũng có thể tin lấy được, nếu công phu không đến được nơi này thì dù ta có nói tốt nữa cũng không dễ gì tin được đâu. Nhưng câu thoại đầu này nói là chân như cũng được, nói là Phật Tánh cũng được, nói là pháp thân cũng được, nói là tâm cũng xong, phạm vi của nó rất rộng lớn vậy, thật đáng tiếc cho các ông! Đối với tâm thì tuyệt không biết gì.

Hôm nay ta dạy cho các ông hãy lấy câu thoại đầu làm tâm đấy. Câu thoại đầu đến nơi đâu các ông đến nơi đó, câu thoại đầu đi trước các ông đi theo sau. Nói tóm lại, lấy câu thoại đầu để xét tâm ta,

hỏi tâm ta, truy cứu tâm ta, lâu ngày đi rồi cũng có thể làm sáng được tâm ta.

Đây tất cả sẽ là: Vọng tưởng tùy nghiệp chuyển tức là sanh tử, vọng tưởng tùy tâm chuyển tức là minh tâm. Các ông phải thấu đáo thấy được lời ta có đúng không, việc ta nói là việc của ta, không liên can gì đến các ông, muốn cho các ông dụng công phu đến nơi ấy thì các ông tự mình sẽ thấy thôi, và các ông mới có được sự thụ dụng.

Giả sử như lời của ta nói mà các ông đối với bốn phận mình lại không nghe không hỏi, thế thực là đáng tiếc, đáng buồn! Phải hiểu được là: Cái xác thân này, thời giờ thì hữu hạn, một khi đã ngã xuống rồi thì không còn gì để truy xét nữa. Tiền đồ thật không kham nghĩ đến. Cần phải nhanh chóng lên. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 2 tháng 11 (Thất thứ ba ngày thứ ba)

Về người dụng công có câu rằng: “Một người địch với muôn người”, câu nói này đối với người xưa thì thật là đúng, nhưng đối với người nay thì không hợp. Tại sao vậy? Vì đạo tâm người xưa sung mãn, trăm lần gãy đổ chẳng trở lui, một lần bạo gan nhảy tới có thể vượt qua được ngay. Người nay đạo tâm

không vững, cứ một lần gãy đổ thì phải lùi lại ngay, nhiều lần bạo gan nhảy tới cõng chẳng vượt qua được. Mà không bạo gan đối địch thì còn tốt chứ bạo gan đối địch thì trái lại phải đầu hàng.

Như vậy là lẽ làm sao? Đó là vì một người chúng ta sức lực thì hữu hạn, muôn người khác mỗi mỗi đều có sức lực rất lớn. Muôn người là ai? Là tham, sân, si, mạn, nghi và các thứ phiền não vô minh. Muôn niệm này thì đã quen thuộc từ lâu, không cần các ông đến gần nó, nó cũng tự nhiên tùy thuận các ông.

Cái niệm tùy thuận tự nhiên này có sức lực vô lượng, muôn niệm thì sức lực lại càng lớn không kể được. Hôm nay một niệm dụng công tham thoại đầu từ lâu chẳng thấy qua cũng như chưa từng làm qua, như vậy làm sao nó tùy thuận các ông được. Không những nó không tùy thuận các ông, mà lại còn muốn các ông đi tìm nó, thuận nó nữa.

Rõ ràng cái niệm tìm nó cực nhỏ mà cực lạ, sức lực rất nhỏ. Thí dụ như một gia đình trai gái, cháu con cùng với quyền thuộc đều tự nhiên đoàn kết nhất trí, bỗng nhiên có người lạ mặt ở đâu bên ngoài đến nói rằng: “Các ngươi hãy đi ra, nhà này là của ta”. Các ông xem đấy, thế gia đình đó có chịu nhường người ấy không? Hay là muốn đe dọa lại người ấy? Một mình ông có muốn

đuổi họ như thế thì cả gia đình họ sẽ địch lại ông, thế liệu ông có địch lại họ không? Chúng ta một niệm địch muôn niệm cũng như vậy.

Muôn niệm vọng tưởng đã quen thuộc là trong nhà sẵn sàng, một niệm dụng công phu này là còn lạ còn mới, với muôn niệm thì nó không đồng lõa. Các ông nghĩ xem, như một người cùng với cả gia đình đấu tranh thì làm sao một người địch được cả gia đình người ta? Đó cũng là một lý cả.

Vậy nếu địch không nổi thì phải có cách nào lo liệu? Không tùy thuận được nó thì bỏ sao? Biện pháp thì có, trước hết cần các ông thấy rõ được nguyên nhân không địch lại họ được là nguyên nhân ở đâu? Rõ được nơi đó thì đương nhiên mới có biện pháp.

Nhân vì một người các ông muốn địch lại muôn người, các ông có niệm muốn địch lại thì ở ngoài mặt tự nhiên sẽ có trạng thái muốn địch lại. Các ông đã có trạng thái muốn địch lại biểu thị ra đương nhiên đó là vì có địch nhân mới có. Kẻ địch thấy các ông muốn địch lại họ thì đương nhiên họ muốn địch lại các ông. Tỷ như một người dự bị cùng người khác đánh nhau, nhất định trên tay phải mang dao, đầu đội nón sắt, mình mặc giáp, đứng chờ đất rộng. Các ông đã có dự định này thì đối phương cả vạn người cũng muốn đến để đánh nhau. Bọn họ cũng cần phải

cầm dao, cầm súng xúm lại, các ông một khi đã thấy vậy thì còn có dám đánh nữa không? Có phải khi thấy đã muốn đầu hàng rồi không?

Thứ nữa, các ông có dự bị cầm dao, cầm súng đánh người, không những muôn người muốn đến đánh các ông, mà một người hai người thấy được cũng muốn đánh ông nữa. Tại sao vậy? Ông đương đầu với họ thì đương nhiên họ cũng xem ông là đối phương, há có lý nào lại không đánh nhau? Đúng không? Tất cả lời nói trên đều là ví dụ, chúng ta hãy học các ví dụ.

Các ông nghĩ rằng: Vọng tưởng đến rồi thì mau chóng lấy câu thoại đầu đánh lui nó. Như vậy đánh với nó ba lần, hai lần, bất tri bất giác tùy vọng tưởng mà đi mất đến nửa ngày, biết ra rồi lại cho là: “Lạ lùng thay, ta tham thoại đầu muốn hàng phục vọng tưởng, ai dè vọng tưởng nổi lên cả nửa ngày mà cũng còn chưa biết”. Lại tham thoại đầu nữa, một khắc sau nghiệp chướng nổi dậy, ông vẫn theo như trước mà địch lại, ba lần địch, hai lần địch, bất tri, bất giác lại tùy nghiệp chướng mà đi mất, nổi nghiệp chướng lên cả nửa ngày mới biết. Các ông suốt ngày như thế mà địch với nó, bất tri, bất giác tùy thuận nó, tức là các ông dụng công “Một người địch muôn người”, thực ra người đời nay không thể dụng công được.

Cần phải làm sao cho muôn người bỏ ác làm lành, tất cả đều đầu hàng, chúng ta chỉ cần chuyên chú giữ lấy câu thoại đầu không rõ ràng cứu cánh là ai? Cũng chẳng biết rốt ráo là thế nào? Vọng tưởng đến ta không hỏi, nghiệp chướng đến ta không hỏi. Nói tóm lại, không rời câu thoại đâu. Phật là người nào niệm? Đầu cho nổi nghi tình, nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng đủ thứ nhiều đến đâu ta cũng không hỏi. Ta vẫn còn giữ lấy câu thoại đầu để khởi nghi tình. Nghi tình phải rõ ràng, mạch lạc, cứ ung dung, ngay thẳng mà tham đi.

Vậy thì vọng tưởng nổi lên mặc kệ nó, ta cứ tham câu thoại đâu của ta, mỗi người làm lấy việc của mình, các ông nổi vọng tưởng cũng được, không nổi vọng tưởng cũng được, ta cứ tham câu thoại mà thôi, cứ giữ cái nghi tình không hiểu mà thôi. Để vọng tưởng nổi cho đã đi, nổi đến hết rồi thì không nổi nữa. Ta vẫn còn tham như thế lâu ngày rồi nó phải đầu hàng ta. Làm cho nó chí tâm quay về, thế không phải là phản vọng quy chân sau?

Tỷ như ta mặc chiếc áo vá, đắp chiếc y, đầu đội mũ ngồi xếp bằng một bên đường, cho dù thiên quân vạn mã cầm dao súng đi ngang qua chỗ ta, ta có quan hệ gì đâu? Phải chăng nó đi đường nó, ta không phải là kẻ địch của nó thì làm sao nó lại đánh ta? Lâu ngày nó đi tới, đi lui, đi quen mải rồi nó còn phải đến thỉnh giáo, thỉnh ta nói về tâm rất

là thân thiện, có phải là quy thuận ta chăng? Các ông tất cả hãy nghĩ xem có đúng không? Ta với nó làm địch tất nó sẽ liều mạng với ta, ta không cùng nó làm địch nó sẽ thân cận ta, tùy thuận ta thôi.

Các ông thử nghĩ ta chỉ với câu thoại đâu mà không minh bạch, gấp vọng tưởng nào cũng chẳng hỏi, không lấy nó làm bạn xấu, cũng chẳng lấy nó làm bạn tốt, không đến gần nó cũng chẳng xa nó, dung công tham thiền như thế thì còn gì tốt hơn.

Rõ ràng câu thoại đâu này mà nhận chân tham cứu, không cùng với tất cả vọng tưởng, nghiệp chướng làm bạn, không cùng với Thiên; Nhân; A Tu La làm bạn, cũng không cùng với chư Phật; Bồ Tát; Lịch Đại Tổ Sư làm bạn. Các ông e sợ còn mối hoài nghi mới hỏi:

- Nói câu thoại đâu không cùng vọng tưởng, nghiệp chướng làm bạn còn có thể được, không cùng chư Phật, Bồ Tát làm bạn tôi có chỗ không tin.

Đúng đấy, không tin thì không lạ gì ông, ta muốn hỏi ông: Có tham câu thoại đâu hay không? Giả sử không có tham thì hãy tin lời ta đã. Hãy tham câu thoại đâu đến rốt ráo xem là ai, cứu cánh là ai? Các ông từ sáng đến tối cứ như thế không gián đoạn, liền không có kẽ hở, chính vào lúc nghi tình đắc lực, các ông hãy mở mắt ra mà xem, Phật

có còn không? Tổ có còn không? Dấy, ấy phải là tự các ông đi đến nơi đó mới thấy được. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 3 tháng 11 (Thất ba ngày thứ tư)

Trình tự của việc tham thiền, đại khái từ đa tâm đến thiểu tâm, do thiểu tâm mà đến nhất tâm, về sau từ từ đạt đến vô tâm, liễu tâm.

Đa tâm của các ông bây giờ nhất định chẳng có đâu. Đa tâm là sao? Là tất cả cảnh giới bên ngoài, hoặc Thượng Hải; Bắc Kinh, hoặc Tô Châu; Nam Kinh cho đến tất cả mọi nơi đều là đa tâm cả. Đa tâm chẳng có thì còn có thiểu tâm, thiểu tâm lại là cái hình sắc thấy được, âm thanh nghe được ở chốn thiền đường, cho đến chỗ thiểu tâm này, đại khái là có vậy.

Hôm nay nói câu thoại đâu này, ngày mai cũng nói câu thoại đâu này, lâu ngày rồi sẽ tự biết do thiểu tâm đến nhất tâm, nhất tâm lại là cái tâm thoại đâu, còn cái gì khác nữa cũng chẳng có: Đi, đứng, nằm, ngồi cũng là cái tâm này; Mặc áo ăn cơm cũng là cái tâm này. Với cái tâm này đã quen thuộc rồi thì đối với vô tâm, liễu tâm đều có thể tiếp tục đạt đến được.

Đây cũng là trình tự dụng công tham thiền trong Thiền Tông, cũng không phải là Giáo Môn nói theo lục thức, thất thức, bát thức, trần sa, vô minh. Thiền Tông chỉ là: Từ nhiều đến ít, từ ít đến không. Nhiều nhất chỉ là nói thô hay tế, đó là phương tiện cùng cực.

Lại nữa, câu thoại đầu này, các ông thực không ưa nghe: “Ngày nào cũng nói, nhiều quá đi thôi, chán nản quá! Mà có cái gì nói đâu, câu thoại đầu ấy một chút mùi vị cũng chẳng có”.

Các ông đã không thích nghe mà tại sao ta còn cứ muốn nói câu nhạt nhẽo này? Vậy thì ta muốn hỏi các ông: Muốn hay không muốn tham thiền? Các ông là người làm việc gì? Nếu là người tham thiền muốn liễu sanh thoát tử, vậy thì sanh tử muốn liễu thoát đó, thiền thì nhất định phải tham.

Đa tâm thì người nào cũng có, các ông dùng phương pháp nào mà có thể làm cho đa tâm thành thiểu tâm, làm cho thiểu tâm thành nhất tâm cho đến vô tâm, liễu tâm? Trình tự tham thiền không trải qua con đường này tất không thể nào được liễu tâm. Cái pháp tham thoại đầu này thì rất xứng đáng, thâu đa tâm thành thiểu tâm, từ thiểu tâm mà đến nhất tâm, vô tâm, liễu tâm. Các ông không tin vào cái pháp này, thế các ông có thể tin vào cái pháp nào nữa? Nếu các ông thật không tin, chẳng thèm nghe, ta cũng chẳng cần nói.

Câu thoại đầu cũng không có gì là phạm vi lớn cả, chỗ của nó rất nhỏ, một tấc, một phân cũng chẳng có. Nói cho gọn thì có thể nói thật là nhỏ, bỏ nó vào tay cũng được, bỏ xuống chân mà đạp lên cũng được, đặt lên đầu lông mày cũng được. Các ông xem đó mà cho là một việc không đáng kể. Tiếc thay!

Tất cả chúng ta đều ở trong căn phòng nhỏ bé này, các ông ở trong đó, ta cũng ở trong đó, thập phương chư Phật; Lịch Đại Tổ Sư cũng đều ở trong đó. Các ông còn có một người nào không ở trong đó không? Còn có thể ra khỏi phạm vi bé tí ti này không? Ta hỏi các ông: Có ra được hay không ra được? Không ra được. Đầu thai thành trâu cũng từ nơi này ra, ngựa cũng từ nơi này ra.

Các ông còn có người đứng ra nói: “Tôi không ở trong, tôi đã ra ngoài rồi”. Các ông còn có người nào đứng ra nói như thế không? Đại khái các ông không có người nào như vậy.

Giả sử các ông có một người nói: “Ta đã ở bên ngoài rồi” cũng còn chưa đúng, ông ở bên ngoài, ta ở bên trong, đem bên trong bên ngoài quăng bỏ đi hết thì mới đúng. Nếu trong ngoài đều không vứt bỏ thì chưa được kể là liều sự.

Câu thoại đầu mà các ông không chịu tham, cho nó là không có mùi vị thì kết quả vẫn còn ở trong

bụng nó, không ra khỏi phạm vi của nó được một bước. Có bản lĩnh lớn nhất cũng không làm gì nổi nó. Các ông còn phải tin nó không? Nếu không tin nó thì các ông có bản lĩnh gì ra khỏi phạm vi của nó không? Tại sao muốn nói câu thoại đầu làm cho ta tất cả đều ở trong phạm vi của nó?

Bởi vì một câu thoại này là ai, rốt ráo không rõ được vì bị nó nhốt lại đến chặt cứng. Cái cửa này phá không được tất nhiên thiên đường, địa ngục, thai trâu bụng ngựa cũng không phá được. Chung qui bị nó nhốt lại, nếu muốn phá được cửa này thì cần phải tham câu thoại đầu. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 4 tháng 11 (Thất ba ngày thứ năm)

“Chỗ lạ chuyển thành quen, chỗ quen chuyển thành lạ”, nói chung là pháp thế gian và xuất thế gian đều như thế cả. Tỷ như có người ở chùa Kim Sơn các ông thì sự việc trong chùa đều biết, không những là nhà cửa, cột kèo, ngói gạch các ông cũng đều đếm qua từng cái, cũng có thể nói là thông thuộc lắm vậy. Ngày nay đến chùa Cao Môn một chỗ cũng chẳng thông, cái gì cũng không hiểu được, đây hoàn toàn là lạ vậy; Đây cũng là cái lý thông thường thôi và mọi người đều thấy được cả.

Tuy nhiên chùa Cao Mân là lạ, chùa Kim Sơn là quen, các ông được ở chùa Kim Sơn một ngày thì đương nhiên sẽ quen được một ngày. Người mới bắt đầu tuy ở chùa Cao Mân, nhưng tâm vẫn ở chùa Kim Sơn, đợi đến khi ở được một năm thì mới quen được một năm, ở cho đến hai mươi năm, ba mươi năm thì đương nhiên chùa Cao Mân cũng quen thuộc cùng cực.

Cao Mân quen được một ngày thì Kim Sơn lạ đi một ngày, Cao Mân quen được một năm thì Kim Sơn lạ đi được một năm, ba mươi năm cực quen thuộc Cao Mân rồi thì Kim Sơn cũng cực lạ rồi, đây cũng là lẽ thường. Đối với chúng ta thì dụng công cũng như vậy.

Câu thoại đầu từ vô lượng kiếp đến nay chưa thấy qua, lại cũng chưa làm qua, nỗi vọng tưởng, nỗi nghiệp chướng quen thuộc lắm rồi từ vô lượng kiếp đến hôm nay, chẳng mấy may có giây phút nào lìa khỏi nó. Sống trong vọng tưởng đã rồi nỗi nghiệp chướng, nghiệp chướng nỗi đã rồi lại khởi tình ái, tình ái khởi đã rồi đi đến chỗ nỗi giận, như thế suốt ngày, suốt năm, đời này đến đời kia, không phút nào ngừng nghỉ, tất cả những điều này đều quen thuộc cả rồi.

Hôm nay muốn các ông tham câu thoại đầu, một chút hình ảnh đều không thấy, một câu thoại đầu

mới dè lén vọng tưởng đã nhanh chóng lôi nó đi, gắng sức dè lén một lần nữa, hai lần nữa nhưng tâm vẫn còn ở trong vọng tưởng. Các ông muốn suốt ngày không rời câu thoại đầu, rốt cuộc lại bị vọng tưởng nghiệp chướng dắt đi. Tại sao vậy? Đó tức là vọng tưởng nghiệp chướng thì hoàn toàn quen thuộc, còn câu thoại đầu thì xa lạ hoàn toàn, cũng giống như chùa Kim Sơn thì quen mà chùa Cao Mân thì lạ vậy.

Giả sử như nếu có vọng tưởng thì cũng còn là câu thoại đầu, không có vọng tưởng cũng là câu thoại đầu, nổi nghiệp chướng cũng là câu thoại đầu, chẳng nổi nghiệp chướng cũng là câu thoại đầu, lạ cũng là câu thoại đầu, quen cũng là câu thoại đầu, dè lén được cũng là câu thoại đầu, không dè lén được cũng là câu thoại đầu. Chung qui có thể không ăn cơm, không ngủ nghỉ, nhưng không có câu thoại đầu thì không được. Hôm nay thì lạ, ngày mai cũng lạ, lâu ngày đương nhiên sẽ thành quen, cho đến mỗi năm lại càng thêm quen, hai mươi năm, ba mươi năm chắc chắn sẽ quen thuộc hoàn toàn thôi.

Câu thoại đầu từ lạ mà dần dần chuyển thành quen, vọng tưởng nghiệp chướng từ quen mà dần dần chuyển ra lạ. Câu thoại đầu đã quen thuộc rồi thì vọng tưởng, nghiệp chướng, thế sự sẽ thành xa lạ thôi. Như quen thuộc chùa Cao Mân xa lạ chùa

Kim Sơn vậy. Các ông có một chút tri thức ta nói như thế thì các ông sẽ hiểu được sự quan hệ giữa lạ và quen, thì có phải là cần khổ công tham cứu không? Cần tham cứu lâu dài không?

Tham không được không có bệnh nào khác, bởi vì quá lạ nên vọng tưởng nghiệp chướng không đánh lui được, không dồn xuống được, muốn được lạ chuyển thành quen, quen chuyển thành lạ đương nhiên cần phải khổ công tham cứu câu thoại đầu, lâu rồi cũng đến một ngày phải thành công thôi.

Công phu không dụng được đó là vì ông không triệt để tin vào pháp tham thoại đầu này. Tại sao vậy? Bởi vì câu thoại đầu đề lên cũng như núi bạc, vách sắt, kêu ông đi thì ông phải bước chân vào chỗ nào? Chẳng những không có được đường đi mà ngay cả nơi nghỉ chân cũng chẳng có, mở mắt xem thì không thấy đồ vật, lắng tai nghe cũng không nghe được âm thanh, mắt thấy không được, tai nghe không được, chỗ để chân cũng không có, bảo ông đi thì làm sao ông đi được? Ông không đi được ông còn tin được sao?

Nhất định là không tin rồi, vì từ vô lượng kiếp đến nay nơi đi đều có hình sắc thấy được, có âm thanh nghe được, có đường đi được. Ngày nay dạy các ông tham câu thoại đầu, cái chỗ này không giống như nó đâu: Xem không được, nghe không

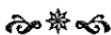
xong, chân không có chỗ đặt xuống thì hình như khổ muối chết đi.

Các ông cho là: "Từ trước nỗi nào cũng đến qua rồi, cái chỗ tham câu thoại đâu không đâu không đuôi, chẳng có Đông Tây, Nam Bắc, chẳng tư duy trên dưới này, không những chẳng có người nào mà ngay cả ta cũng không có được. Chỗ này chưa có đến qua làm sao có thể dạy ta tin được, tin cái gì? Có cái gì hãy đưa ta xem, có âm thanh gì hãy cho ta nghe mới được chứ, thì bây giờ tôi mới có thể tin được, thì dù có một cô gái mặc áo đỏ xanh, mặt mày thật đẹp đẽ, mở miệng nói tiếng nghe rất hay, ông bảo tôi tin thì tôi nhất định tin, bởi vì nhìn thấy sắc đỏ xanh, nghe được tiếng êm dịu, tự mình mắt thấy tai nghe thì phải tin thôi. Hôm nay tham câu thoại đâu rỗng không, cái gì đâu cũng chẳng thấy, lại còn bảo người tin làm sao được, thực là làm cho người ta thấy khó chết đi thôi!"

Cũng giống như dạy các ông đi trên hư không vậy, chẳng đi thì không qua được, muốn đi lại đi không đến, chẳng đi cũng buộc phải đi, hôm nay cũng buộc, ngày mai cũng buộc, buộc cho tới không có cách nào thì phải để câu thoại đâu mà tham. Không có chỗ để chân cũng phải bỏ một chân, không thấy được vật gì, nghe chẳng được âm thanh nào thì chẳng quản gì nó, lại cũng từ nỗi này hướng tới trước mà đi xem, đợi đến khi ông bước một bước

hình như có một chỗ để chân xuống, chẳng quản gì nó lại đi thêm một bước nữa, à! Có thể đi được rồi, lâu dần đi, từng chút từng chút một bước về phía trước, cứ như thế thì có thể bước ra đến một con đường sáng sủa, cũng như bảo ông đi trên hư không, không nơi đặt chân, cần phải buộc ông đi, hôm nay cũng buộc, ngày mai cũng buộc, cứ buộc tới không có cách nào cũng phải hướng tới trước mà đi từng tí từng tí một.

Lâu dần đi thì đi trên hư không cũng có thể đi được, đi quen rồi cũng không thấy quái lạ gì, muốn lẩn người, muốn nhào lộn cũng có thể cho ông tự do. Đó là lẽ làm sao? Chẳng có gì khác cả, chỉ là quan hệ giữa lạ và quen. Lạ thì không động chân được, nếu quen rồi thì cái gì cũng làm được hết. Tham câu thoại đầu cho quen thuộc rồi lại còn lý gì mà không dụng công phu được nữa đâu. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

(Ngày 5 tháng 11 (Thất ba ngày thứ sáu))

Người muốn liễu thoát sanh tử thì phải siêng dụng công phu, người không biết sự sanh tử thì tối ngày sống trong sự khổ cực. Đối với người ở chốn tòng lâm thường tình đều như thế cả, người có chút

đạo tâm biết hai chữ sanh tử là lợi hại đương nhiên không liễu thoát nó không được. Việc thế gian có thể ngưng lại một bước nhưng việc sanh tử thì gấp lăm, không cho chậm trễ được.

Người muốn hành đạo thấy được đả thiền thất họ sẽ mùng lăm, phán khởi tinh thần tham gia, bởi vì lúc thường thì có nhiều sự phá rối việc công phu, mặc dù phục vụ nhà chùa là vun trồng cội phúc, đối với bốn phận của mọi người thì nói vun trồng cội phúc cũng được, nói là việc quấy rối công phu cũng có thể được.

Trong thời kỳ đả thiền thất này việc gì cũng khởi làm thì công phu mới xứng đáng. Một nén hương rồi một nén hương tự mình xem xét mình, nén hương này công phu còn đắc lực, nén hương kia nửa nén đắc lực, nửa nén thì không, tự mình xét mình tất cả, tự mình buộc lấy mình, nén hương trước không đến nơi đến chốn, nén hương sau có được hơn nửa đắc lực, thì một nén hương nửa có thể đắc lực hoàn toàn.

Từng bước từng bước tiến lên, người muốn liễu thoát sanh tử cứ mãi lo sự tham cứu này, và người không có chút đạo tâm sẽ nghĩ rằng: “Ngày thường còn có chút việc để tiêu khiển, còn có thể mượn sự làm việc để giải buồn mà hôm nay đả thiền thất thì hỏng rồi, một chút việc cũng chẳng có, thật làm ta buồn muôn chết đi. Từ sáng đến tối chỉ đi đi, ngồi

ngồi trong thiền đường, không thì đi cầu tiêu đại và tiểu tiện trong lúc khai tịch, ngoài việc quá đường ra thì cũng chẳng thấy được cảnh giới bên ngoài, thực làm cho người ta thấy khổ muôn chét đi, một khắc thời gian cũng không có”.

Thế là lý lẽ làm sao? Bởi vì tâm của các ông không có giờ phút nào ngưng được. Ngày thường ngoài việc nỗi vọng tưởng, làm công việc, làm rồi lại nỗi nghiệp chướng, nghiệp chướng nỗi đã rồi thì đi ngủ. Mở mắt tỉnh dậy lại nỗi vọng tưởng nữa.

Hôm nay đả thiền thất không có việc gì để làm, muốn ngủ thì không cho nhưng ông nỗi vọng tưởng thì không ai làm gì nỗi cho ông được, không những ta mà ngay cả Phật Thích Ca cũng không làm gì được cho ông. Cho ông nỗi vọng tưởng nhưng chỉ nỗi vọng tưởng thôi thì còn thấy không vui. Ngoài nỗi vọng tưởng tâm không còn vật gì để dựa vào. Lo cái tâm cực khổ, lo nén hương dài quá, lo lúc đánh bảng thì không hiểu sẽ được ăn món gì hoặc là vị giám hương đánh bảng quá mạnh. Tối ngày cứ lo việc này không còn việc gì khác.

Các ông những người như vậy thì không ít. Nếu không sửa đổi thì ta nói thật, ta không khách sáo với các ông, các ông làm người như vậy tức là tội nhân. Các ông tưởng là không có phạm pháp chi thì làm sao gọi là tội nhân?

Đúng đấy! Các ông cần phải hiểu tất cả Hộ pháp trong ngoài nhà chùa đều vì các ông dụng công hành đạo để liễu thoát sanh tử. Ai bảo ông là làm cho qua ngày? Ông làm như vậy, không dụng công, không hành đạo thì không phải là tội nhân hay sao?

Ta nói đại đa số các ông không dụng công là tội nhân là ta còn ưu đãi các ông đó, các ông có tin không? Các ông cả ngày ba tuần trà, bốn bữa cơm, hai lần nước người ta làm sẵn sàng để thọ dụng, không dụng công đương nhiên là tội nhân.

“Vậy đã nói là tội nhân sao còn ưu đãi chúng tôi?” Ta nói ưu đãi các ông là sao? Các ông cần phải biết: “Hào ly hệ niệm, tam đồ nghiệp nhân” (*Hào mảy may niệm nổi lên thì tạo nhân ba ác đạo*). Các ông thử nghĩ xem, các ông suốt ngày muôn ngàn niệm cũng có, đâu phải mảy may thôi đâu? Một mảy may niệm thì tạo các nghiệp nhân dọa vào ba ác đạo, tương lai sẽ thọ quả ba ác đạo. Một niệm mà có nhiều quả báo như vậy mà các ông niệm này qua niệm kia muôn muôn ngàn ngàn không ngừng nghỉ thì chịu quả báo biết bao nhiêu? Vậy ta chỉ nói tội nhân là ưu đãi các ông rồi đó, nhưng ta cũng hy vọng mọi người cần tham câu thoại đầu, tham cho đến thông suốt hết mới được.

Muốn thông suốt, đầu tiên phải dụng công phu

cho được. Chỗ nào là chỗ dụng công phu cho được?
Ta muốn hỏi:

- Các ông có tham câu thoại đầu không?

Các ông trả lời: Có.

Ta lại hỏi: Nghi tình có đắc lực không?

Các ông nói đắc lực.

Ta lại hỏi thêm: Trong khi đắc lực còn có thiện niệm, ác niệm không? Còn có cái niệm thành Phật không?

Nếu nói đều không có thì luôn cả hai chữ không có cũng không biết. Nói như thế thì được sự thực hành rồi. Muốn các ông tự mình hành đến chỗ này thì mới có sự thụ dụng. Các ông nếu thật có công phu như thế, quay đầu lại (Ngộ) với câu “Niệm Phật là ai?”, lẽ nào không mở miệng được?

Hôm nay ta hỏi ông: Niệm Phật là ai? Các ông không mở miệng được. Ta hỏi nữa thì mặt các ông đỏ hết, không được hỏi nữa, hỏi nữa thì không đúng rồi. Như vậy tức là công phu à! Một người bị người ta hỏi một câu không mở miệng được, hỏi nữa cũng không trả lời được.

Các ông làm người như vậy, nếu người có một tí ti học thức đương nhiên cần phải buông bỏ tất cả học vấn cùng tật của mình, chỉ chuyên giữ lấy câu thoại đầu thà chết chứ không buông. Muốn cái đầu

của ta thì được, chứ muốn bỏ câu thoại đâu thì không được.

Người chức sự bảo trải nệm ngồi, ta cũng không biết trải hay không? Cần thiết là chiếu cố đến câu thoại đâu, quá lầm chỉ là bị đánh hương bảng thôi, chung qui bảo ta bỏ câu thoại đâu để đi trải nệm ngồi thì ta không làm, thà chịu hương bảng, chúng tôi trước kia dụng công là vậy đó. Thà rằng phạm quy củ bị đánh hương bảng chứ bảo ta bỏ câu thoại đâu thì không được.

Trong các ông chưa có ai nói công phu là cần thiết hơn cả. Phạm quy củ bị đánh hương bảng là việc không đáng kể, chỉ cần có công phu để dụng là được rồi, có được một người như thế chăng? Ta dám nói không có. Vậy các ông là người như thế nào? Các ông muốn giữ cái mặt bề ngoài cho tốt, rất sợ mất mặt. Bị đánh hương bảng là sự mất mặt rất khó chịu. Cái thứ mặt thối như cứt chó này mà giữ nó làm gì. Nhưng các ông muốn giữ cái mặt thui đó không dám ruồng bỏ nó. Với cái bốn lai diện mục rất quý lại không nghe không hỏi, cho là không cần vì người ta không thấy mà chỉ muốn giữ lấy cái mặt thối cho tốt là đủ rồi.

Như vậy há chẳng đáng tiếc, đáng buồn sao? Các ông cam tâm làm thứ người vô dụng như vậy sao? Các ông còn biết các ông khổ não không? Hôm nay

có duyên ta giảng cho các ông nghe, các ông còn không dễ gì nghe nhiều được. Các ông hãy gắng sức tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 6 tháng 11 (Thất ba ngày thứ bảy)

Người dụng công phu thường ngày dụng còn khá. Dù có nỗi vọng tưởng, đề lên câu thoại đâu thì vọng tưởng mất tiêu, công phu cũng còn dụng được, lúc tịnh dụng được, lúc động cũng dung được, hình như niệm niệm cũng không bỏ trống.

Hôm nay đả thiền thất thì trái ngược lại, thoại đâu đề không lên, vọng tưởng cũng nỗi không được, thanh thanh tịnh tịnh, muốn đề lên câu thoại đâu để dụng công phu, đề lên một lần không được, hai lần không được, ba lần không được, đề đến tức ngực cũng đề không lên. Hình như đả thất đã hỏng rồi. Ngày thường tham rất tốt, tại sao đả thất lại dụng công không được? Thôi buông nó cho xong!

Còn một thứ người thì đến chỗ này lại tưởng rằng: "Tốt lắm, thanh thanh tịnh tịnh, công phu mặc dù đề lên không được, vọng tưởng thì không có, vậy không có vọng tưởng thì đại khái như thế là đúng rồi, không cần dụng công phu nữa, nếu dụng công phu nữa há có phải là nhiều chuyện

không? Cho nên ở chỗ thanh tịnh này hãy nghỉ ngơi đi thôi”.

Thiểu số người có chút ít đạo tâm lần mò trên sự công phu nhất định phải có một thiên sự thật này. Tại sao vậy? Chỗ này thì dụng công tất phải trải qua, ông muốn dụng công thì phải y theo đường lối này mà đi; Con đường này là người dụng công tất phải đi qua, cũng không có việc lạ gì đáng kể.

Mặc dù tất phải có, nhưng tri thức của hai loại người này đều không đúng: Một loại là đề thoại đâu không lên, đề một lần nữa cũng không lên, đề năm lần, ba lần rồi bỏ luôn. Một loại thì không muốn đề lên tưởng rằng đã đến nhà, nhưng sự thật này đối với bốn phận các ông thì còn xa lăm, cách xa như trời với đất.

Hai loại này đều là sai lầm! Tại sao vậy? Lý do đề không lên và không muốn đề đều là do các ông đối với công phu này chưa thấy được thấu đáo. Nếu thấy được thấu đáo, tự nhiên không có sự đề không lên và không muốn đề rồi bỏ luôn nó. Người dụng công tại sao có con đường này?

Cần phải hiểu rằng: Lúc bình thường đều ở trên thanh sắc mà dụng công, không phải mắt thấy sắc thì tai nghe tiếng; Và lúc ấy mặc dù đề câu thoại đâu lên được nhưng vẫn còn trên thô tâm để thấy sắc, nghe tiếng. Cái thô tâm này, vọng tưởng cũng

có, hôn trầm cũng có, nghiệp chướng cũng có; Những cái này thường hiện ra, bởi vì thô tâm tất phải như thế.

Hôm nay đã thiền thất, thanh sắc bên ngoài đều không được đến trước mắt ông, nghĩa là không cần các ông trừ bỏ thanh sắc, thanh sắc tự nhiên không có. Vì không có thanh sắc bên ngoài nên bên trong cũng không có tư tưởng phân biệt. Có thể gọi là ngoại vô thanh sắc, nội vô phan duyên. Vì thanh sắc khởi lên phan duyên, vì phan duyên phân biệt mà nói thanh sắc, vì thanh sắc phan duyên thấy nhau mà nói một thô tâm.

Hôm nay thanh sắc đã không thì phan duyên làm sao có được; phan duyên, thanh sắc đều không, thô tâm đương nhiên cũng không có; Thô tâm đã không thì tất cả đương nhiên sẽ ngưng lại.

Đề cũng đề không lên, dụng công dụng không được, vọng tưởng cũng nổi lên không được. Thanh thanh tịnh tịnh đường đường chánh chánh, tức là cái chỗ này và cũng là cái thô tâm đã ngưng nghỉ.

Thiền Tông nói như vậy, không phải như Giáo Môn nói cái gì là Kiến Tư Hoặc, cái gì là Tiền Ngũ Thức. Thiền Tông chỉ nói thanh sắc, thô tâm; Thô tâm ngưng nghỉ rồi không phải là hết chuyện mà còn phải tiến tới mới đúng.

Đã là thoại đâu đề không lên thì làm sao đi? Có

cách nào không? Có! Cách này đối với hai thứ tri kiến của loại người trên đều có thể hợp dụng. Người mà đề không lên rồi bỏ luôn cũng cần cách này. Người không muốn đề tưởng rằng đến nhà, cũng cần cách này.

Cách này là thế nào? Tức là chỗ các ông đề không được, nghĩ ra một phương pháp đó là: "Hãy tham câu thoại đầu". Ông chưa nói tôi đã nói rồi: "Đề không lên thì làm sao tham?". Vậy đề không lên thì buông xuống, lại niệm câu thoại đầu. Mọi người đều có thể niệm được một câu thì cứ ở chỗ niệm mà tham!

Chiếu theo như vậy, ở nơi đề không lên nữa, hoặc không muốn đề, là niệm một câu thoại đầu nữa. Từ chỗ năng niệm hạ thủ tham, chỗ hạ thủ này nổi lên nghi tình. Ta cho các ông biết: Ông không muốn tham nó cũng không nghe ông, nghi tình dâng lên thì tốt lắm!

Nhưng ta nói tốt xấu là của ta, muốn cho các ông đi được tới chỗ này thì các ông mới hiểu được sự chân thật bất hư. Lúc ta ở chùa Kim Sơn công phu dụng đến chỗ này cũng như các ông bây giờ vậy. Đề thì đề không lên, vọng tưởng chẳng cần nói, đương nhiên cũng không nổi được, bởi vì công phu của ta với các ông không giống nhau ở chỗ đó.

Ta lúc mới dụng công tự mình từng nén hương một mà khảo cứu, mỗi khi gấp nén hương nào khai

tịnh trước hết tự mình phải thẩm vấn mình: Công phu nén hương này ra sao? Còn hôn trầm không? Còn vọng tưởng không? Nếu còn một tí hôn trầm hoặc một tấc hương vọng tưởng thì ngay lúc đó tự mình đánh mình một bạt tai; Nén hương sau tự mình trách lấy mình, phải làm sao đến hôn trầm vọng tưởng không còn một tí nào nữa mới được. Câu thoại đầu thật ngay thẳng, thật rõ ràng thì ta mới chịu bỏ qua không tự trách mình nữa.

Dụng công cho đến chỗ này cho dù đề không lên ta cũng không giống với người, đối với chỗ này thì ta không trụ, biết là không phải cảnh giới tốt, cho là cảnh giới tốt ta cũng không trụ. Chỉ muốn tham cứu mới đúng, không có phương pháp thì kiểm một vọng tưởng quen thuộc để suy nghĩ, vừa mới kiểm được chưa nổi lên thì đã mất rồi...

Nói Thượng Hải Đại Vũ Đài tốt lắm, lấy nó làm vọng tưởng suy nghĩ thì không được. Vọng tưởng này nổi không lên sau đó lại thong thả niệm ra một câu thoại đầu, thử nghĩ xem cái câu thoại đầu này từ chỗ nào đến đây? Đã là năng niệm thì tại sao tham không được? Từ chỗ này mà hạ thủ, ngưng cho đến hai ngày sau đó lại từ chỗ này tham nữa; Giống như ba ngày không ăn cơm, thấy được cơm thì có bỏ mang cũng muốn ăn, thì mới cảm thấy công phu dụng được tốt, lại cứ thế tiến tới.

Tình hình đó thì nhiều lăm, đợi các ông dụng công đến chỗ này, ta sẽ thương lượng với các ông nữa. Hãy tham di!



KHAI THỊ

Ngày 7 tháng 11 (Thất thứ tư ngày đầu)

Ngày trước Phù Thượng Tọa đả thất được sáu ngày thì khai ngộ. Ngài Triệu Châu đả được một thất thì khai ngộ. Quốc sư Trung Phong đả được hai thất thì khai ngộ. Triệt Tổ Thiên Tuệ chùa ta đả được bốn thất thì khai ngộ. Các ông hôm nay đả được mấy thất rồi có biết không?

Ta tuy hỏi thế thì các ông cũng có người nói: “Tôi từ lúc bắt đầu khởi thất đến giờ, sớm tối đều không rõ, ngày nay, ngày mai, mùng một, ngày rằm càng không biết; Chỉ mong hiểu được câu thoại đâu thì còn biết đâu là bao nhiêu thất?”. Có được loại người này thì ta tán thưởng lăm đó!

Ta cho các ông biết: Hôm nay thất thứ ba đã qua rồi. Người xưa một hai thất đã khai ngộ. Các ông đả được ba thất nhưng đối với việc khai ngộ thì vẫn chưa có tí tin tức gì. Các ông hãy tự hỏi mình, đâu cho không có tin tức nào, chỉ cần không biết đến có ngày giải thất; Đại chúng ngủ ông cũng nằm xuống, chẳng biết được là ngủ hay không ngủ,

câu thoại đầu rõ ràng minh bạch. Người ta ngồi tôi cũng ngồi, người ta đi tôi cũng đi, nhưng ngồi hay đi đều không biết đến. Mọi người đi về phía trai đường, tôi cũng đi, đi là đi vậy, chứ làm việc gì ta cũng không biết. Mọi người ăn cơm, bát đũa ông cũng không biết cầm. Các ông có sức dụng công phu như thế ba thất không ngộ thì năm sáu thất ta có thể bảo đảm ông quyết sẽ ngộ thôi.

Ta muốn các ông có công phu như thế, bằng không thì cái câu khai ngộ ấy không xong rồi. Nhưng mà cái tâm khai ngộ liều thoát sanh tử thì đương nhiên người nào cũng có, người nào cũng mong.

Đối với việc công phu cho đến tùy duyên đứng lên nằm xuống mà không biết có đứng lên nằm xuống, cùng người ta đi đến trai đường mà không biết cầm bát đũa, e rằng các ông chưa tin mà cho rằng: “Nhất định là gạt người ta rồi chứ làm gì có lẽ đó!”. Đúng đấy! Chỗ đi của người khác các ông không tin vì chưa thấy đến; Hôm nay ta đem chỗ hành của ta bảo cho các ông nghe thì không thể lại không tin nữa, ấy là tự ta đã đi qua, các ông nhất định phải tin. Không phải khi không ta bảo các ông tin, trong đó có một sự thực như thế này, ở trai đường không cho bặt tai, việc ấy có liên hệ đến sự dụng công chịu khổ của ta đã qua.

Khi ta ở chùa Kim Sơn dụng công đến chỗ thực khẩn trương, nghi tình đang cuồn cuộn, ông muốn không tham nó cũng không cho, cứ liên tiếp mãi như thế. Khi đả thát khai bảng quá đường, cũng theo mọi người đi đến trai đường, ngồi xuống rồi nghi tình thật đắc lực, người ta ăn cơm ta không biết cầm lấy bát đũa; Người ta ăn gần xong, ta hé mắt nhìn thấy cơm rau trước mặt ta bèn cầm bát đũa lên, sau lại nghĩ: Không thể quăng bỏ công phu được, ăn cơm vẫn phải đề công phu cho tốt, lại đẩy mạnh câu thoại dầu; Rau cơm không biết lối đi vào miệng cứ ngơ ngác ngác ngồi ngay ra đấy. Bỗng nhiên buông tay rót bể chén cơm, Sư Tăng trực bước đến bạt mạnh một bạt tai làm cho ta đánh rơi luôn bát cơm xuống đất vỡ toang. Sư Tăng trực bạt luôn năm ba bạt tai nữa, bạt đến đầu óc ta quay cuồng.

Ta bèn nghĩ: Đánh, tuy là đáng rồi, công phu cũng phải chiết cố cho tốt, không thể vì bị đánh đập mà quăng bỏ công phu. Vì thế phàm nơi nào ta đã ở qua thì ở trai đường không cho bạt tai. Hơn nữa, người ở trong chùa đều là người lãnh đạo, cho nên chỉ cho quát tiếng lớn chứ không cho đánh bạt tai. È rằng các ông không phải như ta vậy, hễ bị đánh đập thì lập tức rút lui ngay.

Việc này vốn không phải dễ mà lo liệu đâu: lo đầu này thì mất đầu kia, lo đến qui củ thì nhất định

lo không tròn công phu rồi, và do vậy mà thoái bộ. Cho nên dù cho bên ngoài ra thế nào, việc sanh tử của ta chưa liễu thoát được thì chung quy không chịu bỏ công phu.

Các ông muốn khai ngộ tất phải cần ra sức dụng công phu, dụng cho đến lúc đi không biết là đi, ngủ không biết là ngủ, tiểu tiện không biết kéo quần: Công phu như vậy không phải là dọa các ông mà đó là cái ta đã đi qua rồi.

Ta có một lần lúc đánh hiệu báo đi cầu mà không biết đi hướng nào, đây là công phu đã đến lúc khẩn trương, mọi người ra thiền đường ta cũng ra đi, người ta đi cầu mà ta đi đến điện Vi Đà rồi nhưng cũng không biết là làm việc gì. Vì Ban Thủ nhìn thấy liền quát lên một tiếng, ta cũng không biết tại sao. Sau lại có vị Tây đường nọ thấy ta liền chỉ tay vào ta mà nói rằng: “Đại khái là công phu của ông đứng đắn, tức là quên hẳn tất cả rồi đó! Bây giờ là lúc đi cầu à, ông hãy hướng về phía Tây đi!”.

Nhờ câu nói của người, ta mới biết được. Ta lúc công phu đắc lực có rất nhiều lần nhờ vị sư Tây đường này chiếu cố đến, cho đến hôm nay ta còn cảm tạ người: Đây là những điều ta đã từng kinh nghiệm qua cả, cho nên ta mong các ông cũng hành cho đến được công phu như vậy, quả không phải là gạt các ông đâu.

Lại nói câu cảnh sách: Các ông đều ở cùng một thiền đường, cùng tham một pháp nhưng cảm quả thì vô vàn sai khác. trên trời, nhân gian, thai trâu, bụng ngựa, mỗi mỗi đều khác nhau. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 8 tháng 11 (Thất tư ngày thứ hai)

Có người hỏi Triệu Châu: “Thế nào là đại đạo?”.

Châu đáp: “Tâm bình thường là đại đạo”.

Lại nói: “Tôi không phải hỏi cái đạo này, cái tôi hỏi là đại đạo”.

Châu nói: “Đại đạo thông Trường An”.

Vị hỏi câu này ngộ ngộ ngay lúc đó. Người xưa ngộ đạo trực tiếp như thế, ngày nay các ông cũng hỏi như vậy, ta cũng đáp như thế các ông có nhanh chóng ngộ đạo được chăng? E rằng các ông làm không được! Nếu nói người xưa là Bồ Tát chuyển thế, La hán tái lai ấy là gạt người vậy.

Cần hiểu được là: Sự thực hành của người xưa và các ông không giống nhau, cách xa nhau như trời với đất; Người xưa dụng công không kể nóng lạnh, không có đêm ngày, bất luận là nơi nào thì còn nói gì đến đả thắt với không đả thắt? Người xưa suốt ngày đêm không để một sát na xa rời

công phu cho nên hễ có cơ duyên, một lời, nửa câu lúc đó thì ngộ đạo ngay.

Các ông không ngộ được là tại sao vậy? Là vì sự sai lầm lớn: “Lúc khát mới đào giếng”. Ngày thường không mảy may dụng công, cứ cho là lúc thường không cần dụng công, lúc gia hương đả thắt mới là lúc dụng công. Lại cho là mùa hạ khí trời nóng bức, ngày thường lại phải thương điện cúng Phật; Ngày thường tuân theo quy củ thì cần thiết hơn, những lúc như thế này cũng tùy theo đại chúng mà thôi, lúc gia hương đả thắt mới là lúc dụng công.

Đại khái các ông bị cái tri kiến sai lầm này mà bỏ mất thời gian không ít mà người sai lầm cũng không ít. Các ông nghĩ xem lúc khát nước mới đào giếng, người khát chết rồi giếng chưa đào xong phỏng có ích gì? Bách công kỹ nghệ trên thế giới đều phải cần đến ba năm, năm năm mới có thể học xong để đổi lấy một bát cơm; Huống chi cái diệu pháp xuất thế gian này của chúng ta thì đâu dễ dàng như thế?

Các ông là người có tri thức thì đương nhiên cần phải dùng phân biệt mùa đông trời lạnh cũng như mùa hè trời nóng, chỉ cần đề lên câu thoại đâu, ở chỗ không minh bạch mà khổ công tham cứu thường xuyên không dứt, đâu cho nó có nực lắm ta có câu thoại đâu thì đương nhiên sẽ mát mẻ tự tại; Dù có

lạnh đến đâu ta cũng có câu thoại đầu thì cũng chẳng biết đến lạnh rét là gì. Cứ khổ công tham cứu như thế ba năm, năm năm muốn khai ngộ đương nhiên sẽ được dễ dàng.

Nếu muốn lấy việc gia hương đả thắt để dụng công, mà ngày thường lại không thì trong một năm kể ra cũng lãng phí hết chín tháng, chỉ còn dụng công có ba tháng. Các ông thử nghĩ xem có đúng không, còn kể là người dung công sao?

Ta ngày nay đối với các việc trước đả thắt và sau khi giải thắt mà đem giải bày ra hết, nếu người có tâm liễu thoát sanh tử sẽ tự nhiên biết theo đấy mà làm, cũng không phải ta đơn độc muốn các ông làm như vậy. Ta vốn đã làm như thế rồi; Việc ta đã làm qua, nói để các ông nghe. Ở trong các ông có người tri thức hơn ta thì phải vượt trên ta, hoặc có người không bằng ta thì phải theo học.

Trước kia ta ở chùa Kim Sơn lúc dụng công thì ta chẳng bận tâm vấn đề giao thiệp với người chung quanh, ta chỉ chiếu cố đến câu thoại đầu rõ ràng minh bạch chẳng mấy may gián đoạn. Hễ lỗi lầm với người nào cho dù là chức sự, ta cũng chẳng để ý đến. Khi đi đường chỉ chiếu cố đến công phu, gặp vị Tri khách ta cũng không biết chấp tay nhường lỗi. Đi đường có lần đụng nhau giữa đường làm vị tri khách phải lùi lại quá xa,

ông ta bèn quát lên một tiếng. Bây giờ ta mới nghĩ: Không đúng rồi! Va chạm như thế là xúc phạm đến cảm tình, vậy nên tạm bỏ công phu để xin lỗi đi!

Lại nghĩ: Không, không thể được! Vì sao ta xuất gia? Ta đã vì sanh tử mà xuất gia, hôm nay sanh tử còn chưa liều thoát ta không thể bỏ công phu để tính chuyện xin lỗi phải với người được. Nếu muốn làm như vậy thì tốt hơn đừng xuất gia, giữ công phu mới cần nhất, dù cho bị dọa nạt, bị đánh đập ta cũng vui lòng chấp nhận.

Xong! Vì ấy không đánh ta mà ta còn phải yêu cầu đánh mấy cái để thử xem công phu của ta như thế nào? Giả sử đập cho vài cái bạt tai, công phu của ta vẫn còn chiêu cố như thường vậy! Như thế là rất tốt, nếu là đánh một bạt tai, câu thoại đầu theo bạt tai mà đi mất, thế thì con người của ta đây còn được xem là người dung công nữa không?

Cho nên phải giữ lấy lập trường nhất định, dù cho bất cứ người nào nạt ta, mắng ta, đánh ta thì chung qui câu thoại đầu vẫn không được bỏ. Đây là chỗ làm người tham thiền của ta. Cứ đi như thế dung nhau một lần, hai lần thì đương nhiên người ta sẽ không vui. Đến kỳ thay đổi chức sự trong chùa, mọi người đều ra thiền đường cả, vị Tri khách hỏi vị Ban Thủ:

- Ở trong thiền đường có lão người Hồ Bắc đi hay chưa?

Vị Ban Thủ nói: Chưa đi.

Vị Tri khách lắc đầu nói: Cái lão Hồ Bắc này xấu lắm, không biết quan chức gì, xuất gia mà lúc đi đường cứ khen khen kiệu kiệu không xô người này cũng đẩy người nọ. Thực là con chim chín đầu trên trời, lão Hồ Bắc dưới đất! Thằng này còn không đi thực là đáng ghét.

Những câu nói này chính ta đã nghe được, nói chung thì việc sanh tử của ta chưa liễu thoát, mấy việc nhỏ nhặt này thì chấp nhút ông ta làm gì? Lại có một hôm sau khi điếm tâm đi ngoài xong trở lại thiền đường, đang đi giữa đường có vị Sư nọ chặn ta lại hỏi: “Bồ Tát ở trên chánh điện là nam hay nữ?”.

Bị hỏi như thế ta hoang mang không trả lời được, ta nói: Không biết.

Ông ta lại hỏi: Vị Bồ Tát chính giữa có râu không?

Ta lại không mở miệng được, chỉ trả lời là: Không biết.

Trên thực tế, ta ở chùa Kim Sơn đã hai ba năm, khi thượng điện không hề ngẩng đầu lên nhìn thì đâu biết được là Bồ Tát nam hay nữ, có râu hay không râu. Các ông ngày nay còn có người nào như thế không? Ta có được chỗ hành như thế mà ngày

nay vẫn còn là người nghiệp chướng. Còn chỗ hành của các ông đâu? Nếu không được khai ngộ thì còn được liễu thoát sanh tử chăng? Các người thử phát tâm tự hỏi mình xem! Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 9 tháng 11 (Thất tư ngày thứ ba)

Mỗi khi có người nói: “Dụng công kéo không dài, đối với câu thoại đâu thì cũng biết đề lên, nghi tình cũng biết khởi lên, đắc lực với không đắc lực cũng rõ ràng, tất cả chỉ là kéo không được dài!”.

Câu này có rất nhiều người nói; Muốn biết nguyên nhân của nó thì e không dễ dàng gì biết được. Lại nữa, thứ người kéo không dài nếu có chút tri thức thì sẽ kéo được dài, nghĩ đến một cách: Lấy cái kéo không dài được quyết định làm cho kéo được dài.

Các ông còn có tri thức này hay chăng? Phải hiểu được dụng công kéo không dài, không phải ngày hôm nay kéo không dài mà các ông đã từ kiếp vô thi đến nay đều lặn hụp trong sự kéo không dài!

Các ông còn biết đấy: Các ông từ kiếp trước đến nay cái vốn đã tu là nhân của sự kéo không dài thì hôm nay làm sao có thể kéo dài được? Nhưng về quá

khứ đã gieo nhân kéo không dài thì đương nhiên sẽ cảm lấy quả kéo không dài, đó là lý tất nhiên.

Cứ để mặc kệ nó chăng? Mặc kệ thì đâu thai thành trâu, thành ngựa cũng mặc kệ nó, hết thảy đều mặc kệ nó, mặc kệ nó thì đâu còn việc gì nữa? Không gì ngoài việc luân chuyển trong lục đạo! Các ông là người có chút đạo tâm còn muốn chịu luân chuyển trong chốn này chăng? Nếu không muốn thì đương nhiên nghĩ đến một biện pháp, phải làm sao cho kéo dài thì mới được! Các ông còn có người nào như thế không? Mỗi người hãy tự hỏi lòng mình xem!

Muốn nói đến phương pháp làm sao cho công phu kéo dài được, người xưa chỉ ra con đường này bảo chúng ta đi. Sự thực là vì người trung hạ cẩn trong chúng ta bất đắc dĩ mới nói: Ở trên bốn phương thì đâu cần phải đi đường (*Ý nói đối với người thương cẩn, trong bốn phương của tự tánh thì đâu cần phải đi, vì suốt ngày đêm đã ở trong đó rồi*). Ngoảnh đầu là xong, chân quay bước là về đến nhà ngồi an ổn.

Nói có một con đường để đi là nói sai lạc ra ngoài rồi! Bởi vì các ông không nhận ra được ngay lúc đó, trước mắt đường đi lại nhiều cho nên bày ra một phương tiện, chỉ ra con đường này bảo các ông đi để có thể bỏ hết mọi con đường khác. Tỷ như một nấm tóc trên đầu thì không ít, đường các

ông đi so với nấm tóc còn nhiều hơn, ta đương nhiên vì các ông mà đem những con đường nhiều hơn nấm tóc này mà bỏ ra ngoài chín tùng mây, các ông ngay lúc đó thấy được cái bẩn lai diện mục thì ta mới mãn nguyện.

Tuy nhiên, nếu làm không xong được thì thập phương chư Phật cũng không thể làm giúp được, hết thảy Bồ Tát, lịch đại Tổ Sư lại càng không thể làm giúp được. Nếu thập phương chư Phật có thể làm thay cho ông được thì các ông khỏi cần dụng công, Phật nếu thay chúng ta làm thì đâu còn chúng sanh? Được hay không được?

Thập phương chư Phật chỉ có thể chỉ dẫn một con đường, các ông có thể y theo con đường này mà đi, có thể bỏ tất cả con đường khác, con đường này đi đến đâu mút thì cũng được về nhà. Cho nên thập phương chư Phật chỉ có thể chỉ ra một con đường bảo các ông đi, các ông đi được thì đương nhiên những con đường khác sẽ bỏ được hết. Thập phương chư Phật không thể đi thay ông được. Nếu các ông không đi thì thập phương chư Phật cũng không thể gánh vác cho các ông được! Con đường này chính là câu thoại đầu.

Con đường ta hôm nay chỉ cho các ông, Phật cùng Bồ Tát, Tổ Sư cũng chỉ con đường này. Những con đường các ông đã đi là những con đường nào?

Đấy là con đường kéo không dài, từ vô thi kiếp đến nay đều đi trên con đường kéo không dài này. Hôm nay đứng ở chỗ này mà muốn kéo được dài thì đương nhiên sẽ không làm được.

Đường kéo không dài tuy nhiều nhưng cũng không ra khỏi thân, tâm và thế giới; Vì có thân tâm thế giới gom lại một chỗ nên mới biến hóa ra vô số con đường. Các ông đi được con đường câu thoại đầu này thì có thể bỏ hết thân, tâm, thế giới, những con đường kéo không dài. Thế tại sao lại phải nói thân, tâm, và thế giới là kéo không dài? Các ông muốn rõ cái kéo không dài này, vì những người trong Giáo Môn đối với danh từ thì đại khái dễ hiểu, trong Thiền Tông chỉ nói là kéo không dài mà không nói gì khác cả.

Trong Giáo Môn giảng kéo không dài là gì? Đây là: Sinh, trụ, dị, diệt; Sinh cũng là kéo không dài, trụ cũng là kéo không dài, dị cũng là kéo không dài, diệt cũng là kéo không dài. Ta muốn hỏi các ông: "Có tâm không?" Các ông đương nhiên sẽ nói: "Có tâm"; Ta lại hỏi các ông: "Lấy gì làm tâm?" Các ông đương nhiên nói: "Lấy cái năng tri giác làm tâm". Vậy cái năng tri giác này dài bao nhiêu? Cái tri giác này có phải là sinh, trụ, dị, diệt không?

Các người suy nghĩ xem: Sinh thì tức khắc sinh ra; Một khi đã sinh ra thì phải trụ, trụ thì đâu được bao lâu lại lập tức đổi thành dị, đã dị thì một khi

niệm khởi thì đã diệt. Sự sau khi diệt ra thế nào? Các ông thử nghiên cứu đi và trả lời ta một câu. Thật đáng tiếc! Chúng ta sau khi diệt thì lại sinh, trụ, dì, diệt. Vì có tri giác nên mới nói đến tâm, tri giác đương nhiên là sinh, trụ, dì, diệt; Sinh, trụ, dì, diệt tức là kéo không dài.

Các ông nghĩ xem! Cái tâm kéo không dài này có phải hôm nay mới có hay quá khứ đã có? Cội nguồn còn tìm ra được chăng? Trong tương lai lấy cái tâm để suy tính được không? Hiện nay thân chúng ta cao được hơn bốn thước, tương lai sẽ giảm đến còn một hoặc hai thước; Cao nhất được bốn mươi trượng. Hiện nay sống được sáu bảy mươi tuổi, trong tương lai sẽ giảm xuống mươi tuổi; Dài nhất là tám vạn bốn ngàn tuổi.

Các ông nghĩ xem: Thân cao có mấy mươi trượng, thọ được tám vạn bốn ngàn tuổi mà trong đó lại không được rời sanh, già, bệnh, chết. Thân thể từ sinh mà có, bất luận mươi tuổi trong tương lai, sáu bảy mươi tuổi ở hiện tại, cho đến tám vạn bốn ngàn tuổi đều có một ngày phải già, già rồi thì phải bệnh, bệnh rồi đương nhiên sẽ chết; Sau khi chết thì thế nào? Đương nhiên lại sanh, già, bệnh, chết nữa. Cái kéo không dài của sanh già bệnh chết này chuyển mãi không dứt, vậy có kỳ hạn chăng? Thân, tâm, thế giới đều như vậy.

Thân, tâm, thế giới kéo không dài là còn nói gọn

đấy, bằng nói rộng ra thì nhiều lắm, các ông là người có tâm dụng công đương nhiên sẽ nghĩ đến một biện pháp làm sao cho tất cả cái kéo không dài có thể kéo dài được. Chỉ có thể dùng câu thoại đầu, đây là phương pháp trực đạt tâm nguyên.

Tâm tuy kéo không dài nhưng tâm nguyên thì còn mãi mãi. Tỷ như giòng nước, nước thì lưu chuyển, nguồn (*Thủy nguyên*) thì không; Nếu nguồn mà di chuyển thì đương nhiên cái “Chảy đi” không có; Vì nguồn không chảy cho nên chảy mãi không thôi. Chúng ta tất cần đạt đến tâm nguyên thì mới có thể kéo dài được.

Nhưng cái tâm nguyên này đã cách chúng ta bao xa rồi? Ta nói sơ lược các ông nghe, tỷ như ngày nọ đánh bảng trong tịnh các ông nghe được, hôm nay đánh bảng lại nghe được, cho đến ngày mai ngày kia đánh bảng cũng nghe được. Ta hỏi các ông: Cái nghe của ngày hôm qua, cái nghe của ngày hôm nay cho đến cái nghe của ngày mai ngày kia là một hay là hai cái? Nếu là một thì dài hay không dài? Mọi người hãy nghiên cứu kỹ một chút xem. Phải lĩnh hội một chút ít mới được!

Giáo môn gọi cái này là chân tâm thường trú, suốt ngày chẳng rời một bước. Chúng ta muốn triệt lưu quy nguyên (*Dứt giòng về nguồn*) thì phải lấy câu thoại đầu mà khổ công tham cứu, không sợ nó

kéo không dài thì mới có thể từ cái kéo không dài mà đạt tới cái chân thường được! Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 10 tháng 11 (Thất tư ngày thứ tư)

“Tam học kiêm tu, một tham đủ cả”. Tam học là giới, định, huệ. Giáo Môn đối với tam học thì tu trì hết sức khẩn mật. Tại sao phải nói là kiêm tu? Ấy là trước hết phải trì giới, do giới mà định, định rồi có thể phát huệ.

Giới có đại tiểu, định có chính thiên, tuệ phải từ trí mà có tuệ, chỉ nói đến tuệ thôi thì cái tuệ đó chưa rộng rãi, trí tuệ đầy đủ thì mới được gọi là Viên Tuệ. Trong Giáo môn cần phải trải qua bao nhiêu thời kỳ thì mới có thể đạt đến được.

Còn Thiền Tông thì không vậy: Một câu thoại đầu thì tam học đủ cả. Tại sao cứ có người nói: “Trong Thiền Tông chữ giới chẳng nghe nói đến”. Ấy là vì họ không thấy được sự trì giới của Thiền Tông.

Giới của Thiền Tông không phải là Đại Thừa, Tiểu Thừa của người phổ thông mà là trì cái “Vô Trước Thánh Giới”. Ấy là lẽ gì? Các ông hãy đem câu thoại đầu mà đề lên xem, không rõ thì cứ ở chỗ

không rõ mà truy cứu, tham vấn. Ta hỏi các ông: Còn có thân đi giết người đốt nhà không?

Một câu thoại đâu còn chẳng minh bạch ông còn có tâm nói hai chiều, vọng ngữ được chẳng? Cũng như tham câu “Niệm Phật là ai?” tâm bất khả đắc, cứu kính là ai? Thân cũng bất khả đắc, đáo để là ai? Bất khả đắc cũng không. Thân bất khả đắc rồi thì đâu còn phạm việc giết người, đốt nhà? Tâm bất khả đắc rồi làm sao còn có tâm trì giới? Cái bất khả đắc cũng không tức là Thánh giới của thập phương chư Phật đều trì hết. Thứ “Vô trước Thánh Giới” này trì phạm đều bất khả đắc thì còn nói gì Đại Thừa, Tiểu Thừa. Cái câu nói không trì của Thiền Tông còn để ở chỗ nào được?

Còn chữ định của Giáo Môn thì thân ngồi ở một nơi, trong tâm muôn duyên chẳng động, ngưng nghỉ cả thân tâm đều không động; Tâm không động dễ gì làm được, thì cần phải quán, quán không xong thì phải dùng chiếu, chiếu không xong thì phải nghĩ đến một phương pháp để kiềm chế nó, lần lần kiềm chế cho lâu mới được định, định đến một bước công phu nào thì phát được bước ấy huệ; Đại khái là như vậy.

Thiền Tông thì triệt để trái ngược, không phải cái định đó, mà định trong động; Tại sao vậy? Đi hương là động, trải bồ đoàn ngồi xếp bằng cũng là động, dọn nệm cũng là động, từ sáng tối tối đều động. Tuy là

động như vậy mà ở trong cái động đó câu thoại đầu thật rõ ràng minh bạch, không mảy may gián đoạn.

Cái định trong động này dù cho hết thảy động cũng không làm động được cái định này; Vì nó do động làm thành, toàn định là động, toàn động cũng là định. Tại sao tất cả động không làm động được cái định này? Các ông hễ cứ đề câu thoại đầu lên, ngay chỗ không minh bạch được đắc lực, cái đẹp nhất Thượng Hải cũng không có, đáo để là ai, cho dù người con gái đẹp nhất đến trước mắt ông, ông cũng không có tâm nào nghĩ đến cô ta. Thượng Hải đã không có thì cái động của Thượng Hải không làm động được nó! Không có tâm để nghĩ đến người nữ, cái động của người nữ cũng không động được nó. Hai thứ động dễ động nhất này đều đã không làm động được nó thì còn cái gì làm động nó được nữa?

Đạt đến cái định này thì được trí huệ như trở bàn tay, ngay lúc đó sẽ đều đầy đủ. Đến được chỗ này thì thực sự là: “Một tham đủ cả”. (*Phân cảnh sách lược bở*). Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 11 tháng 11 (Thất tư ngày thứ năm)

Cái sự tham cứu này cần niệm niệm phân minh, tâm tâm trong sạch. Niệm niệm phân minh thì

không có vọng tưởng, tâm tâm trong sạch thì không có hôn trầm. Chỉ cần phân minh, vọng tưởng chẳng trừ mà tự trừ; Chỉ cần trong sạch, hôn trầm không bỏ mà tự bỏ.

Như thế nào là phân minh? Hãy đề lên câu thoại đâu làm cho rõ rệt từng chữ một, niệm Phật là người nào? Cái nghi tình này hãy cứ đi thẳng, đi rõ ràng mạch lạc chẳng có một tí mơ hồ thì vọng tưởng làm sao mà có được.

Thế nào là trong sạch? Hãy đề lên bốn chữ “Niệm Phật là ai” thành khẩn mà tham đi, hai chữ niệm Phật một khi ra khỏi miệng thì cái niệm danh hiệu Phật đã ở trong đó rồi; Hai chữ “Là ai” tức là người nào? Câu hỏi này cũng giống như muốn các ông trả lời ta vậy: Dù không có người đáp cũng bằng như ta lớn tiếng hỏi người khác. Niệm Phật là người nào? Mỗi chữ đều rõ ràng, tưởng niệm đều trong sạch, lại cũng chẳng phải bốn chữ “Niệm Phật là ai” mơ hồ không rõ, tựa có mà tựa không có, đi qua miệng mà thôi.

Ban đầu thì nghĩ muốn dụng công, hễ thoại đâu đề lên thì vọng tưởng đã nổi lên rồi, hoặc là không có tinh thần, cảm thấy mệt mỏi, câu thoại đâu đề lên mà không nghi tình gì, chẳng có nghi tình thì một câu là hết. Câu này đã mất, nhấm mắt lại như ngủ mà không ngủ, lại đề lên một câu thoại đâu

nữa thì ngủ quên đi rồi, đó chính là chẳng phân minh, chẳng trong sạch.

Các ông phán khởi tinh thần cũng như gánh một gánh nặng 120 cân, lại cũng như thực phẩm rất ngon, **niệm Phật là người nào vậy?** Rất rõ ràng, nghi tình thì thật rõ ràng, **không biết là ai**, hết sức thành khẩn mà hỏi lại một câu: **Cứu cánh là ai?** Cũng còn chưa rõ được, **đáo để là người nào?**

Các ông có được niệm niệm phân minh như thế, tâm tâm trong sạch như thế, không cho nó được sơ hở chút nào, ta hỏi ông: Vọng tưởng từ nơi nào đến? Hôn trầm từ đâu mà ra? Bởi vì không phân minh, hễ mơ hồ thì vọng tưởng xâm nhập, có chút mơ hồ thì hôn trầm đã lên trên mình.

Công phu với vọng tưởng vốn chẳng phải là hai; Công phu niệm niệm phân minh thì không có vọng tưởng, nổi vọng tưởng lên thì đương nhiên công phu không có. Lại chẳng phải ông muốn dụng công nó liều mình muốn nổi vọng tưởng, ông không dụng công nó còn nghỉ ngơi một tí. Ông đã dụng công mà nó còn nổi vọng tưởng, đó không phải là hai sao? Đâu có lý lẽ như vậy được?

Như con khỉ ở trên cây chuyền sang phía Đông, nhảy sang phía Tây, lúc cây đào khi cây lý, làm như có đến tám, mười con, chỉ cần định tĩnh để xem lại thì thực tại chỉ là một con, có trên cây đào thì

không có trên cây lý. Vọng tưởng cũng vậy, suốt ngày như nỗi ngàn muôn cái nhưng kỳ thực chỉ có một cái thôi. "Một cái" này vì người trung hạ cẩn như chúng ta bất đắc dĩ mà nói; Nếu không phương tiện mà nói một cái này thì các ông lại không có chỗ hạ thủ.

Muôn ngàn vọng tưởng đã nói trên thực ra chỉ có một, nỗi một vọng tưởng này thì đánh mất công phu. Nếu dụng tâm ở trên công phu thì vọng tưởng nỗi không lên, cũng như con khỉ ở trên cây này thì không ở trên cây kia vậy. Nếu chỗ này dụng công, chỗ kia nỗi vọng tưởng, thế không phải là hai sao? Không có lẽ như vậy!

Các ông phải tự mình thấy đến nơi, không phải cứ ta nói rồi thì xong được đâu. Nếu chỉ muốn ta nói, với các ông lại không quan hệ gì hết, như thế thì khổ chết đi! Các ông cũng có người nghe ta nói niệm niệm phân minh, tâm tâm trong sạch, bèn đem câu thoại đâu mà niệm liên tiếp, ấy cũng lại là không đúng đâu! Niệm như thế thì không bao lâu tâm khí sẽ đau; Cần từng câu từng câu một, không chậm không gấp, rõ ràng trong sáng. Nếu gấp thì bị thương thân, chậm thì dễ nỗi vọng tưởng, niệm không rõ ràng trong sáng thì dễ buồn ngủ.

Mỗi người các ông có thể cứ liên tục rõ ràng mà tham ngay đi. Hãy tự mình đề lên câu thoại đâu xem còn một tí kẽ hở nào không? Nếu qua loa một tí

câu thoại đầu dường có dường không thì cái kẽ hở lớn lắm! Văn Thù, Phổ Hiền cũng theo cái chỗ này mà đi ra đi vô, heo, dê, trâu, ngựa cũng từ chỗ này mà đi vô đi ra. Mỗi người các ông hãy nghĩ xem có còn là việc nhỏ không?

Nếu được câu thoại đầu phân minh thì cái kẽ hở này sẽ được bít chặt lại, rồi Văn Thù, Phổ Hiền cũng chẳng được vô ra; Trâu, ngựa, heo, dê cũng dứt hẳn luôn. Vậy không phải là rất tốt sao?

Cái kẽ hở này tuy bít được song chung quy phải tham câu thoại đầu cho thông, nhất định phải lấy câu “Niệm Phật là ai” để tìm cho được mới đúng. Rõ ràng có người niệm Phật đừng có mơ hồ bỏ qua cho đó là xong.

Các ông cần phải hiểu: Từ vô thi đến nay bị cái thân, tâm, thế giới này trói buộc chặt chẽ, các ông muốn được rời bỏ chốc lát, tơ hào cũng chẳng được đâu! Vì thế mà cứ quanh quẩn trong chốn lục đạo luân hồi, chẳng rời xa được một tấc.

Hôm nay muốn tham niệm Phật là người nào? Đáo để là người gì? Cứu cánh là ai? Các ông tham cứu như thế, ta hỏi ông: Thân có còn không? Thân nhất định không có, thân đã không có thì tâm nhất định là không có nơi để. Thân tâm đều đã không có thì thế giới còn để được ở chỗ nào? Các ông ở nơi thân tâm và thế giới đều không có này, ta hỏi ông

thế nào là câu thoại đầu? Các ông hãy tại chỗ này mà trả lời ta một câu.

Nếu trả lời không được thì phải ở chỗ trả lời không được này đề lên một câu thoại đầu mà gấp rút truy cứu, gấp rút tinh ngộ. Tương lai thế nào cũng có được một tin tức. Ta nói như thế không ngoài hai câu “Thô và tế”, như thế các ông cũng lấy thô tâm mà nghe, muốn nghĩ đến chỗ vi tế thì cần phải từ câu nói về thô này mà làm đến chỗ vi tế mới được. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 12 tháng 11 (Thất tư ngày thứ sáu)

Người đã thất bại khai đều biết nói: “Dụng công hành đạo”. Nói thì cho các ông biết nói; Nếu hỏi kỹ lại các ông: Vì sao cần phải dụng công hành đạo, sợ rằng đại đa số các ông không hiểu rõ triệt để được. Bởi vì đều là nghe người ta nói: “Ở chốn tòng lâm cần phải dụng công hành đạo!”. Bản thân mình thì chưa từng có một kế hoạch đầy đủ nào.

Các ông cần biết: Việc sanh tử chưa dứt, chỉ cần một hơi thở không trở lại là chết thì con đường đi trước mặt thật vô cùng hiểm trở! Cần có kế hoạch đầy đủ như thế thì tất phải biết: Từ vô lượng kiếp về trước lúc ban đầu một niệm chưa động, với thập phương chư Phật, hết thấy Bồ Tát, Tổ Sư đều đồng

nhau không hai không khác. Chúng ta ở trong biển giác này, hễ động thì sanh ra niệm, do một niệm này sinh ra thì biến giác biến thành biến khổ, tuy nói là biến khổ, nhưng chỉ vì một niệm bất giác vô minh mà có thôi, kỳ thực xưa nay chưa hề rời biến giác, mãi cho đến ngày nay tuy kim cổ đã trải qua bao đời, trăm ngàn vạn đời mà một niệm hiện tiền này chẳng mấy may phân cách.

Vì sao làm chúng sanh? Cần phải hiểu: Tuy làm chúng sanh nhưng vốn có Phật Tánh, với Phật Tánh của chư Phật không có gì sai khác; Cái sai khác đó là do một niệm không giác tạo thành biết bao sanh tử, mãi cho đến giờ vẫn còn tâm tâm tạo sanh tử, niệm niệm tạo sanh tử.

Sanh tử là cái gì? Mọi người các ông hãy nghe cho rõ: Hư không đại địa là sanh tử, thân của ta đây là sanh tử, tâm cũng là sanh tử; Nói chung lại thì có ba thứ: Ấy là sanh tử của thân, tâm và thế giới. Đã có thân ta, tâm ta, đã có hư không đại địa chúng ta ở: Ấy là căn bản của sự sanh tử luân chuyển không dứt của chúng ta.

Nhưng thế giới này với thân, tâm cũng là bởi một niệm không giác tạo thành; Giả sử như các ông phản vọng quy chân, thoát biến khổ mà chứng biến giác thì hư không, thế giới, thân, tâm đều ở trong một niệm này của ta; Niệm này nếu giác thì thân, tâm, thế giới đều bất khả đắc.

Chúng ta hiện nay không những không được giác ngộ mà còn tiếp tục vô lượng sanh tử, sự tạo thành ấy như thế nào? Vì có cái thế giới, hư không đại địa này cho nên mới có thân thể chúng ta ở trên thế giới; Đã có thân rồi thì hẳn phải có tâm, cái tâm này lại là cái công cụ tạo nên sanh tử. Trong khoảng một niệm tạo nên sanh tử của mười pháp giới, hiện tiền mỗi một sát na niệm niệm không dừng ấy tức là cái nhân niệm niệm tạo sanh tử của mười pháp giới.

Nhân đã tạo thành thì tương lai sẽ cảm quả tơ hào không sai khác, trồng đưa được đưa, trồng đậu được đậu. Nếu các ông gieo nhân Phật thì đương nhiên cảm lấy quả thành Phật. Nếu gieo nhân A tu la, Địa ngục thì nhất định sẽ nhận lấy quả báo A tu la, Địa ngục. Như vậy niệm cái gì gieo nhân ấy. Hiện tiền người có niệm, niệm chúng sanh khổ, phát tâm Bồ đề tức là hướng thượng tu nhân Phật; Cái niệm sát, đạo, dâm túc là hướng hạ gieo nhân Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Như thế là có mười thứ nhân cảm quả là mười loại pháp giới, ấy là bốn giới thượng: Phật giới, Bồ Tát Giới, Duyên Giác Giới, Thanh Văn Giới, gọi là Bốn Thánh Giới, sáu giới hạ là: Thiên Giới; Nhân Giới; A Tu La Giới; Địa Ngục Giới; Ngạ Quỷ Giới; Súc Sanh Giới, gọi là Sáu Giới Phàm. Bốn Thánh, sáu Phàm nói chung là mười pháp giới. Nhân của

mười pháp giới này đều do một niệm hiện tiền của chúng ta tạo thành.

Hãy lấy lời ta nói làm thí dụ: Ta nói ở đây, các ông đứng ở đây nghe; Ta một người nói các ông trăm người nghe, chỗ hiểu của mỗi người đều không giống nhau. Có người nghe ta nói thì trong lòng vô cùng thanh tịnh tin theo mà thực hành chẳng mấy may nghi hoặc, lúc ấy lại muốn lập định chí hướng không làm đến không được, đấy là nhân thành Phật. Có người trong lòng hoan hỷ phấn chấn: “Tương lai ta sẽ liễu thoát sanh tử, còn muốn độ tất cả chúng sanh nữa”, đấy là nhân Bồ Tát. Còn có người nghe trong lòng muốn dụng công phu, ở chốn núi non, hang động chịu khổ nhất trên đời; Đây là nhân Duyên Giác; Thanh Văn.

Lại có người nghe trong lòng cho rằng: “Thầy nói nghe đến hay đấy, nhưng làm có nên đâu? Chúng tôi còn phải trì giới, cầu phúc kia!” đấy là nhân Trời, Người. Lại có người nghe rồi trong lòng hậm hực nói: “Chán nản quá! Ngày nào cũng một câu nói này, nghe đến chán luôn; Hãy nói cho chúng tôi nghe ít chuyện đời mới còn hay hơn!”. Đã là chán ghét thì là nhân sân, nhân sân là nhân A Tu La. Ngoài ra những việc phá giới, bốn xén, tham lam, tà dâm, những điều ác đều là nhân tam đồ.

Cùng trong một câu nói của ta, trăm người các ông nghe rồi đều có sự suy nghĩ bất đồng, ấy là do

cái nhân mọi người đã gieo không giống nhau. Nhân của mười pháp giới là sự sanh tử của mười pháp giới.

Các ông thử nghĩ: Suốt ngày nỗi một vọng tưởng bên này, nỗi một vọng tưởng bên kia, vui vẻ, giận hờn, tất cả phiền não vô minh, gieo một thứ nhân như vậy thì sanh tử còn có lúc dứt không? Còn có ngày nhô đầu ra không? Luôn cả hơi thở cũng không ra được.

Các ông nghiên cứu thử xem có phải như thế không? Nhưng sanh tử có nhiều như vậy thì cần phải như thế nào mới có thể dứt được? Niệm Phật có thể dứt được không? Ta nói có thể được nhưng niệm Phật chỉ có thể thu tất cả niệm, câu thoại đâu có thể rời tất cả niệm. Tỷ như: Các ông nỗi vọng tưởng, ngay nơi ấy tạo sanh tử, bận lắm, một câu thoại đâu sẽ nhanh chóng thay ông mà xa rời niệm tạo sanh tử.

Mọi người các ông hãy nghĩ: Lực lượng câu thoại đâu có mạnh không? Ta nói lực lượng của câu thoại đâu lớn; Nói lớn hơn nữa, muốn các ông tin hình như là không phải dễ. Các ông hãy thí nghiệm xem qua là biết thôi. Các ông hãy nỗi một vọng tưởng thử xem; Ngay trong lúc nỗi vọng tưởng ấy hãy đề câu thoại đâu lên cho rõ ràng minh bạch. Đáo để là ai? Cứu cánh là ai? Tham như thế thì bóng dáng vọng tưởng có còn không?

Các ông xem đấy, lực lượng câu thoại đâu lớn đến

dường nào? Các ông có thể tâm tâm tham như thế, niệm niệm tham như thế được, chuyện về sau ta sẽ cùng các ông thương lượng. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 13 tháng 11 (Thất tư ngày thứ bảy)

Đã được bốn thất rồi, công phu của các ông đương nhiên đã có chỗ thâm nhập. Thất đầu không biết dụng công, thất hai biết dụng công, thất ba thì dụng công phu được, thất tư đương nhiên có thâm nhập.

Lúc khởi thất này có vài vị phải bận: Sư Ban Thủ của thiền đường mỗi giờ mỗi khắc chiếu cố các ông, nói nhiều rồi sợ các ông động niệm; Giảm rồi lại giảm nữa, rất sợ nói thêm một câu lại làm động niệm các ông.

Giảng khai thị, công án, điển chương, không mang một câu kinh điển, ngữ lục, cho đến bất cứ cảnh huống nào bên ngoài đều chẳng nói lấy một câu với các ông. Tại sao vậy? Bởi vì cái các ông tham là câu thoại đầu, thành thử tất cả các câu nói khác đều không hợp với pháp này, đó chính là điều khổ tâm của họ.

Cho đến thấy các ông chỗ này cũng không đúng,

chỗ kia cũng không đúng, cưỡng trong lòng không được, muốn nói, muốn tỏ bày, nói ra lại e các ông động niệm nên chỉ cho tự mình buông bỏ đi thôi. Điều này cũng là thành tựu đạo niệm của các ông.

Vị Duy Na chiểu cố trong và ngoài thiền đường cho đến đi nhiều hương dài càng sợ các ông ánh hưởng đến sức khỏe, nhiều hương ngắn lại sợ tinh thần các ông bất túc, lúc tọa hương thì dễ buồn ngủ, thôi thúc chạy hương thì sợ đánh nhầm lỗ tai các ông, hoặc đánh bị thương làm cho đạo tâm của các ông lui sụt. Suốt ngày cứ để hết tinh thần mà lo cho các ông.

Tất cả Sư giám hương, hương đăng, tự thủy, duyệt chúng, hộ thất trong ngoài, nhà kho, khách đường (*Tư pháp của nhà chùa*) đều là lo cho các ông dụng công hành đạo, thành tựu cho các ông đả thất.

Hôm nay đả được bốn thất rồi mà còn nói chuyện công phu chưa thâm nhập! Quy củ của việc khảo công phu cũng giống như trên, một khi hỏi thì cần phải trả lời, nhưng khi đáp ra thì sẽ làm trời lay, đất động mới được; Đã giao hẹn lúc trước rồi: Nếu không thì không hỏa táng tức phải thủy táng! (*Lược bô phần khảo công phu và giải thất*).



KHAI THỊ

Ngày 15 tháng 11 (Thất năm ngày thứ hai)

Những điều ta nói trong bốn thất trước đều là dạy các ông dụng công. Ban đầu không biết dụng công để làm gì, lại cũng chẳng biết cái gì gọi là dụng công, dần dần biết cần dụng công, lại chẳng biết được pháp dụng công như thế nào, hạ thủ nơi nào? Lại nữa, lúc mới biết câu thoại đâu cũng chẳng tin lăm, đây đều là trình tự đã qua của các ông.

Cho nên từ trước tới nay cứ nói vì sao mà phải dụng công. Nhưng con đường hạ thủ công phu đường lối nhiều lăm, cho nên cần phải dẫn dắt các ông đi con đường chính này, vì các ông mà quét dọn sạch sẽ các chông gai trên đường đi, bảo các ông đi con đường này, không cho có tí chướng ngại nào, nói ra từng lớp lang một cho các ông nghe.

Hôm nay thì đã đã được bốn thất, các ông không biết cũng biết rồi, không dụng công cũng muốn dụng công, người không chịu đi trên con đường này thì cũng theo con đường này mà đi đến; Mọi người đều đã lên đường không thể có chuyện nói là chưa lên đường được.

Muốn vì các ông mà nói chuyện công phu, nhưng trong lúc các ông còn có một số đông người ngay cả câu thoại đâu cũng không tin tưởng thì làm sao

tham, làm sao nổi nghi tình được, một lần cũng chẳng làm lấy một tí gì, người ta bước ông cũng theo đó mà bước, người ta ngồi ông cũng theo đó mà ngồi, căn bản chẳng động đến gót chân thì đâu nói được là đã lên đường và đi con đường chính được?

Nếu các ông như vậy thì cái chuyện của công phu còn có muốn nói không? Nếu nói thì cũng chẳng được tác dụng gì. Đáng lẽ thì không mở miệng, nhưng không nói không được; Đại khái có một hai vị lại cần ta nói trình tự công phu, dấu cho một người cũng không có, ta cũng chẳng vì không có mà không nói.

Các ông cho rằng ta chẳng mở miệng được ấy là các ông đã dụng công phu đến chỗ không mở miệng được rồi; Các ông thực đã dụng công phu đến chỗ không mở miệng được. Ta đi ba vòng, ta nói cái chẳng nói, các ông nghe cái không nghe: Nói cái chẳng nói ấy là chân ngôn, nghe cái không nghe ấy là chân thính, thế thì tốt lắm! Chỉ sợ chẳng phải cái không mở miệng được đó thôi! Bởi vì trình độ công phu của các ông không có tí nào cả.

Có thể lời của ta nói ở phía trước, các ông lại theo lời ta nói mà đi ở phía sau, tỷ như đi đường, ta ở trước một dặm, ông ở sau một dặm; Các ông thấy được ta, ta cũng thấy được các ông, như thế mới đúng.

Hôm nay chỉ có mình ta nói ở phía trước, các ông

ở phía sau theo không kịp, ta giảng được mười dặm, tám dặm rồi các ông một dặm cũng chưa đi được; các ông không thấy được ta, ta cũng không thấy được các ông. Ta giảng về hướng Nam, các ông lại đi về phía Bắc, như thế còn đúng được chăng? Lời ta nói ra có còn được gọi là ngôn hành tương ứng chăng? Đã không tương ứng được thì không cần mở miệng sao? Vì công phu các ông không theo kịp ta nên ta không cần mở miệng.

Hoặc giả có người nói: “Thầy nói công phu như thế e là nói oan cho người ta”, cũng cho là nói oan người đi, nhưng dù ta nói oan ông thì cũng là chuyện rất tốt, chỉ sợ là không nói oan đó thôi.

Các ông có cho là: “Thầy đâu biết được trong lòng người ta”. Tuy tâm ông nằm ở trong bụng ông, người các ông đứng ở nơi này, ta nhìn qua một cái thì thấy rõ ràng hết, như cái bình pha lê vậy; Thấy rõ tim, gan, ngũ tạng bên trong chẳng sai tí nào, việc ở trong tâm người, thế ta còn không thấy được chăng? Ta còn nói oan các ông chăng?

Việc chốn Thiền Tông không phải nói qua là xong, cũng chẳng phải phó thác cho ngày sau được. Giáo Môn thì khai tòa giảng kinh, khi xuống tòa giảng có thể ngủ nghỉ, bước ra ngoài đi tản bộ, bởi vì ngày hôm nay giảng qua rồi thì sự hành để đến ngày sau cũng được. Thiền Tông

không như vậy, hôm nay phải nói cái hành của ngày hôm nay, ngày mai nói cái hành của ngày mai, điều ta nói lại là điều các ông hành; Điều các ông hành lại là điều ta nói, ngôn hành cần tương ứng với nhau; Nếu ngôn hành không tương ứng thì đây không phải là việc trong Thiền Tông.

Trong các ông còn nhiều người từ trước khi chưa vào Thiền Đường tưởng rằng thiền đường rất là cao quý, là nơi xuất thân của thập phương chư Phật, Bồ Tát, chư Tổ Sư, phương pháp của Thiền Tông rất huyền diệu rất đáng tin tưởng. Hôm nay ở thiền đường thì trái ngược lại, cảm thấy: “Không tốt, bên ngoài nói thiền đường hay tốt thế nào mà từ lúc vào thiền đường đến nay, thất cung đả được ba, bốn kỵ mà cũng chẳng có gì là đáng kể, thì ra chẳng qua chỉ có thế mà thôi! Ở bên ngoài nghe chuyện người ta nói e là người ta gạt mình! Nay phải tính đến cái việc gì khác để cho mình làm mới được”.

Loại người các ông như thế thì thật đáng tiếc, đáng buồn! Đúng là không thể nói được. Ta cũng muốn chỉ cho các ông cái nguyên nhân của loại bệnh này, làm cho các ông biết là bệnh để có thể tiến tới trước được; Loại người này thì hình bóng câu thoại đâu cũng không có.

Ta hỏi ông: Thế câu thoại đầu các ông còn hình bóng nào của nó không? Không những không còn

mà còn cho là: “Không tốt đâu! Những việc tôi học được, điều tôi lãnh hội được v.v... trước kia hễ đề lên một vấn đề gì thì đường như các câu nói đều có thể cuồn cuộn tuôn ra. Hôm nay, ở nơi thiền đường đả thất, thì trái lại văn chương nghĩ không ra như trống không trong bụng tựa hồ chẳng tương ứng. Vậy không thể đả thất được nữa! Đã nữa thì sợ biết bao nhiêu điều tôi đã phí công học được ở các kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa đều quên đi mất hết! E rằng phải uống phí biết bao kinh tế, bao nhiêu khốn khổ, như vậy thì thất chẳng mong đả rồi! Chỉ đả làm cho bụng trống không thôi!”. Ông còn có loại tâm lý này; Ta nói các ông không được làm sai! Đây là việc tốt không phải việc hỏng, các ông có tin không?

Ta nói sự học được các ông hãy quên hết, sự lãnh hội các ông hãy quên hết, còn là việc không đáng kể, còn muốn các ông quên luôn cả người học là người gì, ngay cả người lãnh hội được là người gì cũng quên hết luôn.

Mọi người các ông hãy lãnh hội ý của ta một chút, cần phải thâm nhập ý của ta thêm một lớp, quên luôn cả câu hỏi của ta về cái các ông học được, có quên người học được chưa? Tiếc thay! Điều học được hãy còn đầy bụng thì nào chịu quên đi được! Ngày ngày ngồi xuống còn muốn dò dò

lại cứ sợ quên mất, quên cả người học thì làm sao nói cho xong!

Trong Thiền Tông việc đầu tiên là cần các ông quét cho trống rỗng, cần các ông quên hết. Hãy quét cho trống đi, hãy quên hết đi! Lúc bấy giờ ta sẽ cùng các ông thương lượng. Vì sao các ông chẳng quét cho trống rỗng? Không chịu quên? Trên thế giới việc gì cũng muốn nói cần tiến bộ, cho là các ông học theo Giáo Môn thì cũng muốn tiến bộ.

Hôm nay các ông ở thiền đường vì sanh tử đại sự, cần thành Phật, làm Tổ thì làm sao không nói tiến bộ được? Điều đã học đã lãnh hội quên đi chút ít còn không muốn; Các ông tự mình hãy nghĩ xem có đáng tiếc không? Vì thế cho nên muốn tất cả các ông nhận thức được, có thể quên đi cái năng học, sở học của mình đó là việc tốt, chẳng quên thì còn phải mạnh dạn quên đi mới đúng.

Vậy là người các ông không dụng công, chỉ biết đả thất thấy rất tốt, ngồi ngồi, đi đi, ngủ ngủ một chút cũng không sợ. Rất là thọ dụng.

Người dụng công trái lại phiền toái thân tâm chẳng yên. Vì sao vậy? Bởi vì người dụng công ấy biết rằng việc sanh tử chưa liễu thoát thì không được; Sanh tử của ta là khổ, sanh tử của chúng sanh ở chốn đại địa lại càng khổ hơn. Nếu muốn làm cho họ lìa khổ ta tất cần lìa khổ trước đã, rồi sau mới độ cái khổ của họ.

Ta muốn lìa khổ mà không dụng công thì không được, ta muốn độ chúng sanh thoát khổ mà không dụng công cũng không được. Cho nên từ sáng đến tối khắc khắc công phu, thời thời thực hiện công phu, rất sợ đánh mất công phu. Nói chung, muốn công phu thành phiến, vì không được thành phiến thì phải cứ tự mình trách mình, vì việc đại sự chưa rõ thì như thế chưa yên.

Nhưng mà, mọi người các ông ở đây có còn được nửa số người như thế không? Hay là một phần ba! È rằng cũng chẳng có: Giả sử có được một hai thì cũng tốt! Còn kể được là đạo tràng. Nếu một người cũng không có thì câu này làm sao nói ra được? Bảo ta mở miệng nói thì có ý vị gì chẳng?

Các ông hãy nghĩ xem, ta thấy các ông đều có ý nói: “Nhà chùa thật làm khó chúng tôi lắm! Đã được tám thất thì thôi, vì sao phải thêm hai thất nữa! Đây không phải là làm khó chúng tôi sao? Còn nói cho dễ nghe là thành tựu cho chúng tôi! Thành thực chẳng cần nhà chùa thành tựu, giải thất sớm được chút ít để cho chúng tôi được nghỉ ngơi còn sướng hơn”. Đâu còn đòi chuyện tinh tấn, dũng mãnh nữa! Muốn cho sung sướng, thích ý mới đúng. Đúng không?

Các ông nghĩ xem như thế còn là người hành đạo chẳng? Các ông còn phải thành thực chịu thêm

một phen khổ sở, sự ham sung sướng, thích ý, tuyệt đối là không được. Hãy đề lên câu thoại đầu mà tham đi thì mới được sự thọ dụng. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 16 tháng 11 (Thất năm ngày thứ ba)

“Một niệm bất giác sanh tam tế, cảnh duyên mới động thành lục thô!”. Chuyện trong Thiền Tông chẳng cần hỏi đến căn trần, ngũ thức, lục thức, thất thức, bát thức, mà chỉ cần nói đến thô và tế. Đối với câu thoại đầu thì đương nhiên phải nói rồi: Vì đây là phương pháp phát minh cái bản hữu của chúng ta.

Mặc dù nó có thể phát minh được cái bản hữu, nhưng không nói cũng không làm cho chúng ta hành theo cách này được. Hoặc giả có người nói: “Đã có nói, có giảng không phải là Giáo Môn sao?” Các ông nghĩ thế là sai rồi! Điều mà trong Thiền Tông có nói, có giảng không giống như của Giáo Môn, cũng không giống với Thiền Tông; Trái lại thì cũng giống với Giáo Môn, cũng giống với Thiền Tông, giống như Phật, như Tổ, giống thì hết thảy đều giống, đồng thì hết thảy đều đồng.

Hôm nay giảng về sự “Thô” với các ông: Trong Thiền Tông vốn cái “Tế” cũng còn bất khả đắc thì

còn nói gì đến “Thô”? Kỳ thực là phương tiện của phương tiện, vì các ông là người trung hạ cǎn cho nên không giảng không được; Người thượng cǎn lợi trí thì mau chóng nhập thẳng vào chǎng chờ nói “Thô” với “Tê”.

Thế nào là người trung hạ cǎn? Bởi vì so với người thượng cǎn thì kém một tí cho nên gọi là người trung hạ cǎn. È rằng gọi là người trung hạ cǎn còn là khách sáo với các ông. Tại sao vậy? Cái thô này các ông có biết chǎng? Nó là cái gì? Lớn hay nhỏ? Tròn hay vuông? Các ông có hiểu được chǎng? Các ông hiểu được thì nói cho ta biết!

Các ông có được người như thế ta cho ông là người trung hạ cǎn; Sợ các ông không có một người nào biết, luôn cả cái hình bóng “Thô” này cũng không hiểu được thì đâu còn nói được là người trung hạ cǎn? Nói là người hạ cǎn còn là miễn cưỡng, nói là trung hạ cǎn là khách sáo đấy! Nhưng mà cứu cánh cái “Thô” này là cái thế nào? Được bao to? Sợ còn không dễ gì biết được. Ta cho các ông biết, sợ không dễ gì biết được rõ.

Nói sơ lược để các ông nghe: Hôm nay các ông dụng công mà dụng không xong ấy là thô, không tin dụng công ấy là thô, không tin câu thoại đâu là thô, nghi tình không nổi lên được cũng là thô, sợ chịu khổ là thô, muốn sung sướng cũng là thô, ông nói nó được bao lớn? Loài hữu tình lớn nhất là Kim Xí Điểu

cũng chẳng to được như nó. Loài vô tình: Núi to, biển lớn cũng chẳng to được như nó.

Nó đã có cái to như vậy thì làm sao không thấy? Bởi vì tất cả chúng ta đều ở trong cái thô. Tỷ như mặt trời trên không tuy có mây trắng che lấp, nhưng cũng có ít nhiều ánh sáng; Giả sử có một đám mây đen che khuất cả, đưa bàn tay ra cũng nhìn không thấy gì; Giả sử có một người suốt đời ở trong chốn tối tăm này sống qua ngày, một chân bùn, một chân cút chó, hỏi đến anh ta “Dưới chân là bùn lầy chăng?”. Anh ta đáp “Phải.” Lại hỏi “Còn có cút chó hay không?”. Anh ta đáp: “Không có, đây là bùn”. Chân đẹp cút chó mà cho là đất bùn cũng không biết, rốt cuộc hỏi anh ta đất bùn là cái gì thì anh ta lại không mở miệng được.

Tại sao vậy? Vì từ trước đến giờ chưa thấy được qua thì làm sao biết được là cái gì? Cũng bằng sự tham thiền trong chúng ta, như mặt trời trên hư không, vì bị nghiệp chướng che khuất mới tựa như một đám mây mù. Ngày nay đã tạo nghiệp, ngày mai cũng tạo nghiệp, lâu dần đi rồi thì cũng như mây đen thôi, giống như mây đen làm cho ánh sáng bỗn lai của chúng ta bị che khuất hết. Hôm nay hỏi đến ông: “Thô là cái gì?” không mở miệng được vì không thấy qua thì đâu có biết được? Cũng như thấy bùn ở chỗ đen tối vậy.

Các ông nghĩ xem: Bị cái thô chướng này làm cho ánh sáng bỗn lai của các ông bị chướng ngại hết. Hôm nay ở tại nơi này còn cứ cho là: "Tốt lắm". Từ trước đến nay ông đều ở trong cái chướng này, ngay cả cái chướng này cũng không hiểu được, còn đâu mà nói thô với chẳng thô!

Câu nói trong thô ngoài thô này còn ẩn được chẳng? Hôm nay bảo các ông việc thiên hạ không cần tin, cần tin cái tự nơi mình, các ông tại sao không tin chính mình? Ấy là bị thô chướng nó làm chướng ngại rồi!

Bất cứ pháp môn nào cũng không cần ông tin, chỉ cần các ông tin cái phương pháp của câu thoại đầu này, các ông còn không chịu tin, tại sao vậy? Cũng là bị thô chướng làm cho chướng ngại rồi!

Nếu các ông là người có chút ít tri thức hướng thượng, có lòng kiên quyết thoát sanh tử, nói rằng: "Thiên hạ bị nó làm chướng ngại thì có thể được, chứ ta thì không thể nào bị nó làm cho chướng ngại, nếu ta bị nó làm cho chướng ngại thì ta còn được kể là người tham thiền sao?". Cứ tự mình thương lượng kế hoạch với mình, cũng không phải là việc kỳ lạ, cũng chẳng phải là việc khó, ấy là không tin vào mình, không tin vào câu thoại đầu.

Hôm nay ta không tin không được, cho ông có bị rất nhiều chướng ngại đi nữa, ta vẫn muốn đả phá

ông; Không có việc khác, chỉ cần tin câu thoại đầu thì có thể đả phá được sự chướng ngại. Bị nó làm cho chướng ngại rồi thì chẳng tin, không bị chướng ngại thì tin liền, điều này thật rõ ràng.

Ta nói như vậy các ông người có đạo tâm dương nhiên có chỗ lãnh hội. Ta nói những người chưa tin câu thoại đầu, thì xin hãy tin lấy câu thoại đầu chốc lát, đề lên mà tham, đợi đến khi các ông biết được ít mùi vị thì biết là khác rồi!

Tại sao vậy? Nếu ông tham câu thoại đầu chốc lát, chẳng minh bạch thì cứ truy cứu chỗ này: Là người nào? Đáo để là ai? À! Dường như có món đồ vật, đại khái tức là chính ta vậy! Lại tham cứu nữa, không sai! Chính là ta! Tuy không hoàn toàn tin song chung quy bị ta thấy một tí cũng như mặt trời bị mây đen che trên không, bỗng đâu mây đen tan đi chỉ còn mây trắng vậy.

Như thế thì mặt trời bị mây trắng che còn có thể thấy được, thì cái bản lai diện mục của ta đã bị cái chướng che khuất cả; Ngày hôm nay có dẹp được chút ít chướng ngại đương nhiên sẽ thấy được chút ít, không được hoàn toàn rõ ràng cũng như có một chút mây trắng vậy.

Từ sau khi tự mình thấy được, ấy mới là thực tế, từ vô lượng kiếp đến nay chưa từng thấy qua lần nào, các ông hôm nay đã thấy được “Mình” rồi. Ta

hỏi ông lần nữa: “Có tin câu thoại đâu chăng?” Các ông nhất định nói: “Không tin! Ta thấy được mình ta thì thôi! Còn tin câu thoại đâu làm gì?”

Các ông lại sai rồi! Các ông thấy được mình, tại sao mà thấy được? Các ông phải hiểu: Tham câu thoại đâu một phen chịu khổ sở, hôm nay cũng mài, ngày mai cũng giữa; Bản thân các ông là do cái khổ của tham câu thoại đâu mới thấy được. Nếu các ông không tin nó thì chẳng phải là vong bản sao? Các ông hãy nghĩ: Đúng hay không đúng? Chúng tôi câu thoại đâu là phương pháp trừ bỏ cái thô chướng của chúng ta. Ấy là phương pháp làm rõ bản lai diện mục của chúng ta.

Nếu muốn phát minh cái bản hữu liễu thoát sanh tử mà không nhờ tham thoại đâu thì không được. Các ông hãy phát tâm! Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 17 tháng 11 (Thất năm ngày thứ tư)

Việc lúc sống mọi người đều biết, đều tin; Việc sau khi chết, ai cũng chẳng biết, chẳng tin. Vì việc lúc sống đều tự mình mắt thấy thì không thể không tin. Việc sau khi chết vì chưa thấy đến cho nên không tin.

Các ông cho là: “Cái xác thân này của ta là rất tốt, không thể không yêu quý nó. Tương lai có được sự thọ dụng bảy, tám chục năm”. Đây là điều các ông tin tưởng nhứt! “Việc sau khi chết tôi chưa thấy thì thầy bảo tôi tin cái gì?”. Đại khái người người đều có cái tri kiến ấy.

Các ông cho bảy, tám chục năm là dài lăm; Các ông phải hiểu được là: Thời gian bảy, tám chục năm trường của các ông so với thời gian chịu quả báo sau khi chết thì chỉ bằng một tích tắc mà thôi. Khảo cứu đến điểm này ta thử so sánh một chút: Có thể kể cái thời gian bảy, tám chục năm này như chớp mắt , còn thời gian sau khi chết mới là trường kỳ. Nhưng sự sinh hoạt trường kỳ là do ta ở trong thời gian chớp mắt này tạo thành, tạo ra cái sinh hoạt gì thì phải hỏi một niệm hiện tiền của chúng ta là niệm gì. Niệm cố nhiên rất nhiều, chúng ta không cần nói nhiều nữa, chỉ nói đến một niệm thôi!

Cái niệm này cảm được quả gì? Người xưa nói: “Tơ hào hệ niệm, tam đồ nghiệp nhân”. Tam đồ là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh. Các ông nghĩ xem: Nỗi lên một chút xíu hệ niệm thì phải chịu lấy cái quả to lớn như vậy, còn nói suốt ngày nỗi vọng tưởng, nỗi nghiệp thức thì sao? Cái cảm quả như vậy ta thực không muốn nói.

Hơn nữa, các ông hãy nghĩ qua bảy, tám chục

năm suốt ngày cứ nỗi nghiệp chướng; Diêm Vương đâu còn tha ông nữa. Diêm Vương gọi các ông đi, các ông phải đi liền, trễ một phút cũng không được; Cũng như đầu một sợi dây buộc vào mũi các ông, đầu kia thì ở tay Diêm Vương. Diêm Vương nắm lấy dây lôi thì các ông phải bước, lúc ấy thì không còn khách sáo nữa, sợ khi so với chúng ta lôi trâu còn lợi hại gấp mấy chục lần!

Diêm Vương lôi các ông đi, bảo các ông biến thành trâu thì phải thành trâu, bảo biến thành ngựa các ông phải nhanh chóng biến ngựa; Các ông có bản lãnh bao nhiêu đi nữa cũng không được tự do. Kêu ông đi ông phải đi, tạm dừng một chút không được, muốn không đi càng không được nữa.

Tiếc thay! Lúc bấy giờ chúng ta chịu khổ, chẳng phải do mình nữa. Nhưng biến thành trâu một lần thì cũng chịu được, sợ rằng biến rồi lại biến nữa cho đến xương chất thành núi, sau khi thoát khỏi hình trâu thì mới biến ra cái khác được. Kỳ hạn dài vô cùng, không phải ta nói ra để dọa các ông!

Ngày xưa có một vị Tỳ Kheo già tụng kinh Kim Cang, tiếng tụng không hay, vị này đã chứng được bốn quả, tiếng người lớn tuổi đương nhiên là nghe không hay. Một vị Tỳ kheo trẻ đứng bên nói: “Tiếng thầy tụng kinh nghe như tiếng chó sủa vậy!”

Vị Tỳ Kheo già ngay lúc ấy nói: “Thầy nói câu

này, tương lai sẽ đọa địa ngục rồi, còn phải biến thành chó nữa”. Vị Tỳ kheo trẻ nghe nói kinh sợ quá bèn nhanh chóng cầu sám hối, khóc than khôn xiết.

Vị Tỳ kheo già nói: “Thầy sám hối như vậy thì có thể thoát được địa ngục, nhưng không thoát thân làm chó được”. Qua bảy ngày sau vị Tỳ kheo trẻ chết. Diêm Vương bắt ông ta làm chó, ông ta còn hỏi Diêm Vương: “Tại sao tôi phải biến thành chó?”. Câu hỏi chưa dứt thì ông đã biến thành chó rồi; Về sau xương của các kiếp làm chó chất thành đống cao lớn bằng núi Tu Di.

Các ông hãy nghĩ xem: “Quả báo của câu nói như thế đấy! Đây không phải là chuyện ta đặt, đó là sách vở người xưa chứng minh, các ông không thể không tin được. Mọi người các ông hãy nghĩ: Cái sợi dây của Diêm Vương buộc vào mũi chúng ta có lợi hại không? Cho các ông có bản lĩnh to bằng trời phỏng có thể đào thoát được không? Các ông quả có muốn tránh khỏi, quyết không muốn đến chỗ của Diêm Vương cũng không phải là việc khó, muốn không đi thì không đi, việc thật dễ dàng; Sự các ông còn có điểm không tin: “Diêm Vương lợi hại như thế, bản lĩnh ngất trời cũng không thoát được tay ông ta, thầy còn bảo dễ thì tôi tin vào đâu được?”

Ta muốn nói một bằng chứng xác thật cho các

ông nghe thì biết: Về trước có Kim Bích Phong bắn lịnh thật lớn, mùa hè đến nghỉ ở núi Thanh Lương, mùa đông đến nghỉ ở phương Nam, sung sướng lắm. Ngày nọ Diêm Vương gọi tiểu quỷ đến bắt, phải mất nhiều thời gian mới bắt được, ông ta là người có bắn lịnh, bèn hỏi tiểu quỷ:

- Người bắt ta để làm gì?

Tiểu quỷ nói: Diêm Vương bảo ta đến bắt người.

Kim Bích Phong nói: Người có thể từ bi cho ta được bảy ngày không? Khi người trở lại thì ta sẽ đi cùng.

Tiểu quỷ nói: Không được!

Khẩn cầu ba lần, tiểu quỷ cũng có lòng từ bi, nói:

- Được, có thể cho người được bảy ngày, hãy đi đi, bảy ngày ta sẽ trở lại.

Thấy tiểu quỷ đi rồi, sau ông ta liền đề câu thoại đầu lên, ra sức tham cứu “Cứu cánh là ai? Đáo để là ai?” cho có bở mạng cũng không buông.

Đến ngày thứ bảy, tiểu quỷ trở lại, chỗ nào cũng tìm, trên trời dưới đất, trong ngoài hư không đều tìm khắp mà tìm không ra.

Ông ta ở trên hư không nói: Diêm Vương bắt ta Kim Bích Phong, như lấy xích sắt xích hư không, xích sắt xích được hư không rồi thì mới bắt được ta Kim Bích Phong.

Hay thực, các ông thử nghĩ: Bản lĩnh các ông có lớn hơn nữa thì trên trời tránh không được, dưới đất thì khỏi nói; Không tránh được trong hư không, ngoài hư không cũng tránh không được, duy có câu thoại đầu mới có thể tránh được. Tránh trong câu thoại đầu mặc cho bản lĩnh của Diêm Vương có to lớn hơn nữa cũng chẳng làm gì được. Phật Thích Ca cũng chẳng làm gì được! Như thế câu thoại đầu có phải là cần thiết chăng? Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 18 tháng 11 (Thất năm ngày thứ năm)

Mới phát tâm dụng công thì sợ vọng tưởng, dụng công lâu rồi thì sợ hôn trầm, đó là lý lẽ gì vậy? Bởi vì các ông hoàn toàn sống trong hôn trầm và vọng tưởng, nói sợ hôn trầm vọng tưởng thì cái “Sợ” ấy cũng do hôn trầm vọng tưởng tạo ra.

Sợ vọng tưởng mà không nỗi vọng tưởng thì vọng tưởng hãy còn! Sợ hôn trầm mà không rơi vào hôn trầm thì hôn trầm vẫn còn là hôn trầm! Các ông có hiểu không? Đại khái không phải là chuyện dẽ!

Dẫu có thể nói các ông hiện tại dụng công đả thất một cái thất đả hơn lúc bình thường ba năm, nhưng cái câu nói dụng công thì đủ thứ sai khác. Có

bốn thứ sai khác: Thân tinh tấn tâm chẳng tinh tấn, thân tâm đều tinh tấn, tâm tinh tấn thân chẳng tinh tấn, thân tâm đều chẳng tinh tấn.

Thế nào là thân tinh tấn? Ấy là đi nhiều hương và tọa hương không giống nhau: Nhiều hương thì chạy như bay, tọa hương thì bên ngoài tốt lắm nhưng trong tâm lại hôn trầm, vọng tưởng. Tâm tinh tấn thì trên tâm suốt ngày câu thoại đầu sáng sủa rõ ràng, bề ngoài thì cứ nhiều hương, tọa hương rất bình thường. Cái loại người thân tâm đều chẳng tinh tấn này không cần nói nhiều, lục đạo luân hồi là hang ổ của họ.

Thế nào là thân tâm đều tinh tấn? Loại người này đi hương tọa hương thì có tinh thần, trong tâm thì trong sáng, chẳng giờ khắc nào rời câu thoại đầu. Nếu dụng công phu suốt ngày như vậy thì đã một thất hơn cả ba năm lúc bình thường.

Nói như vậy có phải là không vượt qua loại người tâm tinh tấn thân không tinh tấn chẳng? Giả sử chỉ nói với người thân tinh tấn ấy thì còn phải vượt qua nhiều hơn ba mươi năm nữa! Còn người thân tâm đều không tinh tấn thì khỏi nói!

Ta tuy nói thế là muốn các ông theo cái hành của tâm mình mà thảo luận qua, trong kỳ thất là loại tinh tấn nào, chẳng phải là việc nhỏ đâu! Phàm là người có tâm dụng công thì phải kiểm thảo. Đối với

người một năm 360 ngày, ngày ngày thân tâm đều tinh tấn, thì các ông chẳng phải nói đến một thất, mười thất, dù có nhiều hơn nữa cũng không thể vượt qua họ được. Mọi người cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng, không phải qua loa cho xong chuyện đâu, đừng nói chuyện bình thường mà ngay cả đả thất cũng vậy.

Nhưng các ông đã đả được năm thất rồi, cái tinh tấn trên thân mình đã buông bỏ lâu rồi, đến lúc nhiều hương hai gót chân không lê được, lúc ngồi hương cứ vặn lưng thì phải bỏ mất công phu, suốt ngày cứ buộc mình lê chân vặn lưng như thế.

Hỏi đến các ông câu thoại đầu thì lại nói: “Tham đủ rồi! Chẳng làm ra được cái gì cả. Nỗi nghi tình đã rồi, nỗi một lần không được, nỗi nữa lại cũng không xong. Đã rồi, với thân tâm, với câu thoại đầu, với nghi tình nói chung là đã rồi, công phu hoàn toàn quăng bỏ hết!”.

Đây cũng là việc tốt nhưng phải hết sạch mới tốt, e rằng các ông quăng bỏ được hết ở đầu này thì đầu kia lại chất đầy lên, thế thì chỗ nào hết sạch được? Chung qui có một đầu: Không ở đầu này thì ở đầu kia.

Rốt cục đầu kia lại chất đầy cả ra thì là đồ gì? Không ngoài nỗi vọng tưởng, nỗi nghiệp chướng. Đã đả được năm thất rồi các ông lại đem câu thoại đầu quăng bỏ đi không lo việc dụng công, vọng tưởng

này nghiệp chướng kia nhiều lắm! Mười năm, hai mươi năm về trước cho đến việc khi còn nhỏ đều nhớ hết mà nổi lên, nổi mãi như thế cũng thấy rất có mùi vị. Cần phải nổi cho gấp!

Các ông đứng nơi này nghe thấy lời ta nói có đúng không? Các ông là người như thế, hai chữ tinh tấn còn xứng đáng không? Dụng công phu không xong thì còn có việc gì, đương nhiên chỉ là nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng mà thôi. Các ông nổi loại vọng tưởng cùng nghiệp chướng này lên, ngay cả hình hài của các ông cũng quên luôn đi. Thượng Hải, Nam Kinh, đỏ xanh, nam nữ tận sức mình mà cứ nổi ra mãi.

Trước khi chưa đả thắt, lúc dụng công tựa hồ như có chỗ nắm lấy, trong tâm vọng tưởng nổi lên còn có giới hạn. Nay đả thắt đừng nói đến chuyện khai ngộ, đối với sự công phu các ông một tí cũng chẳng có thì cái vọng tưởng cứ mãi như thế thì ta thật tiếc cho các ông! Tiếc đến tràn nước mắt! Trước khi chưa dụng công, nghiệp chướng cao như núi Tu Di, dày như đại địa, hiện tại lấy câu thoại đầu hôm nay cũng mài, ngày mai cũng mài tựa như bớt đi một tí; Hôm nay bỗng nổi mạnh lên một cái e rằng so với trước còn cao, còn dày hơn.

Thí dụ như một người mắc nợ lâu, hôm nay nghĩ cách trả, ngày mai cũng nghĩ cách trả, trả nhiều lần rồi chỉ còn chút ít, thình lình đi cờ bạc thua hết một

số lớn hơn, có đúng không? Vậy vọng tưởng nghiệp chướng còn được cho nó nổi lên không? Dụng công phu không xong còn được mặc kệ nó không?

Nhưng hiện tại các ông nổi nghiệp chướng lên mà quên cả bốn phận tham thiền, một ngày kia cũng có thể quay đầu trở lại; Đã lâu đi rồi, nổi lâu đi rồi thì một ngày kia nổi đã thôi; Quay đầu lại mới biết ta là một người xuất gia, là ở thiền đường chùa Cao Mân! Người đến lúc ấy mới hiểu được thì đã trễ quá rồi, cho nên muốn các ông giác ngộ sớm một chút thì mới tốt, nợ kéo dài thì phải trả nhiều, nghiệp chướng nổi nhiều thì phải thêm nhiều sanh tử. Còn có chuyện gì khác để nói nữa!

Lại nữa, vọng tưởng, nghiệp chướng lúc này không cho nổi thì đến trong tương lai sẽ có một thời kỳ còn muốn cho các ông nổi, không nổi không được, bây giờ nổi thì có tội, lúc bấy giờ nổi thì không có tội, lại còn có công. Tại sao vậy? Đây là trình tự công phu của các ông, hành đến chỗ ấy là việc của chỗ ấy.

Lúc nào thì có thể nổi vọng tưởng được? Là lúc các ông cần công phu đến chỗ “Lạc đường tự tại” (*Công phu thành khôi*), lúc ấy các ông không nổi còn muốn các ông nổi, không nổi không được.

Giả như không nổi cũng không đúng, không phải là việc của Thiên tông tồi. Tại sao vậy? Công phu của các ông dụng đến lúc ấy nếu chẳng nổi thì bị

công phu làm chướng ngại đi. Các ông có hiểu được chăng? Cái công phu ấy gọi là “Lạc đường tự tại” ấy là cảnh giới gì? Ấy là đem câu thoại đầu đề lên giống như nổi vọng tưởng trong hiện tại vậy.

Hiện tại suốt ngày cứ ở trong vọng tưởng, không nổi vọng tưởng cũng ở trong vọng tưởng. Lúc ông công phu đến chỗ “Lạc đường tự tại”, nhô đầu ra cũng là câu thoại đầu, động niệm cũng là thoại đầu v.v... Nói chung, muốn khởi lên một niệm khác cũng làm không được; Công phu đến chỗ này, vọng tưởng muốn nổi, nổi không được, nghiệp chướng muốn nổi, nổi không được, cho dù trời xoay đất sụp muốn rời câu thoại đầu cũng rời không được.

Nhưng trụ ở chỗ này cũng không đúng mà cần phải hướng về trước để tiến lên. “Làm sao hướng về phía trước, trời xoay đất sụp muốn động cái niệm thoại đầu cũng không được thì làm sao tiến về phía trước được?”.

Nếu không có chỗ đi không cần các ông đi, lúc bấy giờ mới cho các ông nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng; Nổi cho gấp cho nhanh lên, càng nhiều càng tốt. Tại sao vậy? Lúc này nổi một vọng tưởng thì bớt một vọng tưởng, nổi một nghiệp chướng thì bớt một nghiệp chướng. Vọng tưởng nghiệp chướng nếu không nổi thì bị công phu che lấp, như thế là không được, cần phải nổi cho hết rồi mới được vô sự.

Tỷ như một ổ trộm lớn có năm, sáu tên suốt năm ăn trộm đồ của người ta; Hôm nay ăn cắp một bình trà bỏ trong nhà, ngày mai ăn cắp một hủ rượu bỏ trong nhà, kẻ ăn cắp dù, kẻ ăn cắp nón; Tất cả đều chất đầy trong ổ. Ăn cắp lâu rồi có một ngày bị người ta hàng phục, đầu hàng xong thì rất tốt, rất thái bình. Đầu cho tốt nhưng tang vật vẫn còn, hang ổ cũng còn. Nếu không lôi ra tất cả tang vật, đập bể hang ổ thì không lâu bọn kẻ cắp sẽ muốn trở về nữa.

Các ông đem tang vật quăng đi hết rồi đốt rụi cả hang ổ, bọn kẻ cắp có trở lại cũng vĩnh viễn không có chỗ nào để ở cả, đó chẳng phải là được vĩnh viễn thái bình sao?

Công phu cũng như việc tiểu trừ bọn kẻ cắp. Bọn kẻ cắp là gì? Là nhẫn, nhī, tỵ, thiệt, thân ý của các ông, đồ ăn cắp là vọng tưởng, nghiệp chướng, người tiểu trừ kẻ cắp là câu thoại đầu. Hôm nay cũng tham, ngày mai cũng tham; Đầu tiên, lực lượng của cảnh giới bên ngoài và vọng tưởng bên trong rất lớn, mắt hễ động thì đánh mất câu thoại đầu, lỗ tai hễ động cũng đánh mất câu thoại đầu, cho đến tỵ, thiệt, thân, ý hễ động thì cũng như vậy. Dụng công lâu rồi con mắt đầu cho động thế nào câu thoại đầu cũng còn, lỗ tai động, thoại đầu cũng còn, cho đến thân ý động, thoại đầu cũng còn, cũng như bọn cướp hàng rồi thì công phu “Lạc đường tự tại”.

Mặc dù công phu “Lạc đường tự tại”, kẻ trộm đã hàng nhưng tang vật còn đó, hang ổ cũng còn đó, cho nên muốn các ông nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng nữa, nổi một cái bót một cái cũng như đem tang vật từng món từng món một bỏ ra ngoài. Đem bỏ hết rồi thì có thể đập phá ổ hang, lúc phá xong rồi thì mới là thật sự thái bình.

Nhưng ta muốn hỏi các ông: Sau khi thái bình còn có việc làm chẳng? Sợ các ông lại không hiểu được nữa! Thế thì cái công phu “Lạc đường tự tại” các ông còn chưa dụng đến thì việc phá hang ổ bỏ hết tang vật lại càng chưa dụng đến được thì cho có nói thêm việc gì về sau cũng vô dụng. Đợi khi công phu các ông dụng đến chỗ đó rồi thì ta mới nói cho các ông biết.

Bây giờ trở lại nói về công phu hiện tại của các ông, ấy là công phu dụng không được, vọng tưởng không nổi không được, nghiệp chướng nổi rồi còn nổi nữa, lấy câu thoại đầu hàng phục nó mà hàng phục không xong; Một lần, hai lần không xong, kết cuộc không có biện pháp.

Các ông muốn hàng nó; Một khi cái tâm muốn hàng phục nó nổi lên thì lại là vọng càng thêm vọng, nghiệp càng thêm nghiệp thì làm sao hàng phục nó được? Nay chỉ cần các ông không ngó tới

nó, không hỏi nó, không hàng phục nó, không đè ép nó, chung qui cứ lấy câu thoại đầu của ta mà tham, cứ tham mãi tự nhiên sẽ được lên đường. Đây là việc rất cần! Rất cần! Các ông hãy phát tâm tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 19 tháng 11 (Thất năm ngày thứ sáu)

Theo quá trình công phu đại khái có ba thứ: Thứ nhất là cực lạ, thứ nhì là cực quen, thứ ba là phi phàm phi Thánh. Ba cái này bao gồm tất cả quá trình dụng công của các ông. Dù công phu dụng đến thế nào cũng không ngoài ba thứ này.

Công phu cực lạ các ông đều rõ thấy được rồi. Thoại đầu tham không vô, muốn tham thoại đầu thì các ông bị vọng tưởng ngăn chặn, đề một câu nữa thì vọng tưởng nổi mạnh lên, bị sức mạnh của vọng tưởng nổi lên cướp đoạt một hai cây hương, cho đến liên tiếp cả một ngày cũng không chấm dứt. Bất chợt nhớ lại câu thoại đầu, đề lên được một hai lần thì hôn trầm lại nổi lên, ngủ quên cả nửa ngày mới biết, khi sự tỉnh đề lại câu thoại đầu thì nghiệp chướng, âm thanh, sắc tướng và nhức ngứa trên người v.v... đều là nghịch cảnh làm cho câu thoại đầu bị đánh mất. Đó là lý gì? Bởi vì chúng nó quá quen thuộc còn công phu thì xa lạ quá; Kỳ thực tham

thiền không có gì kỳ lạ, chỉ cần lấy câu thoại đầu đề lên thường xuyên và khởi nghi tình tham liên tục.

Hiện nay đã đả được năm thất rồi, không được bảo là cực lạ, nhất định phải có chút tiến bộ, dù chưa đạt đến chỗ cực quen, nhưng công phu đã dụng như vậy dấu cho là lạ cũng cứ đề lên thoại đầu, dùng buông thả, lâu dần trong một ngày thì có nửa ngày công phu, trong nửa ngày còn lại dù cho màu sắc, âm thanh, vọng tưởng làm đối nghịch, nhưng nửa ngày kia đã được nắm chặt lại. Trên công phu xét kỹ xem đắc lực hay chẳng đắc lực, cũng như “Niệm Phật là ai”, không hiểu rõ phải hỏi nữa. Đáo để là ai? Truy cứu không xong không thể bỏ qua, phải tự hỏi cho đến minh bạch mới buông tay.

Cứ như vậy mà hỏi thẳng, không minh bạch nhất định không ngừng nghỉ. Hỏi mãi như thế, khi quay đầu nhìn lại sẽ thấy công phu có phần đắc lực, lại tiếp tục kiểm điểm cái thân này còn có hay không?

Tựa như chuyện trong thân mình và ngoài thân mình đều không có liên hệ. Xét kỹ thêm một tí sẽ thấy hình như thân thể không có, vậy thân thể tôi không có thì âm thanh, sắc tướng, nhức ngứa làm sao có được.

Công phu hành trì thỉnh thoảng dấu thấy trên thân thể không có nhưng hình như còn có một hai

cái vọng tưởng nghiệp chướng thình lình xảy ra, vậy thì thế nào? Vì tâm chưa bỏ được, cần ôm câu thoại đâu, không được buông. Cứ tham mãi mãi vọng tưởng nổi lên không được thì hình ảnh của nghiệp chướng cũng mất tiêu luôn.

Chỉ có cái chỗ không minh bạch của câu thoại đâu, đến được chỗ này rồi thì tâm cũng bất khả đắc, thân quên hẳn, tâm cũng quên hẳn; Thân tâm đều quên dù cho sắc tướng đẹp thế nào, âm thanh hay thế nào, nếu không có thân thể thì nó dung thân ở đâu? Tình ái sâu thế nào, nhiều đến đâu mà không có tâm thì nó nương vào đâu để an thân? Thân tâm đều bất khả đắc có thể gọi là công phu hiện tiền còn gọi là công phu cực quen.

Cực lạ là phàm phu, nhưng cực quen không phải là Hiền Thánh, cũng không phải đến chỗ phi phàm phi Thánh. Công phu hiện tiền là cảnh giới gì các ông tự mình đều cần đạt đến chỗ đó thì mới thấy được, ta nói mà các ông không đi đến thì cũng bằng không.

Thật tội nghiệp cho các ông, đối với việc dụng công mà không nắm chắc tí gì; Nếu ta không nói sơ cho các ông biết một chút cũng không được. Sự dụng công hiện tiền, tức câu thoại đầu hiện tiền, dù đi, đứng, nằm, ngồi, nổi vọng tưởng, nổi nghiệp chướng đều là câu thoại đầu, cũng như lúc cực lạ của các ông suốt ngày chỉ có nổi vọng tưởng, đi, đứng, nằm, ngồi

dều trong vọng tưởng, cử tâm động niệm ở trong vọng tưởng, mặc áo, ăn cơm ở trong vọng tưởng, đề câu thoại đâu cũng là vọng tưởng, sơ vọng tưởng, trừ vọng tưởng lại là thêm vọng tưởng.

Hôm nay, công phu hiện tiền tất cả chỗ nào cũng dều là công phu, dù nổi vọng tưởng nổi nghiệp chướng cũng dều là công phu, cái này tức là công phu hiện tiền, cũng là cực quen, chưa được kể là xong việc, còn phải là lạ bất khả đắc, quen cũng bất khả đắc, lạ quen đều bất khả đắc mới được gọi là đến chỗ phi phàm phi Thánh.

Vậy thì trong khi công phu hiện tiền chỉ có câu thoại đâu; Các ông đừng tưởng sai lầm đi đến chỗ này rồi chỉ có chỗ không hiểu câu thoại đâu, chỉ có cái không minh bạch, không có chỗ suy nghĩ, cũng không phải cái không minh bạch mơ hồ hờ, cũng không phải cái không minh bạch cho qua loa; Như thế mới thực là công phu hiện tiền. Đó là lý gì?

Triệu Châu Thiền Sư nói: “Lão Tăng ba mươi năm chẳng tạp dụng tâm. Hễ biết mặc áo ăn cơm là chỗ tạp dụng tâm. Người trong thiên hạ ở chỗ minh bạch, chỉ có Lão Tăng một mình không ở trong chỗ minh bạch”. Đây là một bằng chứng xác thực. Vậy đến đây gọi là đến đích chưa? Chưa, chỉ có thể nói là cái bánh xe sanh tử ngưng lại rồi, không xoay chuyển chứ chưa đạt được đến cuối cùng, cần phải

tiến thêm một bước, đến lúc ấy ta mới nói được chuyện bình thường trong gia đình, kể được việc trong nhà, nhưng việc đang nói bây giờ không phải là việc trong nhà mà coi là việc đang đi đường.

Các ông vẫn chưa hiểu được sự việc dưới cửa Thiên Tông, chuyện Phàm phu thành Thánh Nhơn; Đó không phải là việc cứu cánh, không phải là chỗ đặc biệt của Thiên Tông. Sao vậy? Địa vị Thánh Nhơn là việc ở giữa đường, việc đến nhà vẫn còn cách xa một khoảng đường, các ông có hiểu tí nào không? Nếu đi được đến chỗ này mới cho là đúng việc của Thiên Tông, là chỗ đặc sắc của Thiên Tông. lời này chỉ có Thiên Tông được nói, ngoài ra không pháp môn nào được nói.

Vậy sau khi cực quen rồi dẹp từng lớp từng lớp mãi, dù nói các ông nghe đại khái không dễ gì lãnh hội được, chỉ là từ lạ chuyển thành quen, người ít thiện căn sẽ còn chút ít ngại khi nghe như vậy.

Ta nói thêm một thí dụ: Chúng ta ở trong thiền đường lâu ngày, nhiều hương, tọa hương không còn lạ gì, bỗng có người ngoại quốc lỗ mũi cao, mắt sâu, đầu tóc đỏ, thân to lớn, tất cả đều khác với chúng ta; Ta nhìn nó, nó lại nhìn ta, ta thấy nó quái lạ, nó thấy ta cũng quái lạ. Mình đi vào, nó cũng đi theo vào; Ra, nó cũng theo ra; Mình không nói chuyện được với nó, nó cũng không nói chuyện được với

mình. Một mình nó, nó không dám ngồi, không dám ăn cơm. Thời gian lâu mình nhìn nó mỉm cười, nó cũng nhìn mình cười; Lâu hơn nữa trao đổi được một vài câu qua lại, dần dần quen rồi không còn quái lạ, lâu ngày cùng nhau tham thiền. Lâu nữa, không xong! Nó lại sanh khi dễ chúng ta, rồi mỗi cử động đều phải nghe nó chỉ huy. Lâu ngày ngược lại mình phải lễ lạy nó, các ông tướng tượng xem trên thế gian có chuyện như vậy chăng?

Tình trạng thông thường hiện nay cũng đều như vậy, sự công phu hạ thủ cũng giống vậy. Người ở trong thiền đường cũng như vọng tưởng, nghiệp chướng từ lâu đã quen thuộc, câu thoại đầu như người ngoại quốc xa lạ, khi hạ thủ dụng công đề lên câu thoại đầu thì vọng tưởng xông lên cũng như các ông nhìn nhau với người ngoại quốc, lâu ngày quen thuộc đương nhiên cũng có thể tham được, không tham cũng được, nổi vọng tưởng cũng được, không nổi vọng tưởng cũng được, đó là cùng tham với nhau rồi, lâu nữa vọng tưởng đứng không yên vì câu thoại đầu đã làm chủ, làm vua. Trên đời phải có cái lý như vậy, dụng công phu cũng là như vậy.

Các ông thật đáng thương! Chỉ có một câu thoại đầu đến nay vẫn có người không tin, có phải khổ không? Chúng ta đều là người sáng suốt, ta khuyên các ông ở trên câu thoại đầu dụng khổ công thêm một

phen, chịu thêm nhiều oan ức, đối với sự hành đạo mới có thể có chút ít tương ứng nào đó, hãy tham dì!



KHAI THỊ

Ngày 20 tháng 11 (Thất năm ngày thứ bảy)

“Một niệm sai rồi trăm việc đều sai”, ta nói một niệm sai không những trăm việc đều sai mà ngàn việc, muôn việc, tất cả đều sai. Tại sao vậy? Cái căn bản sai thì cái chi nhánh làm sao không sai được! Căn bản này tức là một niệm hiện tiền của chúng ta, nếu một niệm này đúng thì ngàn muôn việc đều đúng, nếu một niệm này sai thì ngàn muôn việc đều sai.

Lục Tổ dạy: “Tự tâm bất ly giả, vô chân hà xú chân?” [Tự tâm chẳng lìa giả (*Đúng với sai, chân với giả đều là giả*), làm sao có chỗ chơn?] lời này đủ có thể chứng minh cái niệm hiện tiền của chúng ta có thể đúng có thể sai, nếu cái niệm này của chúng ta đã sai đi rồi thì sẽ tiếp tục mãi không ngừng.

Phải biết từ vô lượng kiếp đã sai đến ngày nay, phải chịu bao nhiêu đau khổ hôm nay mới được cái sắc thân này! Trong kiếp xưa không biết đã chịu bao nhiêu khổ, nếu mở mắt ra xem thì phải khóc than biết bao nhiêu? Cái sắc thân ở trong lục đạo, thân

nào mình chẳng có đầu thai qua? Cái đó đều do một niệm sai mới có.

Này các thầy! Nếu hôm nay không giải quyết chữ sai này đi thì cái khổ ở tương lai còn dài lắm, như nhắm mắt đi đường, một chân cao, một chân thấp, con đường này không phải dễ đi, thực là xa xôi vô tận! E rằng luôn cả cái lời nói xa xôi vô tận này cũng chẳng xong nữa! Tại sao vậy? Nếu các ông biết con đường này là xa xôi vô tận thì mới có thể nói là xa xôi vô tận. Nay các ông vốn chưa biết con đường này thì lời nói xa xôi ấy làm sao nói được?

Như thế, biết chữ “Sai” này là không tốt, các ông phải quay đầu lại mới đúng. Đại khái đối với chữ “Đúng” này các ông không dễ gì hiểu được. Ta hỏi các ông: “Tại sao nói chữ “Đúng” là việc tốt? Trong Thiền Tông thì không phải vậy, dù không phải vậy nhưng cũng là một con đường phải đi ngang qua.

Tại sao Thiền Tông nói không phải vậy? Sai tuy không phải là việc tốt, đúng vì đối với sai mà nói cho là tốt. Nhưng Thiền Tông không cho lấy sai làm đúng, cũng không cho lấy đúng làm đúng, đúng với sai đều không trụ mới là việc trong Thiền Tông.

Đã là đúng sai đều không trụ thì về sau còn có việc gì không? Có hay không, cần các ông phải tự mình lãnh hội, ta nói không được. Tại sao vậy? Nếu ta nói hữu sự thì các ông sẽ hướng về cái hữu sự mà

dụng công, hễ ta nói vô sự thì các ông sẽ hướng trên vô sự mà dụng công.

Cũng như người xưa nói: “Như người uống nước, lạnh ấm tự biết”, vậy thì làm một người như vậy cứu kính là người nào, cái người này ta có thể chỉ ra cho các ông: Các ông công phu đến chỗ này là rất thanh cao, có thể nói là “Không cùng với vạn pháp làm bạn”. Một người không làm bạn với hữu tình, cũng không làm bạn với vô tình, thực hành được như vậy là từ chỗ nào làm đến được? Là một niệm hiện tiền; Cái một niệm này đúng thì toàn thể đều đúng, cái một niệm này sai thì toàn thể đều sai.

Cái này các ông sơ còn chưa được rõ, vậy ta cần phải nói qua cho các ông biết: Việc thiền hạ đều không đúng! Chỉ có câu thoại đầu mới là “Thiệt đúng”. Tại sao nói câu thoại đầu là “Thiệt đúng”? Không những ta dám nói mà ta còn dám bảo đảm, các ông sơ còn có điểm không tin.

Ta dám nói bảo đảm không phải chỉ là nói suông đâu, đương nhiên là cần phải có chứng minh. Nay không kể người đời, thí dụ tôi hỏi Phật Thích Ca: “Tham câu thoại đầu có đúng chăng?”. Nếu Phật nói “Không đúng” thì tôi xin hỏi nữa: “Tôi nói tham câu thoại đầu là đúng ấy là nói với người đúng hay là nói với người sai, hay là nói với người lìa đúng lìa sai?”.

Cái câu hỏi này e rằng Phật Thích Ca cũng không trả lời được? Tại sao vậy? Vì tùy theo căn cơ chúng sanh mà giáo hóa, không như vậy không được. Nếu đối với người đã kiến tánh mà nói như tôi hỏi Phật, đương nhiên Phật có thể đáp, ngược lại nếu Phật hỏi tôi, tôi cũng có thể đáp. Vậy Phật Thích Ca không đáp được thì còn ai có thể đáp được nữa?

Mặc dù biết tham thoại đầu là “Đúng” vẫn cần phải các ông niệm niệm đều có nghi tình, tâm tâm đều có nghi tình mới được kể là “Đúng” được; Cái chữ “Đúng” này chúng ta nói đến đây là kết thúc.

Chúng ta dù nói niệm niệm đều có tham, tâm tâm đều có tham, vậy cần phải tham đến trạng thái nào mới được nói là niệm niệm đều có, tâm tâm đều có? Nên đem câu thoại đầu đặt ở trong tâm hỏi mãi, cứ cảm thấy không minh bạch thì cứ hỏi mãi không ngừng nghỉ, nghĩa là giữ nghi tình mãi không buông, cho đến độ người ta tọa hương ông cũng không biết tọa, người ta đi đại tiểu tiện ông cũng không biết hướng vào chỗ nào mà đi... đây tức là đi không biết đi, ngồi không biết ngồi. Cái không biết này chẳng phải là cái không biết mơ hồ, mà là trong tâm rõ ràng không biết, tức là nghi tình. Cũng như tham “Niệm Phật là ai?” cứ không biết là ai, suốt ngày

ở trong không biết đó cho đến đại ngộ mới thôi. Không ngộ cứ tham mãi. Các ông hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 21 tháng 11 (Thất sáu ngày thứ nhất)

Người dụng công phu tưởng rằng công phu của mình tốt lắm, có thể nắm vững được rồi; Lúc thân ngồi xuống, tâm cảm thấy nhẹ nhàng, công phu thì thanh thanh tịnh tịnh. Trong lòng cứ cho là: “Tốt lắm rồi, công phu của ta đã nắm vững được rồi”. Nhưng theo ta nói thì còn khổ não lắm! Trong chiêm bao cũng còn chưa thể mộng thấy!

Đối với người có công phu để dụng thì còn có thể nói là “Đắc thiểu vi túc”, nhưng ông phải hành đến chỗ đắc thiểu mới có thể nói như vậy được; Chỗ thiểu còn chưa đến thì làm sao gọi được là túc? Cái hành này của ông chẳng được gọi là người dụng công phu thì nói gì đến túc?

Vậy thì phải làm sao mới là người dụng công phu? Cần phải trong tịnh có công phu, lúc động cũng có công phu, động tịnh đều có công phu. Cái hành này phải thực hành ra làm sao vậy?

Nếu mà muốn dụng công phu ở trong tịnh cho

tốt, xong rồi mới bắt đầu dụng công phu ở trong lúc động thì như thế ba mươi năm, năm mươi năm cũng làm không tốt. Tại sao vậy? Tại ông lấy động, tĩnh chia làm hai phần riêng biệt thì làm sao cho tốt được?

Lúc động, lúc tĩnh, ở giữa động và tĩnh công phu đều phải được nắm vững mới có thể nói là động tĩnh không chướng ngại cho ông, ông cũng không bị động tĩnh chướng ngại. Nếu không nắm vững được ở chỗ này thì khi tĩnh dụng thì bị tĩnh chuyển, khi động dụng thì bị động chuyển; Làm sao ở giữa hai cửa động tĩnh mà công phu không đánh mất thì mới có thể nói: Động cũng không động được ông, tĩnh cũng không tĩnh được ông; Dù cho là đỏ, là xanh, là nam, là nữ đều không bị nó chuyển, mới cho ông là động tĩnh nhất như.

Mặc dù có công phu như vậy vẫn còn phải khảo sát một tí; Một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ còn có thể dụng công hoàn toàn như vậy được không? Giả sử không hoàn toàn dụng công được như vậy, xin hỏi: "Có mấy tiếng đồng hồ dụng công như vậy?" Nếu muốn có trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ có hai, ba tiếng không ở trong công phu thì ta không dám bảo đảm cho ông được liều thoát sanh tử, cũng không nói được ông có hy vọng khai ngộ".

Không những ta không dám đảm mà Phật

Thích Ca cũng không dám bảo đảm; Dù cho Phật Thích Ca đứng ngay chỗ này mà các ông có hỏi Phật: “Công phu cần phải một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ dụng công không gián đoạn chăng?”. Giả sử Phật nói: “Không cần! Một ngày có mươi tiếng để nghỉ ngơi, để nói chuyện”. Đúng lăm, ta muốn hỏi Phật: “Hai mươi tiếng dụng công phu là trông cái nhân gì? Năm, sáu tiếng nghỉ ngơi là trông cái nhân gì?” thì Phật Thích Ca có còn gì để mở miệng? Cho nên ta nói công phu cần phải dụng như vậy! Phật Thích Ca nhất định cũng nói phải dụng như vậy!

Vậy thì trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ công phu không gián đoạn, cái công phu này có thể kể được là đã đến nhà chưa? Chưa được đâu, còn sớm lắm! Mười phần công phu mới có được một phần.

Ta nói như thế các ông lại tưởng rằng: Công phu dụng đến chỗ này còn nói chỉ có một phần, việc trong Thiền Tông thực khó quá! Đúng thế! Bởi vì ông không có tri thức dụng công cho nên nói khó, nếu là người có ít tri thức đương nhiên không nói khó, cần phải dụng công như thế.

Tại sao cần phải dụng công như thế? Tại sao nói mười phần chỉ có một? Bởi vì suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ dù công phu của ông được thật đúng đắn, nhưng hễ có bệnh thì hỏng việc rồi! Các ông

nghĩ xem! Lúc có bệnh đã dụng qua công phu chưa? Công phu còn được đứng đắn không?

Bệnh thì chúng ta đều đã có bị qua rồi, đang lúc bệnh thì có dụng công hay không? Sợ ngay cả hình bóng cũng không có! Chúng ta nghiên cứu thử xem: Trong khi bệnh có cần dụng công hay không?

Nếu nói lúc bệnh không cần dụng công, các ông nói thì được chứ ta thì không dám nói. Theo ta, các ông muốn dụng công phu thì lúc bệnh cần phải dụng công phu đứng đắn hơn ngày thường chút ít mới được. Tại sao cần phải đứng đắn hơn? Đau nhức không biết đau nhức, khổ không biết khổ, chết ta không hiểu được, công phu rõ ràng minh bạch, dù cho trời có nóng hay là lạnh, ta một tí cũng không biết đến, chỉ biết sao công phu còn phải tốt hơn ngày thường, công phu ngày thường tuy là tốt nhưng không có thống khổ thì công phu vẫn chưa được cho là đắc lực. Vậy thì có thể nói: Động không đến ông, tĩnh không đến ông, bệnh nặng cũng không đến ông mới gọi là tốt!

Công phu này được đến chỗ cực điểm chưa? Cũng còn chưa đâu, chỉ mới có hai phần thôi. Nói như thế thì ra làm sao? Thực làm cho người ta không biết làm sao mà rờ! Thực khó thay! Ta muốn nói cho các ông biết, muốn các ông được thấy đến nơi đến chốn mới đúng: Dù cho là động

tịnh nhất như, bệnh cũng không động đến ông, ông còn ngủ hay không? Ngủ quên rồi lúc nằm chiêm bao thì công phu ra như thế nào?

Các ông tưởng tượng xem: Công phu có được đúng đắn không? Ta tuyệt đối không phải nói để làm khó cho các ông! Chiêm bao mọi người đều có trải qua, nếu trong khi ngủ quên mà nằm chiêm bao thì không còn dụng công.

Ta cho các ông biết, người xưa có nói: “Nghiệp thức mang mang, vô bản khả cứ” (*Nghiệp thức mênh mông, không chỗ căn cứ vào được*). Hai câu này là thế nào? Cứ theo lời nói như vậy thì lúc nằm chiêm bao nhất định cần phải dụng công. Nếu được trong khi ngủ mà không biết có sự ngủ thì làm sao nằm chiêm bao được?

Chiêm bao cũng là câu thoại đâu, không kể ngủ hay không ngủ, tất cả đều không rời công phu mới cho là nằm vững được phần nào, nhưng vẫn chưa thể nói là được mười phần. Tại sao vậy? Người xưa có nói: “Lúc tịnh công phu được mười phần thì lúc động chỉ còn một phần, lúc động công phu được mười phần thì lúc ngủ quên nằm chiêm bao chỉ còn một phần, lúc chiêm bao có được mười phần thì lúc đủ thứ khổ đều tụ lại, sinh tử đến ngay trước mắt thì lại chỉ còn một phần”. Đấy chẳng phải là lời ta nói ra đâu. Công phu tất cần phải dụng đến sự lâm

nguy cuối cùng có nǎm được mười phần, liẽu sinh thoát tử mới có phần của ông.

Công phu dụng lúc sống không thể dụng thảng đến sau khi chết, cho nên trước khi chết phải giải quyết cho xong sự sanh tử của chính mình. Ta nói như thế các ông cảm thấy sự việc trong Thiền Tông thực khó, thực khó đến muôn lắc đầu, hình như thực hành không được, thực khó lăm rỗi! Ta nói không phải vậy, các ông thấy có sự thâm sâu như thế nhưng chúng ta chỉ cần một câu thoại đâu thì xong thôi! Câu thoại đâu ra sao mà lại có lực lượng to lớn như thế?

Chúng ta thí nghiệm thử một tí xem: Đề lên câu thoại đâu rồi thì nghi tình còn, buông thoại đâu xuống thì nghi tình không còn nữa. Các ông làm như thế này thử xem: Đề câu thoại đâu lên đừng buông nó; Trong lúc ấy các ông nghiên cứu thử xem, xem xét thử xem, động cùn chướng ngại được nó không? Tình cùn chướng ngại được nó không? Bệnh cùn chướng ngại được nó không? Chiêm bao cùn chướng ngại được nó không? Dù cho đủ thứ khổ tụ lại cũng đâu cùn sợ gì? Chỉ cần một câu thoại đâu thì đưa ông đến được nhà. Ấy tức là “Nhất siêu trực nhập”. Mặc dù dẽ như thế, trực tiếp như thế, rốt cuộc muốn các ông làm đến nơi: Đề khởi lên có nghi tình, buông xuống cũng có nghi tình. Công phu dụng đến chỗ này mới đúng. Hãy tham đi!

KHAI THỊ

(Ngày 22 tháng 11 (Thất sáu ngày thứ hai))

Trong lúc vận chuyển làm việc, công phu phải nấm cho vững, suốt cả ngày đêm công phu phải nấm cho vững. Nếu có được công phu như vậy thì mới được một tí tương ứng với bốn phận của các ông.

Tại sao phải dụng công như thế? Cần phải hiểu: Khi đang công phu có buông bỏ một tí tức là có một tí trống rỗng, cái trống rỗng này tức là kẽ hở thì sinh tử của chúng ta sẽ từ kẽ hở mà trỗi dậy, cái kẽ hở này tức là căn cứ địa phát sinh lục đạo luân hồi.

Các ông tưởng tượng xem: Trong khi công phu có một tí trống rỗng như vậy ấy là chõ sanh ra sinh tử luân hồi; Vậy thì há có lý nào ban ngày dụng công phu còn ban đêm thì khởi dụng công? Tọa hương thì dụng công, còn đi kinh hành thì khởi dụng công? Lại nói đến ngủ quên khởi dụng công thì lại càng không xong rồi; Người có cái tri kiến như vậy cũng không phải là ít: Ấy là chõ hiểu lầm lớn của các ông. Cái hiểu lầm này người lầm cũng không ít! Thời gian lầm lẫn cũng không ít! Ta thấy các ông cứ sai lầm mãi như vậy đến ngày nào mới dứt?

Theo sự đả thiền thất thì cần phải dụng công tinh tấn, nên Sư Ban Thủ, Sư Duy Na đều là những người giúp cho các ông nỗ lực tinh tấn, các ông lại

không thèm để ý đến việc đi kinh hành, cứ chạy như bay, mà không có nghi tình, vậy gọi là sự tinh tấn của các ông sao? Vậy còn muốn đả thiền thất làm chi nữa?

Nếu lúc kinh hành mà không thèm để ý đi như thế nào, chạy như thế nào, vậy thì Hòa Thượng, Ban Thủ, Duy Na chẳng phải là vô dụng sao? Như thế thì ta còn cho phép các ông làm vậy được sao? Theo quy củ: Kêu đi thì phải đi, kêu chạy thì phải chạy như bay, không được nhầm lẫn một chữ! Ta chỉ dạy cho các ông dụng công phu, các ông dụng hay không dụng ta còn có thể tha thứ một tí chứ còn quy củ của ta các ông không được sai chạy một chữ nào cả.

Cứ theo như các ông: Kêu đi ông không đi, ông còn muốn sống không? Cái thân xác của các ông còn muốn ở thiền đường thêm mấy ngày? Hôm nay ta cho các ông biết: Từ nay về sau người chấp sự kêu các ông đi thì các ông phải đi, kêu chạy thì phải chạy như bay. Sai suyển một chút mà ta thấy được thì phải đánh ba hương bảng, đánh cho ông gãy xương, có mất mạng hay không ta không cần biết. Các ông cần phải lưu ý cho kỹ!

Ta không nói trước cho các ông nghe thì khi hương bảng đánh xuống, các ông sẽ lấy làm lạ mà nói rằng: "Thực vô lý quá, phạm cái quy củ nhỏ

này làm sao đến phải bị đánh hương bẳng nặng như thế? Thật lợi hại quá! Quý cù Thầy chưa nói cho tôi nghe, nếu Thầy đã nói cho chúng tôi nghe rồi, biết sự lợi hại của quý cù rồi, đương nhiên sẽ nghe lời gọi, bảo chạy thì chạy như bay, ấy cũng không có gì đáng kể". Đúng thế, các ông phải lưu ý nhớ cho kỹ.

Tại sao lại phải như thế? Cần phải hiểu: Các ông từ đầu năm đến cuối năm chỉ hy vọng trong thời kỳ đả thiền thất được liễu sinh tử. Trong thời kỳ thiền thất dụng công hoàn toàn nhờ cái tinh tiến. Tinh tiến dũng mãnh sợ còn không thể liễu được sinh tử, lười biếng thì làm sao hữu dụng được? Ngày thường chỉ hy vọng trong thời kỳ đả thất, nay trong thời kỳ thiền thất mà không như vậy thì còn hy vọng thời kỳ nào nữa? Vậy ta đem ông đánh chết thì có tội không? Nhưng mà bảo ông chạy như bay, không phải là chạy để chơi, phải làm sao bước chân nào cũng không rời công phu, có niệm niệm không rời công phu, nếu mà chạy không thì chẳng bằng không chạy! Các ông phải lưu tâm ghi nhớ cho kỹ!

Hiện tại người dụng công phu đều phải nghiên cứu cho thuần thục, cũng như trâu rừng trên núi, muốn trâu rừng làm việc, trước hết phải dạy cho nó thuần thục rồi sau mới có thể dùng được. Các ông xem: Lúc ban đầu mới buộc, nó chạy bên Đông nhảy

bên Tây không chịu theo khuôn phép tí nào. Hôm nay dạy nó, ngày mai cũng dạy thì dần dần có thể cùng ông lên đường được rồi; Lâu nữa thì có thể theo ông mà chạy. Sau khi đã thuần thực thì khỏi cần buộc dây, nó còn có thể đi trước ông nữa.

Dụng công phu cũng như thế, ban đầu câu thoại đâu cũng giống như trâu rừng, ông muốn dụng công nó không theo ông dụng, không chỗ này hỏng thì chỗ kia hỏng. Lâu đi rồi thì dụng được tốt thôi, thêm lâu nữa thì sẽ thuần thực, chỉ có một câu thoại đâu cứ dụng thẳng đến. Trước kia thoại đâu đê không được, tất cả chỉ là nỗi vọng tưởng; Hiện nay vọng tưởng nỗi không lên, tất cả chỉ là câu thoại đâu: Ban ngày ban đêm đều là công phu, muốn nổi một cái vọng tưởng cũng không được, nếu dụng công được như thế thì có thể gọi là thuần thực rồi.

Tại sao phải dụng như thế? Công phu của chúng ta muốn được thành khôi tất nhiên cần phải lên con đường này, theo con đường này mà chạy thẳng đi thì mới có thể đến được công phu thành khôi; Nếu không theo con đường này chạy đi thì công phu không được thành khôi.

Thế nào là công phu không thành khôi? Thế nào là công phu thành khôi? Hai thứ công phu trên đường đi này, các ông phải thấy cho triệt để thì lúc dụng công phu mới được đúng. Hai chữ thành khôi

tuyệt không phải là có đồ vật gì, không phải là cục đất hay khúc cây gì, nếu hiểu như vậy thì là sai rồi! Đừng có tưởng lầm.

Cái khói này, là khi tham thoại đầu được đắc lực, tâm là thoại đầu, nỗi vọng tưởng cũng là thoại đầu, nỗi nghiệp chướng đều là thoại đầu, trên thân thể đều là thoại đầu, ở dưới chân đều là thoại đầu, trong tay đều là thoại đầu, nhän, nhī, tỳ, thiêt v.v... đều là thoại đầu, ngay chỗ này, chỗ đứng cũng là thoại đầu, ngược lên nhìn trời, trời cũng là thoại đầu; Tâm như vậy, thân như vậy, hư không cũng như vậy, tất cả cộng chung thành một thoại đầu, tức là thành một khối, không phải khúc cây, cục đất là khói.

Cái khói của câu thoại đầu này lan tới chỗ nào cũng là cái khói này, ông muốn đập bể nó, lấy miếng gỗ đánh nó một cái, miếng gỗ đó cũng thành thoại đầu, lấy cục đá đập nó một cái, cục đá cũng thành thoại đầu luôn. Ta nói như thế là một thí dụ, trong tâm của ông cần phải có một tí linh hôi mới được! Công phu như thế tức là công phu thành khói.

Đối với công phu thành khói: Thoại đầu đề lên, nghi tình đắc lực, nghi tình cũng là thoại đầu, thoại đầu cũng là nghi tình; Sơn hà đại địa là tự thân ta, tự thân lại là tâm, tâm cũng là thân, thân cũng là sơn hà đại địa; Giả sử cho cục gạch, miếng gỗ đánh đập một cái, một tí động tĩnh cũng không có. Nếu

dụng công phu được như vậy là công phu thành khôi và dễ đến được quê nhà.

Ta nói như thế, vậy công phu của các ông đã đến chỗ này chưa? Không cần các ông nói ta cũng biết các ông còn chưa dụng công phu được như vậy, các ông chưa dụng đến nơi thì không cần giảng mới phải; Nếu không giảng thì thấy các ông khổ não quá? Một tí tri thức dụng công cũng không có; Dù cho các ông chưa dụng đến nơi, ta ở phía trước từ từ dẫn các ông đi, các ông cũng có thể theo đến, dù cho ông dụng công đến được thì cũng gieo được một hạt giống đạo.

Các ông người có chí hướng công phu này muốn làm cho đến cũng không khó gì, chỉ cần nhận thức là suốt ngày chẳng kể kinh hành, tọa hương, đi ngủ đều phải chiếu cố đến công phu cho tốt, không cho nó bỏ trống chút nào, lúc đi phải nhận chân mà đi, bước nào cũng không rời câu thoại đầu, đang lúc ngồi, nghi tình rõ ràng trong sáng thì tương lai có thể đạt đến công phu thành khôi, thành phiến. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

(Ngày 23 tháng 11 (Thất sáu ngày thứ ba))

Người dụng công phu hình như trong tịnh thì

dụng được, khi ngồi xuống mà dụng thì công phu trước mắt, muốn nói trong khi động mà dụng công phu thì không dễ đâu! Lúc công phu đứng đắn thì hình như không động được, hễ động một cái thì công phu mất tiêu; Còn muốn nói trong động trong tịnh nghỉ tình thành khôi, đập thành phiến thì lại càng không dễ gì làm được.

Đúng thế! Vậy thì nói thực một câu: Trong khi động, công phu không dễ gì mà dụng. Tại sao vậy? “Một động, hai động” cái động này chưa hết thì động kia đã đến rồi, về sau cứ tiếp tục xông lên mãi mãi như vậy: “Một động, hai động, ba động”, cũng như các ông tọa hương, công phu thấy được lầm, gấp khi khai tịnh thì không phải động rồi sao? Sau khi khai tịnh thì phải buông chân ra; Đã khởi hương rồi thì phải đi tiểu tiện; Những chuyện này có thể nói: Khai động buông chân ra là một động hai động, khởi hương tiểu tiện là ba động. Các ông nghĩ xem, niệm niệm không ngừng động như vậy, cho đến chưa từng ở trong động dụng tâm qua, vì vậy hôm nay muốn trong động dụng công thì sao mà các ông làm được.

Hiện tại chúng ta đã đả được năm, sáu thất, công phu trong khi tịnh các ông đương nhiên đã dụng được rồi. Nay muốn các ông dụng công phu trong

khi động thì không dễ gì mà dụng được, tại sao vậy? Bởi vì các ông từ lâu chưa có lưu tâm.

Các ông phải hiểu: Công phu trong khi tịnh mặc dù đắc lực, hễ có một tí động tác thì lập tức mất liền; Giả sử các ông trong khi động mà dụng công phu được thì dù cho tất cả động cũng không động được công phu của các ông, bởi vì công phu của các ông là từ trong khi động mà được thì đâu có sơ gì động nữa?

Các ông cho rằng lúc động thì khó, ta nói không khó! Thứ nhất là muốn các ông có tri thức này, muốn liều thoát sinh tử tất cần phải dụng công phu trong lúc động, khi trong động mà dụng công được tốt rồi thì mới có thể động tịnh nhất như được.

Cái trường kỳ của sinh tử, lợi hại của sinh tử, sinh tử khổ não, nếu không dụng công phu đến động tịnh nhất như thì không thể liều được: Đây là tri thức thứ nhất. Thứ hai là phải biết muốn dụng công phu thì bất luận trong động trong tịnh, không được rời khỏi công phu; Muốn liều sinh tử thì tất phải dụng công phu cho đến thành khôi thành phiến: Đây tức là tri thức thứ hai của các ông.

Có được hai tri thức này, lập định chí hướng không làm đến thì không được, nếu không công phu cho tốt thì ta không thể là người tham thiền được! Nào là đi, đứng, nằm, ngồi, không hỏi động

tịnh, chung qui cứ ôm chặt lấy câu thoại đầu đến chết cũng không buông. Ông có được quyết chí như vậy mà còn sợ làm không tốt sao?

Nhưng mà có quyết chí rồi còn phải biết phương tiện, không hiểu phương tiện thì sẽ làm hỏng việc. Thế nào là hiểu phương tiện? Trước tiên phải biết: Sinh tử không phải một ngày là làm xong, hôm nay muốn liễu sinh tử cũng không phải việc gấp được.

Vậy phải thế nào? Ba năm, năm năm công phu dụng không đến được nhà thì ta cũng dụng, ba mươi năm, năm mươi năm cho đến kiếp này không xong, kiếp sau làm nữa, kiếp sau làm không xong ta cũng không sửa đổi chí hướng ban đầu; Chung qui lấy việc làm cho xong làm kỳ hạn. Lâu cũng được, mau cũng được, lâu hay mau ta không quan tâm, cái tâm rộng lớn tuyệt đối không có tí do dự; Làm như vậy mới gọi là biết cách phương tiện.

Người không hiểu phương tiện, dụng công phu ba ngày không thấy mùi vị gì hoặc là khi tịnh thì dụng, khi động thì không thể dụng; Cảm thấy không có mùi vị, thì dụng hay không dụng đâu cần gì nữa? Ấy là không hiểu phương tiện. Đại đa số các ông có còn cái tri thức này không?

Công phu hiện nay, ta thử hỏi các ông: “Công phu trong khi động, tịnh ra như thế nào?”. Các ông

nhất định trả lời rằng: “Tiếng bảng buổi sáng lúc tĩnh còn có thể được, tiếng bảng buổi trưa có hồn trầm, đến nén hương dưỡng túc, nửa nén hương trên còn khá”. È rằng các ông đều trả lời giống nhau (*Chung khẩu đồng âm*).

Nói như thế thì trong khi tĩnh còn chưa hoàn toàn làm cho tốt được còn nói gì đến trong khi động? Không có được một người nào nói: “Tôi mỗi nén hương đều nắm được chắc, chỉ trừ lúc động là không dắt lực thôi”. Còn có được người như vậy không? Lại nữa: “Tôi lúc tĩnh cũng có công phu dụng, lúc động cũng có công phu dụng, chỉ khi tiếng mõ đánh cho đi cầu mới làm cho công phu của tôi bị đánh mất thôi”. Các ông còn có người nào như vậy không? Có được người như vậy cũng gọi là tốt rồi.

Công phu các ông không làm đến nơi, bệnh tại chỗ nào? Ấy là ở chỗ sợ bị mất mặt, từ sáng đến chiều sợ chạm mặt người, sợ chướng ngại người, chỉ lo sao cho đối với việc này việc nọ không để sai phạm, nếu có sai phạm một chút thì lập tức bị đánh hương bảng, bộ mặt sẽ coi không được, thấy khó chịu.

Các ông tưởng tượng xem có phải không, có phải suốt ngày cứ ở trong nhân và ngã mà lưu tâm không? Bởi vì “Ngã” sợ bị mất mặt, không được phạm quy củ của người ta, cái cửa này lại nhốt kín

ông ở trong. Còn có người nào nói: “Tôi không kể quy củ hay không quy củ! Quy củ là cái thứ hai, câu thoại đầu là cái thứ nhất, nếu câu thoại đầu của tôi có mảy may bị mất thì mạng của tôi cũng mất luôn rồi; Tôi có chỗ nào sai lạc thì cứ đánh đi, la rầy cho một trận đi, nhưng cái công phu của tôi thì không thể bị đánh mất được!”.

Các ông thực có thứ công phu này thì khi hương bảng có đánh xuống thân ông sẽ không biết đau đớn, la lối ông cũng không cảm thấy khó chịu; Đánh chửi đều không hiểu được thì làm sao còn biết đến sợ bị mất mặt? Không phải là an nhiên đi qua cái cửa ngõ khó khăn này hay sao? Nhưng nói không cần quy củ cũng không phải, nếu không cần quy củ thì ông đến thành phóng túng thôi. Kỳ thực người có công phu chân thật, công phu đứng đắn chừng nào thì quy củ giữ tốt chừng đó.

Các ông cho rằng: “Cái chỗ rất khó khăn của công phu là câu thoại đầu dụng đến chỗ thật khó, vậy làm sao đi qua được chỗ cực khó đó?”. Các ông thực dụng đến chỗ khó, muốn qua khỏi chỗ khó đó vốn không phải là việc dễ dàng đâu. Thí dụ câu thoại đầu dụng đến bước tới không được, bước lui cũng không được, bên trái bên phải đều không đi được, đứng ngay chỗ đó cũng không yên ổn. Như trước mặt có người cầm dao, sao lưng có người cầm súng, hễ lui thì họ sẽ bắn ông một phát, bên trái là

lửa lớn, bên phải là nước mênh mông, bốn bên đều là hiểm địa, hễ nhúc nhích một cái thì mất mạng. Ta hỏi các ông phải chạy đi đâu? Cái cửa này làm sao qua được? Các ông tịnh tâm để linh hội thử xem.

Đây là thí dụ: Các ông lấy cái ý nghĩa thí dụ này để trong tâm mà xem xét thử, lấy câu thoại đầu để chứng minh thử xem phải làm sao mới qua được? Đây không phải là việc nhỏ đâu! Trong tâm các ông hãy trả lời ta một câu. Nếu trả lời được, nghĩa là trước có dao, sau có súng, bên trái lửa, bên phải nước mà qua được, thì dù cho kiếm thụ đao sơn (*Rừng kiếm núi dao*) cũng qua được, chảo dầu sôi, lò lửa than cũng qua được. Nếu không qua được chỗ này thì chỗ nào cũng không qua khỏi được!

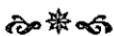
Ta lại muốn thảo luận với các ông thêm nữa, người cầm dao trước mặt thật hung dữ chạy đến, dao chỉ cách đầu có hai tấc, súng sau lưng cũng muốn chạm tới thân mình, bên trái lửa cháy ầm ầm, bên phải thì nước như muôn ngựa tràn tới, đến lúc ấy thì cái thân mạng của ông còn muốn giữ được không? Nếu muốn thì phải qua khỏi chỗ đó mới được.

Các ông có cách nào qua khỏi được chỗ đó không? Hãy nghĩ trong bụng thử xem. Các ông nếu không có biện pháp nào thì còn có thể gọi là một người dụng công để liêu sinh thoát tử sao? Đáng tiếc thay! Các ông sợ không có biện pháp nào, các ông người nào có can đảm mà nói là qua được?

Cái cửa này ta muốn đi qua giùm cho các ông, không thôi các ông đều qua không được; Cái cửa ngõ này không qua được thì dụng công để liêu sinh tử không có phần của ông.

Các ông hãy đề công phu lên đi! Ta hỏi các ông: Các ông đang lúc qua không được, lúc đang sợ hãi quá sức, ông lại hỏi: Niệm Phật là ai? Cứu cánh là ai? Đáo để là người nào? Các ông hỏi như thế rồi, ta lại hỏi các ông nữa: Thân của ông ở chỗ nào? Tâm ở chỗ nào? Các ông nghiên cứu thử xem: Hồi như thế đương nhiên thân tâm đều không còn, thân tâm đã không còn thì các ông còn sợ dao sợ súng chỗ nào nữa? Cái tướng nước tướng lửa còn hay không? Dù cho hoàn cảnh khó hơn nữa, ta cứ lấy công phu truy cứu thì không phải ngay khi ấy mọi cái đều tan rã, tiêu diệt hết rồi sao?

Vậy cái cửa này qua được rồi thì tất cả hoàn cảnh nào cũng qua được. Cái cửa này ta đã đi qua giùm cho các ông rồi, nhưng việc về sau thì các ông phải tự mình đi. Thí dụ như: Từ Nam Kinh đến Bắc Kinh có xa, Trung Quốc với nước ngoài không sợ ngăn sông cách núi, ta hôm nay đi máy bay một lát thì qua khỏi, có phải là hết sức dễ dàng không! Các ông hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 24 tháng 11 (Thất sáu ngày thứ tư)

“Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, nói năng, im lặng, động tĩnh thể an nhiên”. Mấy lời này là nói việc trên tâm hạnh từ sáng đến tối của người dụng công phu, tức là muốn các ông động tĩnh nhất như, không phân biệt đêm ngày, dụng công đều cần phải như thế.

Tại sao cần phải như thế? Không được nghỉ ngơi chăng? Cần phải hiểu: Các ông có công phu chân thật như thế tương lai mới được chỗ ngộ chân thật, nếu các ông có một chỗ nào chưa làm tới nơi thì tương lai chỗ ngộ cũng có một chỗ chưa tới. Chân ngộ là nhất ngộ nhất thiết ngộ, nếu có một tí chưa ngộ thì không được gọi là Chân Ngộ, cho nên cần cái chân hạnh hiện tại của các ông, cái ngộ tương lai nhất định sẽ được chân.

Nhưng mà ngộ này tuyệt không phải là cầu ngộ, cũng không phải là suy nghĩ ngộ, cũng không phải tùy cái miệng nói ngộ. Muốn được chân ngộ cần phải chân hạnh, hành đến nơi thì tự mình sẽ được ngộ.

Nhưng các ông cần phải ôm chặt lấy câu thoại đầu, đi cũng tham, ngồi cũng tham, công phu đúng đắn cũng tham, không đúng đắn cũng tham, có vọng

tưởng cũng tham, có hôn trầm cũng tham; Các ông có thiết tha chịu khổ chịu tham như thế, công phu chân thật bất hư thì muốn khai ngộ làm chi nữa? Ta nói không ngộ cũng còn được. Tại sao vậy? Các ông có thiết tha chịu khổ mà tham như thế, chân thật bất hư mà làm thì còn sợ gì tam tai bát nạn? Sợ gì từ sanh lục đạo? Sanh tử luân hồi? Tất cả đều không sợ.

Vậy không phải là không khai ngộ cũng được chăng? Công phu các ông dụng đến nhà rồi, đâu có lý nào không khai ngộ? Thí dụ: Đường đi đến Trấn Giang, Qua Châu, ra cửa chùa đi thẳng về hướng Nam, nhắm mắt phóng chân mà chạy, trên đường có người, ta cũng không hỏi, đến hay không đến cũng không hỏi, chạy suốt một ngày thì đến nơi rồi. Đã đến Qua Châu thì có được nói là chưa đến Qua Châu chăng? Hay là bảo ông chạy thẳng về hướng Nam, ông chạy thì phải rồi, nhưng ông mới lên đường, nhìn bên Đông một cái, ngó bên Tây một cái, kiểm người ngồi xuống nói chuyện, uống chén trà rồi hỏi: “Còn được bao xa?” Các ông như thế thì có còn được đến chăng?

Dụng công phu cũng như đi đường, bảo ông đê câu thoại đầu cú thẳng mà tham đi, đắc lực cũng tham, không đắc lực cũng tham, khai ngộ ta cũng không hỏi, không khai ngộ ta cũng không hỏi, chung quy khi ta đi đến nơi rồi không khai ngộ cũng

không được, công phu của các ông chưa đi đến chỗ, muốn khai ngộ cũng không được. Cũng như đi đường đến Qua Châu rồi, ông nói không phải Qua Châu thì không được! Chưa đến Qua Châu ông nói là Qua Châu cũng không được!

Trong các ông có một số đông người bảo cứ thẳng tay mà dụng công, các ông không chịu dụng thì cũng như người đi đường đó vậy, nhìn bên Đông, ngó bên Tây như thế tức là vọng tưởng, hôn trầm, hỏi thăm chỗ này có phải là Qua Châu không, sự thật giống y như thế!

Các ông dụng công cũng như vậy. “Tôi đã ngộ rồi chứ?”. Thấy thần, thấy quỷ, tự mình xuyên tạc bậy bạ, tự mình bày đặt nài nọ, suy nghĩ phân biệt, tự mình làm hỏng mình, còn đổ thừa ai? Các ông tưởng gạt người ta là xong, gạt người ta thì được chứ tự gạt mình thì đến lúc chịu quả báo có kêu khổ cũng vô ích!

Bởi vì các ông làm nhân không thật, đương nhiên phải chịu quả báo. Cho nên bảo các ông đừng có cầu ngộ, thay vì cầu ngộ thì lấy tâm đó để dụng công phu thì tốt hơn biết bao!

Đề câu thoại đầu này, các ông không dụng đến chỗ đi không biết đi, ngồi không biết ngồi, mà muốn được một tí họ dụng thì không thể được, không phải ba ngày, năm ngày, ba tháng, năm

tháng thì được đến nhà đâu! Muốn các ông không hỏi đến ngày, tháng, cứ để một câu thoại đầu mà tham thắc đi, hai ba chục năm mà còn chưa ngộ cũng đừng có nghỉ ngơi.

Ta hỏi ông: Niệm Phật là ai? Niệm Phật là người nào? Các ông không ai mở miệng trả lời được. Người thiên hạ đều bị nhốt trong cửa này, các ông có người nào nói: “Người thiên hạ bị nhốt ở trong thì được chứ tôi thì không!”, còn có người nào được như vậy không? Nếu được như vậy thì công phu dụng công trong ba mươi năm của ông, ta hỏi đến niệm Phật là ai, ông hẳn có lời nói rồi. Ta mới hỏi thì ông lập tức trả lời được.

Các ông tưởng xem: Người thiên hạ đều bị nó nhốt hết, không mở miệng ra được, chỉ vì “Niệm Phật là người nào?” không thể trả lời được. Khi công phu dụng đến nơi rồi ta hỏi thì ông đáp được, còn công phu của các ông chưa dụng được, thiền cũng không biết tham, mở miệng lại muốn giữ bộ mặt giả: “Ta ngộ rồi, ta biết rồi, ta linh hội rồi!”.

Các ông như thế này thì chỉ là kẻ đứng ngoài, chỉ là kẻ nói suông! Có chỗ nào tốt đâu? Ông gạt người ta thì được chứ tự gạt mình thì phải chịu khổ não lắm!

Từ hôm nay trở đi có thỉnh khai thị, bất cứ đến phòng của ta hoặc liêu phòng của Sư Ban

thủ, không cho nói chuyện gì khác, hễ cứ đến thì nói “Niệm Phật là ai?”.

Trước kia thỉnh khai thị là các ông hỏi ta, hôm nay ta muốn sửa đổi lại quy củ, không cho các ông mở miệng, hễ ông đến ta hỏi các ông liền: Niệm Phật là người nào? Ông phải nói ngay, Ông nói không ra thì ta cho ông một trận hương bảng.

Hoặc giả ông không dám mở miệng, trong bụng ông không muốn đi, hễ ta tra xét đến người nào không đi ta sẽ đến thiền đường hối thúc chạy hương, ít nhất cũng phải đánh năm, ba cái hương bảng. Bởi vì công phu không ép buộc không được, không ép thì không tiến bộ được.

Nhưng ta hỏi các ông, nếu như các ông nhất định muốn đáp, giả sử đáp sai, không đúng, ta nói cho các ông biết: Hương bảng của ta đánh xuống sẽ làm cho các ông chịu không nổi đâu! Nếu thấy mình chưa nắm vững được thì dừng mở miệng, ăn hai cái hương bảng là xong; Nếu mở miệng nói bậy thì ta sẽ chẳng khứng đâu! Các ông hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 25 tháng 11 (Thất sáu ngày thứ năm)

Người trong Thiền Tông không được mở miệng nói bậy, giả sử nói sai một câu thì phải bị hư thân

mất mạng. Thân ông hư rồi, mạng mất rồi còn kể là việc nhỏ. Vậy thế nào là việc lớn? Trả lời bậy một chữ là đọa xuống địa ngục A tỳ. Ông thấy việc này có còn nhỏ chăng? Tại sao lợi hại như thế? Không phải là ta nói mà là lời vàng Phật đã nói: "Chưa chứng nói là chứng, chưa được nói là được, chưa minh nói là minh, chưa ngộ nói là ngộ, là đại vọng ngữ phải đọa địa ngục A tỳ". Đây là lời Phật không thể nói sai được.

Nói chúng là chứng cái gì? Chưa chứng được đến Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả mà nói đã chứng được rồi. Nói đắc là chưa đắc được Tam Minh, Lục Thông, Bát Giải Thoát mà tự nói mình đã đắc được.

Nói minh là chưa có Thiên Nhĩ Minh, Thiên nhãm minh mà tự nói đã minh, cũng như tự nói niệm Phật là người nào mà không biết tức là chưa minh, đáp lại được một câu tức là đã minh; Vốn đáp không được mà mở miệng đáp một câu tức là tự nói mình đã minh.

Nói ngộ là đối với bách thiên tam muội của thập phương chư Phật, vô lượng diệu nghĩa của hết thảy Tổ Sư, một tí chưa ngộ mà tự nói đã ngộ.

Nếu tham câu thoại đâu được ngộ rồi, thì nói trần nói sát vô cùng vô tận, câu thoại đâu này chưa ngộ thì mở miệng không được, như trả lời một câu thì tức

là đã nói. Cứ theo như thế thì có phải chẳng cứ đáp sai một câu thì phải đọa xuống địa ngục A tỳ?

Đại khiếu hoán địa ngục; Tiểu khiếu hoán địa ngục đều có phần của ông, cũng như trái cân rót xuống nước chìm thẳng tận đáy.

Hôm nay các ông có vị tùy tiện đáp bậy một câu, bởi vì ông không hiểu cái thứ nhân này rất lợi hại, ta thấy ông rất đáng thương! Cái câu nói này không phải nói rồi là xong việc! Người xưa đáp sai một câu đọa thân làm cáo chồn năm trăm kiếp – Công án trước Bách Trượng với sau Bách Trượng – Nếu các ông thực lấy câu thoại đầu mà tham cho thông suốt rồi thì tự nhiên được mở miệng chứ không phải không được mở miệng mãi.

Khi ông đã đi đến nơi, không những miệng có thể nói chuyện được, mà tai cũng có thể nói chuyện được, mũi cũng nói chuyện được, người xưa đã chẳng nói: “Tận cùng đại địa đều là miệng của ta”. Vậy so với hư không còn lớn hơn!

Ta hỏi ông nữa: “Hư không ông có thể nuốt được chẳng? Ông đương nhiên đáp: “Tôi đã nuốt xuống rồi!”.

Ta lại hỏi nữa: Hư không nuốt xuống rồi thì thân để tại chỗ nào? Phải rặn cho ra, ông phải trả lời ta một câu, không mở miệng không được! Hãy tham!

KHAI THỊ

Ngày 26 tháng 11 (Thất sáu ngày thứ sáu)

Người tham thiền công phu đến lúc thâm nhập thì tự nhiên thân tâm đều mất, động tịnh quên cả, cho nên bảo các ông lúc động dụng công như thế, lúc tịnh cũng dụng như thế.

Công phu lúc tịnh dụng cách nào, công phu lúc động dụng cách nào. Sở dĩ chia ra động, tịnh là vì thực tại đối với các ông là người sơ dụng công nên bất đắc dĩ mới nói như vậy.

Chỉ cần đề câu thoại đầu lên, không minh bạch, nhận chân mà nắm chắc lấy, không cho có một tí ti gián đoạn; Ông quả được nhận chân bất hư mà dụng công như thế thì ông thử mở mắt ra xem, tâm để ở chỗ nào? Đương nhiên tâm bất khả đắc. Tâm đã bất khả đắc thì thân cũng đương nhiên bất khả đắc. Tại sao vậy? Vì tâm trụ nơi thân, thân do nơi tâm mà có, có thân thì có tâm, thân với tâm không thể rời nhau.

Hôm nay công phu đứng đắn, tâm bất khả đắc, thân cũng bất khả đắc, cái này chẳng phải là làm công phu đến chỗ thân tâm đều mất ư? Động phải do thân động, tịnh cũng phải do tâm tịnh. Trên thân tâm có động, có tịnh tất cần phải phân biệt mới biết.

Công phu của ông đến thân tâm bất khả đắc, lấy

cái gì mà phân biệt? Đã có phân biệt thì không phải là đã có tâm rồi sao? Tâm đã có thì tất cả đều có, thế còn nói công phu gì nữa? Có công phu thì không có tâm như thế. Đã không có tâm thì quyết định không có phân biệt, đã không phân biệt thì cái tướng động tịnh lại càng bất khả đắc, cho nên nói là động tịnh đều quên cả.

Nay các ông đã đả năm, sáu thất rồi mà công phu chưa đến chỗ này, nếu công phu không dụng được đến chỗ này mà trong kỳ thất này muốn được một ít tin tức, muốn được hiểu biết một chút xíu thì cũng không có phần của ông rồi! Nói liều sinh thoát tử lại không có phần của ông nữa! Theo như thế thì không phải là đã chịu một phen cực khổ mà cũng như không sao?

Hoặc có người từ thiền sơn vạn thủy đến đây, suốt năm chỉ hy vọng trong thời kỳ đả thất được liều sinh thoát tử, được khai ngộ cuối cùng (*Đáy thùng rơi ra*). Ta thấy các ông chẳng có người nào làm được cả, cho nên muốn giúp các ông, bắt các ông ở trong thiền đường, muốn các ông chân thực dụng công không có một tí phóng túng, nếu có một ít lười biếng thì lập tức phải thúc hối chạy hương, cái chạy hương này thì sẽ làm cho các ông mất mạng!

Bảo các ông đi đến liêu phòng, muốn các ông nói, nói không ra thì đánh cho một trận loạn hương

bảng! Thế nào gọi là loạn hương bảng? Quy củ hương bảng là: Hai, năm, tám, ba, sáu, chín cái này là theo quy củ; Loạn hương bảng là lấy hết sức ra mà đánh, không hỏi mười cái hay tám cái, đó là loạn hương bảng.

Cần phải hiểu cái loạn hương bảng này thật làm cho người ta mất mặt, bị đánh loạn hương bảng rồi mặt mày trông khó coi lắm! Các ông còn có người nào thấy sự đánh loạn hương bảng bị mất mặt là việc không đáng kể chăng?

Trong bụng các ông lại nói: “Cái đánh hương bảng của thúc chạy hương thật nặng quá! Không bằng đến liêu phòng một chút, có bị đánh một trận hương bảng cũng chẳng ăn thua gì, chỉ trôi qua rồi là xong, ngoài ra còn có gì khác đâu?”. Dụng tâm của các ông đều ở những chỗ này.

Hoặc là: “Còn có phòng của Sư Ban Thủ nào chưa đến thì phải đi cho có lẽ phép một chút! Nếu không đi thì sợ Sư sẽ không vui”. Các ông đều ở những nơi này dụng công phu.

Còn có người nào nói: “Không đúng! Đến liêu phòng mà bị một trận loạn hương bảng thì thật chẳng còn ý nghĩa gì cả? Người chân tu thì chẳng chịu như vậy. Người thiền hạ bị đánh thì được, chứ tôi không chịu như vậy. Tôi muốn đi chẳng những không bị đánh mà còn muốn nói chuyện ung dung

thong thả, người ta còn phải cung kính tôi, đó không phải người nào cũng làm được đâu!".

Ta nói với các ông như thế chẳng phải là gạt các ông mà nói cho dễ nghe đâu! Các ông không mở miệng được là tại công phu các ông chưa đến chỗ này; Nếu công phu các ông dụng đến nơi rồi thì tự nhiên sẽ nói được.

Lúc ta ở chùa Kim Sơn chưa được bao lâu, chỉ mới hơn một năm, nhưng "Niệm Phật là ai?" đã sớm tin rồi. Lúc tại gia đã dùng cách này để tham nhưng chưa được thâm nhập, cho đến khi ở Kim Sơn được một năm thô vọng đều hết, rồi hai mươi ngày nữa tinh tế vọng cũng hết luôn, cảm thấy thanh thanh tịnh tịnh (*Ghi chú: Tức là cảnh giới vô thi vô minh*) rồi bảy, tám ngày sau cảnh giới ấy vẫn y như cũ. Tại sao vậy? Đó là cái cảnh giới trên công phu ắt phải có; Công phu của các ông dụng đến chỗ đó cũng sẽ có như thế; Thập phương chư Phật; Lịch Đại Tổ Sư cũng đều đã đi qua giai đoạn này.

Thô vọng ngưng rồi thì thế nào? Tế vọng ngưng rồi là cảnh giới chi? Ta đã tự mình thấy được, có nói ra cho các ông nghe cũng như không! (Vì các ông không biết) chỉ làm cho các ông tăng thêm vọng tưởng.

Các ông chỉ cần khẩn thiết ôm chặt lấy câu thoại đầu mà tham, thà chết cũng không buông, các ông hành đến chỗ này thì sẽ tự mình thấy được thôi.

Khi ta thô vọng tể vọng đều dứt hết thì khoảng một tháng sau, ngày ấy chính là ngày 26 tháng 9 năm Quang Tự thứ 34 (1900 T.L) trong khi đả thiền thất, vào nén hương thứ sáu buổi tối chợt nghe một tiếng mõ đánh, ta đột nhiên “Ồ” lên một tiếng, lúc đó ta cảm thấy giống như nhào lộn trong hư không, từ dưới đất lộn lên trời, từ trên trời lộn xuống đất, rồi ta buột miệng than rằng: Cái tự tánh vốn sẵn sàng này, không ngăn cách với ta một chút nào mà sao lại để bị chôn vùi đến nỗi ta phải chịu đau khổ mãi từ xưa cho đến ngày nay? Thực là oan uổng! Còn cảm thấy buồn cười nữa!

Cái tốt khác thì ta không dám nói, nhưng sự tự do tự tại thì đã đạt được rồi. Tương lai nói sanh lén cõi trời, ta thích sanh thì đi, không thích thì không đi; Giả sử xuống địa ngục, ta chịu đi thì đi, không chịu đi thì thôi, tất cả ta đều có thể tự chủ được. Đối với ngộ thì không có ngộ.

Từ đây về sau có một vị Thủ Tọa Hòa Thượng, vị này tu hành rất tốt, ông ấy thấy ta cử chỉ khác thường bèn gọi ta đến hỏi: “Niệm Phật là ai?” rồi bảo ta nói. Ta biết ông ấy muốn thử thách ta rồi đó!

Ví như có người hỏi ta việc trong thiền đường liệu ta còn không hiểu chăng? Giả sử ông chưa ở qua thiền đường, nếu có người hỏi ông việc ở thiền đường thì ông làm sao biết được? Cứ thế ông ấy với tôi một hỏi một trả lời.

Ông ta nói: “Ông ngộ rồi!”. Ta nói: “Chưa có ngộ”. Ông ta nói: “Không phải ngộ thì là do học mà biết được chăng?”. Ta nói: “Học cũng không có học”.

Lúc ấy do sự vấn đáp như thế làm kinh động cả đại chúng, nên tất cả đều tán thán không thôi. Lúc bấy giờ ta cảm thấy không đúng bèn đắp y mặc áo đi thỉnh họ đừng làm ồn như thế. Ta nói: “Sự tu hành của tôi chưa có thâm nhập đến chỗ cuối cùng, xin các vị thứ lỗi cho tôi mới phải”.

Về sau có một vị Sư Tây đường là Từ Bản lão nhân, vị lão nhân này việc tu hành của ông cũng rất tốt, ông rất thích lấy “Hoạt cú” tiếp người hậu học. Hoạt tức là cơ phong chuyển ngữ của Thiền Tông; Ta thì xưa nay chưa muốn dùng hoạt cú, bởi vì người thời nay cẩn tính không bằng người xưa, bảo họ ôm chặt câu thoại đầu tử tham dẫu cho chết cũng không rời còn không tử được cái tâm, mà dùng hoạt cú thì lại càng tử không được cái tâm nữa, cho nên ta không muốn là vậy.

Nhưng trái lại vị Tây đường này lại muốn nói chuyện với ta. Một ngày nọ bấy giờ ông ta đang rửa mặt, đưa cái khăn tay lên, hỏi ta “Đây là cái gì?” ta nói: “Buông xuống đi”, ông ta nói: “Tôi muốn rửa mặt”, ta nói: “Cũng phải buông xuống!” làm cho ông ta không mở miệng được.

Những lời nói này các ông nghe rồi chẳng phải

bảo các ông học lấy đâu, đừng có tưởng lầm! Chỉ nói cho các ông nghe thôi, muốn các ông biết được việc này là có thể mở miệng chứ chẳng phải không mở miệng được mãi mãi.

Các ông phải nghe cho rõ, lúc ấy ta chẳng phải muốn giành hơn thua với ông ta, chỉ vì muốn ông ta bỏ cái thói quen ham dùng “Hoạt cú” mà thôi, vì cẩn tánh người đời nay không thích hợp dùng hoạt cú.

Nhưng ông ta vẫn không chịu sửa đổi, lại một ngày kia ta đến liêu phòng ông ta uống nước trà, ông ta lấy một quả nhãn lột ra, cái thì đưa ta ăn còn vỏ thì cầm trong tay mà nói: “Cả mười phương hư không đều ở trong cái vỏ này, nói một câu đi!”, ta nói: “Mười phương hư không đều ở trong cái vỏ này, thế còn thân ông ở chỗ nào? Xin nói một câu đi!” một lần nữa lại làm cho ông ta không trả lời được. Các ông nghĩ xem: Người đã ngộ thì làm sao không mở miệng được?

Nay ta sở dĩ ép buộc các ông: Ở trong thiền đường phải đến liêu phòng để cho ta hỏi, nếu không đi thì không được, nếu đi mà nói không ra cũng không được, ép buộc các ông trước hết tuy cảm thấy cái thân này không có chỗ buông nhưng vẫn phải buông, buông mãi cho đến lúc sự buông cũng không còn, tâm cũng không còn có chỗ để, cứ thẳng tay ép buộc cho đến lúc thân tâm các ông buông đến chỗ không còn gì để buông, còn phải ép

buộc các ông đến chỗ sơn cùng thủy tận. Đến lúc ấy nếu các ông mở miệng không được ta đương nhiên còn phải lấy luôn mạng của các ông nữa! Các ông hãy lưu tâm nhớ cho kỹ! Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 27 tháng 11 (Thất sáu ngày thứ bảy)

Có đạo hay không có đạo tự mình biết mà người ta cũng biết. Hiện nay muốn các ông mỗi ngày đều đi đến liêu phòng, để trả lời câu niêm Phật là người nào, công phu của mình dụng đến chỗ nào. Nói được hay không nói được, nói ra đúng hay không đúng, tự mình lại có lý nào lại không biết? Nếu quả thật là không biết, ấy là tại công phu của các ông chưa dụng đến.

Giả sử công phu của các ông chưa dụng đến mà muốn làm bộ mặt giả dối đoán này, đoán nọ, kiểm một hai câu nói của người xưa đem ra cho là lời nói của mình; Hễ người ta nghe ông mở miệng ra, đúng hay không đúng, phỏng người ta còn không biết được chăng?

Tại sao người ta biết? Dù cho ông nói thế nào đi chăng nữa cũng không ngoài bốn thứ này, ấy là: Ý đến cú (*Lời nói*) không đến, cú đến ý không đến, ý cú đều đến, ý cú đều không đến. Dù cho các ông có

đoán rất hay cũng đều vô dụng, chung quy không ra khỏi bốn thứ này.

Cần phải cơ phong ăn khớp, vừa vặn khít khao. Dù cho lời nói của ông là đúng mà đối với chỗ hỏi của ta không ăn khớp, hoặc là chần chừ suy nghĩ một chút thì đều là không đúng rồi. Thế là lý lẽ gì vậy? Người xưa có như thế không? Triệt Tổ Thiên Tuệ là đời thứ nhất chùa Cao Môn gặp vua Ung Chính, cùng là một lời nói mà có cái đúng, cái không đúng. Cái công án này ta kể cho các ông nghe:

Đời Thanh Hoàng đế Ung Chính sau mươi năm cầm quyền, chuyên xem kinh điển, nghĩ đến việc đức Thế Tổ (*Vua Khang Hy*) có lạy Ngọc Lâm Quốc Sư làm thầy, thắc mắc Sư này có sở trường gì đặc biệt mà được làm sư phụ của vua? Nên Ngài bèn tìm Ngữ Lục của Ngọc Lâm Quốc Sư để xem; Xem rồi mới biết Ngọc Lâm Quốc Sư quả đáng làm thầy của cả nước. Vậy thì có thầy tất phải có trò, nên Ngài bèn phái quan Khâm Sai đại thần tìm kiếm khắp nơi, về sau tìm được Triệt Tổ Thiên Tuệ ở núi Khánh Sơn, lúc ấy Tổ đang làm thư ký ở đó.

Mặc dù công phu đã đặc dụng, khẩu đầu thiền cũng học được một tí nhưng gót chân còn chưa chấm đất, lúc ấy Tổ không dám đi, nhưng sau trải qua nhiều sự khuyến khích của chư sơn Hòa Thượng nên mới cùng vị Khâm Sai tiến kinh.

Đương thời bấy giờ Hoàng Đế Ung Chính muốn hội kiến người xuất gia nên đặc biệt xây dựng một vườn hoa gọi là Viên Minh Viên. Cái ý nghĩa vấn đáp sau khi gặp vua, các ông hãy nghe kỹ! Vua hỏi: “Khi cha mẹ chưa sanh ra, mặt mũi bốn lai của ông ra sao?”. Thiên Tổ lúc ấy hình như suy nghĩ chút ít liền đưa tay lên.

Các ông còn lĩnh hội chăng? Hôm nay ta y theo đó mà hỏi các ông, các ông còn có người nào đáp được ta chăng? Cũng đưa tay lên, đưa lên như thế, không đúng! Các ông còn biết được chăng? Sở các ông không biết rồi.

Hoàng đế thấy Tổ có chút suy nghĩ thì không chịu khứng cho, biết Thiên Tổ gót chân chưa chấm đất cho nên không khứng. Tại sao vậy? “Thiểu nhất đình trì, bạch vân vạn lý” (*Chậm trễ một chút, muôn dặm mây trắng*), tức là muốn nói chậm trễ một chút thì mây trắng đã che mất hết muôn dặm trời. Vậy muốn làm thế nào mới đúng? Lời hỏi gần dứt thì ông đưa tay lên liền mới là đúng, ngừng lại một tí thì không đúng đâu.

Vua Ung Chính thấy Thiên Tổ cũng là bậc pháp khí, có tâm muốn thành tựu cho người bèn nói: “Ông hỏi lại tôi để tôi đáp”. Thiên Tổ lại hỏi: “Muôn tâu bệ hạ, khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bốn lai của

Ngài ra sao?”. Vua Ung Chính đưa nắm tay lên thì Thiên Tổ ngộ ngay.

Vua Ung Chính quay đầu lại hỏi Thiên Tổ nữa: “Khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bốn lai của ông ra sao?”. Thiên Tổ đáp bằng bốn câu kệ:

*Quyên đầu bất hoán tác quyền đầu,
Hoán tác quyền đầu nhẫn nội mâu.
Nhất thiết Thánh Hiền như điện phật.
Đại thiên sa giới hải trung âu*

Nghĩa là:

*Nắm tay không gọi là nắm tay,
Gọi là nắm tay mắt kéo mây.
Hết thấy Thánh Hiền như điện chớp
Thế giới chỉ như bọt biển thôi.*

Vua Ung Chính lúc ấy nói liền: “Kỳ này như ý, kỳ này như ý”, nói xong liền ban cho hai cây như ý, xuống chiếu cho Tổ phụng chỉ về núi, ban cho y, bát, tích trượng v.v...

Các ông tướng tượng xem: Đáp ra một câu nói, trễ một tí thì chưa ngộ; Cũng là một lời nói, không trễ tức là ngộ. Các ông hôm nay có thể đáp ra được một câu, dù không được phụng chỉ vua nhưng thanh danh cũng là có.

Một câu nói này quý trọng biết bao; Đáp không ra, dù cho công phu ông tốt thế nào cũng uổng thôi!

Câu nói này nói ra rồi thì biết được công phu ông đúng hay không, có thể nói là “Ngôn tiền kiến đạo”. Một câu nói vừa ra khỏi miệng thì ông ngộ liền, ấy tức là ở “Cú hạ thừa đương”.

Cho nên muốn các ông đê câu thoại đầu chân thật tham cứu, đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, ngủ nghỉ đều không rời câu thoại đầu này (*Nghi Tình*). Có nghi tình tức là có công phu, không có nghi tình tức là không có công phu. Hiện tại các ông muốn khởi nghi tình phải đê câu thoại đầu này, tương lai minh tâm là minh câu này, ngộ là ngộ câu này, liễu cũng là liễu câu này. Chung quy nếu câu này chưa liễu thì sanh tử chưa liễu, câu này chưa minh thì tâm địa chưa minh. Muốn minh, muốn ngộ, muốn liễu cần phải lấy câu thoại đầu này mà tham cứu đi. Hãy tham!



KHAI THỊ

Ngày 1 tháng 12 (Thất bảy ngày thứ ba)

Chỗ ngộ của Thiền Tông có hai thứ: Đại nghi đại ngộ và tiểu nghi tiểu ngộ, không nghi thì không thể nói đến ngộ.

Hai chỗ đại và tiểu ngộ này trước hết phải tạm mượn thí dụ để nói qua thì các ông sẽ rõ đại ngộ ra

làm sao, tiểu ngộ ra làm sao, trình tự của đại và tiểu ngộ cần phải rõ ràng một chút. Tiểu ngộ ví như chuột chui vào sùng trâu, đại ngộ ví như chó bò qua vách tường. Các ông có biết không?

Lại nói thêm một thí dụ nữa: Như lúc người xưa đi học, tiểu ngộ là kẻ học được ba năm thi đỗ vào đại học, đại ngộ như người học được ba mươi năm mới vào trường đại học. Lý như thế này: Học ba năm thi vào được đại học ấy là do sức tinh tiến nhưng thực tế chưa đọc được hết sách vở, vì vậy tuy ở đại học mà vẫn còn có sách chưa hiểu. Trái lại người học được ba mươi năm rồi thì Ngũ Kinh, Tứ Thư, Chư tử bách gia quyển nào cũng đều hiểu được hết. Cả hai người này tuy cùng là tú tài nhưng trình độ học vấn đương nhiên khác nhau. Người học được ba mươi năm thì trong bụng cái gì cũng biết, dù không vào đại học cũng hơn người học được ba năm. Nếu so như vậy lại càng hiểu rõ quá trình của đại và tiểu ngộ.

Ta so sánh tiểu ngộ như chuột khoét sùng trâu, kể cho ông biết cách chui như thế nào? Các ông xem, cái sùng ấy hết sức lớn, trong sùng còn có từng lớp, từng lớp thịt, chuột cắn từng lớp, từng lớp cảm thấy rất có mùi vị, chỗ lớn nhỏ gì cũng cắn tới từng lớp, từng lớp một, tuy có mùi vị nhưng nơi càng vào càng nhỏ lại, nhỏ thì nhỏ nhưng càng cắn càng có

mùi vị, mặc dù vào trong càng chật hẹp mà lại rất có mùi vị, không chịu bỏ đi được.

Thêm nữa, lớn nhỏ gì chuột càng muốn ăn không thể không cắn được. Nơi cắn vào nhỏ lại càng muốn cắn, cắn cho đến lúc cùng muốn xoay người cũng xoay không được; Cắn nữa lại càng cắn không được, lớn nhỏ gì cũng muốn ăn, tâm gấp như lửa cháy tràn, cứ liều mạng mà cắn.

Các ông thấy đó, vỏ sừng vừa dày, vừa cứng, cắn thì cắn không nổi, cắn nữa thì lại cắn không nổi mà không cắn thì không qua được ... Trước thì miệng cắn chân trước bò, sau nữa thì chân sau bò; Bỗng nhiên cắn được một chỗ hơi lớn, quay mình lại tưởng là cắn thông rồi có lối rộng tốt để đi.

Tốt! Thông rồi! Khai tiểu ngộ là như vậy tức là chưa thông tưởng là thông. Câu thoại đâu không hiểu được, lại truy cứu nữa; Đáo để là ai? Còn không minh bạch, cứu cánh là ai? Hình như có chút ít mùi vị. Truy cứu nữa lại thấy có ít mùi vị, đã nếm được ít mùi vị đương nhiên sẽ không quăng bỏ. Lại truy cứu nữa: Đáo để là ai? Phấn khởi tinh thần không truy cho thông thì không thôi. Cứ dụng công như vậy ba ngày, năm ngày, ba tháng, nửa năm đương nhiên có chỗ quay đầu lại.

Người xưa có nói: “Dụng đáo sơn cùng thủy tận thời, tự nhiên hữu cá chuyển thân xứ” (*Dụng công*

đến chỗ sơn cùng thủy tận, đương nhiên sẽ có chỗ chuyển thân). Khi chuyển được thân này thì sẽ khác rồi; Mặc dù lúc đi cũng đi con đường này, về cũng về con đường này, đường tuy có một nhưng cách đi có khác. Có thể nói là tìm được bốn lai diện mục rồi đây.

Tiểu ngộ này đã khai rồi, có loại người tưởng là vô sự: “Chỗ này là tốt lắm, xong cả rồi, hãy ở lại đây thôi!” đó là trình tự của tiểu ngộ. Họ tưởng là đường đi mình đã trải qua rồi, dù là đường núi hay đường sông đều đã đi hết, đâu còn đường nào đi nữa! Có phải họ đương nhiên muốn nghỉ không?

Cứ tưởng rằng: “Bốn lai diện mục cũng tìm được rồi, còn có việc gì đâu!”. Đúng đấy, nhưng ngộ này là do thân tâm họ dùng sức phấn dũng mà được ngộ; Cũng như người mới học được ba năm, không phải nhờ đã học được nhiều mà vào trường đại học, mà là nhờ sức tinh tiến của họ vậy.

Công phu này của họ thô và tế đều có. Tại sao? Do sự dũng mãnh của thân thể và công phu tinh vi trong tâm; Công phu tinh vi trên tâm là tế, dũng mãnh trên thân thể là thô, họ nhờ dụng cả thô và tế nên được ngộ. Cái ngộ này đúng chưa? Không đúng! Chưa tới nhà! Tại sao lại không đúng? Giáo Môn nói: “Đắc thiểu vi túc” (*Được ít cho là đủ*), Thiền Tông lại nói: “Nhận tặc tác tử” (*Nhận giặc làm con*), hai câu này so sánh rất đúng.

Tại sao vậy? Vì ngộ này của họ vốn chưa đến nhà, họ cứ tưởng cái diện mục này là đúng. Cái tiểu ngộ này chỉ là phương tiện quyền, nói cho triệt để là “Được ít cho là đủ”. Tại sao Thiền Tông nói: “Nhận giặc làm con?”. Dù tiểu ngộ không nên cho là giặc mà cũng không nên cho là con; Vì họ mới được có chút thọ dụng thì đã ngưng nghỉ, chút ít thọ dụng này tuy cũng đúng đấy nhưng cứ ngỡ mình đã hết khổ nên dừng lại ở chỗ này, lấy đó làm thỏa mãn. Cho nên Phật đã trách rằng: “Tiêu nha bại chủng” (*Hạt lúa đã cháy thì không còn làm giống được nữa*). Vậy nếu lấy hạt lúa này để gieo thì tương lai sẽ thu hoạch được gì? Nếu các ông muốn lấy tiểu ngộ này cho là đủ, một mình lo việc giải thoát, trên không cầu thành Phật đạo, dưới không nghĩ độ chúng sanh, cho là đã đủ, thế không phải là nhận giặc làm con sao?

Tiểu ngộ đã không tốt thì còn muốn hay không muốn ngộ nữa? Dương nhiên phải muốn! Tại sao vậy? Vì đại tiểu đều đồng một lý nhưng sự thì khác nhau.

Thể của đại ngộ và tiểu ngộ chẳng có hai, thể của tiểu ngộ, ngộ rồi với thể của đại ngộ là đồng. Sự thì lại không. Sự của đại ngộ lấy khổ của chúng sanh làm khổ của mình, tà kiến điện đảo của chúng sanh là gốc chiêu khổ, cần phải nhỏ bỏ giúp họ; Tùy loại tùy hình, đồng trần tiếp vật, đấy là sự của đại ngộ.

Sự của tiểu ngộ là chán sinh tử, sợ mọi ô nhiễm nên tu đạo ở thâm sơn, xa lìa thế giới sinh tử, xem sinh tử như oan gia, xem thế giới như tù ngục, đó là sự của tiểu ngộ.

Đại ngộ, tiểu ngộ thể đã đồng thì sao lại có chỗ khác như vậy? Vì trước khi chưa ngộ, công hạnh trên công phu có chỗ khác nhau như người học ba mươi năm mới vào đại học với người học ba năm cũng vào đại học, hai người này cũng là tú tài, nhưng đối với việc làm thì đương nhiên trình độ có chỗ khác nhau. Vì sao? Người học nhiều dù ông hỏi thế nào, chỗ nào họ cũng đều biết hết, kẻ học ít thì vấn đáp không được chu đáo như họ, tú tài thì đồng nhưng việc làm thì không. Sự của đại, tiểu ngộ có khác biệt là lý lẽ như thế.

Tại sao nói được tiểu ngộ rồi cần phải ngộ nữa? Vì người sau khi tiểu ngộ việc làm tuy có hơn người chưa ngộ nhiều (*Người chưa ngộ đi đường một chân cao cũng không biết, một chân thấp cũng không biết, một chân đạp nhầm cút chó, một chân giẫm nhầm cầu tiêu cũng hoàn toàn không biết, đi xuôi, đi ngang như người mù; Người khai tiểu ngộ thì khác, dù con mắt đã sáng nhưng chưa thật sáng mà hình ảnh con đường đều thấy được cả, cút chó, hầm cầu sẽ không đạp phải, đi đường so với người chưa ngộ mau hơn mấy lần*), nhưng so với người đại ngộ

thì khác nhau như người ở đất bằng nhìn sơn hà đại địa, một người ở trên đỉnh núi Tu Di xem sơn hà đại địa; Sự thấy của hai người đương nhiên khác nhau, nên người tiểu ngộ cần phải ngộ nữa.

Người khai đại ngộ tại sao ví như con chó bò qua đầu tường? Con chó nhốt trong sân, bốn phía là vách cao lăm không bò ra được. Ông đem chó nhốt vào trong, đương nhiên nó cần phải ăn, lâu không có ăn thì có phải sẽ bị chết đói không? Nó đương nhiên phải trèo, trèo không ra cũng phải trèo, trèo ra thì mới sống, trèo không ra thì bỏ mạng, vậy cứ trèo mãi rồi cũng có thể trèo ra được không?

Nhưng người đại ngộ trước khi chưa ngộ, hạnh dụng công thi hành như thế nào? Họ đề lên câu thoại đầu cũng có nghi tình mà không đề lên câu thoại đầu cũng có nghi tình. Đương nhiên trên nghi tình mà dụng công; Không dụng công, thôi dụng công cũng ở trong nghi tình. Cái tri thức của họ hiểu được cái đại nghi thuần nhất bất tạp này, từ cái đại nghi này cứ thẳng một đường mà nghi, thời gian lâu thì sẽ đạt đến “Trần tận quang sinh!”. Đến khi ấy hoặc không ngộ, nhưng hễ ngộ thì quán triệt khắp cùng trời đất.

Cái hành này cách dụng như thế nào? Cần phải hiểu câu thoại đầu này họ không dùng lời nói của người ta đâu. Ta cho các ông biết: Câu thoại đầu

này là câu ta giảng, cái dụng công của họ không phải theo câu của ta mà dụng đâu, mà là câu phát xuất từ trong tâm của chính họ ra. Trong tâm họ biết câu thoại đâu, cần phải biết trở về với chính mình, muốn từ trong tâm mình phát xuất ra câu thoại đâu, do chỗ này mà phát sinh nghi tình, nghi tức không hiểu niệm Phật là người nào? Chung quy “Nghi” này không buông. Lúc đầu là hoàn toàn ông không buông nó, dụng lâu rồi các ông tính buông nó cũng không buông được. Nếu các ông không dụng thì cảm thấy trong mình khó chịu, dụng công thì thân thể dễ chịu.

Từ chỗ này buông xuống cũng là công phu, dụng công lại càng có công phu: Đi, đứng, nằm, ngồi mặc áo, ăn cơm, tất cả chỉ là công phu. Dụng công được như thế là họ có tri thức khai được đại ngộ, không dụng như vậy thì không được; Công đáo tự nhiên thành “Qua thực để lạc, thủy đáo cù thành” (*Dưa chín cuống rụng, nước chảy thành dòng*), không cần mượn sức dũng mãnh, cho nên công phu của họ là thuần túy vô thô.

Họ có cái tri thức này rồi họ cứ một mạch đi thẳng trên đường này thì đương nhiên sẽ có kết quả. Công phu dụng đến chỗ này “Chạm nhầm”, “Dụng phải” đều được khai đại ngộ. Cũng như con chó muốn trèo qua chỗ ấy, muốn mãi thì bốn chân, mất,

mũi, tai, toàn thân, toàn tâm đều muốn trèo, trèo một lần, hai lần, ba lần thì có thể bò qua được. Đại ngộ cũng như vậy, bởi công phu của họ dụng đến lúc này thì tự nhiên sẽ ngộ thôi.

Vậy thì tiểu ngộ như chuột chui sùng trâu, quay đầu trở lại, đường tuy có lớn nhưng vẫn còn là con đường, có đường ấy là có người, cho nên còn người là còn đường đi. Đại ngộ như con chó bò qua vách tường, bò ra được thì xong ngay. Nhưng cái việc bò qua thì từ từ ta sẽ giảng cho các ông nghe. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 2 tháng 12 (Thất bảy ngày thứ tư)

“Chính ngay lúc dụng tâm, ngay đó không tâm dụng; không tâm ngay đó dụng, thường dụng ngay đó không”. Bốn câu này là của Vĩnh Gia đại sư nói ra. Người dụng công đối với công phu của mấy câu nói này cần phải linh hôi.

Các ông có hiểu được công phu của mấy câu nói này đến chỗ nào không? Để ở chỗ nào không? Các ông đều là người dụng công chẳng lẽ mấy câu nói về công phu này mà không linh hôi được sao? E rằng các ông thật chẳng biết.

Nay ta giải thích qua cho các ông: Câu thoại đầu

đề lên cho đứng đắn, ngay khi dụng tâm quay lại xem thì thấy chẳng có tâm để mà dụng, lúc không có nổi tâm dụng thì ngay đó đang được dụng, dụng lâu rồi thì cái đang đó cũng không có. Nói như vậy đại khái các ông có thể hiểu rõ được một chút.

Nhưng ta nói thế muốn các ông công phu đến chỗ này thì mới có thể linh hội được, nếu không, ông chỉ nghe ta nói mà linh hội được hoặc từ chỗ học mà linh hội thì đều vô dụng cả. Tại sao vậy? Vì việc người ta có dính dáng gì với ông đâu? Thí dụ ra cửa chùa đi Dương Châu trên đường có miếu Long vương, đền Thổ địa, có cầu có cống v.v... người đi qua mà còn không hiểu được chăng? Cái mình học được, cái nghe người ta nói lại thì nói chung chẳng thể nào đáp cho trót lọt cả được. Cái chỗ hành của công phu chân chưa chạm đất đó, ta giảng sơ cho các ông nghe: Ngay khi có tâm dụng, ngay đó không có tâm biết, đều không ngoài cái hữu tâm dụng, vô tâm dụng.

Thế nào là hữu tâm dụng? Thế nào là vô tâm dụng? Trước hết phải biết câu thoại đầu ta tham là của chính ta, nếu là từ người mà đến thì hữu tâm và vô tâm đều dùng không được. Tại sao vậy? Câu “Niệm Phật là ai?” là câu của người ta, không phải thứ công phu này, đối với cái vô tâm hữu tâm thì còn xa lắm! Cho nên mới nói là không dùng được.

Vậy làm sao mới được tương ứng? Trước tiên phải

từ trong tâm mình xuất phát cái không biết niệm Phật là người nào, nếu không tìm ra người ấy thì khổ hải vô biên rồi (*Khổ lăm*); Có tìm được người đó thì mới ra khỏi biển khổ này được. Có cái khẩn thiết này, cái niệm không lo không được, câu thoại đầu ở chỗ này đương nhiên sẽ đắc dụng; Cái không rõ ràng (*Nghi Tình*) này, niệm niệm có đắc dụng, tâm tâm có đắc dụng thì đều xuất phát từ trong tâm của chính mình ra cả. Đó là cái công phu của chính mình hành đến thì sẽ có công phu thâm nhập.

Nếu muốn nghe ta hoặc Sư Ban Thủ giảng “Người niệm Phật là ai” thì phải tham, tham cho thông, tìm đến được người này thì được ra khỏi biển khổ, nếu tham không thông, người này không tìm được thì biển khổ không ra được. Các ông tưởng tham như vậy là đúng, chúng ta tham như vậy thì chỉ là bè ngoài thôi, cái tham như thế không là hôn trầm thì là vọng tưởng. Vì ông là người dụng công ngoài mặt, chính mình thì chẳng làm việc gì, đương nhiên muốn nổi vọng tưởng; Trong tâm đã không có dụng công khẩn thiết, dụng công ngoài mặt thì làm sao kéo dài được? Cho nên không từ tâm của mình phát xuất ra thì là của người ta thôi. Giả sử là do tâm của ông phát xuất ra thì đương nhiên sẽ đắc dụng, còn dùng không hết nữa.

Giống như mượn tiền tiêu vący; Mình không có tiền thì muốn mượn của người ta, mình có tiền rồi

thì khỏi đi mượn. Tự mình có tiền tiêu là trường hợp nào? Mượn tiền người ta là trường hợp nào? Có thể nói tóm lại như vậy: Tham câu thoại đầu không có nghi tình thì cũng giống như niệm thoại đầu, đó tức là dùng câu thoại đầu của người ta. Nếu khi tham câu thoại đầu trong tâm cảm thấy thắc mắc nổi lên nghi tình thì đây mới là tham câu thoại đầu của chính mình. Tham câu thoại đầu của chính mình tức là tiêu tiền của chính mình, tham câu thoại đầu của người ta tức là mượn tiền của người ta tiêu vậy. Vì vậy nói: Sai một ly thì cách xa như trời với đất.

Vậy công phu của mình đắc dụng rồi thì các ông còn chịu buông tay ư? Đương nhiên cứ thẳng một đường hướng về phía trước mà dụng đi, thời gian dụng công lâu đi rồi, lúc đó các ông muốn nghỉ một chút cũng không được. Việc nghỉ ấy không phải do ông nữa, vẫn còn câu thoại đầu, muốn buông mà buông không được; Không cần các ông tìm nó mà tự nó niệm niệm đều hỏi không dứt; Buông cũng không được mà đè cũng không cần đè, công phu không bị gián đoạn chút nào; Hữu tâm cũng là dụng mà vô tâm cũng là dụng, hoàn toàn không cần ông có tâm.

Có được công phu như vậy thì mới kể là ông đến được lúc vô tâm dụng, cũng gọi là đến thoại đầu. Cái vô tâm này lấy gì mà nghiệm được? Ví dụ như đi cầu, lúc vào nhà tiêu, hay khi bước đi vẫn còn có công phu, kéo quần thì công phu bị mơ hồ rồi, đến

khi ngồi xuống thì luôn cả cái mơ hồ cũng không còn. Đến đây thì nghi tình không còn nữa, chỉ còn biết mình ngồi trên bàn cầu. “Cái biết” này... còn kể ông là vô tâm sao? Vô tâm thì không có tâm để biết. Tại sao vậy? “Chẳng thể dùng trí biết, chẳng thể dùng thức hiểu”. Nếu cứ có tâm để biết thì ấy là tâm sinh diệt. Việc từ vô tâm về sau, từ từ ta sẽ giảng cho các ông sau. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 3 tháng 12 (Thất bảy ngày thứ năm)

“Hữu tâm dụng đến chỗ vô tâm, vô tâm không cho hữu tâm biết”. Hai câu nói về công phu này nếu các ông hành đến được thì đối với giai đoạn công phu này mới là thấy được xác thật. Con đường đi này đã gần đến đích, đã sắp ngộ rồi.

Dụng công chưa đến chỗ này thì đương nhiên cần nói đến tâm. Chữ tâm là tổng danh, nói sơ lược có ba thứ ấy là: Tán loạn tâm, hữu tâm và vô tâm; Dù ông nói thế nào, người dụng công cũng chẳng thể lìa ba thứ tâm này.

Thế nào là tán loạn tâm? Ấy là trước khi chúng ta dụng công, nào là tham, sân, si, nào là nhận, ngã, nghiệp thức, phiền não v.v... những tâm này gọi chung là tán loạn tâm. Nhưng khi ông ở trong

tán loạn tâm này ông lại không biết đó là tán loạn tâm. Thứ tâm này vì quá nhiều như cát vãi chẳng thể kết tụ lại. Hạt cát này không dính với hạt cát kia, tâm niệm chúng ta cũng giống như những hạt cát ấy, không dễ gì bóp dính thành một cục được. Nếu ông có quyết chí không bóp không được thì lâu ngày cũng có thể bóp thành một cục vậy (*Mồ hôi nước mắt ra nhiều thì cũng có thể dính thành một cục được*).

Ví như công phu của chúng ta ban sơ không hiểu dụng công, cứ ở trong tán loạn tâm cho qua ngày giờ. Những tán loạn tâm này tức là nghiệp thức tràn lao thiện ác biến hóa, tạo thành những thứ nghiệp thế gian như sanh tử, thiên đường, địa ngục v.v... hôm nay tham câu thoại đầu muốn đem cái tâm tạo nghiệp sanh tử thế gian đều ngưng nghỉ hết, chỉ dùng cái pháp thiền xuất thế gian này để lìa khỏi sanh tử, ban sơ không dễ gì làm được cũng như muốn bóp cát thành một cục vậy.

Dụng công tham lâu ngày những tạp niệm tán loạn sẽ bớt đi, tham lâu nữa sẽ hết, chỉ còn một câu thoại đầu cũng như cát vãi đã được bóp thành một cục vậy. Những tán loạn tâm đó đều thu nghiệp lại vào câu thoại đầu này, câu thoại đầu này tức gọi là Hữu Tâm.

Lúc hữu tâm, chỉ thấy được lúc trước đó là tán

loạn tâm, chẳng thể thấy được cái vô tâm sau này. Tại sao vậy? Nếu ông không dụng công đương nhiên chẳng biết được hữu tâm. Có tán loạn hay không có tán loạn tất cả đều do chữ “Hữu” này mới biết.

Hôm nay dụng công đề lên câu thoại đầu, vọng tưởng liền đến, theo đó mà xem thì chỉ khi dụng công mới biết được cái tâm niệm trước kia là tán loạn lăng xăng, tức là nhờ câu thoại đầu này mới thấy được cái tâm tán loạn kia.

Ví như một người xuất thân là kẻ cướp, ở trong hang ổ bọn cướp suốt ngày chỉ nghĩ cách cướp giựt tài sản người ta, họ đâu có nghĩ mình là kẻ ăn cướp không tốt. Cần phải bảo họ lìa khỏi hang ổ cướp rồi họ mới biết được trước kia họ là ăn cướp, về sau đương nhiên không chịu đi làm việc cướp giựt nữa, cũng như trước khi chưa dụng công không biết tâm mình là tán loạn tâm, tham câu thoại đầu rồi mới biết trước kia là tán loạn tâm không tốt vậy.

Tại sao nói vô tâm chẳng cho hữu tâm biết? Cũng như kẻ ăn cướp này đã biết không tốt, không muốn đi cướp giựt nữa thì phải xa lìa cái hang ổ của bọn cướp mới được.

Nếu ông không xa lìa họ, ông muốn làm người tốt cũng không được. Bởi vì họ thấy ông không đi làm ăn cướp cũng muốn ông đi, ông không đi họ cũng không cho ông tự do. Nếu ông xa lìa họ, họ không thấy ông đương nhiên được bình an vô sự.

Giả sử bị họ thấy được ông thì ông muốn làm người tốt cũng không được.

Ông đã xa lìa hang ổ, bọn cướp không thấy ông, ông mới có thể làm người tốt. Cũng thế, vô tâm ví như người tốt, nếu muốn biết họ là người tốt thì cái năng biết này của ông, tức là hữu tâm, chính là thằng ăn cướp. Cho nên nói vô tâm chẳng cho hữu tâm biết là vậy. Tóm lại có cái hữu tâm để biết thì không kể ông là vô tâm.

Vậy hiện tại các ông đều là lúc hữu tâm, công phu vô tâm thì chưa đạt đến, nhưng cũng không thể bảo nó là tán loạn tâm được, đây là lời nói sát với thực tế. Nếu nói các ông hãy còn là tán loạn tâm thì chèn ép các ông; Dù có vài vị tán loạn tâm cũng không cần nói đến họ.

Chúng ta chỉ mới nói đến cái hữu tâm hiện tại này thôi; Câu thoại đầu vừa đề lên thì vọng tưởng cũng nổi lên, đã vọng tưởng thì đương nhiên phải có tướng mạo của vọng tưởng, cũng như nổi vọng tưởng Thượng Hải thì tướng Thượng Hải sẽ hiện ra.

Hôm nay bảo các ông tham câu thoại đầu, muốn các ông tự hỏi lại câu thoại đầu trong tâm mình, khởi lên nghi tình, thì không tướng, thực tướng, phi không phi thực tướng, diệc không diệc thực tướng, tất cả đều không có. Lời nói của Giáo Môn hoặc chân như, hoặc nhất chân pháp giới v.v... Thiền

Tông thì không nói như vậy, câu thoại đâu không có nhất thiết tướng.

Ta nói thêm để cho các ông nghe, muốn các ông dễ dàng biết được về trình tự của công phu này: Trước khi đê lén câu thoại đâu, vọng tưởng cũng có, nghiệp chướng cũng có, lần lần vọng tưởng cũng không nổi mà nghiệp chướng cũng không khởi ra, công phu không ngừng đặc dụng, thuần thực thêm nữa, công phu thành phiến, thì mới có thể gọi là “Lạc đường tự tại” được.

Nếu các ông đến được mức này, ta có bảo các ông buông bỏ công phu để nổi vọng tưởng thì dù các ông có muốn nổi vọng tưởng cũng không nổi lên được. Chỉ còn thuần một nghi tình miên miên mật mật (*Liên tục không gián đoạn*), tất cả niệm khác đều bắt, có muốn nổi cũng nổi không được.

Như thế khi chân nghi hiện tiền đương nhiên tất cả tướng đều không còn. Chẳng những quỷ thần không thấy ông, Diêm La Vương cũng không thấy ông. Diêm Vương đã không thấy ông thì sanh tử đặt ở chỗ nào? E rằng Phật Thích Ca cũng không thấy, nếu bị Phật Thích Ca thấy đến thì chẳng những có sanh tử lại còn có Niết Bàn nữa.

Khi chúng ta chân nghi hiện tiền thì sanh tử chẳng trụ Niết Bàn cũng chẳng trụ vậy. Các ông hãy phát tâm, tham đi!

KHAI THỊ

Ngày 4 tháng 12 (Thất bảy ngày thứ sáu)

“Chớ nói vô tâm tức là đạo, vô tâm vẫn cách khoảng đường xa”. Mấy lời nói này với các ông thì thật không có gì để giảng, vì các ông cũng không hoàn toàn muốn nghe nữa, bởi trên tâm hạnh các ông còn thiếu xa lăm. Nhưng ta không thể không hết thiên chức của mình để giảng thứ tự lớp lang cho các ông nghe.

Người dụng công đối với danh lợi, vinh quang, oán thân, tham ái, sân hận trên đời v.v... gọi chung là việc thế gian sự cần phải cho nó chết, một tí cũng không còn. Người xưa có đại tử đại hoạt, tiểu tử tiểu hoạt tức là lý này. Sao gọi là tiểu tử? Đó là biệt danh của tiểu ngộ. Đại Hoạt là biệt danh của Đại Ngộ.

Vậy tiểu tử là thế nào? Thân tử là tiểu tử, tất cả đau ngứa trên thân mình đều không biết, cũng giống như một “Hoạt tử nhân”, thân tuy chết nhưng tâm không chết, tâm vẫn còn sống động, ấy tức là tiểu tử.

Thế nào là đại tử? Tức thân tâm đều chết, tâm chết, chỉ cho câu thoại đầu tâm tâm dụng, niệm niệm dụng, bận rộn cũng dụng. Tuy dụng như vậy mà không cho biết là trong cái dụng như thế; Nếu

biết được có câu thoại đâu, có cái dụng trong lúc bận rộn thì tâm chưa chết.

Vậy lấy gì chứng cớ rõ ràng được? Tâm ông đại tử rồi ta sẽ hỏi ông: Ông tên gì? Nếu ông trả lời được thì ông chưa chết, nếu ông trả lời không được, không hiểu mình tên gì mới kể là tâm của ông chết rồi.

Ta hỏi các ông: Đại tử có không? Nay đã được bảy thất rồi, công phu không dụng đến đại tử thì làm sao đạt đến đại hoạt được? Đúng ngay đây các ông hãy tự hỏi lòng xem, cái chết đến được trình độ nào? Nhưng những lời này không phải ta nói bậy, chính ta từng đi qua trên con đường này rồi.

Lời nói người xưa các ông không tin, ta cũng không tin, tại sao vậy? Vì chưa thấy làm sao mà tin được? Nay ta đem việc chính ta đã đi qua, nói cho các ông nghe, đại khái các ông sẽ tin.

Khi ta ở chùa Kim Sơn, bốn người cùng ở một căn phòng, gặp đúng tên bốn người đều chữ “Diệu”, trong đó có Sư đệ ta là Diệu Phong. Ta một mình nằm dưới đất, ba người kia ngủ trên giường, họ cảm thấy ngại, bảo ta: “Này thầy! Thầy lên giường nằm đi”. Ta cũng không để ý đến lời họ kêu ta hay không, ta cứ nằm dưới đất.

Sư đệ của ta muốn nói chuyện với ta mãi, ta cũng không để ý đến. Ông ấy nói:

- Thầy là người Hồ Bắc phải không?"

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Ông ta nói: Thầy là Diệu Thọ, pháp hiệu Tịnh
Như phải không?

Ta nói: Niệm Phật đáo để là ai?

Ông ta nói: Ông đại khái là sư huynh tôi!

Ta nói: Niệm Phật cứu kính là ai?

Làm cho ông ta không biết làm thế nào, một
mùa đông hỏi ta mấy lần như vậy ta đều trả lời như
thế, ông ta muốn ta nói một câu khác hơn, nhưng
vẫn không được. Đến kỳ nghỉ tháng giêng ông ta trở
về tiểu miếu (*Chùa Sư Phụ*), Sư Phụ hỏi đến ông ta:

- Sư huynh ông ở chùa Kim Sơn ông có biết không?

Ông ta nói: Con biết, khi nói chuyện với Sư
huynh thì Sư huynh không trả lời đúng câu hỏi, nên
con không biết đích xác có phải hay không?

Sư Phụ nói: Hãy mau kêu nó về đây!

Ông ta lúc đến Kim Sơn nắm chặt tay ta nói:

- Tôi nói thầy là sư huynh của tôi sao thầy không
trả lời cho tôi biết? Đúng thầy là sư huynh của tôi!

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Ông ta nói: Không cần biết ai hay không ai, thầy
hãy theo tôi về chùa!

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Ông ta nói: Sư phụ bảo tôi đến kêu thầy về, thầy không thể không về được.

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Làm cho ông ta không biết làm cách nào, chỉ lôi cánh tay ta mà nói: Thầy sao kỳ cục quá! Bảo về thăm Sư Phụ đâu có bao xa, ở Câu Dung thôi, sao không chịu về?

Ta nói: Niệm Phật là ai?

Ông ta thả ta ra nói: "Thôi! Thôi đi!" rồi bỏ đi về.

Các ông thử nghĩ ta lúc ấy những việc cần thiết trong việc giao thiệp nhất đều làm chết tiệt hết, không còn có ta nữa. Các ông được mấy ai hành giống như ta? E rằng các ông không những biết tên những người ở quảng đơn phía Đông, phía Tây nữa.

Các ông thử nghĩ: Ta làm người như thế này đến nay đã bốn mươi năm vẫn còn là người thường, các ông công phu chưa đạt đến chỗ này thì làm sao khai ngộ được? Thật đáng tiếc! Các ông chưa có một ai bám chặt đến chết câu thoại đầu mà nhận chân ôm chặt tử cú này (*Thoại Đầu*) mà cắn mãi; Không hỏi khai ngộ hay không, cứ chỉ là dụng công phu, một mạch đi thẳng, chết với câu thoại đầu, chết đến cùng còn sợ không hoạt ư ?

Nay các ông không những không chịu chết mà còn muốn suy nghĩ này nọ, suy nghĩ một vài câu để

sắp đặt, thí dụ như tưởng rằng: “Đúng rồi! Đây chính là công phu của ta!”. Các ông có khổ không? Lại nữa, hoặc có thể chết được một lát, sáng chết đi, tối nghĩ lại: “Không phải! Chết chẳng được danh giá gì, cũng chẳng thích gì câu thoại đâu, cần phải sửa lại câu thoại đâu!”. Ví như sáng gieo mạ, tối muộn gặt lúa ngay, không có lúa gặt, lại cày tiếp rồi lại trồng đậu thì cũng như vậy.

Các ông xem! Công phu như vậy mà còn kể được là tham thiền sao? Đại đa số các ông là như vậy. Tự các ông hỏi lại mình xem có đúng hay không đúng.

Theo công phu các ông như vậy, ta còn muốn giảng gì cho các ông nghe nữa không? Tại sao vậy? Ta giảng đến chỗ nào thì muốn các ông hành đến chỗ đó. Cái hành của các ông tức là lời ta giảng, các ông phải hành như vậy mới đúng, mới gọi là “Ngôn hành tương ứng”. Ta giảng đến đâu các ông theo không kịp, đó không phải là phí công ta giảng sao?

Tuy nói như vậy các ông mấy chục người cũng phải có một vài người công phu thâm nhập; Không cần nhiều, chỉ có một người công phu được đến chỗ ta giảng thì chẳng thể nói là không có người nào, đã có một người như thế, đương nhiên ta phải giảng tới nữa cho người đó nghe.

Các ông phải sống chết với câu thoại đâu này, đến cả tên mình cũng không biết, có công hạnh như

vậy thì hành ra sao? Muốn các ông dụng câu thoại đầu cho đến lúc không biết luôn là có câu thoại đầu, người không biết, ta cũng không biết. Nhân ngã tại sao cũng không biết? Nhân túc là thế giới hư không, ngã là cái thân bằng xương, bằng thịt này. Giáo môn nói: “Ngoài lục trần, trong lục căn, ở giữa là lục thức”. Thiền Tông thì không nói như vậy, đâu tiên cả thế giới hư không đều quên hết, chết hết. Vậy thì thế giới hư không đã không có thì ta ở chỗ nào? Thân thể này của ta đã chết rồi thì sự đau ngứa trên thân, mặc áo ăn cơm, đói lạnh có còn chẳng? Đã không có những cái đó thì nhất định tất cả đều không có. Vậy tên có còn không? Các ông nghĩ xem có đúng không?

Vậy thì trong cũng quên, ngoài cũng quên, chỉ còn câu thoại đầu ở giữa trong chúng ta. Thoại đầu thì cần phải tham, trước thì lịch lịch, minh minh mà tham, sau lại thanh thanh, triệt triệt mà tham rồi thêm tinh tiến dũng mãnh mà tham.

Các ông tham đến lúc này liên tục không gián đoạn, ta hỏi các ông: “Thế giới, nhân ngã, hư không có còn chẳng?”. Ông nói: “Không có”. Tốt lắm! Ta lại hỏi: “Ngã có còn không?”. Ông nói: “Cũng không có!” Ta nói: “Tốt lắm!” Ta lại hỏi thêm: “Tâm ông có còn không?”. Ông trả lời: “Không có”. Ta lại hỏi: “Tâm đã không có thì lời nói trong miệng từ đâu lại?”. Nếu ông nói: “Có”, thì ta sẽ hỏi ông: “Cái chữ “Có”

này là ở trên câu thoại đầu hay là câu thoại đầu ở trên chữ “Có?”. Các ông thử trả lời ta một câu xem! Ta muốn xem công phu của các ông đạt đến trình độ nào? Hãy phát tâm tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 5 tháng 12 (Thất bảy ngày thứ bảy)

“Căn trần thức đều bỏ, tâm ý thức đều quên, mười phương hư không đoạn dứt, chẳng còn tên gọi Thánh phàm”. Bốn câu này có liên hệ đến việc khai ngộ và tin tức khai ngộ trên đường dụng công phu, chúng ta nghiên cứu thử xem. Nếu người có chút công phu nghe rồi sẽ hiểu ngay. Còn những người không dụng công hoặc không nghe có thâm nhập tí gì, nghe những lời này thì một chút mùi vị cũng không có.

Theo các ông suy nghĩ thì: “Căn trần thức, tâm ý thức đều bỏ hết, quên hết rồi thì không làm gì được nữa”. Các ông hãy nghĩ xem đúng hay không? Khi căn trần thức quên rồi thì lúc ấy các ông sợ rằng đâu thể làm gì được nữa? Các ông không những không muốn quên mà còn không chịu quên. Vậy đối với loại người như các ông không nên nói những lời này.

Cần giải thích cho các ông: Trong Thiền Tông

căn là thân, trần là ngoại cảnh. Trong Giáo Môn căn là lục căn, trần là lục trần, mỗi căn đối với một trần, trong đó lại có một thức. Thiền Tông nói tâm ý thức tức là tâm biết khởi niệm, phân biệt tất cả; Nói tóm lại là tâm ý thức. Giáo Môn lại không nói như vậy mà nói tiền ngũ thức, rồi lục thức, thất thức, bát thức.

Người dụng công tại sao cần phải bỏ, cần phải quên? Vì những thứ này đã làm ta bị bó buộc từ vô thiếp đến nay; Nếu ta không chịu bỏ hết, quên hết thì không biết sẽ còn bị bó buộc đến ngày nào nữa! Nên cần phải bỏ cho sạch hết thì mới có thể làm việc trong nhà mình, mới có thể đi con đường về nhà của ta.

Những thứ này đối với ta rốt cuộc có quan hệ như thế nào? Cần phải biết rõ: Chúng ta sinh tử không dứt, bởi vì cái tâm phàm phu hiện nay, vì có tâm nên có thân, có thân tâm nên mới có thế giới, lại bị thân tâm thế giới bó buộc chúng ta quá chặt chẽ. Cho nên muốn dứt thân tâm thế giới thì cần phải dứt nhãm, nhī, tỗ, thiệt, thân, ý (*Đây là căn mà căn ở trên thân mình*), dứt sắc, thính, hương, vị, súc, pháp (*Là trần mà trần lại ở trên thế giới*), và dứt luôn thức (*Thức do tâm mà có*), dứt được căn trần thức tức là dứt (*Liễu*) được thân tâm và thế giới. Trong Giáo Môn vậy là rất tốt và rất cao, trong Thiền Tông thì là việc chưa đáng kể.

Cái ta giảng hôm nay là của Thiền Tông chứ không phải Giáo Môn. Tại sao? Thiền Tông còn có gì đặc biệt khác hơn? Khác ở chỗ nào? Sự liễu của Giáo Môn là cho họ đã dứt được rồi, nay Thiền Tông muốn liễu cái liễu của Giáo Môn. Thí dụ họ dùng tay để liễu thì ta cần liễu cái tay của họ, họ dùng chân để liễu thì ta cần liễu luôn cái chân của họ.

Tại sao? Cần phải biết: Dù lực lượng thân tâm thế giới có lớn thế nào cũng không lớn bằng lực lượng “Liễu” của thân tâm thế giới; Chữ “Liễu” này các ông không dễ gì hiểu được. Thí dụ: Tất cả đường đi đều như thân tâm và thế giới, muốn liễu những con đường này thì cứ dùng chân đi đến cùng tột thì liễu được thôi! Những con đường liễu được đó là do chân đi mà liễu, hai chân này tức là chân để liễu con đường, cũng là chân để liễu thân tâm và thế giới. Lực lượng của hai chân này rất lớn, thiền đường địa ngục cũng do nó, thành Phật làm Tổ cũng là nó, luân hồi lục đạo cũng do nó, làm trâu biến ngựa, thành côn trùng cũng không ngoài nó.

Trong Thiền Tông muốn liễu thì trước tiên phải liễu hai chân này. Các ông xem: Sự “Liễu” này có phải là đoạn dứt mười phương không? Các ông nghĩ xem công phu như vậy đã đến nhà được chưa? Theo ta thì chưa được. Tại sao? Công phu tuy có nhưng vẫn chưa khai ngộ, gọi là giữa đường.

Những lời này vốn chẳng muốn giảng, có

giảng cho các ông nghe cũng là vô vị. Nếu như ta nói đến đâu các ông hành được thì ta cũng nói được, mới có thể nói là thuyết đến đâu hành đến đó. Ta thuyết được các ông hành không được thì còn đâu là tốt được?

Tuy nói như thế, nhưng các ông tuy chưa hành đến, ta nói vậy cho các ông nghe, tương lai các ông cũng sẽ có thể y theo lời ta mà nói cho người khác nghe. Khi các ông hành đến chõ lời ta giảng thì mới biết được tâm can của ta! Nếu không thì ông nói ta là Diệu Thọ, ta nói không phải, ông nói ta là Lai Quả, ta cũng nói là không phải, có thể nói là gặp mặt mà không biết người, vậy các ông còn biết chăng? Đối với Thiền Tông những việc này cũng không coi là kỳ lạ.

Nay ta theo thứ tự giảng cho các ông nghe. Sự thật thì không có thứ lớp, không cần đôi chân để đi mới đúng, luôn cả chân cũng không cần đi đâu còn thứ lớp gì nữa? Không phải bốn mươi bốn cấp bực hay năm mươi lăm cấp bực của Giáo Môn, tu đến cấp bực nào thì chứng quả cấp bực đó, từ bước một mà bước, nếu muốn một bước lên hai cấp cũng không được. Thiền Tông chẳng những không có cấp bực mà luôn cả hai chân cũng không cần, nhưng vẫn ngồi trên cao được, so với họ vẫn còn cao hơn nhiều.

Vậy đoạn dứt mười phương là bằng cách nào?

Cần phải biết nếu có thể giới thân tâm để liễu thì phải có ta năng liễu. Ấy đều là lời nói của Giáo Môn: “Có năng có sở, năng sở đều liễu, chính giữa cũng không trụ”, gọi là Tam luân thể không. Thiền Tông thì không phải vậy, chỉ cần câu thoại đầu một mạch tiến đến, không rơi vào cấp bức.

Trong Thiền Tông có công phu được như vậy có thể gọi là đoạn dứt mười phương chưa? Chưa đâu! Trong Thiền Tông cho đó là chưa vào cổng, còn ở giữa đường, còn là kẻ đứng ở ngoài cửa.

Tại sao Thiền Tông lại có chỗ sâu xa kỳ lạ như vậy? Các ông phải biết người sức yếu mà đến chỗ ngân sơn thiết bích (*Núi bạc vách sắt*) thì không có cách nào vượt qua! Nhưng những người có sức mạnh thì ngân sơn thiết bích chẳng thể nhốt được, khi họ đến chỗ đó thì một tay đập bỏ ngân sơn, một chân nhảy qua thiết bích mới là việc của họ.

Đợi khi các ông đập bể ngân sơn, nhảy qua thiết bích rồi thì ta mới nói chuyện đoạn dứt mười phương cho các ông nghe! Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 6 tháng 12 (Thất tám ngày đầu)

Người dụng công phải có công phu để dụng mới gọi là đạo nhân. Giả sử nói là người dụng công

nhưng đối với sự thực hành của chính mình thì lại không được công phu thì sao gọi là đạo nhân được?

Hành đạo cũng như đi đường, lúc đầu ở ngã tư đường đi qua đi lại thấy đông đảo, tốt quá, người đi lại thì nhiều, cái gì cũng có, lần lần hình như kẻ qua lại ít đi thì bớt náo nhiệt rồi. Đi nữa thì đến chỗ ven vùng sơn dã khó mà thấy được một người, vắng vẻ cả rồi, càng đi nữa thì đến chỗ thâm sơn cùng cốc, một người cũng chẳng có, cảnh vật thanh vắng, đường đi càng nhỏ.

Các ông người có dụng công đối với lời nói này ắt thấy rất tương ứng với mình, một điểm, một chữ cũng không sai. Người không dụng công được không biết lời của ta nói là gì, đường phố cũng không biết đường phố ở thị trấn nào, núi cũng không biết núi gì, đường nào cũng chẳng biết đường nào hết, thiệt làm cho người ta mò chǎng ra được! Đại khái các ông đều có loại tri kiến này.

Ta phải nói rõ cho các ông biết: Đây là lời nói về sự công phu, các ông đừng làm ở bề ngoài. Vậy đường đi dã hết, lần lần tới chỗ thâm sơn cùng cốc, đến chỗ này rồi thì còn đường đi nữa không? Đường thì không có để đi, nhưng trên công phu làm sao lanh hội được?

Lúc mới đầu đề lên câu thoại đầu thì vọng tưởng, phiền não, tham ái, si mê v.v... so với ngã tư thành

phố còn náo nhiệt hơn, bởi vì quá nhiều; Hôm nay cũng câu thoại đâu, ngày mai cũng câu thoại đâu, cũng như đi đường vậy, cứ tham chậm chậm; Câu thoại đâu tham lâu ngày rồi thì dần dần vọng tưởng, sân ái, phiền não v.v... đều bớt đi.

Lại nữa nghi tình biết đê lên rồi thì lần lần quen thuộc thôi! Nghi tình khi đã quen thuộc thì giống như đến nơi sơn dã vậy, vọng tưởng phiền não khó mà khởi lên được. Tham nữa, khởi nghi tình nữa thì nghi tình này sẽ thành khói thôi.

Con đường trước mặt ban đầu càng đi càng nhỏ lại, thanh vắng im lặng; Đến bây giờ khi nghi tình thành khói thì cũng không còn đường để đi nữa mà một chút mùi vị cũng không có, cô đơn thanh vắng, nhưng tri kiến các ông tưởng là: "Không đúng! Làm sao người dụng công trên công phu lại tạo thanh vắng làm gì? Náo nhiệt thì tốt biết bao, tại sao lại muốn cô đơn thanh vắng, một chút mùi vị cũng chẳng có làm gì?".

Đúng vậy! Nhưng ta nói: Muốn náo nhiệt để làm gì? Đường đi đã không có, náo nhiệt để ở chỗ nào? Không có được mùi vị thì còn có miệng không? miệng đã không có thì lưỡi ở đâu? Còn mùi vị hay không? Không có lưỡi thì không thể nào biết được, lưỡi đã không thì mùi vị từ đâu đến?

Đối với chữ Thiền đương nhiên cần phải tham. Nhưng công phu hành đến nơi còn nói chi là

Thiên? Thí dụ có bệnh mới uống thuốc, bệnh hết rồi còn uống thuốc làm gì? Nếu bệnh hết mà còn uống thuốc thì không đúng rồi! Bệnh hết thuốc nhất định phải bỏ. Lời này các ông có hiểu được chăng? Nếu những lời nói về công phu lúc mới đầu này có chút lĩnh hội thì cũng không có phụ các ông là người đả thiền thất.

Như thế đường ta nói đã đi xong chưa, có còn đứng tại chỗ này hay đã lùi về phía sau rồi? Còn đứng tại chỗ này thì không đúng, không thể xong việc, người đứng trên đường đã không đúng, sụt lùi lại càng không đúng nữa.

Đến thì cứ đến! Muốn các ông thối lui phía sau là lửa cháy rất mạnh, đương nhiên không lùi được, không lùi nhất định phải tiến về phía trước, không tiến được cũng phải tiến, đây không phải là việc dễ gì làm được. Muốn đuổi chân ra thì chân không có chỗ để đuổi, muốn đưa tay ra cũng không có chỗ mà đưa, các ông hãy nghĩ xem: Cũng như con dòi trong lu mặc dù bò qua bò lại còn có thể lăn lộn vài lần. Các ông nghi tình thành khối rồi, trong khối này còn được lăn lộn không? Sợ không dễ gì? Bởi vì cái khối này lớn quá, muốn đuổi chân ra thì một tí chỗ hở cũng không có. Trong hư không cũng ở trong khối này, ngoài hư không cũng ở trong khối này, thập phương chư Phật cũng ở trong khối này.

Các ông thử nghĩ xem: Chân này duỗi ra chỗ nào? Tay đưa ra chỗ nào? Nhô đầu ra đâu? Muốn duỗi chân một chút thì chỗ đưa chân cũng ở trong khối này, muốn đưa tay ra thì cũng ở trong khối này và nhô đầu ra cũng vậy. Không những tay chân không có chỗ đưa ra, chúng ta còn phải nghiên cứu xem xét rõ cuộc cái khói này là bao lớn? Con người của ta ở trong hay ở ngoài cái khói này? Bên ngoài còn có chỗ nào, mà ở trong thì tướng mạo ra sao? Các ông đều cần phải thấy được một tí mới tốt, cần phải rõ ràng thấy đến mới đúng; Chỉ nghe nói thôi thì vẫn còn là của ta.

Cái khói này lớn lăm, không những hư không bị nó lôi cuốn vào trong mà ngay cả Phật Thích Ca, các Đại Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm cho đến thập phương chư Phật đều bị khói này bao gồm vào trong. Thiên đường, địa ngục, sâu bọ con kiến cũng đều ở trong khói này, các ông hiểu hay không? Cần nghiên cứu xem, đây không phải là việc nhỏ đâu.

Tại sao? Các ông không nghiên cứu nó cho rõ thì nói làm sao là đập bể khói nghi? Làm sao đập vỡ được khói nghi? Nếu nói khói nghi đập bể đích thân nhìn thấy bốn lai diện mục là nói bậy! Ông nói ông thấy bốn lai diện mục của ông, như vậy còn có bốn lai diện mục của ta chẳng? Diện mục của người khác

có hay không? Cái diện mục này so với nghi tình thì lớn hay nhỏ hơn?

Nói câu “Đập bể khối nghi, dích thân thấy bốn lai diện mục”. Đó đều là do các ông học được bên ngoài mà thôi. Ta hỏi câu thứ nhất thì các ông đều đáp không nổi. Sở dĩ muốn các ông tự mình thấy được, muốn thiết thực thảo luận qua; Nếu không thấy được như vậy, thân thiết như vậy, dù cho các ông nói thật đập bể khối nghi thì vẫn còn là kẻ mang mặt nạ (*Bộ mặt giả*)!

Phải hiểu là “Vạn lý trình đồ thủy chung bất ly sơ bộ” (*Đường đi vạn dặm thủy chung không rời bước đầu tiên*). Nếu không thấy được rõ ràng, thì cứ sai mãi, ngàn sai muôn sai đều do cái sai này. Rất cần yếu hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 7 tháng 12 (Thất tám ngày thứ hai)

(Giảng sự tích Phật Thích Ca nửa đêm trông thấy sao sáng mà thành đạo và thuyết pháp v.v... nay lược bỏ).



KHAI THỊ

Ngày 8 tháng 12 (Thất tám ngày thứ ba)

Người hành đạo như trên đường vạn dặm trở về

nhà mà nay đã đi được hơn chín ngàn dặm rồi, chẳng bao lâu nữa thì về đến nhà. Tỷ như đỉnh núi muôn trượng, chúng ta từ chân núi mà trèo lên ngọn, một chân cút chó, một chân gai góc, muốn tìm một con đường lớn để đi mà không có, chẳng hỏi có đường hay không có đường mà chỉ hướng đi lên; Hôm nay cũng trèo, ngày mai cũng trèo thì trèo lên được thôi.

Trèo lên thì được rồi, đến đâu ngọn núi chỉ có chỗ để đặt một chân thôi, nhìn xuống là vách núi muôn trượng, động chân thì bước vào hư không, chung quanh đều không có chỗ. Đến chỗ này rồi đứng lại, đường như là tốt lắm, có thể nói: “Đỉnh núi muôn trượng”; “Đầu sào trăm thước”.

Đến nơi này rồi tốt thì tốt nhưng còn thiếu một bước đường, một vạn dặm đi được 99.999 dặm rồi, chỉ thiếu một dặm nữa thì sẽ đến cái nhà bản lai của chúng ta; Đến được nơi này rồi thì hy vọng vô cùng. Một dặm đường này chỉ cần các ông bước chân là có thể đến nhà, chỉ cần bước chân một chút thôi thì có thể hy vọng thành Phật, hy vọng làm Tổ, cho đến hy vọng siêu Phật việt Tổ cũng ở cái bước này.

Tại sao lại phải bước thêm một bước? Chỗ này đương nhiên là không tốt mà người xưa cũng đã nói như thế rồi. Tại sao vậy? Người xưa nói: “Người ngồi trên đầu sào trăm thước tuy là được nhập nhưng mà

chưa chân thật". Ấy là muốn nói: Lúc mà các ông đến đâu sào trăm thước rồi ngồi xuống tại chỗ đó không bước thêm về trước nữa, thì chẳng thể kể là người chân thật về đến nhà.

Ta hôm nay muốn hỏi các ông: Công phu có đến được chỗ này chưa? Những lời này là vì các ông cần công phu đến được chỗ này thì mới giảng cho các ông nghe; Trong kỳ thất thứ ba giảng mấy lời này là vô dụng vì công phu các ông không dụng đến được nơi này, nếu ở vào lúc bình thường lại càng không xong. Hôm nay đã được bảy, tám thất rồi, công phu đương nhiên phải đến chỗ này, các ông hãy nhủ lòng tự hỏi: Có hay không có? Nếu công phu đến được chỗ này thì tốt lắm! Ta nói như thế thì các ông nhất định lĩnh hội được; Bảo các ông bước thêm bước nữa thì các ông cũng có thể tin chắc mà bước tới, ấy chẳng phải là rất tốt sao?

Không có được công phu như thế thì ta uống công nói rồi! Còn chỗ nào là có ích đâu? Nhưng ta không thể vì các ông như vậy mà không nói ra; Công phu các ông không dụng đến, thất đã được bảy, tám kỳ rồi, đương nhiên muốn giảng đến chỗ này cho các ông, công phu các ông không dụng đến ấy là các ông phụ ta, không phải ta phụ các ông.

Nhưng mà “Đỉnh núi muôn trượng” chỉ là một ví dụ, về công phu của chúng ta thì lại là như thế nào?

Cần các ông linh hội một chút, từ chõ không biết mà dụng công, một chân cút chó, hôn trầm vọng tưởng, dụng đến thuần thực cho đến thành khôi tự tại, cho đến đỉnh núi muôn trượng. Nhưng mức công phu này làm sao đến được? Lúc công phu đến mức thành khôi thì phải quét bỏ cả tâm, ý, thức mới có thể đạt đến mức này.

Nói cho rõ ràng một chút: Tâm là cái năng tri, tất cả thiện ác, thế gian xuất thế gian là sở tri của tâm, cái tâm này phải lìa bỏ. Ý nghĩa là tất cả pháp, chẳng kể là pháp Đại Thừa hay Tiểu Thừa, nếu dùng bộ não suy nghĩ một chút thì liền rơi vào ý thức, cho nên cũng cần phải lìa bỏ. Đó là chuyện trong Thiền Tông, tuyệt không phải là chuyện trong Giáo Môn đâu, mọi người cần phải nhận biết cho rõ ràng. Giáo Môn không có chuyện như thế đâu!

Nói đến chữ Thức tức là muốn các ông nhận chân mà tham thiền! Vậy thế nào là chân tham? Chân tham là vô tham. Ý nghĩa câu nói này ta lại phải phân biệt giùm cho các ông một chút, vì câu nói này ta lại phải phân biệt giùm cho các ông một chút, vì câu nói này người hiểu lầm rất nhiều.

Tại sao vậy? Người không biết dụng công nghe câu nói này bèn nghĩ: “Tốt lắm! Chân tham là vô tham, ta quả không biết tham tức là vô tham, ấy chẳng phải là chân vô tham sao? Vậy không cần phải dụng công nữa rồi!”. Ông cứ cho đấy là rất

đúng: “Ta là vô tham”. Kỳ thực cái vô tham này của ông là cái vô tham của lục đạo luân hồi, không phải là cái vô tham siêu Phật vượt Tổ!

Cái vô tham đó là công phu dụng đến thành khôi mà chẳng biết có sự tham chứ chẳng phải là không có tham. Ta hôm trước đã giảng về nghi tình thành khôi rồi, thập phương chư Phật, hết thảy Bồ Tát, lịch đại Tổ Sư đều ở trong cái khôi nghi này, không cho các ông biết công phu của cái nghi tình thành khôi này, tham cho đến chỗ này không biết mình đang tham, đó mới là vô tham.

Cái vô tham này của các vị ấy có giống cái vô tham của người hiểu lầm không? Nếu mọi người đã tham và chân tham cái vô tham này, như thế thì cái vô tham này do chân thật dụng công tự nhiên đến chỗ mà không còn tự biết, còn cho các ông phân biệt chẳng? Hễ cứ muốn phân biệt thì rơi vào cái thức ngay! Cho nên không cho tâm biết, không cho ý suy nghĩ, không cho thức hiểu thì mới kể là đến được “Đỉnh núi muôn trượng” cũng là “Đầu sào trăm thước”.

Ta muốn hỏi các ông công phu có đến chỗ này chưa? Các ông cứ cho việc này là khó lăm, ta bảo là không khó. Các ông cứ tự mở mắt ra xem, nơi các ông đứng là nơi nào? Công phu đến nơi này, há có lẽ nào mà không thấy được chẳng?

Nhưng mà ta muốn hỏi các ông: “Công phu có dụng đến chỗ này chẳng?”. Các ông đáp: “Tôi đến rồi!”. Ta lại hỏi: “Nơi này mở mắt ra xem còn có gì nữa không?”. Các ông cần trả lời ta mới đúng. Còn có người không? Còn có ta không? Còn có Phật không? Còn có Pháp không? Còn có Tăng không?

Các ông nếu trả lời ta: “Có”, đã nói là có thì cái có này từ đâu mà có? Nếu nói không có thì các ông ở chỗ nào? Đây không phải là việc nhỏ đâu, ta hỏi các ông, các ông phải biết thật rõ ràng mới đúng. Nếu các ông có thể dụng công phu đến chỗ “Đầu sào trăm thước” thì nhất định biết thôi.

Phải hiểu được rằng: “Công phu đến được chỗ này thì rất có hy vọng hễ tiến thêm một bước thì thọ dụng vô cùng”. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 9 tháng 12 (Thất tám ngày thứ tư)

“Vực thẳm buông tay, chết rồi sống lại” (*Huyền nhai tán thủ, tuyệt hậu tái tô*), hai câu nói này người đã ở chốn thiền lâm đại khái đều có nghe qua. Nhưng mà nghe thì cho ông đã nghe qua, mà hành thì không cho là các ông hành qua. Tại sao vậy? Nếu ông đã từ chỗ này hành qua một chút, thì hôm nay các ông chẳng phải là một người như thế này.

Đối với công phu hai câu là công phu gì? Cần phải giải thích rõ rệt cho các ông một chút: Thiền Tông vốn không mượn lời nói, nhưng vì dẫn dắt các ông hành đạo, nếu không nhờ lời nói thì lại chẳng có đường để đi, cho nên ở phía trước ta nói, các ông có thể theo lời ta nói mà hành cho đến, cái lời nói phương tiện này thì không thể thiếu được.

Cũng như hôm qua ta có nói đến đỉnh nhọn ở trên đầu núi, từ chỗ này mà bước thêm một bước nữa thì lọt vào hư không, thế không phải là vực thẳm buông tay sao? Nhưng cái bước này rất là quan trọng. Tại sao vậy? Trước mũi chân là hư không, vậy muốn bước chân này phải bước như thế nào? Cái bước này động được thì phỏng có đường đi không? Không thể bước đi trong hư không được, vậy có người nào làm được cái chuyện bước đi trong hư không chăng? Quả chăng phải là chuyện chơi!

Đối với người công phu đến được chỗ này thì họ tự biết rõ là có con đường này, họ không những buông tay đi mà còn buông chân để chạy nữa, đi qua Đông qua Tây, đi lên đi xuống, tùy họ đi như thế nào cũng có đường đi cả.

Người không có được công phu như vậy thì đáng tiếc lắm! Nghe ta nói thì sợ muốn chết đi! Làm sao một người lại một mình đứng được ở chỗ cao như thế, bốn phía đều trống không, nghiêng một chút thì mất mạng liền. Nếu như ta đem các ông đặt lên

chỗ ấy các ông nhất định sợ chết, đâu còn biết được trong tương lai có đường đi hay không?

Các ông hãy nghĩ: Đúng không? Nhưng mà thí dụ ở trên không có đường đi thì phải dùng biện pháp nào để có thể đi được? Há chẳng phải là phép thí dụ không hợp chǎng? “Thí dụ” thì có nhiều lầm, nói nữa thì lại quá dài. Nhưng mà từ chỗ này cứ bước một bước thì té xuống ngay!

Theo ta nói không những phải bước cho té xuống, mà còn phải té cho chết nữa, cho đến cái xác tan nát thành bột, một mẩy lông cũng không còn mới đúng. Nếu không té cho chết thì cũng chẳng khác như chưa té! Như vậy thì cái công phu này của các ông còn chưa đúng! Tại sao vậy? Ấy là nửa chết mà chưa chết, chỉ thành một kẻ chết giả! Nếu như vậy lại thành quỷ giữ xác. Cho nên cần phải té cho thật nát! Từ chỗ này mới cho các ông được tuyệt hậu tái tô. Khi sống lại rồi thì khác hẳn, không phải như người trước nữa.

Ngày hôm qua ta nói về tâm, ý, thức cần phải quên đi, nhưng tâm, ý, thức quên rồi thì vẫn còn ở cái ổ của tâm, ý, thức, công phu đến chỗ này rồi thì phải lôi cái ổ này đập bể nó đi. Cái ổ là thức thứ bảy và thức thứ tám đó. Có thể bỏ rời thức thứ bảy và thức thứ tám ra thì công phu mới có thể đến chỗ sống lại này được. Nếu không thể lìa

bỏ cái ổ này, thành Phật cũng là cái ổ này, làm Tổ cũng là cái ổ này, Thiên đường, Địa ngục, cầm thú ... cũng từ cái ổ này ra, do vậy công phu nhất định phải đến chỗ này.

Ở một khi đã phá tan thì mới bật ra một tiếng “Ồ” (*Tả sự ngộ*). Đáy thùng rơi ra, chuyển mình triệt để, quay đầu chuyển óc, chết rồi sống lại đều là cái “Ồ” này.

Nhưng cái chỗ này không phải chỉ có nói như thế, người xưa đã từng có những lời nói ra làm bằng chứng vững chắc. Như thế nào vậy? Ấy là “Đầu sào trăm thước lại bước tới, thập phương thế giới hiện toàn thân”.

Đầu sào trăm thước, vách núi muôn trượng đều như nhau cả, như các ông leo đến ngọn sào cao mươi trượng cũng như đứng trên đầu ngọn núi đó vậy; Trên đầu ngọn núi này lại bước tới một bước nữa, giống như trên đầu sào trăm thước lại bước tới một bước nữa; Chết rồi sống lại cũng như thập phương thế giới hiện toàn thân thôi.

Hai câu nói này có thể chứng minh công phu chúng ta đến chỗ này rồi thì về đến nhà vậy. Nhìn trở lại thì có còn là con người trước không? Còn là cái tâm trước không? Các ông nghĩ xem: Có phải là con người trước không?

Đại khái người là người trước đi, nhưng tâm thì không vậy đâu. Người ta nói: “Ngộ cũng đồng như chưa ngộ”. Nếu nói người cũng như vậy, tâm cũng như vậy là phế bỏ nhân quả rồi! Trước khi chưa ngộ ăn ba chén cơm, ngộ rồi thì vẫn là ba chén cơm, cơm thì vẫn như vậy nhưng tâm trước với tâm sau khi ngộ rồi thì khác xa như trời với đất.

Từ nay về sau điều ta nói là hay lăm! È các ông lại tưởng rằng: “Có cái gì tốt đâu? Chẳng đả thất thì mới tốt! Còn như muốn chúng ta đả hai thất nữa thì làm người ta khổ chết đi thôi! Mà lại còn nói là tốt chứ!”.

Đúng đấy! Ta nói: Trở về sau năm là năm tốt, tháng là tháng tốt, ngày là ngày tốt, các ông còn có người biết không? Không kể các ông công phu hành đến chỗ này hay không đến chỗ này nhưng lời ta nói thì có giảng đến. Trở về sau nữa thì ta chẳng nói như vậy nữa mà lại nói khác đi. Người chưa ngộ trong số các ông, công phu chưa đến, nghe ta nói khác đi thì thấy có điểm không tương ứng, bởi vì trở về sau nữa ta sẽ không nói với loại người như các ông đâu, vậy thì làm gì có sự tương ứng được. Ta giảng với người ngộ, ta chiếu cố toàn người như vậy, cứ giảng đường đi cho các ông nghe mãi thì thành ra dẹp bỏ người đã ngộ rồi sao?

Đối với các ông bất cứ là ta giảng đến nơi nào,

mặc dù công phu các ông không dụng đến nhưng hôm nay ta giảng đến chỗ này thì các ông tất phải hành theo, thế nào cũng phải hành đến chỗ này mới được buông tay. Nếu không hành đến chỗ này, không được cho là cái lời giảng của ta nói và cái sự hành của các ông không giống nhau mà rồi buông bỏ đi, như thế không đúng đâu! Còn cần phải hướng về trước mà dụng công. Nếu không lại phụ cái phen công phu khổ tâm này của mình đi thôi. Các ông hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 10 tháng 12 (Thất tám ngày thứ năm)

“Trước khi chưa ngộ việc còn ít, sau khi đã ngộ việc lại nhiều thêm”. Hai câu này là câu nói trong Thiền Tông, muốn tìm nát ba Tạng, mười hai bộ Kinh cũng tìm không ra.

Lời nói trong Thiền Tông và Giáo Môn khác nhau chỗ nào? Giáo Môn thì không kể tâm hạnh các ông như thế nào mà chỉ cứ nói thẳng đi thôi. Lời nói trong Thiền Tông thì lại đem tâm của ông đi đến chỗ nào thì nói chỗ ấy, cái không giống nhau là ở chỗ này.

Các ông hãy để một câu thoại đầu mà tham cho u u nhã nhã, thanh thanh tịnh tịnh, không biết đến

có người có ta thì còn nói chi đến chuyện khác? Chỉ có câu thoại đầu chẳng có cái gì khác, như thế thì suốt ngày tự tự tại tại, tịch tịch tĩnh tĩnh.

Các ông nghĩ xem, có phải như vậy không? Đã ngộ rồi thì lại không như thế. Tại sao vậy? Các ông mở mắt ra nhìn một cái thì phải than lớn một tiếng, chẳng ngộ thì thôi, một khi ngộ rồi còn có nhiều chuyện như thế: Nhiều, nhiều lắm. Thí dụ như thế nào? Cũng như: Một cái nhà cũ mà chúng ta đã ở ba mươi năm trước, là một căn phòng nho nhỏ, bên trong có đồ đạc, hôm nay đã xa nhà ba mươi năm rồi chưa hề trở về một lần nào. Bỗng nhiên, hôm nay đến nhà cũ, một chân đạp cửa mở ra, nhìn vào một cái, thấy không được rồi: Khói bụi trên bàn, rêu xanh dưới đất dày cộm! Trong nồi chuột làm tổ, cút mèo, màng nhện v.v... trước bàn thờ Phật không biết là bao nhiêu! Nhìn thấy như thế có còn muốn nói là một căn phòng chǎng? Chỗ nào cũng không ở được, mặc kệ thì không được, cần từ từ quét dọn từng món một. Còn may mắn là hai con mắt đã mở ra, nếu không phải là mở mắt thì làm sao biết được nhiều việc không tốt như thế?

Đây là thí dụ, còn lãnh hội về cái pháp thì sao? Người chưa ngộ suốt ngày cứ ở trong sinh tử, phiền não, nghiệp chướng, vọng tưởng, chẳng có tri giác gì; Dù cho biết thì chỉ là nghe người ta nói hoặc thấy được trong Kinh điển, chứ chưa tự bước chân vào

chỗ thực tế; Thấy được từ bên ngoài, tuy thấy mà cũng như chưa thấy, cho nên khi họ dụng công thì chỉ có công phu thôi.

Hôm nay bỗng nhiên khai ngộ thì cũng như xa cǎn phòng trong ngôi nhà cũ đã ba mươi năm rồi, hôm nay mới có một bước mà về nhà vậy; Mở mắt ra nhìn một cái thì mới biết ra là còn có nhiều việc như thế! Mà đã có việc thì đương nhiên phải giải quyết từng việc một.

Cổ nhân đã có câu nói là để chứng minh cái công phu của chúng ta đến được nơi này, cổ nhân nói: “Khi chưa đến ngõ còn mặc ý, khi đến ngõ rồi việc càng nhiều”, ý nghĩa hai câu nói này thì giống như việc ta nói ngày hôm nay thôi. Đối với những lời ta giảng cùng các ông như thế thì thực không cần phải giảng, chẳng qua trong Thiền Tông những lời nói như thế đều là viên nhán, viên chủng cả, các ông tuy công phu chưa đến mà đem cái loại viên chủng này gieo xuống thì việc gặt hái trong tương lai sẽ vô cùng tốt đẹp.

Nhưng người trong số các ông nhiều như vậy thì làm sao lại không có người biết đường biết lối? Bắt gió, nắm bóng, những cái không thực mà biết được một tí, hiểu một tí thì cũng không phải là không có. Vậy thì nhốt gió lại được, nắm bóng lại được cũng kể là việc hiếm có.

Thí dụ như khi ta nói chuyện ở trong nhà, các ông tuy chưa vào nhưng nếu đứng ngay ở ngoài cổng cũng có thể nghe được vậy, giả sử có động một bước chân thì đương nhiên sẽ vào được nhà. Sợ các ông cách xa ba ngàn dặm, còn chưa đủ tư cách làm người đứng ở ngoài cổng, ngay cả đến loại này không đủ tư cách thì ông biết còn dụng được gì chăng?

Người đến được chỗ này thì có cái thọ dụng này rồi, ông đến được chỗ này rồi tuy có lăm việc như thế, còn không được cho là nhiều, ông đến được chỗ này rồi không những không sợ nhiều mà muốn càng nhiều càng tốt nữa. Nếu sợ nhiều việc thì lại trở thành một người vác bảng thôi! Đâu còn kể được là người mắt sáng?

Người mắt sáng là làm việc toàn thể là sự lý song dung. Người có sức lực xuất chúng nhất khi ngộ như thế thì sự lý không còn trụ, tâm cảnh cũng không còn trụ; Phật cũng không trụ; Tổ lại càng không trụ. Cổ nhân có câu nói: “Đi trên đầu Phật”, trên cái ngộ này mới là thần thông, tuy có thần thông nhưng cũng chưa phải là toàn thông, hãy xem các ông căn nào bồi đắp được nhiều thì thông cái căn đó trước.

Nói sơ lược thì có ba loại cửa ải là Sơ Quan, Trùng Quan và Mạt Hậu Lao Quan:

(1) Giai đoạn phá Sơ Quan: Cũng gọi là phá Bản

tham túc là kiến tánh. Chưa kiến tánh là mắt mù, nay kiến tánh gọi là người mắt sáng. Đến cửa này lý thì ngộ rồi, sự thì chưa liễu. Sự túc là tập khí.

(2) Giai đoạn phá Trùng Quan: Tập khí túc là cáu bẩn. Ví như một thùng phẩn lâu ngày, mucus từng gáo đổ ra ngoài hết rồi rửa sạch cái thùng nhưng hôi thúi vẫn còn, nên phải cạo cho sạch, cạo sạch rồi vẫn còn hôi thúi vì hôi thúi thấm sâu vào gỗ thùng lâu ngày rồi. Nên phải bỏ luôn cả cái thùng. Tất cả phẩn và hôi thúi đều là bệnh của tâm, bệnh tâm cạo sạch rồi còn phải bỏ luôn cái tâm (*Vọng tâm*) mới được gọi là liễu sự.

Vậy khi tâm sạch rồi, sự liễu rồi, lý cũng thông, sự cũng dung nên nói: “Sự lý song dung, tâm cảnh vô ngại”. Đây túc là phá Trùng Quan.

(3) Giai đoạn phá Mạt Hậu Lao Quan: Phật, Tổ chẳng trụ, Niết Bàn chẳng trụ, không còn gì để trụ nữa, đến đây thì: “Trên đâu có mắt, sau não đập chùy”, tác dụng của bộ não sạch hết, dụng của tự tánh hiện tiền, gọi là phá Mạt Hậu Lao Quan túc là cửa ải kiên cố cuối cùng. Đây là sự giải thích đúng đắn về tam quan của Tổ Hoàng Long trong Thiền Tông vậy.

Nếu thật là người có mắt sáng thì đương nhiên việc càng nhiều càng tốt. Tại sao vậy? Vì cái chỗ của

người mắt sáng thấy, người khác không thấy được cho nên mới gọi là mắt sáng. Vậy thì, mắt sáng thì mũi có thể sáng được không? Tai cũng có thể sáng được không? Sáng thì tất cả đều sáng mới đúng! Lỗ tai cũng có thể thấy được vật, mắt cũng biết được thơm thối. Năng sở hổ dung (*Dung thông với nhau*), sự là lý, lý là sự, dụng là thể, thể là dụng, dụng cũng lại là tâm, tâm lại cũng là sự. Cầm hương bảng vào tay là tâm, tâm là hương bảng, tiểu tiện là tâm, tâm cũng là tiểu tiện.

Các ông nghĩ xem: Có được cái hổ dung này thì còn sợ việc nhiều gì nữa? Nhưng hôm nay các ông là người dụng công phu chưa đến được chỗ này thì cần phải nhận chân tham cứu. Nói chung cần phải dụng công cho đến sau khi đại ngộ rồi thì mới kể là mục đích của các ông. Nếu chưa đến chỗ đó thì không thể buông bỏ công phu đi được.

Hiện tại các ông đứng ở nơi đây, ta hỏi các ông: “Đứng ở chỗ nào?”. Các ông nhất định sẽ đáp: “Đứng ở trên gạch”. Dợi các ông đến lúc đó rồi ta lại hỏi các ông: “Đứng ở chỗ nào?”. Các ông nhất định sẽ đáp: “Chẳng phải đứng ở trên gạch”. Không đứng ở trên gạch thì đứng ở chỗ nào? Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 11 tháng 12 (Thất tám ngày thứ sáu)

“Ngộ lý nhất thời, liễu sự xa xôi”, ngộ lý thì trong sát na có thể ngộ được, ngộ rồi thì thời gian liễu sự rất dài, không phải là một ngày, hai ngày mà liễu được.

Nhưng ba cái cửa ải của chỗ ngộ trong Thiên tông từ thời Đường, Tống trở về trước không có chuyện tam quan gì cả, đến thời Tống mới có Thiền Sư Hoàng Long lập ra cửa ải Tam quan; Thiên Tông thật có ba cửa ải này: Thứ nhất là Sơ Quan, thứ nhì là Trùng Quan, thứ ba là Lao Quan.

Danh từ (*Tên*) của ba cửa ải này tuy trên phương tiện dụng công thì có trước sau, nhưng không phải là có thứ công phu nào đặc biệt dùng để phá Sơ Quan, phá Sơ Quan rồi cũng chẳng phải có thứ công phu đặc biệt nào dùng để phá Trùng Quan, cũng chẳng phải phá Trùng Quan rồi lại có một thứ công phu đặc biệt nào để phá Lao Quan sau chót được, tất cả đều không phải như vậy.

Cần biết là quan thì có ba lớp, sâu cạn chẳng đồng, mà công phu thì chỉ có một câu thoại đầu, sâu cạn là do lực lượng của câu thoại đầu lớn hay nhỏ. Tỷ như bắn tên, người lực lượng nhỏ bắn phát tên qua được một mặt trống, người lực lượng mạnh hơn

chút ít, một phát tên bắn qua hai mặt trống, người có lực lượng đặc biệt, lực lượng siêu quần xuất chúng thì một phát tên bắn qua được ba mặt trống, tức là lý lẽ này.

Phật Thích Ca lực lượng to lớn nhất, một phát tên bắn qua được chín mặt trống. Ba cái mặt trống này cũng giống như ba cái quan ải, dụng công thì tựa như bắn tên vậy.

Đối với cái công phu Tam Quan này của Thiền Tông thì cách thức dụng công như thế nào? Cửa ải làm sao phá? Phá đến cửa nào thì có cảnh giới gì? Tất cần phải nói rõ ràng cho các ông nghe. Nhưng thân tâm ta thật tiếc cho các ông trong thời kỳ đả thất chẳng có người nào công phu được chút tiến bộ sâu xa nào, chẳng từng có được người nào công phu khai được tiểu ngộ, đó là điều ta thật tiếc vô cùng!

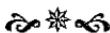
Ví như nếu trên công phu giống như trên song cửa sổ có một lớp giấy, như mặt trời chiếu qua giấy, tuy cách một lớp giấy nhưng ánh sáng còn có thể chiếu tới được, có được một người như thế thì cũng tốt. Tuy tiếc lắm nhưng ta không thể không vì các ông mà giảng đến.

Các ông chỉ cần tham một câu thoại đâu đến khi công phu cùng cực – cái hôm trước ta đã nói qua, cái “Chết rồi sống lại” đó – người tương đối có lực lượng

hẽ ngộ là phá được Bản Tham. Nhưng cái ngộ cho là kiến tánh; Sinh tử thì cũng cho họ biết sinh từ đâu đến, chết đi về đâu. Tuy tánh thì kiến rồi nhưng câu bẩn thì chưa trừ, sinh tử thì cho các ông biết nhưng sự thì chưa liễu.

Người có lực lượng lớn một chút thì từ cái ngộ này tánh cũng kiến rồi, tâm cũng minh rồi, lý cũng liễu rồi, sự cũng liễu rồi, tâm cảnh đều quên, cứ theo thế mà lần lượt phá ba cửa ải.

Chúng ta người hành giả tham thiền thứ nhất cần phải có chánh tri kiến, sinh lòng tin chân chánh, một câu thoại đâu lấy ngộ làm kỳ hạn. Các ông hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 12 tháng 12 (Thất tám ngày thứ bảy)

Người chưa khai ngộ cử tâm động niệm đều là vọng tưởng, khai ngộ rồi cử tâm động niệm đều là chân như. Người phá Bản Tham rồi đương nhiên là rõ ràng thôi; Muốn vì những người các ông công phu chưa đến mà phân biệt rõ rệt một chút, nếu không thì sợ các ông đều lẩn lộn: Chúng tôi khi chưa ngộ, cứ vọng tưởng động là một tướng, nỗi vọng tưởng Nam Kinh thì tướng Nam Kinh hiện ra ngay, lại nỗi

vọng tưởng Thượng Hải thì tướng Nam Kinh diệt liền và rồi thì tướng Thượng Hải theo đó mà hiện ra. Theo đấy suy ra, tướng này sinh tướng kia diệt, tướng này diệt tướng kia sinh, cái kia sinh cái này diệt không bao giờ tạm dừng, ấy là vọng tưởng.

Nếu các ông trong lúc vọng tưởng không dùng mà đê lên câu thoại đâu, khi đã đê lên, nghi tình hiện tiền thì tất cả vọng tưởng tự nhiên bị quét sạch. Vì nghi tình vốn vô tướng và tâm của con người chỉ có một cái cho nên hễ khởi lên cái vô tướng của nghi tình thì cái hữu tướng của vọng tưởng liền tiêu diệt.

Dụng công dần dần sẽ đến cái vô tướng thuần nhất, cái công phu thuần nhất này sẽ tự phá Bản Tham. Phá Bản Tham rồi tức là vô tướng thuần nhất vậy, sẽ không còn có tí hình bóng vọng tưởng nào cả. Phá Bản Tham rồi muốn tìm chút vọng tưởng cũng không có!

Công phu đến bước này thì cử tâm động niệm đều ở trên cái công phu vô tướng này, ăn cơm cũng không rời, mặc áo cũng không bớt một chút, dù cho có nhiều việc khác nữa thì công phu này cũng không bớt giảm; Ở nơi này mà lập nên một danh từ gọi là “Chân Nhu”.

Hai chữ Chân Nhu là đối với vọng tưởng mà nói, vì rời vọng tưởng rồi mới nói đến Chân Nhu; Không

đặt cái danh từ này thì làm sao nói? Tuy miễn cưỡng gọi nó là Chân Như, bẩn lai diện mục của Chân Như đâu phải như vậy? Cứu cánh ra sao? Muốn các ông phải tự mình dụng công phu đến chỗ này thì tự mình sẽ biết được; Cứ nghe lời ta nói thôi là vô dụng, không những vô dụng, mà dù cho ta nói ra, các ông cũng không tin nữa. Tại sao vậy?

Trước kia có một học giả muốn ta đem Chân Như ra giảng cho ông ta nghe, ta nói: “Giảng cho ông nghe, ông có tin chăng?” ông ta nói: “Tôi tin”. “Ông đã tin rồi ta nói cho ông nghe: Trên đầu Chân Như có bốn sừng, trước hai sau hai, có hai cái đuôi, một cái trên mông, một cái trên bụng, ông tin chăng?”. Ông ta nói: “Không đúng, đâu có lý như thế? Chân Như đâu lại có sừng, có đuôi? Dù cho có sừng thì đâu đến bốn cái, phía trước có mà phía sau lại có nữa? Ở mông có đuôi mà trước bụng lại có nữa. Há có lý này sao? Tôi không tin”. Ta nói: “Tôi đã nói trước là ông không tin rồi!”.

Ta nói: “Cái này là Chân Như thiệt; Cái Chân Như này ông không tin thì ta nói một cái giả cho ông nghe: Chân Như dựng khắp tam tế, ngang khắp muời phương, ở chư Phật không tăng, ở chúng sinh không giảm, vô tịnh, vô nhiễm”. Ông ta nghe rồi nói: “Cái này đại khái là đúng, bảo tôi tin thì còn được!”.

Các ông nghĩ xem: Ta nói “Chân thật” ông ta không tin, ta nói giả ông ta tin. Hôm nay ta giảng cho các ông nghe, các ông có người nào tin chăng? Các ông không tin rồi! Chung quy phá Bản Tham rồi là không còn vọng tưởng. Không có vọng tưởng tức là không có tất cả niệm sinh diệt, niệm có sinh diệt thì có tướng, có tướng thì Diêm Vương có thể bắt được, bắt biến thành trâu thành ngựa thì cũng nghe theo lệnh của ông ta thôi.

Chúng ta không có vọng tưởng thì không có tướng, vậy thì Diêm Vương bắt cái gì? Cho nên người phá Bản Tham thì nhất định dứt sinh tử, người phá Trùng Quan nhất định không có mộng tưởng, ngủ nghỉ thì vẫn là ngủ nghỉ, chiêm bao thì không có.

Tưởng có người nói: “Người khai ngộ của Thiền Tông còn có hôn trầm”. Kỳ thực họ chẳng biết Thiền Tông cần phải đạt đến một mức nào đó thì mới không có hôn trầm.

Vậy cần phải biết người phá Trùng Quan không có mộng tưởng thì còn có cái gì? Phải biết mộng tưởng từ đâu mà ra? Dù cho các ông mộng như thế nào thì cũng không ra khỏi sự tưởng thế gian.

Người phá Trùng Quan thì lý sự đều liễu, tâm cảnh song dung thì chỗ nào còn thế gian sự? Cho nên người phá Trùng Quan quyết định không có mộng tưởng, có tướng để Diêm Vương thấy được là

có sinh tử. Có Chân Như thì Diêm Vương không thấy được, mặc dù Diêm Vương thấy không được nhưng Phật Thích Ca thấy được. Phật Thích Ca còn thấy thì có Niết Bàn; Liễu sinh tử còn phải liễu được Niết Bàn.

Người phá Lao Quan sau chót thì hôn vọng đều trù, mộng tưởng diệt sạch; Đến được chỗ này rồi người ấy không còn hôn trầm, họ đến chỗ này thì sinh tử không còn, Niết Bàn cũng không trụ. Nói Nhất Chân Pháp Giới thì ngay cái Nhất Chân Pháp Giới cũng phải vượt qua.

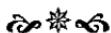
Lại nữa, phá Bản Tham là kiến Pháp Thân, phá Trùng Quan là chứng Pháp Thân. Tại sao nói kiến? Tại sao nói chứng vậy? Thí dụ như thiền đường: Người kiến Pháp Thân thí dụ như đứng ở cửa thiền đường; Việc trong thiền đường đều thấy được rõ ràng cả nhưng chưa bước vào. Chứng Pháp Thân là bước vào thiền đường. Thấu Pháp Thân là đi thẳng vào khám Duy Ma Cật mà ngồi. Cho nên nói phá Bản Tham kiến Pháp thân, phá Trùng Quan chứng Pháp Thân, phá Lao quan thấu Pháp Thân.

Tất cả pháp môn khác công phu cùng tột chỉ có thể đến chỗ chứng Pháp Thân thôi, duy có Thiền Tông, cần phải tiến thêm một bước thấu qua Pháp Thân thì mới đúng việc của Thiền Tông.

Những lời nói của ta đối với các ông lúc này dù

chẳng có ý nghĩa gì cả, bất quá ta giảng như thế các ông dùng tai nghe qua nhưng cũng có thể nói là: “Một khi đã vào tai thì vĩnh viễn là hạt giống Đạo”. Có được cái hạt giống này thì tương lai nhất định sẽ nảy mầm, nảy mầm thì sẽ có kết quả.

Phật dạy: “Nhân nào quả nấy”. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 15 tháng 12 (Thất chín ngày thứ ba)

“Ta thấy người khác chết, lòng ta nóng như lửa, không phải nóng người khác, nóng thấy sẽ đến phiên ta!”. Đây là lời nói người xưa.

Hôm nay Sư Đô Giám trong chùa bệnh chưa đầy một ngày mà chết làm mọi người rất thương tiếc! Ông ấy đã làm việc trong chùa mười mấy năm, trước mắt ta không hề sai phạm tí gì. Người khác tuy cũng có được hành trì như thế nhưng cũng có khi không đúng pháp; Duy có ông ấy mới được kể là hoàn toàn!

Ở đây người ta gán cho ta cái biệt hiệu là: “Đối với Thanh Chúng như Bồ Tát, đối với chức sự như La sát”. Hai câu này ta cũng thừa nhận là không sai. Nhưng cái khố tâm của ta sợ mọi người khó biết được!

Thật sự cái lập trường của ta đối với thanh

chúng và chức sự trong chùa chẳng phải là ý riêng của ta mà là cách đối xử của người xưa. Tỷ như một cái thùng nước bị cháy, chõ hở thật to thì đương nhiên không đựng nước được lại chẳng bao lâu rồi sẽ vỡ luôn. Ta hỏi các ông: Có cách nào làm cho thùng nước khỏi vỡ chăng? Mà còn đựng nước được? Các ông nghĩ xem có cách nào không? Nếu không vượt qua hoặc bằng với cách đối xử của ta thì không được nói cách của ta là không phải.

Cách của ta là: “Nêm vòng cho chặt lại”. Cách của các ông có hơn được cách nêm vòng cho chặt lại của ta không? Đừng nói là bọc ván vỏ thùng, bọc đáy thùng hay lấy bùn trét lại phỏng có được không? Có hơn cách nêm vòng cho chặt lại của ta không? Nếu thùng lại cháy nữa thì nêm vòng thêm một lần thì tự nhiên sẽ thành một cái thùng tốt lại còn đựng nước được!

Phải biết là: Búa đập lên đục, đục đập lên vòng nêm thì đương nhiên vòng bị thiệt thòi, nhưng thùng thì được thành tựu hoàn hảo. Đây là lý lẽ nhất định: Ta ác, ta độc thì cứ mặc kệ cho ta ác ta độc đi! Nếu mà các ông ác thì không được đâu! Tại sao vậy? Cái ác của các ông không phải như cái ác của ta. Các ông là tạo ác nhân, hoặc phá giới, hoặc phá nhà chùa; Cái ác nhân các ông tạo ra về sau phải đọa địa ngục. Cái ác của ta là không cho các

ông tạo ác nhân, tương lai sẽ không thọ lấy ác quả địa ngục, cho nên hãy cầu cho ta ác, ta ác là việc tốt, các ông ác là việc không tốt.

Tại sao hôm nay ta lại nói cái chõ tốt của Sư Đô Giám này? Vì sư ấy đã làm việc với ta hơn mươi năm, việc cần thiết gì của nhà chùa Sư không hề có tí lầm lỗi nào: Vẽ một cái vòng bảo Sư đứng vào trong, Sư cũng chẳng sai phạm lấy một tí một ly nào, việc thu tô đất ruộng của nhà chùa không được tốt hẽ Sư cứ đi là xong, cho có xa nữa thì cũng lo xong tốt đẹp như thế.

Ta có ngầm điều tra Sư thấy Sư chẳng có tí thói xấu nào: Sư không hề hút thuốc, đánh bạc. Có nhiều người rời nhà chùa cứ cho là trong nhà không biết, thuốc cũng hút, bài cũng đánh, như thế thì lúc xuống địa ngục có hối thì cũng đã muộn rồi!

Cứ cho là ta không biết, thế còn lẽ nào ta lại không biết chẳng? Dù ta không biết được đi thì cái nhân quả còn trốn tránh được không? Cho nên vị Sư Đô Giám này ta phải ca tụng là một người tốt. Người tốt là người làm trọn vẹn lúc bình thường. Muốn ta gọi các ông là người tốt thì không dễ đâu!

Hôm nay Sư bệnh được nửa ngày thì chết, trong lòng ta rất thương tiếc! Loại người này, ta hôm nay tán thán, người đã vì các ông làm việc, ta hy vọng

đời sau sẽ còn cộng tác với ta mới tốt! Nhưng thọ mệnh vô thường! Các Sư phải biết là người nào phận nầy. Các ông hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 16 tháng 12 (Thất chín ngày thứ tư)

Trong chúng ta thật rất nhiều người chẳng biết xuất gia vì việc gì, cần phải làm việc gì. Phải hiểu được là: Việc của chúng ta thì nhiều lăm, một là phải Bố thí; Hai: Phải Trì giới; Ba: Phải Nhẫn nhục; Bốn: Phải Tinh tấn; Năm: Phải Thiền định; Sáu: Phải Trí tuệ. Lại còn từ, bi, hỷ, xả v.v... (*Giảng ý nghĩa Lục độ, lược bỏ*).



KHAI THỊ

Ngày 17 tháng 12 (Thất chín ngày thứ năm)

“Tâm thường chiểu soi đao lý, niệm niêm đều khế hợp chân thường”. Người ngộ rồi thì tất cả động tác đều hợp lý. Người chưa ngộ nhất định làm không đến được, bởi vì họ chưa ngộ tức là tâm địa chưa minh, lý đương nhiên không có thể đạt đến được hoàn toàn. Người chưa ngộ cho mình là mình, lấy người là người. Người ngộ rồi thì không thế, lấy

mình làm người, lấy người thiên hạ làm mình, vì thế không giống nhau.

Các ông hãy nghĩ xem: Lấy ta làm ta thì đương nhiên trước hết chỗ nào cũng nghĩ đến ta, mặc áo ăn cơm trước hết phải có ta; Dương nhiên cũng muốn có được mặc áo tốt ăn uống được ngon; Cái gì trước hết cũng phải có ta rồi sau mới đến người.

Người ngộ rồi không như vậy, họ tương phản triệt để, mặc áo thì trước hết muốn người mặc, ông không có quần thì họ có thể không lo cho họ mà cởi của họ cho ông mặc; Không có áo họ cũng cởi cho ông; Ăn thì cũng muốn trước người ăn cho no còn mình thì đói, chẳng gấp gáp tí nào.

Vì sao vậy? Vì họ ngộ rồi tâm của họ không giống tâm ông, tâm của họ là tâm Bồ Tát, người chưa ngộ là tâm phàm phu. Cho nên kẻ phàm phu, người Bồ Tát, trên trời dưới đất sai khác nhau ấy là do ngộ với chưa ngộ.

Nhưng Bồ Tát và phàm phu không giống nhau chỗ nào? Ta nói một thí dụ thì các ông sẽ dễ hiểu. Thí dụ như người nấu cơm là Bồ Tát, người đun bếp là phàm phu; Bồ Tát và phàm phu cùng lo chung một việc, cùng ở một liều, chỗ hành của họ đương nhiên không giống nhau, phàm phu thì muốn sướng một chút, làm việc thì muốn làm bớt đi một ít, chỗ nào thì cũng muốn chiếm lấy tiện nghi, họ chẳng

cần để ý đến người khác có động phiền não hay không, động niệm hay không động niệm, tổn phúc hay không tổn phúc họ chẳng hỏi đến. Bồ Tát không như thế, việc chịu khổ thì tự mình đi làm, nhường cho người phần tiện nghi, ông sung sướng thì họ mới có khổ để chịu, rất sợ người khác động niệm, động phiền não, thà để tự mình tổn phúc.

Cũng như người nấu cơm đến lúc nấu muốn người đun bếp nhóm lửa, khi ấy người đun bếp lại đi nói chuyện với người khác, người nấu cơm tính muốn tự mình nhóm lửa thì không kịp mà không dám kêu người đun bếp về, chẳng thà chấp tay lạy người khác nhóm hộ chứ không chịu để người đun bếp bị động niệm, sợ người ấy không vui. Người đun bếp về thấy đã có người nhóm lửa hộ rồi mà không nói cảm ơn, người nấu cơm còn phải an ủi người đun bếp, nói những lời dễ nghe cho người ấy vui.

Các ông nghĩ xem: Bồ Tát làm như thế đó, không giống như kẻ phàm phu đâu! Hiện nay chúng ta đều là phàm phu, chưa có vị nào là Bồ tát, muốn học làm Bồ Tát cũng có thể học cái hạnh của người nấu cơm này.

Năm Tuyên Thống thứ 2 (1910), chúng tôi ba người đều là người bị thỉnh làm Ban Thủ nhưng không làm, mà phát tâm làm việc khổ trong bếp để đền ơn nhà chùa, cho nên xin làm chức Hành Đơn

(*Lo việc bếp núc*). Tôi là Tây đơn ba (*Lo cơm nước*), hai vị kia là Tây đơn nhất (*Lo thức ăn*) và Tây đơn nhì (*Lo việc củi lửa*).

Chúng tôi khi mới phát tâm làm khổ hạnh, ba người có hẹn với nhau rằng: “Chúng ta đều là người không nhận chức Ban Thủ, nay làm trong nhà bếp không nên để xảy ra sự rầy rà than vãn gì. Đừng nói đến việc phải sang Khách đường (*Tư pháp của nhà chùa*) để cho người ta xử, nói một câu lớn tiếng để Khách đường biết đã là không phải rồi”. Hai người kia đều tán thành.

Vào kỳ truyền giới, năm trước có ba người nấu cơm, năm ấy thì chỉ có một mình ta. Năm trước ở đại liêu (*Nhà bếp lớn*) có bốn cái lu lớn để đựng cơm thừa cháo thừa, đến ta thì chẳng còn cái lu nào. Một hôm Tăng lén đến hai trăm người, đều là những người đến thọ giới Tỳ kheo. Một hôm nọ, thúng của ta không đủ dùng bèn đi đến người làm rau mượn, anh ta không chịu, ta mượn đi mượn lại đến ba lần mà anh ta cũng không cho. Vừa khi anh ta có việc đi ra ngoài ta nhân lúc cần phải nấu cơm, bất đắc dĩ mới lấy thúng của anh ta vo gạo, còn chưa vo được thì anh ta trở lại nắm vạt áo của ta giật mà nói: “Chúng ta xuống Khách đường đi!” Ta không chịu đi, anh ta cứ lôi mà ta không nhúc nhích, ta hướng về anh ta rập

đầu nói: “Đồng tham! Đồng tham! Đừng xuống Khách đường. Chúng ta khi mới ra khỏi thiền đường đã có hẹn là không bao giờ xuống khách đường để người ta cười chúng ta”. Lại rập đầu thêm ba cái nữa anh ta mới thả ta ra.

Một ngày sau anh ta đắp y mang tọa cụ đến liêu phòng ta cầu sám hối. Các ông nghĩ xem: Muốn thành Bồ Tát Đạo có phải là hành cái hạnh nhẫn nhục chăng? Các ông hãy phát tâm! Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 18 tháng 12 (Thất chín ngày thứ sáu)

Người chưa ngộ so với người đã đại ngộ thì tiền đồ khác nhau. Nay nói sơ qua cho các ông nghe, nếu không thì mơ hồ không dễ gì phân biệt.

Người chưa ngộ thì mắt chưa mở, như người mù vậy. Các ông thử nghĩ: Người mù có tốt gì đâu? Một chân đạp cứt chó lấy tay mò lấy còn cho là đồ tốt hay đồ ăn ngon. Trái lại đem một chén cơm lại cho anh ta, anh ta lại sợ các ông trêu chọc, nghi ngờ trong cơm có đồ ăn không sạch. Đưa anh ta vào nhà tiêu anh ta lại cho là rất tốt, ngồi cũng tiện, đứng lên đưa tay ra thì đều có chỗ tựa, đại tiểu tiện đều tiện lợi, thật là tốt. Đưa anh ta lên chánh điện anh ta lại nói: “Không đúng!”. Bốn bề không chỗ dựa

không biết là nơi nào cả. Lại còn cho đó là chỗ đồng trống chẳng có chỗ để nương tựa vào. “Không tốt! Không tốt! Hãy tìm cho tôi một chỗ tốt để thân đi!”.

Các ông nghĩ xem có đáng tiếc không? Có khổ não không? Đem đồ ngon cho anh ta ăn lại sợ là không sạch, để ở chỗ tốt anh ta lại chê là đồng trống. Vì sao? Vì là người mù không biết được tốt xấu; Ấy là điều khổ não thứ nhất của người chưa khai ngộ.

Lại nữa, đến không biết từ đâu đến, đi không biết đi về đâu, việc này cho nó là không quan trọng, không nói đến nó. Nhưng hiện tiền cái sắc thân này hôm nay chẳng biết việc ngày mai, muốn lo việc yên ổn trong tương lai thì không làm được. Xác thân này sẽ đến nơi nào cũng không làm chủ được. Sau khi chết lại mịt mù không biết chỗ về.

Các ông thử nghĩ: Chết rồi đi về đâu, các ông còn biết chẳng? Lên thiên đường cũng không biết, xuống địa ngục cũng chẳng hay, biến trâu biến ngựa cho đến biến cái gì cũng không biết, đó là cái khổ não thứ nhì của người chưa khai ngộ.

Nói sơ hai loại này, nói thêm nhiều thì không đủ thì giờ. Các ông nghĩ xem: Hai cái khổ não này cũng đủ cho các ông chịu khổ rồi! Nếu không tự ngộ thì ai sẽ giúp mình mở mắt ra đây!

Không khai ngộ thì giống như kẻ mù sau trước

đều chẳng có chõ đi. Người đã khai ngộ thì khác, lúc ngộ mới biết: “Trước kia ta là người mù mà chẳng biết mình là người mù, hôm nay mới hiểu ra được. Ta đã biết rồi, mắt mở ra nhìn mọi người đều là người mù tối thì ôi quá đáng sợ!”

Các ông nghĩ xem: Người ấy một khi đã mở mắt rồi thì đâu còn chịu ở trong cầu tiêu nữa? Cút trâu phân chó đâu còn không biết sao? Đến lúc này thì về có đường, đi có chân chẳng phải như lúc mịt mù không biết chõ về. Nay thấy chúng sanh vẫn còn là kẻ mù trong biển khổ, bản thân mình đã từng như thế cho nên mới phát đại tâm cứu độ cho họ. Đến lúc này mới biết thương tiếc và quý cái sắc thân này.

Đối với các ông nay đang dụng công phu mà chưa ngộ thì cho cái thân này là đồ gì? Là “Đồ hôi thúi! Đau thì cứ cho nó đau, đói no lạnh ấm không có gì quan trọng, hư hoại thì cho nó hư hoại, cùng lăm là đổi một cái thân khác cũng được. Muốn ta buông bỏ công phu để săn sóc cái thân này thì không thể được!”.

Vậy mà tại sao ở trên nói đến lúc ngộ còn muốn thương tiếc thân thể, quý trọng thân thể? Vì muốn thân thể này vun trồng cái hạnh vạn đức trang nghiêm của chúng ta, cần phải thực hành cái lục độ vạn hạnh của chúng ta. Vì chúng sanh khổ, ông

muốn cứu họ, ông không hành cái hạnh Bồ Tát thì làm sao cứu được họ? Không kết duyên với họ thì họ đâu tin ông hành đạo Bồ Tát?

Kết duyên với chúng sinh có dễ được không? Tỷ như: Người đã ngộ rồi hành đạo Bồ Tát, đi đến một nơi kia thấy một người nữ bèn nói: "Chị Hai, chị niệm Phật không?". Người nữ ấy quay đầu trở lại nhìn và nói: "Cái ông thầy chùa xấu này, ai là chị hai của ông? Ông còn gọi tôi nữa tôi sẽ cho ông một trận!".

Người hành đạo Bồ Tát nói: "Tốt! Mời chị đánh cho, mà xin đánh cho mạnh một tí, đánh mỏi tay thì xin nghỉ mệt rồi hãy đánh nữa!" Bị cô ta đánh cho một trận rồi mừng rỡ mà đi, lại đến một nơi khác hành đạo Bồ Tát.

Tóm lại suốt ngày bị ba người đánh, năm người mắng đó là việc tốt, là có lời. Giả sử suốt ngày không ai đánh, không ai mắng là không tốt rồi, là lỗ vốn rồi! Hành đạo Bồ Tát phải như thế, nếu không như thế làm sao kết duyên với chúng sanh? Nếu không có duyên với chúng sanh, thì muốn độ họ cũng độ không được?

Điều này chẳng phải ta đặt ra, lúc Đức Phật còn tại thế, chúng sanh vô duyên Ngài cũng chẳng độ được nữa huống là Bồ Tát? Lúc Phật còn tại thế có chúng sanh ở quốc độ nọ, Phật ở

Nhân địa lâu nay chưa kết duyên với họ, Phật ở trên trời, họ ở dưới đất, Phật xuống đất họ lại xuống nước, chung qui chẳng có lúc nào họ gặp được Phật. Phật ra đời độ chúng sanh cũng chẳng độ được họ, Phật đi đến quốc độ của họ, họ cũng chẳng chịu biết đến Phật.

Nhưng mà Tôn Giả Ca Diếp trong kiếp xưa lúc làm tiểu phu thì họ làm ong. Tôn Giả đã từng đứng trước ổ ong niệm Phật một tiếng nên với họ có chút duyên ấy, cho nên Phật bảo Tôn Giả Ca Diếp đi độ họ. Bấy giờ họ mới được thọ pháp. Mọi người các ông hãy nghĩ: Kết duyên với chúng sanh có phải là việc rất cần chẳng? Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 20 tháng 12 (Thất mươi ngày đầu)

Chánh pháp của Phật rất khó gặp. Chúng ta là chúng sanh khổ não, nay có thiện căn được thọ làm thân người, lại phát chút đạo tâm tin tưởng đạo pháp, chăm lo tu đạo, như thế ắt phải có sự vun tròng bồi đắp từ nhiều kiếp rồi, nếu không thì quyết không thể nào đến được nơi này.

Nhưng thiện căn tuy có mà cảm không được chánh pháp, lại nhầm lẫn nhận lấy những pháp

ngoại đạo, ta thấy khổ lăm! Thật chẳng bằng một người không tu tâm.

Tại sao vậy? Người không tu tâm hiện tại tuy không tu, tương lai một khi gặp cơ duyên cảm thọ chánh pháp, lại có thể phát tâm tu hành thì nhanh chóng có thể chứng quả.

Một số ngoại đạo kia tuy cũng có dụng công, cái dụng của họ là tinh, khí, thần; Tu là tu tiên đạo như: Địa hành tiên, Phi hành tiên, Không hành tiên, Thiên hành tiên, Tuyệt hành tiên v.v... có mười loại tiên.

Trong đó có hai thứ Cửu công đạo, Tiên thiền đạo là có thể gần với Thiên đạo, cảm quả tuy được Thiên đạo nhưng họ cầu thọ chứ không cầu lạc; Ấy là ở trời mà bỏ trời, không giống tám thứ tiên kia. Cho đến khi tu thành rồi, nơi ở là trong động Thất Kim Sơn, là vùng núi non không người đến; Thọ được mười vạn năm.

Tại sao lại ở nơi này vậy? Bởi vì, cái tu được họ không cho mọi người biết, sợ ở chung một chỗ với người, truyền đạo thì cứ một thầy một trò, không có người thứ ba, ấy là sáu tai không truyền đạo, họ dụng công chỉ là một mình họ mà không cùng tu với người khác, vì vậy cho nên tu thành công rồi mà vẫn là người sống một mình trong Thất Kim Sơn.

Hai thứ đạo này tại sao lại tu thành công gần với

trời vậy? Khi họ tu nhân thì có tâm lợi người, có tâm làm công đức nhưng chỉ cầu được trường thọ mà dứt dục, vì vậy khi tu thành công so với cõi trời dục giới cùng thọ mà không cùng vui.

Kết quả của họ trong Thất Kim Sơn trên trời lục dục, thọ mệnh nếu hết vẫn phải đọa lạc và cũng có thể xuống Địa ngục. Tại sao vậy? Vì họ chỉ tin đạo họ tốt mà không tin đạo khác. Bảo họ tin Tam Bảo, họ không những không tin, mà lại còn muốn hủy báng vì nếu họ không báng Tam Bảo thì họ không đứng vững được, cho nên họ gieo cái nhân hủy báng này tương lai nhất định chịu lấy quả báo.

Những người như thế kiếp xưa không gieo nhân tốt, kiếp này không gặp chánh pháp lại lầm nhận đủ thứ tà kiến thì tương lai sẽ cảm quả không tốt. Ta thật thương tiếc cho họ đến chảy nước mắt. Tu tâm như thế không bằng chẳng tu.

Quý thầy hôm nay ở đây tham Tối Thuợng Thùa Thiền, tu chánh pháp của thập phương chư Phật, hành tâm hạnh của thập phương chư Phật. Chẳng cầu khai ngộ cứ hành như thế này, cái chánh hạnh chánh nhân này rất quý, dùng miệng ta tán thán cũng không hết được! (*Tiếp theo là giảng một công án về giáo hóa ngoại đạo đã có ghi trong Tự Hành Lục của Ngài nên lược bỏ*).



KHAI THỊ

Ngày 21 tháng 12 (Thất mươi ngày thứ nhì)

Thất đã dả được chín kỳ rồi. Việc này trong Thiền Tông nói ra rất khó, lại không có tướng để thấy được, không hình để biểu lộ được; Việc thế gian thì có tướng để thấy có hình để khảo sát thì tự nhiên dễ làm.

Nhưng nói việc thế gian dễ cũng chẳng phải dễ, các ông xem: Người học làm thợ mộc phải học ba năm, năm năm mới thành. Lại học thành rồi có khi còn không ai mướn. Lại nữa học làm thợ mộc nhất định phải cầm búa không được cầm kéo, học thợ may thì nhất định phải cầm kéo không được cầm búa. Lại học thợ may cũng phải học đến ba năm, nếu không thì học không tốt, ấy cũng là việc khó vậy!

Các ông xem việc của Thiền Tông mới thực là dễ dàng! Thấy là Thiền, không thấy cũng là Thiền, nắm được là Thiền, không nắm được cũng là Thiền, chân bước tới là Thiền, bước lui cũng là Thiền. Bất cứ dụng công hay chẳng dụng công đều là Thiền, thiện niệm ác niệm đều không rời Thiền.

Như nói ăn cơm mặc áo là việc rất dễ, nhưng tham thiền so với ăn cơm mặc áo còn dễ hơn nhiều. Hễ cứ tiếp xúc tiếp xúc chỗ nào thì chỗ đó là Thiền!

Chỉ trong khoảng một khẩy móng tay là đã dư thời gian để ngộ rồi! Từ nghi đến ngộ không cách đến bề dày của một tờ giấy thì làm sao nói xa?

Các ông nghĩ xem: Cái việc dễ như vậy mà các ông ngược lại xem nó là việc khó. Việc này chỉ cần các ông ngay đó thừa đương là được!

Cũng như cầm búa cũng có thể làm thợ may, cầm kéo cũng có thể làm thợ mộc được, thế thì dễ biết bao! Giản tiện biết bao! Nhưng các ông trái lại cứ cho nó là việc khó quá sức, rồi lại lấy việc khó của thế gian mà cho là việc dễ.

Thường thường có người cống cao chẳng chịu thực hành việc của họ, cứ cho người nào cũng chẳng bằng mình, ta so với người đều giỏi hơn, loại người như thế không thể được xem là người trong Thiền Tông đâu! Nếu muốn là người chân thật trong Thiền Tông thì họ tuyệt không được lấy việc đánh chuông bảng cho hay, đánh hương bảng cho giỏi mà cho là người trong Thiền Tông đâu! Như thế là làm sai lạc rồi! Thế lấy gì làm việc trong Thiền Tông?

Đối với người căn cơ trung đẳng mà nói thì trước tiên phải từ chối không biết dụng câu thoại đầu mà nói, thí dụ như: Câu thoại đầu không biết dụng thì cách dụng như thế nào? Đến khi biết dụng rồi thì cách dụng như thế nào? Dụng quen rồi thì cách dụng như thế nào? Cho đến công phu đắc lực, bắt

đầu chuyển vào giai đoạn thâm sâu thì cách dụng như thế nào? Tóm lại tất cả các giai đoạn dụng công kể trên đều phải minh bạch rõ ràng.

Đối với người căn cơ thượng đẳng thì từ địa vị phàm phu phải làm việc gì, đến địa vị bậc Thánh phải làm việc gì, chưa ngộ phải làm việc gì, ngộ rồi phải làm việc gì, cũng đều phải thật rõ ràng thì mới kể là người trong Thiền Tông được.

Thuở trước lúc ta làm Thanh chúng thấy có nhiều người “Làm đầu bỏ đuôi”, nói chuyện với nhau phê bình: Ban Thủ này quy củ không thuộc, Ban thủ kia giảng khai thị không hay, lại còn dây dưa lè mề, Duy Na là người sơ tham, khinh khi người ta đủ thứ, họ tự cho mình là hơn hẳn người khác. Đến khi nhà chùa mời họ nhận chức sự thì họ làm rối bời lộn xộn, suốt ngày làm người ta phải phì cười. Ta thấy nhiều lắm! Các loại người này có còn được xem là nhân tài của Thiền Tông không? Đại khái các ông cũng còn khá nhiều người có cái tâm lý này.

Loại người này ta xin hỏi: Các ông khinh rẻ người ta, các ông còn biết hai chữ “Cánh Sách” của hương bảng lớn như thế nào chăng? Cái bình trà phải cầm như thế nào chăng? Các ông còn biết chăng?

Những việc này mặc dù chăng phải chánh hạnh của Thiền Tông cũng là pháp trợ đạo của Thiền

Tông. Tại sao vậy? Đánh hương bảng được hay, người bị đánh ngay đó liền khai ngộ. Cái cách cầm bình trà người ta nhìn thấy cũng được ngộ. Mắt thấy, tai nghe, thân xúc chạm đều là nhân duyên ngộ đạo. Xưa kia Linh Vân thấy hoa đào nở mà ngộ đạo, Hương Nghiêm nghe tiếng trúc mà ngộ đạo. Những phép tắc lớn nhỏ trong Thiên Tông còn có thể điểm nào qua quýt chăng?

Ngày trước khi ta ở chùa Thiên Đồng làm Duy Na, trong thiền đường có một hai người “Làm đầu bǒ đuôi”, sớm đã nghe họ nói: “Ở thiền đường có gì hay đâu? Làm Ban Thủ giảng không hay, quy củ Duy Na lại không thuộc, thực là làm hỏng việc của người ta! Vậy những phép tắc này có cần phải học nữa không? Chỉ là việc không đáng kể!”

Ta biết họ có lòng dạ này. Ta hỏi họ: “Còn thích ở thiền đường không?”. Họ nói: “Tôi thích ở”. Ta nói: “Quy củ ông còn giữ được không?”. Họ nói: “Giữ được!”. Ta nói: “Tốt lắm!”.

Hôm ấy lúc đánh hương bảng vào giờ ngọ để khai tịnh uống trà, chén trà đưa đến tay họ, họ nhìn qua hai bên, ta bèn đánh cho một trận hương bảng mà chẳng nói một lời với họ. Ấm trà đến rồi họ cũng không biết làm sao nhận trà, ta lại đập thêm một trận hương bảng nữa; Uống trà thì gục đầu xuống uống, ta lại cho thêm một trận hương bảng;

Uống xong một tuần trà đánh được năm, sáu chục hương bảng. Ta quay đầu lại hỏi:

- Ông còn thích ăn thêm hương bảng nữa không?

Họ vô cùng hổ thẹn nói: Xin Ban Thủ từ bi cho, nhờ trận hương bảng này của thầy tôi mới thấy được chỗ thâm sâu của thiền đường, tôi mới thấy được về lúc trước là không đúng; Từ nay về sau phép tắc lớn nhỏ gì tôi cũng phải thành thật mà học lấy”.

Các ông nghĩ: Loại người này có đáng thương hay không? Họ đã chịu lấy một phen thống khổ này của ta thì mới biết được chỗ đáng quý của thiền đường, mới từ bỏ cái bụng trống rỗng mà kiêu căng ấy của họ đi: Quả là một kẻ đại khổ não! Vì sao họ như thế? Phải biết là: Người mới phát tâm ở thiền đường nếu không bỏ cái “Ngã kiến” đi thì đều có tâm này; Cũng không có gì lạ họ cả, hoàn toàn không phải chỉ có người đó mới là như vậy, tôi xưa kia mới vào thiền đường cũng thấy nhiều người như thế.

Ta thọ giới rồi vào ở thiền đường tự mình cứ cho là ở thiền đường nhất định phải liễu sinh thoát tử mới ra khỏi cổng thiền đường. Không ngờ tới chốn thiền đường thấy người ta chỗ này cũng sai, chỗ kia cũng sai, ngồi hương buồn ngủ, khai tịch rồi hoặc là nghỉ hoặc là như học trò gấp lúc thầy đi vắng, không ba hoa thì cũng lên mặt làm thầy, hôm nay thấy như thế ngày mai cũng thấy như thế, ngày thứ

ba lại chẳng thích thấy nữa, không muốn thấy lại, bấy giờ trong tâm phiền toái thật là khó chịu.

Cách làm người này của ta không giống cách làm người của người khác. Lúc ở ngoài đời thấy người ta còn nhiều điều không tốt nên ta mới xuất gia; Sau đến Phổ Đà Sơn thấy một số người xuất gia mặc quần áo trắng, vớ trắng, dù Tây, ta lại thấy không tốt bèn đến Phạn Âm Động xả thân (*Tự tử*), ở trên đời ta thấy không tốt nên ta mới không ở đời, ta là loại người như thế.

Đến chốn thiền đường lại thấy những điều không tốt như vậy mới tự mình nghĩ lại: “Ta vì sao mà xuất gia? Có phải vì xem lỗi của người ta mà xuất gia hay là kiếm ăn không được mà xuất gia?”. Tự mình hỏi mình, rồi tự mình nói: “Tất cả đều không phải, vì đạo mà xuất gia”.

Ta lại tự mình khảo cứu: “Đã vì đạo mà xuất gia thì phải lo việc đạo! Tại sao lại đi nhìn lỗi của người khác?”. Tự hỏi như thế mới tự mình trách cứ mình, cái này không đúng, cái kia không đúng, tự mình làm quấy làm chướng ngại chính mình.

Cho nên người mới phát tâm đều có cái không đúng này: Mặc dù là có nhưng cần phải tự mình giác ngộ, nếu không giác ngộ thì suốt đời không thể làm người được.

Nếu quả các ông cố giữ lấy cái “Ngã kiến” mà không bỏ đi, ta nói các ông không phải là nhân

tài của Thiền Tông mà là kẻ “Làm đầu bở đuôi”, sơ nhất định chẳng sai đâu. Mọi người hãy phát tâm. Tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 22 tháng 12 (Thất mươi ngày thứ ba)

Chúng ta đều là người đã thọ qua ba đại giới (*Gồm Sa Di giới, Tỳ Kheo giới, Bồ Tát giới*) thì phải gánh vác trách nhiệm đối với sự nghiệp của Bồ Tát mới đúng. Bồ tát thì hành việc gì? Bồ Tát lấy lục độ vạn hạnh làm sự nghiệp của mình. Hạnh Bồ Tát có lục độ gồm: Bố Thí; Trì Giới; Nhẫn Nhục; Tình Tấn; Thiền Định; Trí Tuệ.

Bố thí độ là độ cái tham vì thân, khẩu, ý đều tham. Tỷ như: Thấy một cái áo của người quá đẹp, trong lòng muốn có cái áo ấy là ý tham; Miệng nói: “Anh bán cho tôi cái áo của anh đi!” đấy là khẩu tham; Lấy tay sờ một cái, ấy là thân tham; Cái loại thân, khẩu, ý tham này không có bố thí độ thì không độ được.

Tại sao vậy? Khi thấy cái tốt của người ta, người hành hạnh bố thí không những không nài hỏi ý người ta mà tự mình xem có cái gì tốt, hoặc áo hay quần, mà có người muốn thì họ còn mang đến bố thí

nữa, họ có tâm bối thí nên cái thân, khẩu, ý tham lúc đó tiêu diệt ngay, bối thí có cái công hiệu như vậy.

Nhưng tham và yêu không giống nhau. Tại sao không giống? Yêu vì tham không được nên thành yêu, cái yêu ở trong lòng như keo như sơn, bối thí không thể trừ được, không có giới thì không có cái gì trừ được nó.

Nói đến chữ giới này thì lại càng tiếc cho người đời nay! Chỉ biết tham lam lấy một lúc sung sướng, mà không biết phải chịu khổ bao nhiêu Đại kiếp. Phải hiểu được: Chúng ta không thể phạm Thánh giới. Tất cả Sát; Đạo; Dâm; Vọng đều là Thánh giới.

Tại sao gọi là Thánh giới? Phải biết thân thể của ta là Phật thể. Tại sao vậy? Phật dạy: “Hết thảy Địa, Thủy, Hỏa, Phong là thân của ta”. Hết thảy Địa, Thủy, Hỏa, Phong đã là Phật thể thì cái thân thể này của ta cũng do Địa, Thủy, Hỏa, Phong mà thành, nên cũng là Phật thể vậy. Giới của Phật chế ra chính là giới của ta. Cho nên gọi đó là Thánh giới vậy. Thí dụ như phạm Dâm giới là phải dùng thân phạm, thân ta là thân Phật, ta phạm giới là phạm Phật giới.

Các ông nên biết: Cái Thánh giới này một khi đã phạm rồi thì quả báo của nó thật đáng sợ! Không phải nói đe dọa các ông, phạm giới Sát; Đạo; Dâm; Vọng thì ít nhất cũng một Đại kiếp ở địa ngục A tỳ,

nặng một tí thì ba Đại kiếp. Các ông nghĩ xem: Thời gian phạm giới không quá nửa khắc mà thọ quả báo cả ba Đại kiếp, vậy là có ít không?

Tỷ như phạm giới Sát, một dao thôi thì có bao lâu đâu? Ăn trộm đồ của người ta thường không quá đến một tiếng đồng hồ? Phạm giới Dâm thì có sung sướng được bao lâu đâu? Giới Vọng thì một câu nói có được bao nhiêu thì giờ? Mà chiêu lấy quả báo từ một Đại kiếp, cho đến ba Đại kiếp ở địa ngục A tỳ; Một ngày một đêm ở ngục này bằng tám vạn Đại kiếp ở cõi trời Phi Phi Tưởng, một ngày một đêm ở cõi trời Phi Phi Tưởng bằng tám vạn kiếp ở cõi nhân gian, tính như thế thì có đáng sợ chăng?

Như phạm giới một tiếng đồng hồ mà chịu tội một tiếng đồng hồ thì còn được, nhưng sung sướng một tiếng đồng hồ mà chịu quả báo lâu dài như thế, người có chút tri thức nghe ta nói thế rồi còn có người chảy nước mắt không? Ta thật thương hại các ông! Chảy nước mắt vì các ông! Vì các ông chỉ biết sung sướng mà không biết tương lai phải chịu quả báo đau khổ, đáng thương cũng là ở chỗ ấy.

Giới tại sao có thể độ được cái khổ của bao Đại kiếp này? Tỷ như có một người nữ trước mặt ông, tâm ông động rồi thì nhanh chóng phạm thôi; Nhưng ở chính giữa hai người lại lấy một miếng ván ngăn cách ra thì có muốn phạm cũng chẳng được.

Miếng ván này cũng giống như giới vậy, cho nên trì giới được thì có thể tách rời mọi tội lỗi và lúc ấy tội lỗi liền tiêu diệt. Cho nên dù cái yêu đắm đuối nhất, đừng sợ như keo như sơn, có giới rồi thì có thể độ nó được.

Cho nên các ông có thể trì giới thì chẳng phạm giới và rồi chẳng phải chịu lấy cái quả khổ. Lại còn có nhẫn nhục độ sự sân hận, tinh tiến độ biếng nhác, thiền định độ tán loạn, trí tuệ độ ngu si. Lực độ này là hạnh nên làm của Bồ tát. Các ông là người đã thụ đại giới Bồ tát rồi tuy không hoàn toàn là Bồ tát thì cũng nên học làm Bồ tát. Đây là điều rất cần thiết!

Nếu các ông phát tâm thực hành thì phải tham thiền, hễ công phu thành khôi túc là trì hết tất cả Thánh giới vậy. Trong giới luật gọi là Thiền giới. Hãy tham đi!



KHAI THỊ

Ngày 23 tháng 12 (Thất mươi ngày thứ tư)

(Giảng công án Phật Thích Ca xuống biển lấy ngọc Như ý. Lược bớt).



KHAI THỊ

Ngày 24 tháng 12 (Thất mươi ngày thứ năm)

(Giảng công án tự mình phát nguyện, đã ghi trong Tự Hành Lục. Lược bỏ).



KHAI THỊ

Ngày 25 tháng 12 (Thất mươi ngày thứ sáu)

(Giảng những truyện tích ở chốn Tùng lâm và Kỳ Viên. Lược bỎ).



KHAI THỊ

Ngày 26 tháng 12 (Thất mươi ngày thứ bảy)

(Giảng nguồn gốc chánh pháp, Tổ 24 Tây Trúc gấp nạn, Sơ Tổ, Nhị Tổ và Lục Tổ Đông Độ gấp nạn. Lược bỎ).



KHAI THỊ

Ngày 27 tháng 12

KHẢO CÔNG PHU VÀ GIẢI THẤT

Sư cầm roi trúc nói:

Mười thất đã xong,
Triệt ngộ chuẩn đích,

**Nhốt lại thả đi,
Tuyệt gốc tuyệt tích.**

Thứ hỏi: Trong kỳ thất còn có người nào chiêm bao chǎng? Nếu không, ấy là kẻ chết, nếu có, ấy là người tục, mọi người kiểm điểm xem!” (*Đọc giả chớ nên đuổi theo lời nói, cần phải tự ngộ mới được*).

Một lúc sau Sư hét lên rằng: “Đại sự chưa minh tâm đã nhác! Lúc nào tụ lại thuyết vô sinh? Nếu được chǎng bị thường tình chuyển, uyên nguyên biến đạo càng thấy sâu. Nếu mà không ngộ, thì hãy thương điện (*Tụng niệm hai khóa sớm chiều*), quá đường đi!” (*Ý nói là cứ tiếp tục làm việc sống thường ngày đi!*) GIẢI THẤT!

HẾT

MỤC LỤC

▪ <i>Lời Dịch Giả</i>	05
▪ <i>Lời Luận Tổng Quát</i>	07
CỘI NGUỒN TRUYỀN THỬA	17
Chương I	
CỘI NGUỒN TRUYỀN THỬA	19
Chương II	
YẾU CHỈ THIỀN TÔNG	55
Chương III	
THỈNH ÍCH (HỎI ĐẠO)	129
PHỤ LỤC	
▪ Nguyệt Khê Pháp Sư Cao Ngọa Xứ Bi Văn	153
▪ Tiểu Truyện của Nguyệt Khê Pháp Sư	162
THIỀN THẤT KHAI THỊ LỤC	173
▪ Tiểu Sử Thiền Sư Lai Quả	175

CỘI NGUỒN TRUYỀN THỪA THIÊN THẤT KHAI THỊ LỰC

Tác giả: NGUYỆT KHÊ – LAI QUẢ *Thiên Sư*

Dịch giả: THÍCH DUY LỰC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 04.37822845 - Fax: 04.37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập
NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: Đỗ Thị Quỳnh

Sửa bản in: HT. Minh Hiền

Trình bày: Lê Trường Thịnh

Bìa, hình ảnh: Lê Trường Thịnh

In số lượng 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm

Tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HÓA PHÍA NAM**

Số 9-11 Đường CN1, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, Tp.HCM - ĐT: (08) 38.164.415

Số Đăng ký KHXB: 1801-2014/CXB/12-276/TG

QĐXB: 617/QĐ-TG ngày 04/09/2014 Số ISBN: 978-604-61-1577-9

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2014